VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

hai mươi năm văn học việt nam hải ngoại

tác giả & tác phẩm

lê thị huệ • bùi bích hà

hồ đình nghiêm • võ đình

văn học trong kim dung

trần văn tích

trong sương mù

đặng mai lan

buổi đi thăm bất đắc dĩ

nguyễn hiền

truyện

thom jones • thạch hãn • ngụ thuyết • song thao

thơ

trần hồng châu • hoàng xuân sơn

cao xuân tú • hoàng lộc • đặng hiền

ghi chép

nguyễn huy thạch

SỐ 110 • THÁNG 6 NĂM 1995

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Biên Tập: Nguyễn Mộng Giác
Nguyễn Xuân Hoàng
Mai Kim Ngọc
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper, Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: 45-831-912

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 771-1770

❖

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về
Văn Học
PO Box 1359
Garden Grove, CA 92642-1359
USA
Phone: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN–0885–128X

Văn Học

Số 110, Tháng 6, 1995

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
TRẦN VĂN TÍCH	3	văn học trong kim dung
TRẦN HỒNG CHÂU	19	*lên non xuống biển*
TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG	20	lan man từ một quyển sử hiện đại

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC VIỆT NAM HẢI NGOẠI
TÁC GIẢ & TÁC PHẨM

LÊ THỊ HUỆ	27	*trả lời phỏng vấn*
LÊ THỊ HUỆ	29	trong khi sáng tạo những nhân mạng
HOÀNG XUÂN SƠN	53	*trần sơn*
BÙI BÍCH HÀ	54	*trả lời phỏng vấn*
BÙI BÍCH HÀ	55	chỗ về
ĐẶNG HIỀN	58	*bài hai mươi*
HỒ ĐÌNH NGHIÊM	59	*trả lời phỏng vấn*
HỒ ĐÌNH NGHIÊM	60	nhiệt đới
CAO XUÂN TÚ	68	*hành hương*
VÕ ĐÌNH	69	*tiểu sử và tác phẩm*
VÕ ĐÌNH	71	bách hương

SÁNG TÁC

HOÀNG LỘC	78	*đôi đường ân oán*
ĐẶNG MAI LAN	79	trong sương mù
NGUYỄN HIỀN	86	buổi đi thăm bất đắc dĩ
THOM JONES	89	rửa tay gác kiếm
THẠCH HÃN dịch		
NGỤ THUYẾT	107	quê hương
SONG THAO	115	gang tấc còn xa
ĐẶNG HIỀN	128	*mùa xuân và vòng tròn*
NGUYỄN HUY THẠCH	129	ghi chép
VĂN HỌC	143	giữa người đọc và người viết
VĂN HỌC	149	tòa soạn và bạn đọc

© Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1994-1995

© Copyright by authors and Văn Học. All rights reserved, 1994-1995

Thư Tòa soạn

Tiếp tục giới thiệu tác giả và tác phẩm của Dòng Văn học Việt Nam Hải ngoại, Văn Học số này xin gửi tới bạn đọc chân dung của Lê thị Huệ, Bùi Bích Hà, Hồ Đình Nghiêm và Võ Đình. Như đã thưa với bạn đọc trong số trước, Văn Học chỉ làm vai trò trung gian để các tác giả gặp trực tiếp bạn đọc. Chính các tác giả cung cấp tiểu sử và thành tích sáng tạo, chính các tác giả tự chọn truyện hay thơ mà theo nhận định chủ quan của họ, những văn phẩm ấy tiêu biểu cho văn nghiệp của mình. Cách lựa chọn chủ quan có thể không chính xác theo lối nhìn phân tích hay tổng hợp của nhà phê bình, nhưng Văn Học tin rằng sau khi hoàn tất việc giới thiệu các tác giả và tác phẩm tiêu biểu, Văn Học cung cấp được cho các nhà nghiên cứu và bạn đọc những văn liệu cập nhật, để từ đó khởi đầu những công trình nghiên cứu công phu khác.

Phần tiểu luận trên số này có đóng góp của hai nhà nghiên cứu quen biết của bạn đọc Văn Học: Trần văn Tích và Tạ Chí Đại Trường. Trần văn Tích đã dùng kiến thức uyên bác về triết lý và y lý Đông phương của ông để bàn về một tác giả rất nhiều bạn đọc say mê: Kim Dung. Tạ Chí Đại Trường vẫn quan tâm đến những vấn đề sử học, và dưới hình thức một bài điểm sách ngắn, ông đặt lại một vấn đề thật căn bản: là đã đến lúc phải nhìn lịch sử Việt Nam như là một toàn-thể. Đã qua rồi, cái thời người ta nhân danh một ý thức hệ để một nửa này phủ nhận sự hiện diện của nửa kia.

Phần sáng tác trên số này có những truyện ngắn đặc sắc của Ngự Thuyết, Song Thao, Nguyễn Hiền, Đặng Mai Lan và một truyện ngắn của Thom Jones do Thạch Hãn dịch. Bạn đọc đã quen biết và yêu mến Ngự Thuyết và Song Thao qua những truyện ngắn đăng trên Văn Học các số trước. Duy chỉ có Nguyễn Hiền và Đặng Mai Lan lần đầu tiên đóng góp bài vở cho Văn Học. Điều đó khiến Ban Chủ biên Văn Học tin rằng những cải tiến về hình thức lẫn nội dung Văn Học thực hiện gần đây đã có kết quả tốt; càng ngày càng có thêm nhiều văn hữu tin cậy Văn Học nên gửi về những sáng tác tâm đắc nhất của mình, nhờ thế nội dung Văn Học càng ngày càng phong phú và số bạn đọc gia tăng.

Văn Học

Văn học trong Kim Dung (*)

Trần Văn Tích

Gửi Trần Xuân Dũng,
nhớ những tối không đèn Bù Gia Mập

Tiểu thuyết kiếm hiệp Kim Dung chỉ thỉnh thoảng nhắc đến một số vấn đề văn học hay văn học sử Trung hoa.

Khi *Hiệp khách hành* sắp chấm dứt, người đọc có dịp làm quen với một nhân vật nữ là Mai Văn Hinh. Đó là một mỹ nhân, nhưng đối với người Việt chúng ta thì mỹ nhân lại không mang mỹ danh. Tuy nhiên người Trung hoa nhìn vấn đề theo cách khác. Chữ *hinh* nghĩa là hương thơm tỏa mạnh và xa, như nói *hinh hương đảo chúc* nghĩa là đốt hương cầu khấn. Chữ *văn* hàm nghĩa văn chương. Như thế, *Văn Hinh* có thể dịch sang tiếng Anh là *literary perfume*, một tên người rất hoa lệ. Chính vì vậy mà bà Huyện Thanh quan của chúng ta cũng mang khuê danh *Hinh*, Nguyễn Thị Hinh. Lối dùng chữ *thị* làm tên đệm để chỉ phụ nữ là một hình thức gọi tên đặc biệt Việt nam, khác với cách dùng chữ *thị* để chỉ họ như người Tàu thường dùng, ví dụ Quách thị, Vương thị là người họ Quách, người họ Vương. Lối dùng chữ *văn* làm chữ lót trong danh tính để chỉ nam giới cũng không được bên kia rặng Ngũ lĩnh thiện dụng, cho nên tuy là vợ và mẹ mà nhân vật Kim Dung vẫn mang chữ *văn* trong tên gọi.

Có những danh tính khác được Kim Dung nhắc đến lại là những văn hào lỗi lạc, tên họ xuất hiện sáng chói trong các bộ văn học sử. Tỷ như Cố Viêm Vũ trong *Lộc đỉnh ký*. Cố Viêm Vũ (1613–1682) tự Đình Lâm, là một cây bút cổ văn nổi tiếng thời Thanh sơ—lúc Vi Tiểu Bảo có lẽ chưa chào đời—và từng chỉ đạo biên soạn bộ *Minh sử* đồ sộ, ba trăm ba mươi sáu quyển, thai nghén trong sáu mươi năm; một bộ lương sử Trung văn sử liệu phong phú, văn bút phong tao. Trong ba mươi hai quyển

Nhật tri lục, Cố Viêm Vũ trình bày suy tư của mình về cung cách lĩnh hội các tư liệu kinh điển, về những vấn đề thời sự đương thời, về mỹ học mỹ thuật, về tự do ngôn luận, về chế độ thi cử v.v.. Bộ *Thiên hạ quận quốc lợi bệnh thư*, một trăm hai mươi quyển, là một tác phẩm địa lý học lịch sử, trong đó có quyển số 118 nói về nước ta. Bộ chính sử triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, ở nhiều đoạn đã tham khảo tài liệu này để tra cứu đường hành quân của thủy binh Mã Viện sang Giao Châu, để xác định danh tính đảo Java thuộc Nam Dương ngày nay, để theo dõi lưu vực con sông Kim sa nước Miến Điện v.v.. *Phương Đình Dư địa chí* của Nguyễn Văn Siêu chép nguyên phần *An nam cương vị bị lục* của *Thiên hạ quận quốc lợi bệnh thư* thành một chương sách. Đọc câu văn *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi *"Khôi huyện chi chúng vô nhất lữ"* (nơi Khôi huyện quân không còn đủ một lữ) mà muốn biết địa danh diên cách liên hệ qua các triều vua nhà Minh thì cũng chỉ có tài liệu tham khảo của Cố Viêm Vũ là cung cấp đầy đủ thông tin chi tiết.

Ở hồi thứ 160 truyện *Lộc đỉnh ký*, một trong những người từng kể cho Trần Cận Nam, Tổng đà chúa Thiên địa hội—Thiên địa hội là một chi phái của Bạch liên giáo—nghe về hành động của Thiết Cái Ngô Lục Kỳ, Hồng kỳ Hương chủ thuộc tổ chức Thiên địa hội, là Hoàng Tông Hy (ấn bản Nhà Đại Nam ghi là Huỳnh Tôn Hy). Cùng với Tra Y Hoàng, Lữ Lưu Lương, Cố Viêm Vũ v.v... họ Hoàng đã thuyết phục nhiều nhân vật võ lâm giang hồ gia nhập các hội đoàn phản Thanh phục Minh.

Hoàng Tông Hy (1610–1695) tự Lê Châu, người Dư diêu thuộc Triết giang—Trần Cận Nam đã gặp Hoàng Tông Hy ở Gia Hưng, cũng thuộc tỉnh Triết Giang—là đồng hương và môn đệ của Vương Dương Minh, nhà triết học nổi tiếng đời Minh. Họ Hoàng vừa là một triết gia, vừa là một văn sĩ, vừa nhà một nhà sử học, lại còn tinh thông thiên văn toán số. Về tâm học, Hoàng Lê Châu khuyên phải nuôi *khí* để giữ *lý*, muốn vậy phải *thận độc*, tức là đừng để những ý tưởng xấu xa phát động trong tâm. Chống đối chế độ Mãn Thanh, họ Hoàng không chịu nhận quan chức, viện lẽ tuổi cao lại còn phải phụng dưỡng mẹ già. Dẫu vậy, cùng với Cố Viêm Vũ, Hoàng Tông Hy đã chủ trì biên soạn bộ *Minh sử*. Trong *Mạnh tử sư thuyết*, bốn quyển, Lê Châu khai triển lập luận của Lưu Tông Chu về học thuyết Mạnh Tử. Bộ *Minh văn hải*, bốn trăm tám mươi hai quyển, là một tuyển tập thơ văn đời Minh. Bộ *Minh nho học án*, sáu mươi hai quyển, phân tích và phê phán nho gia đời Minh, là một tư liệu giá trị để tìm hiểu tinh thần học thuật đương thời. Cùng một nội dung trước tác còn có bộ *Tống nguyên học án*, một trăm quyển. Lập trường chính trị của Hoàng Tông Hy—lý do khiến Kim Dung nhắc đến họ Hoàng trong *Lộc đỉnh ký*—được ký thác rõ rệt trong *Minh gi dãi phóng lục*, hai quyển. Một

phần nào việc này cũng do hoàn cảnh: bên cạnh nợ nước, ông còn có thù nhà. Thân phụ ông bị Hán gian vu hãm và là một nạn nhân *văn tự ngục*. Muốn diệt Thanh nhưng ông thất bại nên đành nhẫn nhục ở ẩn, dạy học và viết sách. Lòng yêu quê hương bị ngoại nhân thống trị khiến Hoàng Tông Hy nhận thức rằng hai kẻ thù chính của đất nước là giai tầng quan lại nắm quyền người Mãn và hệ thống viên chức ký sinh trùng. Họ Hoàng cực lực đề cao hiến pháp, đả kích mạnh mẽ quan hệ địa chủ–nông dân; những tư tưởng nầy sẽ tạo ảnh hưởng không nhỏ lên đường lối duy tân cải cách cuối đời Thanh.

Vua Khang Hy đã kể với Vi Tiểu Bảo về lai lịch hai người nước ngoài, một người là Thang Nhược Vọng, gốc gác *"Nhật Nhĩ man,"* người kia là Nam Hoài Nhân, quê quán ở *"Tỷ lợi thì."* Cả hai đều nói tiếng kinh rất lưu loát khiến Vi tổng quản chầu hầu Hoàng thượng phải sửng sốt và nghĩ rằng Thượng đế đã phái hai con quỉ Tây dương biết nói tiếng Trung quốc đến phù tá Thánh thiên tử của gã. Thật ra đây là hai trong số người Âu châu đi đầu trong việc truyền bá vào Trung hoa hai lĩnh vực khoa học quan trọng: phép chế tạo súng lớn và phép chế lịch.

Thang Nhược Vọng—theo từ điển *Từ hải* thì tên tiếng Đức là Johann Adam Schall von Bell (1591–1666)—tinh thông môn lịch toán, niên hiệu Thiên khải (1621–1627) đến Trung quốc truyền giáo. là tác giả các sách *Lịch pháp tây truyền*, *Tân pháp biểu dị*. Tên tự Hán văn của von Bell là Đạo Vị. Tiểu Huyền Tử đã cho Tiểu Quế Tử hay là năm Thuận Trị thứ mười (1653), Thang Nhược Vọng biên soạn tập *Đại Thanh thời hiến lịch* chỉ tính có hai trăm năm nên bị trọng thần Ngao Bái hồ đồ đem bỏ ngục, về sau được vua Khang Hy hạ chỉ buông tha.

Nam Hoài Nhân—*Từ hải* ghi tên theo mẫu tự La tinh là Ferdinand Verbiest (1623–1688)—là giáo sĩ Gia tô người Bỉ, đến Bắc Kinh biên soạn các sách *Tân chế linh đài nghi tượng chí*, mười sáu quyển, và *Khang hy vĩnh niên lịch pháp*, ba mươi quyển. Ông có tự là Đôn Bá.

Những tư liệu vừa kể truyền bá sang Việt Nam, Lê Quý Đôn cũng từng đọc. Trong *Vân đài loại ngữ*, chương *Khu vũ loại*, nhà bác học của chúng ta gọi Thang Nhược Vọng và Nam Hoài Nhân là người Âu la ba; quê hương họ ở cách Trung Hoa mười vạn dặm, vượt biển phải chín năm mới đến nơi (!); họ được các đại quan người Tàu kính trọng, gọi là *Tây nho, Tây thổ thánh nhân*. Chỉ riêng hai thầy trò Tiểu Huyền Tử–Tiểu Quế Tử lại gọi họ là hai tên *dương quỉ*.

Đặc điểm của văn học thời Minh Thanh là sự suy tàn của thi từ tản văn truyền thống và sự phát triển mạnh mẽ của hí khúc và tiểu thuyết, những thể loại mới mẻ đáp ứng đòi hỏi cảm thụ của quần chúng.

Hí khúc Minh Thanh thuộc vào loại ca vũ kịch dân tộc, thường được

gọi là *truyền kỳ*, khác với *truyền kỳ* đời Đường thuộc thể loại tiểu thuyết. Nó bắt nguồn từ Nam hí đời Tống và hát theo điệu nhạc phương Nam. *Truyền kỳ* Minh Thanh để lại nhiều tác phẩm mà ba tác phẩm nổi tiếng nhất là *Mẫu đơn đình* của Thang Hiến Tổ (1550–1617), *Trường sinh điện* của Hồng Thăng (1645–1704) và *Đào hoa phiến* của Khổng Thượng Nhiệm (1648–1718). Trên sóng nước Liễu Giang ở Giang nam và giữa cơn phong ba bão táp, sau khi tao ngộ cùng Vi Tiểu Bảo, Mã Siêu Hưng, Hồ Dật Chi v.v.., Ngô Lục Kỳ đã cất cao giọng hát khúc *Trầm giang*, một bài ca rút từ *Đào hoa phiến* mô tả sự hy sinh tuẫn quốc của một anh hùng. Chi tiết văn học nầy chỉ có Tổng đà chúa Trần Cận Nam, vốn học vấn uyên thâm, là biết tận tường. *"Bài Đào hoa phiến mô tả Sử Các Bộ tận trung kháng dịch rồi chết chìm dưới lòng sông"*, Ngô Lục Kỳ đã nói như vậy với Trần Vĩnh Hoa. Lấy câu chuyện tình duyên bi hoan ly hợp giữa nhà văn cuối Minh là Hầu Phương Vực và kỹ nữ Lý Hương Quân làm đầu mối, tác phẩm tường thuật các biến động lịch sử Minh mạt dẫn đến sự sụp đổ của vương triều người Hán cuối cùng. Tác giả muốn qua *Đào hoa phiến* lý giải nguyên nhân mất nước của nhà Minh và lên án gian thần nịnh đảng. Nhân vật lịch sử Sử Các Bộ mà Ngô Lục Kỳ đề cập tên thực là Sử Khả Pháp, một vị tướng quân anh hùng chống lại quân Thanh. Nhưng vì các lực lượng vũ trang nhà Minh không đồng lòng cự giặc mà lại quay sang sát phạt lẫn nhau nên Sử Khả Pháp lâm vào vị thế tuyệt vọng đành phải nhảy xuống sông tự tử. Khổng Thượng Nhiệm hoàn thành biên soạn *Đào hoa phiến* năm 1699. Tác phẩm được hậu thế đánh giá rất cao, kể cả người nước ngoài. Giới văn học Pháp dịch là *L'éventail aux fleurs de pêcher*.

Truyền kỳ tiểu thuyết đời Đường được tuyển chọn đưa vào Kim Dung là *Cầu nhiêm khách* của Đỗ Quang Đình. Câu chuyện kể lại việc Lý Tịnh lúc chưa gặp thời đã đến yết kiến quan Tư không Dương Tố và gặp một gia kỹ, Hồng phất nữ. Nàng này chỉ liếc mắt là *anh hùng đoán giữa trần ai* nên tư bôn theo Lý Tịnh cùng về Thái nguyên. Trên đường đi, họ gặp một người khách râu quăn (*Cầu nhiêm khách*). Cầu Nhiêm Khách vốn có chí lớn và mang tài sản ra giúp Lý Tịnh phò tá Lý Thế Dân lập nên nghiệp cả, lên ngôi hoàng đế tức Đường Thái Tông. Đời sau cải danh *Cầu nhiêm khách* thành *Phong trần tam hiệp* vì truyện tả ba người: chí sĩ, anh hùng, mỹ nhân. Thuộc nằm lòng lý lịch pho sách này nên ở Mạn đà sơn trang, đàm luận cùng Vương phu nhân, Đoàn Dự đã gọi một loại hoa sơn trà là Phong trần tam hiệp và chia ra ba thứ bông:

— thứ bông tía lớn hơn hết tượng trưng cho Cầu Nhiêm Khách,

— thứ bông trắng lớn thứ nhì tượng trưng cho Lý Tịnh,

— thứ bông hồng đẹp nhất và nhỏ nhất tượng trưng cho Hồng phất nữ. Nhà thực vật họ Đoàn đã mô tả một *species* và ba *varietas* mới! Mẹ vợ

tương lai Đoàn công tử nghe cao luận mà thú vị vô cùng! Và người đọc Kim Dung cũng khoái trá hết sức về sở học của chàng!

Trong *Lộc đỉnh ký*, Ngô Chi Vinh đã báo cáo lên triều đình nhà Thanh về bộ sách *Minh thư tập lược*—một công trình sáng tác không đi đúng đường lối văn học của vương quyền ngoại tộc—khiến hàng loạt văn nhân tác gia bị tù tội chém giết, làm cho cả một dòng họ Trang đông đúc lâm vào cảnh góa phụ cô nhi. Đó là một tình trạng từng xảy ra y hệt trên quê hương chúng ta sau tháng tư đen: nhà Thanh chiếm được Trung nguyên đã ức chế thân sĩ, lao lung trí thức, tỏa chiết sĩ khí, làm cho không khí tự do ngôn luận tiêu tan, giới cầm bút phải im hơi lặng tiếng; những người chống đối lâm vào vòng lao lý, gọi chung là *văn tự ngục*, một chính sách văn hóa mà giặc cộng đã tiếp thu và ứng dụng bội phần tàn bạo sau năm 1975.

Khi nghe mùi thịt heo rừng do Thạch Phá Thiên nướng bốc thơm lừng nơi cảng Hồng Liễu, Trương Tam đã bảo "Thơm quá! Thơm quá! Thật khiến cho ngón tay trỏ người ta phải máy dữ!". Vị sú giả Thưởng thiện Phạt ác đã dẫn điển công tử Tống bảo với công tử Qui Sinh "Khi ngón tay trỏ động là tôi được ăn món lạ". Chuyện này ghi trong Kinh *Xuân Thu*, phần *Tả truyện, Lỗ Tuyên công, tứ niên, hạ, lục nguyệt, Ất dậu, Trịnh công-tử Qui Sinh thí kỳ quân Di*. Thành ngữ chữ Hán Trương Tam dùng là *thực chỉ đại động* (ngón tay trỏ máy giựt), một thành ngữ quen thuộc trong ngôn ngữ hàng ngày của quần chúng trung thổ.

Nhiều nhân vật của Kim Dung có tên là A ghép với một chữ khác: A Châu, A Bích, A Căn trong *Thiên long bát bộ*; A Kha, A Tú, A Hành (vợ Hoàng Dược Sư) trong *Anh hùng xạ điêu*; nhũ danh mẹ Vương Ngọc Yến là A La (*Lục mạch thần kiếm*) v.v.. Lối gọi tên như vậy mang sắc thái ngữ nghĩa thương yêu, thân mật; nhiều khi được dùng như tiểu danh; chẳng hạn A Nhị, A Đại trong *Lục mạch thần kiếm* (quyển 1, trang 200). Nhân vật tiêu biểu của nhà văn nổi tiếng thời hiện đại Lỗ Tấn có tên là A Q (*A Q chính truyện*) bên cạnh những người khác cũng có tên tương tự, ví dụ A Thuận. Họ tượng trưng cho *"linh hồn người Trung quốc"*, như lời tựa *A Q chính truyện* viết.

Thật ra thì tên và biệt hiệu đa số nhân vật Kim Dung đều được tác giả chú ý đặt có ý nghĩa. Qua tên và biệt hiệu, chúng ta hiểu được thái độ tác giả đối với nhân vật, đồng thời chúng ta cũng gợi lên thần thái nhân vật. Biệt hiệu của bốn kẻ đại ác trong *Lục mạch thần kiếm* (Ác quán mãn doanh Đoàn Diên Khánh, Vô ác bất tác Diệp Nhị Nương, Hung thần ác sát Nhạc Thương Long và Cùng hung cực ác Vân Trung Hạc) về hình thức là một cách chơi chữ, về nội dung thì nói lên hành trạng hung bạo của các đương sự. Tên gọi Thạch Phá Thiên trong *Hiệp khách hành* khiến

liên hội đến bài thơ nổi tiếng của Lý Hạ, thi nhân đời Đường, mô tả tiếng đàn không hầu:

(...) Nhị thập tam ti động tử hoàng,
Nữ Oa luyện thạch bổ thiên xú,
Thạch phá thiên kinh dậu thu vũ (...)
(Hai mươi ba sợi tơ vang dội thấu trời cao,
Nơi chốn bà Nữ Oa luyện đá vá trời,
Tiếng đàn nghe như đá vỡ, trời rung, tuôn mưa thu).

Lý Hạ cũng được *Võ lâm ngũ bá* (quyển 1, trang 210) nhắc đến, nhưng viết sai thành Lý Hà. Và Lý Hạ hưởng dương hai mươi bảy tuổi, chứ không phải "chỉ sống đến năm 23 tuổi". Lý Hạ (789–816), tự Trường Cát, người Phúc Xương, tỉnh Hà Nam. Tương truyền ngày nào sáng sớm cũng cưỡi ngựa (hay lừa) dạo chơi, có một gã hề đồng mang túi gấm theo hầu; nghĩ được câu thơ gì hay thì Lý Hạ viết ngay, bỏ vào túi gấm, chiều về, chắt lọc sắp xếp lại thành bài.

Trong *Anh hùng xạ điêu*, quyển 6, trang 275, Hoàng Dung đấu văn với Tân Mùi Trạng Nguyên. Trạng Nguyên ra câu đối:

Cầm sắt tỳ bà bát đại vương, nhứt ban dầu diện.

Hoàng Dung đối là:

Si mị võng lượng tứ tiểu quỷ, các tự đỗ tràng.

Nếu chúng ta tin Vũ Phương Đề, tác giả *Công dư tiệp ký*, thì quan trạng nước Đại lý và phu nhân Quách đại hiệp đã đạo văn. Vũ Phương Đề, tự Thuần Phủ, người làng Mộ Trạch, huyện Đường An, tỉnh Hải dương, sinh năm 1697, thi đậu đồng Tiến sĩ năm Bính Thìn 1736 đời vua Lê Ý Tông, làm quan đến Đông các đại học sĩ. Tác phẩm quen thuộc còn truyền lại là *Công dư tiệp ký*, ghi chép tiểu truyện một số danh nhân Việt Nam. Ở mục *Danh thần Mạc Đĩnh Chi*, Vũ Phương Đề kể rằng ông Trạng của chúng ta đi sứ Nguyên, cùng các thân sĩ Trung Hoa bàn luận văn chương. Để thử tài, họ thay phiên nhau ra câu đối cho ông; trong số có câu:

Si mị võng lượng tứ tiểu quỷ.

Trong chữ Hán, cả bốn chữ *si, mị, võng, lượng* đều có chữ *quỉ*; họp lại thành ra bốn chữ *quỉ*. Mạc Đĩnh Chi ứng khẩu đối ngay:

Cầm sắt tỳ bà bát đại vương.

Bốn chữ *cầm, sắt, tỳ, bà* họp lại thành ra có tám chữ *vương*.

So sánh Vũ Phương Đề với Kim Dung, chúng ta thấy vế ra trong *Anh hùng xạ điêu* trở thành vế đối theo *Công dư tiệp ký* và hai vế do Kim Dung ghi dài hơn, hách hơn. Dù tinh thần tự hào dân tộc có cao đến đâu chăng nữa, chúng ta cũng phải nhận là nhà nho đồng hương đã vô tình gán thành tựu văn học nòi Hán cho tiền nhân Việt tộc. Thật ra, những

câu chuyện ứng đối trong các sứ trình hoặc những câu đối cố gò một số chữ về chi tiết lý lịch—ví dụ các câu được xem là của Tam nguyên Yên Đổ làm cho những người hành nghề khác nhau—thường thoạt kỳ thủy là do một người nào đó làm ra qua vận dụng cái tiểu xảo của mình, sắp thành những câu đối liên hệ để chơi rồi đọc cho người khác nghe, khiến người nghe phải thán phục tài bố trí từ vựng của mình. Thế rồi những câu này mang ra truyền tụng, một số người ở địa phương hay thời đại khác được nghe, không biết tên tác giả đích thực lại nhân vẫn phục tài văn chương chữ nghĩa của một ông Trạng, ông Nghè nào đó mới gán luôn cho chư vị, có khi còn khẳng định là của chư vị; lâu ngày trở thành truyền thuyết. Bài thơ Mạc Đỉnh Chi khóc công chúa (hay hậu phi) nhà Nguyên mở đầu bằng câu *Thanh thiên nhất đóa vân* chính là của Dương Úc đời Tống Chân Tông; theo Lê Quí Đôn trong *Kiến văn tiểu lục*, mục *Tùng đàm*. Hai câu thơ của sư Pháp Thuận đọc tiếp hai câu của sứ Tàu Lý Giác ghi trong *Toàn thư, Kỷ nhà Lý* thực ra chỉ là hậu thân bài *Vịnh nga* của Lạc Tân Vương đời Đường v.v.. Những dật sự đồng loại không thể là sử liệu văn học, chúng chỉ là giai thoại bày đặt.

Cũng chỉ là hư cấu cái danh vị Tân mùi Trạng Nguyên, người đối thoại với Hoàng Dung. *Anh hùng xạ điêu* khởi đầu truyện năm 1199. Thời điểm nầy suy ra từ chi tiết *"năm thứ năm niên hiệu Khánh nguyên vua Ninh Tông nhà Tống"* (bản dịch Việt ngữ viết sai là *Linh Tôn*) ghi ở quyển 1, trang 6. Đó là năm sinh Quách Tĩnh. Khi Quách Tĩnh Hoàng Dung gặp Tân mùi Trạng Nguyên (*Anh hùng xạ điêu* quyển 6, trang 272) thì Quách Tĩnh mười tám tuổi, như vậy là vào năm 1199 + 18 = 1217. Trước đó mười năm chẵn (*Anh hùng xạ điêu*, quyển 6, trang 325) Đoàn Hoàng Đế đi tu; vậy là vào năm 1217 – 10 = 1207. Lúc nầy ông Độc đã đậu Trạng nguyên rồi và đang làm quan to trong triều đình Đại lý. Khi Hoàng Dung gặp ổng thì ổng *"không già lắm nhưng tác cũng quá năm mươi"*, vậy hẳng cho là ổng năm mươi lăm tuổi. Như thế Trạng nguyên sinh khoảng 1217 – 55 = 1162. Năm Tân mùi gần thời điểm nầy nhất là năm Tây lịch 1211; lúc đó Trạng được 1211 – 1162 = 49 tuổi; hay nói cách khác, nếu đã gọi là Tân mùi Trạng nguyên thì ông Độc phải đậu Trạng năm Tân mùi 1211, lúc đã gần năm mươi. Nhưng mặt khác, Trạng lại phải đậu trước niên đại nầy ít nhất mười năm (tức là lối năm 1201) thì mới tham gia triều đình Đoàn Hoàng Đế được. Tuy nhiên vào thời điểm đó không hề có năm Tân mùi nào cả! (Lịch Đại Lý cũng là lịch Trung Quốc, giống như Việt Nam). Huống chi Đoàn Chính Minh, theo sử liệu Trung văn, ở ngôi từ năm Nhâm tuất 1082 đến năm Giáp tuất 1094, trong khi đó thì Trạng nguyên Tân mùi phải sinh khoảng năm 1162, theo cách tính của chúng ta, nghĩa là sau triều đại Đoàn Chính Minh đến gần cả thế kỷ! Tuy nhiên

đối với họ Đoàn nước Đại lý, chẳng phải đây là lần duy nhất Kim Dung phá vỡ tính chân thực lịch sử và vấn đề nầy chúng tôi sẽ bàn chi tiết hơn vào một dịp khác. Nhưng ở *Thiên long bát bộ*, quyển 1, trang 322, khi Mộc Uyển Thanh vào phủ Trấn Nam Vương Đoàn Chính Thuần—thân phụ "hờ" của Đoàn Dự—mà thấy trên đại sảnh có tấm biển đề lạc khoản *"Tân dậu ngự bút"* thì chi tiết nầy có thể chấp nhận được bởi lẽ có một năm Tân dậu rơi vào năm dương lịch 1081, tức là ngay đầu triều đại Bảo Định Đế Đoàn Chính Minh.

Vị Tân mùi Trạng nguyên đã đọc một câu trong sách *Luận ngữ "Mộ xuân giả, xuân phục kỳ thành; quán giả ngũ lục nhân, đồng tử lục thất nhân, dục hồ Nghi, phong hồ Vũ vu, vịnh nhi qui"*. (Tôi tự động chữa lại những chữ in nhầm, những chỗ đánh dấu sai cũng như viết hoa các chữ đáng phải viết hoa). Câu nầy là lời Tăng Tích thưa với Khổng Tử, ghi ở thiên *Tiên tiến*: "cuối mùa xuân, áo đã may xong, tôi cùng với năm sáu người lớn, sáu bảy trẻ em đi tắm sông Nghi, hóng gió trên đàn Vũ vu, ngâm vịnh mà về". Đại ý nói lên khí tượng của Tăng Điểm, nên được Khổng Tử khen là phải. S. Couvreur trong *Les quatre livres (Tứ thư)* hiểu câu nầy là: *"à la fin du printemps, quand les vêtements de la saison sont achevés, aller avec cinq ou six jeunes gens de vingt ans ou plus, avec six ou sept autres un peu moins âgés, me laver les mains et les pieds à la source tiède de la rivière I, respirer l'air frais sous les arbres de Ou iu; chanter des vers, et revenir"*. Tác giả người Pháp hiểu văn bản kinh điển nho gia tuy chính xác nhưng không "tếu" bằng ái nữ lão Đông tà vì Hoàng Dung nhất định bảo chữ *nhân* trong câu sách *Luận ngữ* là phép tính nhân chứ không phải là người! Dùng điển nầy, Nhữ Bá Sĩ (1788 – 1867) ở nước ta đã lấy hiệu là Nghi Am vì ông là một thầy giáo mở trường dạy học trên bến sông Nghi, con sông bản quán.

Người có sở học về văn chương Hán tộc tìm thấy ở Đoàn Dự một khách tri âm tri kỷ khi đọc lời phê bình về Vương Xương Linh của chàng nhân dịp nói chuyện cùng Chu Đan Thần trong *Thiên long bát bộ* (quyển 1, trang 291): *"Vương Xương Linh sở trường về thơ thất ngôn"*. Nhà thơ đời Đường nầy (698 – 757) làm thơ hay nhất theo thể thất ngôn tứ tuyệt, ngắn gọn mà chan chứa tình thơ, dạt dào chất thơ; tả tâm tình khách má hồng trong khuê các cũng tuyệt vời mà tả cuộc sống chiến chinh ngoài biên tái cũng kiệt xuất. Đó là một đứa con cưng của thơ Đường, được người đời xưng là *thi thiên tử*.

Thế tử họ Đoàn nước Đại lý còn chứng tỏ tài cao làu thông kinh sử tử tập khi ở Thái hồ chỉ nghe A Châu cất tiếng hát

Gió heo sông Dịch lạnh lùng
Ra đi, tráng sĩ còn mong dâu về

là hiểu ngay ẩn ý trong hai câu thơ mà xuất xứ vốn là bộ thông sử bất hủ của Tư Mã Thiên, chương *Thích khách liệt truyện. Sử ký* kể rằng thái tử nước Yên cùng quần thần đưa Kinh Kha sang Tần để hành thích Tần Thủy Hoàng đế. Đến bờ sông Dịch, Cao Tiệm Ly gẩy đàn trúc, Kinh Kha nương nhịp mà hát theo điệu biến chủy; tiếng đàn giọng hát trầm hùng thảm thiết; người nghe đều nhỏ lệ sụt sùi. Lời ca Kinh Kha như sau:

Phong tiêu tiêu hề, Dịch thủy hàn,
Tráng sĩ nhất khứ hề, bất phục hoàn.
(Gió hiu hắt chừ, nước sông Dịch lạnh,
Tráng sĩ một đi chừ, không bao giờ về).

Âm điệu khẳng khái hiên ngang khiến ai nấy trợn mắt, dựng tóc. Kinh Kha lên xe đi, không hề nhìn ngoái lại. Hành văn của Tư Mã Thiên sinh động, nhân vật bừng bừng sức sống, như hiện lên mặt giấy. Chỉ thêm có mấy chữ *"không hề nhìn ngoái lại"* mà khí phách anh hùng của Kinh Kha nổi bật lên. Vậy có gì lạ nếu Đoàn Dự và A Châu nữa đều thuộc nằm lòng hai câu thơ liên hệ?

Nhưng Đoàn Dự đâu phải chỉ thuộc sách giáo khoa như *Sử ký*, kinh, truyện. Chàng còn đọc cả tiểu thuyết. Khi mới quen Vương Ngọc Yến và muốn biết người đẹp những khi đàm đạo cùng biểu ca Mộ Dung Phục có nói đến chuyện yêu đương tình ái hay không. Đoàn công tử hỏi *"Tiểu thư cùng chàng bàn văn luận võ, có lúc nào đề cập đến (...) Hội chân ký không?"* *Hội chân ký* là một bộ tiểu thuyết truyền kỳ nổi tiếng đời Đường viết về đề tài tình yêu. Tác giả là Nguyên Chẩn (779 – 831), bạn thân của Bạch Cư Dị. Câu chuyện kể lại cuộc đời nho sĩ Trương Quân Thụy ở vào thời Trinh Nguyên đời Đường. Nhân lúc đi chơi chùa Phổ cứu, chàng si mê người đẹp Thôi Oanh Oanh. Một bọn cướp đến vây chùa muốn bắt Oanh Oanh. Trương Sinh tự nguyện đứng ra lo việc giải vây. Sau đó chàng nhờ người nữ tỳ tên Hồng thu xếp cùng Oanh Oanh lén lút gặp gỡ thông tình. Rồi Trương Sinh lên kinh ứng thí, dần dần tình nhớ trở nên lạt lẽo. Oanh Oanh lấy chồng khác. Thiên tiểu thuyết nầy ảnh hưởng rất lớn đến văn học đời sau, có nhiều người dựa theo mà sáng tác. Ngay ở Việt Nam, Lý Văn Phức cũng viết *Truyện Tây sương* phỏng theo *Tây sương ký* của Vương Thực Phủ đời Nguyên. Ngoài ra, nhiều áng văn thơ Nôm Hán cũng nhắc đến sự tích nầy. Chẳng hạn trong *Truyện Kiều*:

Gẫm duyên kỳ ngộ xưa nay,
Lứa đôi ai lại đẹp tày Thôi, Trương.

và:

Mái tây để lạnh hương nguyền,
Cho duyên đằm thắm ra duyên bẽ bàng.

hay trong *Bích câu kỳ ngộ:*

Chái Tây còn tiếng để đời,
Treo gương kim cổ cho người soi chung.

và:

Dám đâu học thói Thôi Oanh,
Mặn tình trăng gió, lạt tình lửa hương.

hay trong *Kim Thạch kỳ duyên*:

Lãnh mối với Oanh Oanh, đem mối cho Quân Thoại.

Phần Trâu nước Quách Tĩnh thì không thuộc thi ca mấy. Khi giảng giải cho Dương Qua về tấm bia khắc mấy chữ *"Đường Công Bộ lang, Đỗ Phủ cố lý"* ở gần thành Tương dương, Quách Tĩnh—theo bản dịch tiếng Việt *Thần điêu đại hiệp*, quyển 4, trang 182—khẽ ngâm mấy dòng thơ:

Hô lai dang tự phủ
Khải phục ưu tây đô
Gian nan phấn trường kích
Vạn cổ dụng nhất phu.

Đỗ Phủ mất năm 770 trong đói nghèo bệnh tật, trên một chiếc thuyền con trôi dạt giữa dòng sông Tương, gần Nhạc dương (Hồ nam), thọ 58 tuổi. Tấm bia Quách Tĩnh và Dương Qua thấy ghi *"Công Bộ Lang"* vì Đỗ Phủ từng làm chức Công bộ viên ngoại lang. Bốn câu thơ trên là trích từ bài *Đồng Quan lại*, dài hai mươi câu, mỗi câu năm chữ; nguyên văn như sau:

(...) Hồ lai dãn tự thủ,
Khởi phục ưu Tây đô.
Trượng nhân thị yếu xứ,
Chích hiệp dung dan xa.
Gian nan phấn trường kích,
Vạn cổ dụng nhất phu. (...)

Bản dịch Việt ngữ chép sai nhiều chữ và nếu Quách Tĩnh quả đã ngâm như dịch giả tác phẩm Kim Dung ghi thì Trâu nước ngâm thiếu hai câu, khiến bài thơ mất tính liên tục. Chúng ta nên biết rằng Đỗ Phủ chẳng những là một nhà thơ rất lớn mà còn làm thơ rất dụng công. Cho nên những sai sót như vừa nên thật đáng tiếc và đáng trách. *Đồng Quan lại* cùng với *Tân An lại* và *Thạch Hào lại* họp thành *tam lại*; bên cạnh *tam biệt* (*Thùy lão biệt, Tân hôn biệt và Vô gia biệt*) là những thi phẩm tiêu biểu của Đỗ Phủ. *Đồng Quan lại* nói lên cảnh dân chúng đắp thành lũy vất vả, cho nên Quách Tĩnh mới nhớ đến khi đang ở chân thành Tương dương. Đoạn thơ trên có nghĩa là:

Giặc Hồ dù có đến cũng tự giữ lấy,
Không còn phải lo cho Tây đô nữa.
Người hãy xem những chỗ hiểm yếu,

Hẹp chỉ vừa một chiếc xe đi.
Vung cây kích dài cũng khó khăn,
Từ xưa chỉ dùng một người cũng giữ được.

Quách Tĩnh dẫu không có nhiều kháng thể văn chương trong huyết thanh nhưng khi đọc câu *"Tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc"* trên vách tường khách sạn Nhạc châu quay mặt ra Động đình hồ thì cũng hứng chí vỗ tay tán thưởng. Sau đó chàng được Hoàng Dung giải thích thêm về bài *Nhạc dương lâu ký*, theo *Anh hùng xạ điêu*, quyển 6, trang 53. Phạm Trọng Yêm (987 – 1052) viết bài ký năm 1044, nhằm biểu dương công nghiệp vị Thái thú quận Ba lăng, huyện Nhạc dương, tỉnh Hồ nam là Đằng Tử Kinh; người đã có công lớn trùng tu và mở rộng lầu Nhạc dương, chạm khắc trên lầu những thơ phú đời Đường và đời Tống. Câu văn Quách Tĩnh đọc nằm ở phần chót bài ký và phản ảnh tinh thần trách nhiệm cùng tư cách cao thượng của tác giả.

Dương Khang trong *Anh hùng xạ điêu* quyển 5, trang 53, nhân nói về tài năng thi nhạc của Hoàng Dược Sư, đã nhắc đến bài thơ của Tào Tử Kiến đời Tam Quốc và bảo thêm *"vì Tào Tử Kiến có cô con gái bị chết nên mượn mấy câu thơ để khóc, đại ý trách đời như giấc mộng phù du"*. Tào Tử Kiến nói ở đây chính là Tào Thực (192 – 232), con Tào Tháo, em Tào Phi; rất nổi tiếng nhờ bài *Thất bộ thi* (Bài thơ bảy bước) sáng tác trong tình huống anh là Tào Phi định giết nếu trong thời gian bảy bước không úng khẩu được một bài thơ hay:

Chử đậu nhiên đậu cơ,
Đậu tại phủ trung khấp.
Bản thị đồng căn sinh,
Tương tiên hà thái cấp.
(Nếu đậu bằng củi đậu,
Đậu ở trong nồi khóc.
Vốn cùng một gốc sanh,
Đốt nhau chi thậm gấp).

Đối với văn học sử, mỹ nhân khiến Tào Thực thương khóc không phải là con gái mà là người yêu lỗi hẹn. Tào Thực yêu con gái của Chân Dật nhưng Tào Tháo có ý nạp làm phi tần rồi sau lại đổi ý, cưới cho Tào Phi. Tào Thực thất tình nặng. Khi mỹ nhân họ Chân từ trần, Tào Thực nằm mộng thấy cùng Chân thị gặp gỡ tại bờ sông Lạc thủy. Chân thị tặng cho nhà thơ một chiếc gối. Lúc tỉnh giấc, thi nhân sáng tác bài *Cảm Chân phú* rất kỳ ảo mỹ lệ. Bài nầy có tên khác là *Lạc thần phú*, ca ngợi nữ thần sông Lạc, bài phú nổi tiếng nhất của Tào Thực. Trong *Thiên long bát bộ*, khi Đoàn Dự đứng trước pho tượng ngọc trong sơn động tạc hình một mỹ nhân tư dung tuyệt thế mà kỳ lạ thay lại giống hệt Vương Ngọc Yến ở

ngoài đời để rồi sau đó, thấy tấm kính ghi bốn chữ triện cổ *Lăng ba vi bộ* thì chàng liền nhớ lại lõm bõm ít câu trong bài *Lạc thần phú* tả điệu Lăng ba. Bản Kim Dung Việt ngữ không có nguyên tác bài *Lạc thần phú* và cũng chẳng hề ghi tên tác giả bài phú, chỉ có mấy dòng thơ bốn chữ dịch thoát ý. Thể *phú* bị gạt bỏ không thương tiếc! Sau đây là bức họa sống động, vẽ lên được nét đẹp thanh tú xuất phàm của một vị thần tiên nương tử—theo cách gọi của thế tử họ Đoàn—dưới ngòi bút tài hoa tuyệt vời của Tào Thực:

Phiên nhược kinh hồng,
Uyển nhược du long,
Vinh diệu thu cúc,
Hoa mậu xuân tùng.
Phảng phất hề nhược kinh vân chi tế nguyệt,
Phiêu phiêu hề nhược lưu phong chi hồi tuyết.
Viễn chi vọng chi kiểu nhược thái dương thăng triêu hà,
Bách nhi sát chi chước nhược phù dung xuất lục ba.
(Nhẹ nhàng như cánh hồng,
Uyển chuyển như rồng lượn,
Rạng rỡ tựa cúc mùa thu,
Sum xuê như tùng mùa xuân.
Phảng phất giống mây non che mặt trăng,
Lả lướt y gió cuốn theo cánh tuyết.
Nhìn từ xa thì rực rỡ như ráng mặt trời mọc ánh lên mây,
Đến lại gần thì trong sáng như sắc phù dung gợn soi sóng xanh).

Trong *Thần điêu đại hiệp*, Dương Qua đã có lần nhắc đến bài thơ Hàn Hoành đời Đường gởi cho vợ là kỹ nữ Liễu thị, khi thấy Tiểu Long Nữ muốn dùng họ Liễu. Bài thơ đề cập đến cây Liễu ở Chương đài, một con đường nơi kinh đô Trường an; và đã trở thành điển tích rất quen thuộc trong thi ca chữ Nôm của chúng ta, ví dụ:

Khi về hỏi liễu Chương đài,
Cành xuân đã bẻ cho người chuyên tay.
(Truyện Kiều)
Trăng thề còn đó chi chi,
Liễu Chương đài biết nay đi đâu rồi?
(Hoa tiên)
Hay là nhớ chốn Chương đài,
Xạ lan mùi cũ, hán hài thói xưa.
(Phan Trần).

Lệnh Hồ Xung trong *Tiếu ngạo giang hồ* (quyển 5, trang 891) đã được nghe Tổ Thiên Thu luận bàn về nghệ thuật uống rượu. Tổ Thiên Thu

nhắc đến rượu bồ đào, phải uống với chén dạ quang; đồng thời giảng cho Lệnh Hồ Xung: *"cổ nhân có câu thơ 'Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi, Dục ẩm tỳ bà mã thượng thôi.'"* Rượu bồ đào là rượu cất bằng trái nho, đối tượng bài thơ biên tái theo điệu *Lương châu từ* rất quen thuộc của Vương Hàn (687 – 726):

Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi,
Dục ẩm tỳ bà mã thượng thôi.
Tuý ngọa sa trường quân mạc tiếu,
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi.
(Rượu nho ngon đựng trong chén ngọc dạ quang,
Toan uống thì tiếng tỳ bà trên ngựa đã giục giã.
Say sưa nằm trên bãi chiến trường xin anh chớ cười,
Từ xưa đến nay chinh chiến có mấy ai về được?)

Có khá nhiều bản dịch thơ bài nầy sang quốc âm; tôi xin chọn bản của Đỗ Bằng Đoàn và Bùi Khánh Đản:

Bồ đào, rượu rót chén lưu ly,
Muốn uống, tỳ bà giục ngựa đi.
Bãi cát say nằm, chê cũng mặc,
Xưa nay chinh chiến mấy ai về.

Sau đây là một bản dịch bài thơ sang tiếng Anh và hai bản sang tiếng Pháp. Những dịch phẩm ngoại ngữ nầy, tuy là văn xuôi không có vần, không có đối nhưng vẫn nhịp nhàng, vẫn uyển chuyển, nhiều tiết điệu, giàu hình ảnh. Chúng chỉ dùng hòa âm, điệp âm, chỉ bố trí từ vựng thích dáng mà vẫn chan chứa chất thơ, tràn ngập sắc thơ. Bản của Robert Payne (*The white poney, an anthology of Chinese poetry*):

The song of Diangchow
The beautiful grape wine, the night-glittering cups;
Drinking or not drinking, the horns summon you to mount.
Do not laugh if I am drunk on the sandy battlefield,
From ancient times, how many warriors ever returned?

Bản của Paul Demiéville trong *Anthologie de la poésie chinoise classique:*

Chanson de Leang-Tcheou
Le beau vin de raisin dans la coupe phosphorescente!
J'allais boire, mais le cistre des cavaliers me presse.
Si je tombe, ivre, sur le sable, ne riez pas!
Combien, depuis les temps anciens, sont revenus de la guerre?

Bản của Georgette Jaeger (*L'anthologie de trois cents poèmes de la dynastie des Tang*):

Chant de Liangzhou
Du bon vin de raisin brillant dans les coupes, cette nuit

nous aimerions boire, mais le pipa nous presse de monter à cheval
si nous gisons, ivres, sur le champ de bataille, ne riez pas de nous
depuis l'antiquité, combien de combattants sont-ils revenus?

Lệnh Hồ Xung được Nhậm Doanh Doanh trong vai một bà già (*Tiếu ngạo giang hồ*, quyển 5, trang 840) giảng dạy về nghệ thuật đánh đàn. Thánh cô đã truyền thụ cho Lệnh Hồ Xung đại hiệp khúc *"Hữu sở tư, một khúc nhạc cổ đời Hán, điệu nhạc rất uyển chuyển"*. *Hữu sở tư* nguyên là một điệu dân ca *nhạc phủ*. Năm 120 trước Công nguyên, vua Hán Vũ cho thành lập một cơ quan âm nhạc có nhiệm vụ thu thập ca dao và thơ để phổ nhạc; cơ quan đó gọi là *nhạc phủ*, hoạt động cho đến khoảng năm 6 trước TCGS. Cho nên khái niệm *nhạc phủ* thường dùng để chỉ dân ca đời Hán, tuy rằng nội dung ngữ nghĩa có thể và có khi bao quát hơn. *Nhạc phủ* về hình thức thường là những bài thơ trữ tình theo dạng ngũ ngôn hay tạp ngôn, lời lẽ nhẹ nhàng uyển chuyển. Tiết điệu ngũ ngôn (câu năm chữ), vốn có gốc nguồn dân gian, sẽ được giới nho sĩ vận dụng rất phổ biến: Cao Bá Quát của chúng ta cũng có một bài thơ ngũ ngôn nhan đề *Hữu sở tư*. *Nhạc phủ* kế thừa truyền thống *Kinh thi*; các chủ đề được ưa chuộng là nỗi khốn cùng của người cày ruộng bị trấn áp, bị bắt lính; nỗi nhớ thương làng cũ quê xưa; tình yêu bẽ bàng, hôn phu bạc hãnh. Phụ nữ khổ đau vì nghèo đói bệnh tật (*Bệnh phụ hành*), vì chồng ruồng bỏ (*Oán ca hành*) là những đối tượng mô tả tâm đắc của *nhạc phủ*. Điệu *Hữu sở tư* thuộc vào loại nầy. Một trong những bài *Hữu sở tư* được biết nhiều, có thể đã do Thánh cô dạy và đàn cho Lệnh Hồ công tử nghe là của Lô Đồng (790–835) đời Đường với những câu mô tả nỗi nhớ người tình khôn nguôi trong tiếng đàn đồng vọng:

(...) Quyên quyên thường nga nguyệt,
Tam ngũ nhị bát doanh hựu khuyết.(...)
(Vời vợi bóng hằng nga,
Ba năm, lắm độ trăng tròn rồi lại khuyết).
(...) Tương giang lưỡng ngạn hoa mộc thâm,
Mỹ nhân bất kiến sầu nhân tâm.
Hàm sầu cánh tấu lục ỷ cầm,
Điệu cao huyền tuyệt vô tri âm. (...)
(Sông Tương đôi bờ cỏ hoa thăm thẳm,
Người đẹp không thấy, lòng ta thêm buồn.
Ngậm buồn gẳng gẩy cây dàn gấm xanh,
Điệu cao dây đứt, tri âm không người).

Ở Hàng Châu, Lệnh Hồ Xung cùng Hướng Vân Thiên đến Mai trang xin ra mắt Giang nam tứ hữu. Vào dịp nầy, Ngọc Bút Ông đã ngâm ba câu thơ của Đỗ Phủ trong bài *Ẩm trung bát tiên ca*:

Trương Húc tam bôi thảo thánh truyền,
Thoát mạo lộ đính vương công tiền,
Huy hào lạc chỉ như vân yên.

và giảng thêm cho hai vị khách nghe về Trương Húc, một bậc thánh thần chuyên lối chữ thảo (*Tiếu ngạo giang hồ*, quyển 7, trang 1184). Chữ Hán có thể viết theo nhiều lối và nghệ thuật viết chữ Hán cho thật đẹp là một tuyệt kỷ gọi là *thư pháp*. Bản dịch Việt ngữ chỉ ghi ba câu thơ nhưng không thích nghĩa. Bài *Ẩm trung bát tiên ca* mô tả tám vị thích rượu mà Đỗ Phủ gọi là *bát tiên*: Hạ Tri Chương, Lý Tiến, Lý Thích Chi, Thôi Tông Chi, Tô Tấn, Lý Bạch, Trương Húc, Tiều Toại. Ba câu thơ mô tả Trương Húc trình bày thần thái phóng khoáng trong cuộc đời và thư pháp diêu luyện trên khung vẽ:

Trương Húc uống ba chén rượu, nổi danh Thảo thánh,
Bỏ mũ, để đầu trần trước mặt các bậc vương công,
Múa bút trên giấy như mây bay khói tỏa.

Kim Dung trong quá trình dựng các pho truyện chưởng đã sử dụng thủ thuật tinh xảo, tham bác nhiều lĩnh vực văn hóa, áp dụng lắm kỷ xảo điện ảnh, phát huy phong cách các loại truyện huyền thoại, hiệp sĩ, phiêu lưu, trinh thám Tây phương; đồng thời khéo léo kết hợp cách viết tiểu thuyết chương hồi của Trung Hoa với lối kết cấu đa dạng, phức hợp của tiểu thuyết hiện đại. Về hình thức trình bày, chúng ta thấy thấp thoáng dáng dấp những *câu gới* theo kiểu "chuyện xảy tiếp ra sao, xin xem hồi sau sẽ rõ". Không phải ngẫu nhiên mà mỗi chương sách của Kim Dung đều có đầu đề vì đây chính là di tích, chính là dư âm thể tiểu thuyết chương hồi. Về nghệ thuật biểu hiện, tác giả Cảng thơm lập được nhiều hồ sơ nhân vật với cá tính khó quên. Các nhân vật đó thường bày tỏ quan niệm về thế thái nhân tình, kinh nghiệm lịch sử, đại cục quốc gia. Cho nên nhà văn vừa là một nghệ sĩ vừa là một nhà nghiên cứu, có vốn sống và hiểu biết phong phú. Vì vậy khi gặp một bộ truyện kiếm hiệp tuy mang tên Kim Dung nhưng cách viết sáo mòn công thức—khiến liên tưởng đến *Bồng lai nữ hiệp, Long hình quái khách* ngày nào—thì người đọc dễ dàng nhận ra đây là một sản phẩm mạo hóa. Đó là trường hợp bộ *Võ lâm ngũ bá* chẳng hạn.

Trái lại trong các bộ kiếm hiệp do chính Kim Dung chấp bút, độc giả thường xuyên gặp những điểm độc đáo, những điều bất ngờ. Trong mọi lĩnh vực , kể cả và nhất là văn học. Bài viết hôm nay chủ yếu trình bày những vấn đề văn học đó trên một bình diện tổng quát. Có những đề tài chưa được bàn đến, để dành một dịp khác, do tầm vóc và mức độ của

chúng: thi loại *từ*, bài *Hiệp khách hành*, hai thi phẩm về Dương Châu của Đỗ Mục, khúc ca Viên Viên v.v..

Nhưng nếu truyện chưởng Kim Dung một mặt chứng tỏ sự uyên bác của ông thì mặt khác lại phản ánh tính mực thước của ông. Mỗi khi cần, ông nêu đề một bài thơ, ông trích dẫn đôi câu thơ nhưng ông không lạm dụng vốn liếng thông tin văn học. Trong các lĩnh vực tri thức khác cũng thế. Qua những bộ kiếm hiệp khác nhau, nhà văn nhiều lần cho các nhân vật của mình chơi cờ vây; hơn một lần các võ lâm đồng đạo mạn đàm về nghệ thuật uống trà; có những người nhắc đến họa phẩm của Lý Hậu Chủ, của Phạm Trung Lập; thư pháp của Tô Hoàng Mễ Sái cũng được đề cập đến. Trên những bước đường đời của mỗi nhân vật chính, các tâm trạng, các suy nghĩ, những phản ứng tâm lý trước những cảnh ngộ, những tình huống mà nhân vật chứng kiến hay thể nghiệm được Kim Dung mô tả chu đáo và khéo léo. Qua chọn lọc chi tiết thích đáng, tuyển lựa dữ kiện tối ưu. Hòa cảm sâu xa với tâm hồn nhân vật, phát hiện những nỗi niềm sâu kín của tấc lòng họ, sắp xếp và triển khai những ý nghĩ, tình cảm một cách khoa học và hấp dẫn; nhà văn trình bày những đoạn độc thoại nội tâm hay tường thuật những đoạn ngôn ngữ nhân vật tinh tế, lôi cuốn. Nhưng không bao giờ Kim Dung phân trần dài dòng mà chỉ gói gọn các điều muốn nói trong ít câu thơ, qua một tựa đề.

Cho nên đọc Kim Dung rất cần thêm kiến thức và bổ túc tri thức.□

(*) Trích trong *Văn, Sử, y, dược trong Kim Dung* sắp xuất bản.

...đón đọc

nhớ đất thương trời

thơ trần hồng châu

(bút hiệu của GS. Nguyễn Khắc Hoạch,
Nguyên Khoa trưởng Đại học Văn Khoa
Sàigòn)

Thế kỷ xuất bản

Lên Non Xuống Biển
TRẦN HỒNG CHÂU

Giật mình ta nghĩ RồngTiên
Theo sông xuống biển một miền về non
Mẹ cha hai cõi ngàn phương
Cháu con lạc lõng mấy đường tử sinh

Sấm truyền còn đó
Lời ghê nước lạnh!

Sông sâu máu đỏ chập chờn
Trường sơn xương trắng nỗi hờn từ đây
Lênh đênh sóng cả ngàn trùng
Hải đông thủy táng mịt mùng oan khiên

Định mệnh bóng theo hình
Yểm chú mấy ngàn xưa?

Xác thân vô định thành non
Lệ rơi thấm đất khoét tròn biển đau
Bao giờ cho hết phân ly
Ngải bùa khai giải xin vì nước non?

Bây giờ cháo lú còn no
Bến Mê còn bắt con đò nhặt khoan....

Lan Man Từ Một Quyển Sử Hiện Đại

Tạ Chí Đại Trường

Sử học Việt Nam có truyền thống từ lâu nhưng một nền sử học khoa học trong nước vẫn còn trên đường tìm kiếm, chỉ vì người viết sử ngày nay vẫn luôn luôn bị các áp lực chính trị trấn áp với những đe dọa cụ thể, hay có sự thôi thúc tự nguyện từ các biến động tràn ngập vào tận tâm trí trong khi vẫn nằng nặc tin rằng mình tôn trọng sự thật. Chúng tôi có một anh bạn cũ trước 75 từng đi du học nay nhất định làm một quyển "Tục Đại Nam quốc Sử diễn ca" hình như chỉ cốt tổ khổ nhà họ Ngô cùng tôn giáo của họ. Tuy nhiên, dù tình thế có khó khăn thế nào đi nữa ta cũng mong thấy được những tác phẩm viết về các biến cố vừa qua, thoát được một phần những ràng buộc trên. Người ngoại quốc không nói làm gì, tự bản thân và vị trí của họ, họ đứng bên ngoài tính chất Việt - trừ tính chất người bên trong người Việt - nhưng cũng chính ưu thế đó mà họ không hiểu được sự việc của chúng ta "từ bên trong," điều mà ta mong được thấy ở các công trình của các tác giả Việt tha hương, viết bằng tiếng Việt không nệ sự khuất lấp của một ngôn ngữ có tầm mức phổ biến hạn hẹp. Lời giới thiệu nồng nhiệt của giáo sư David Chandler cho quyển *Ngô Đình Diệm và bang giao Việt- Mỹ 1954 - 1963* của Tiến sĩ Sử học Phạm Văn Lưu gây nên một ít tin tưởng khởi đầu như thế.(1)

Theo sự trình bày trước trang Mục lục thì đây là quyển I của một bộ sách dưới tiêu đề *Biến Cố chính trị Việt Nam hiện đại*, gồm có 6 quyển:

I. Ngô Đình Diệm và bang giao Việt Mỹ, 1954 - 1963.

II. Chiến tranh Việt Nam trong bối cảnh chính trị quốc tế, 1954 - 1975.

III. Đệ nhất Cộng Hòa Việt Nam, 1954 - 1975.

IV. Cơn sốt chính trị Việt Nam, 1964 - 1967.

V. Đệ nhị Cộng Hòa Việt Nam, 1967 - 1975.

VI. Các nhân vật và đảng phái chính trị Việt Nam, 1954 - 1975.

Bộ sách mới ra một quyển, tuy nhiên như đã thấy qua, đây là quyển sử nói về biến cố ở Việt Nam từ 1945 đến 1975. Có điều ta hơi ngỡ ngàng với lối phân chia từng phần trong cả bộ sách. Nếu đây là những phần của bộ sách thì rõ ràng thứ tự thời gian đã không được tôn trọng. Chỉ thấy sự liên tục có ở 3 quyển III, IV, V nhưng quyển I và quyển III bị tách rời ra trong khi bản chất sự kiện không thể rời nhau được. Quyển II và quyển VI có thời gian trùm lên cả giai đoạn chiến tranh, như vậy các nhân vật, đảng phái, sự kiện sẽ xuất hiện như thế nào ở các quyển kia? Giá như 6 quyển ấy được coi là riêng biệt thì dễ dàng cho tác giả tung hoành hơn. Tuy nhiên ta chỉ có thể thắc mắc chừng ấy thôi vì sách chưa ra hết.

Ta dừng lại ở quyển I: *Ngô Đình Diệm và bang giao Việt Mỹ 1954 - 1963*. Nội dung quyển sách có 263 trang gồm 9 chương vừa cho người đọc không mệt. Những người ở tuổi 50, 60 từng sống ở Miền Nam có thể nhớ lại quãng thời gian mình có tham gia hay chứng kiến đó. Sách vở ngoại quốc đã có khá nhiều để ta tham khảo. Cái mới ở đây (đối với một quyển sử viết bằng tiếng Việt) là tác giả đã theo phong trào viết sử hiện đại xướng xuất từ các nhà báo Tây phương thường tốt nghiệp ở các Đại học, nên ta có được các sự kiện, nhận xét của những nhân vật tham dự vào giai đoạn lịch sử đó. Đáng quý ở chỗ đây là những cuộc phỏng vấn các nhân vật Việt Nam, khác với trên các sách ngoại quốc thường thường đó là những chính khách Pháp, Mỹ chứ không phải là "đồ nội hóa".

Nhờ những chứng nhân Việt mà ta thấy tác giả đưa ra những giải thích mới về các sự kiện: ví dụ ông Diệm tự trốn thoát khỏi Cộng sản chứ không phải được Cộng sản thả (trang 33), cái chết của ông Diệm không phải là không có chủ trương của người Mỹ... Tất nhiên, do đó sử gia có thêm bằng chứng để bàn luận chứ không bị bắt buộc công nhận ngay chỉ vì chúng là mới.

Đề sách cho ta thấy nhân vật trọng tâm là Tổng thống Ngô Đình Diệm, điều đó cho thấy rõ ngay ở chương đầu: "Chân dung Ngô Đình Diệm". Càng về sau khi đóng vai trò quan trọng trong biến chuyển, nhân vật Ngô Đình Diệm, tuy được đặt vào trong các biến cố phức tạp đó, vẫn là trung tâm điểm của quyển sách cho đến cuối đời. Điều này hợp với đề sách nhưng vô tình lại khiến cho quyển sách có dáng ngược ý với lời phản tỉnh của giáo sư D.Chandler: "Đối với quá nhiều người Tây phương, Việt Nam (hiện đại) như một chương trong bộ sách lịch sử của Hoa Kỳ." Ở đây thay vì chỉ có Tổng thống, chính khách Hoa Kỳ thì lại có Tổng thống Diệm và Hoa Kỳ. Chúng ta đoán tác giả là người công giáo, nhưng việc xin né tránh vấn đề Phật giáo không những không đúng với nhiệm vụ của sử gia mà còn làm mất tính chất Việt trong biến cố bởi vì

biến cố Phật giáo 1963 đã là nguyên nhân chính yếu túc thời làm sụp đổ Chính phủ Ngô Đình Diệm, hành động của những kẻ khác chỉ là xoay quanh, bị lôi kéo từ biến cố kia mà thôi.

Một trong những nhược điểm của khoa học xã hội và nhân văn là tính chất "người" trong nhà nghiên cứu khi họ phải nghiên cứu về người, túc là một phần của bản thân họ. Nhược điểm này thấy rõ nhất trong sử học. Đặc biệt con người vốn có ý thức sử tính, ít ra là từ lúc thoát khỏi thời mông muội, tối tăm. (Chuyện xa hơn thì để dành cho các triết gia và chuyên viên nhân loại học chẳng hạn). "Ai cũng trải qua được một thời gian trông thấy biến cố dài bằng cuộc đời của mình nên dễ dàng tự cho là biết được sử, hiểu được sử và nếu có quyền lực trong tay thì buộc phải viết sử theo ý mình", chúng tôi đã viết đại khái như thế trong thư (1978) gửi từ trại tập trung đến các sử gia, học giả Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - và gián tiếp đến nhà cầm quyền Hà Nội. Tuy nhiên nếu chuyện chỉ dừng lại ở đó thì cuộc tranh cãi trở thành một đám giặc-chòm, giặc-lũ. Người ta đã cố tìm những cách thức và phương tiện để ghi lại và giải thích các biến cố của nhân loại sao cho trung thực càng nhiều càng tốt và kết quả là có những quyển sử được lưu giữ qua thời gian, để cho ký ức nhân loại được kéo dài ra, không chỉ giới hạn trong một đời người, trong một người, một nhóm người.

Những biến động từ 1945 trong tình hình phân chia hai cực của thế giới tác động lên đất nước này khiến có hai phe đối chọi nhau ở Việt Nam. Rốt cục một phe thắng một phe bại. Phe thắng khá thuần nhất một cách giản dị, muốn nói gì thì nói, có sự phụ họa bình thường của những kẻ mơ mộng và phù thịnh khắp thế giới. Phe thua tan tác chạy ra xa chửi bới và quay lại gấu ó nhau, trút mối hờn căm lên kẻ gần mình. Nhưng dù sao thì phe thua cũng đã có một phần lãnh thổ và một chính quyền tồn tại đến 20 năm, lại được nằm trong tiến trình thuận của lịch sử thế giới nên vẫn có chỗ đứng lớn trong lịch sử cả đến sau khi chịu thất bại, bị phủ nhận. Việt Nam Cộng hòa và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là hai thực thể không thể xóa bỏ được đối với sử gia trung thực.

Ác hại thay cho cái chất khích động bộ nhớ của con người. Ai cũng bảo nước Việt là từ ải Nam quan (hay Hữu nghị quan cũng được) đến mũi Cà Mau, vậy mà mỗi người một bên đều viết sách một nửa nước coi như của cả nước. Không phải nửa nước trong giới hạn địa vực, dân chúng và thời gian của nó, ví dụ một quyển "Lịch sử Việt Nam Cộng hòa" chẳng hạn. Cái luận cứ Việt Nam Cộng hòa là phần còn lại đại diện cho cả nước Việt Nam là của nhà chính trị không phải của sử gia. Ở bên kia, người ta cho Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có chủ quyền tinh thần đến tận đồng bằng Cửu Long, điều đó giúp cho họ có chính nghĩa (với họ)

nhưng sự bao chiếm đó đã khiến cho họ coi kẻ đối nghịch là tay sai bán nước, những kẻ không là người Việt, và kết cục *tính chất xâm lăng ẩn khuất trong chiến tranh lại xuất hiện rõ rệt trong thời bình, sau khi thống nhất.* Đã coi người nửa nước phía Nam là không thuộc thành phần chính thống (dù có lời bao biện) thì cướp bóc của cải, chiếm đoạt đất đai, đày đọa con người, lấn lướt lí lẽ, đâu có gì là sai trái? Các văn nhân, sử gia xã hội chủ nghĩa không tạo dựng nên nhưng đã phụ họa tán dương cho một *chế độ thực dân nội biên Bắc Nam* từ 1975 như chúng tôi đã bày tỏ ý kiến. (2)

Trở lại quyển sách đang bàn. Các thắc mắc chung gồm cả 5 quyển sách chưa xuất bản là chắc chúng cũng chỉ được tác giả bàn chuyện Miền Nam dưới vĩ tuyến 17 (có lẽ trừ quyển VI) mà vẫn buộc người ta gọi là Việt Nam, tuy là toàn bộ sách có thể gom lại trong đề "Lịch sử Việt Nam Cộng hòa", chẳng hạn, như đã nói. (Nên nói chen, là nếu "chính danh" thì Đệ nhất Cộng hòa chỉ bắt đầu từ 1955 chứ không phải 1954, năm có những biến động tạo dựng nên Việt Nam Cộng hòa mà thôi.)

Sử gia hay bị người ta chê là làm sự đã rồi, điều đó diễn tả tính chất a posteriori của sử học. Nhưng sử gia do đó cũng có cái lợi là có thể sắp xếp các sự việc của con người hành động theo một tiến trình hợp lý hơn. Liên can đến sử học chỉ có hai con người: con người làm lịch sử và con người viết lịch sử. Con người làm lịch sử là vua chúa quan quyền, giáo chủ, lãnh tụ, từ xuất sắc đến lèng-èng, và với thời đại chú trọng đến dám đông, có thể kể vào cả đám dá cá lăn dưa, ma cô đĩ điếm. Quyền lực con người làm lịch sử thật là to lớn đối với sử gia, vì thế họ mới thiến được Tư Mã Thiên, cầm tù được Ban Cố hay như Lê Thánh Tông mắng chửi được Ngô Sĩ Liên và anh du kích bắn-bỏ thầy giáo làng vì một lời sử không vừa ý... Nhưng sử gia có quyền trả thù nguội bằng cách coi những kẻ quyền uy kia như những sự vật ("comme des choses" như E.Durkheim định nghĩa đối tượng của xã hội học), có quyền sắp xếp vua chúa lãnh tụ cao vòi vọi đứng lẫn với bọn dá cá lăn dưa. Nói một cách khác, gạt bỏ tính chất khôi hài cay đắng đi, sử gia phải đặt nhân vật vào trong thời đại, xứ sở và quần chúng của họ để làm nên sử phẩm.

Xác nhận đó đã trở thành thông thường trong thời đại văn minh ngày nay, vấn đề tưởng như còn lại, chỉ là khả năng nhận định và thực hiện của sử gia mà thôi. Người Cộng sản từ chỗ coi mình là thành phần ưu tú của Giai cấp theo định nghĩa kinh điển macxit, khoác hình dạng cụ thể là người ưu tú của dân tộc, của nhân loại, họ đã sử dụng quyền hành đi theo con đường hoang tưởng, khinh miệt xương máu của phe mình, phe người và trở thành một dạng phi nhân trong khi cố tiến tới một xã hội cứ tưởng là nhân bản. Trong tiến trình đó, người Cộng sản Việt Nam vẫn là người Việt Nam với những ưu khuyết của dân tộc và sử gia phải

xác nhận điều đó trong khi vẽ lại lịch sử Việt Nam hiện đại. Chính vì vậy chúng ta mới nhận ra ý nghĩa một lễ hiến phù dâng tù binh lên Thái miếu sau khi thắng trận trong việc người Cộng sản đưa các tù binh Việt Nam Cộng hòa đi thăm lăng Bác.(3) Khi người Cộng sản đem mao-ít vào Việt Nam, bắt chước thật sít sao là họ đã trong vô thức đi theo vết chân của các triều đại xưa nhận quan điểm vương hóa của Thiên triều Trung Hoa đem phổ biến cái hay cái đẹp ban phát từ bậc Thiên tử đến các nước phiên thuộc vậy. Người Cộng sản có thể tức giận trước quan điểm của sử gia nhưng không làm cách nào chối bỏ được sự thực vượt trên tầm nhìn của cá nhân, đảng phái họ.

Ở phía Nam, ông Ngô Đình Diệm cũng chỉ là một người Việt Nam của một giai đoạn lịch sử bắt đầu từ 1954 hay 45, 33 (năm ông từ bỏ chức Thượng thư).

Giáo sư David Chandler có lí khi nhìn nhân vật Ngô Đình Diệm "bắt nguồn từ truyền thống lịch sử Việt Nam " (lời tựa). Cái chết của ông Ngô Đình Diệm là cái chết báo trước của Việt Nam Cộng hòa - *không phải vì ông đã chết*. Chuyện "cứu tinh của dân tộc" là của chính trị, chuyện ông có "tài năng, đức độ, uy tín" là của lời bình luận kim cổ, không phải của sử học. Yêu thương hay ghét bỏ là chuyện của phe phái lúc đương thời, là chuyện nuối tiếc hay bào chữa biện minh về sau - đi quá đà lại chỉ là chuyện đôi co giận dữ mắng chửi nhau như đã thấy chứ không phải là của sử học. Chúng tôi có một người thân từng nghỉ trưa trên long sàng của Ngô Chí sĩ để cho cô bé NĐLT 14, 15 tuổi đến vặt râu, lại cũng có một người "được" Mật vụ thắt cổ để nằm dưới Rạch Cát, điều đó chúng tôi đã cố gắng để không mảy may tác động đến mình khi muốn nhìn lại 20 năm Việt Nam Cộng hòa. Đặt tựa đề một quyển là "Ngô Đình Diệm và bang giao Việt Mỹ 1954 - 1963" với một quyển "Đệ nhất Cộng Hòa 1954 - 1963" riêng biệt không những vừa lặp lại - hay bỏ sót sự kiện ở một trong hai quyển sách mà còn vừa cho độc giả thấy lòng ưu ái của tác giả với nhân vật Ngô Đình Diệm, đó là khuyết điểm cả về phương pháp lẫn nội dung trình bày.

Có lần, một ông thầy cũ đưa ra bức hình chụp gia đình ông Ngô Đình Khả với anh em ông Diệm hồi nhỏ (in lại ở trang 79 không đánh số trong sách này), và nhận xét: "Con quan Thượng thư, Phụ đạo đại thần mà đi chân đất đủ chứng tỏ nhà này làm quan thanh liêm". Thực ra đó cũng là một nhận xét theo cảm tính, sai từ chỗ không đặt nhân vật vào thời đại họ sống mà lại bắt đầu từ chỗ đứng thời gian của chính mình. Lịch sử Việt Nam trước sau 1945, 54 có những khoảng cách biệt to lớn về sinh hoạt do chỗ dân tộc Việt Nam thoát khỏi ách ngoại thuộc, bị xô đẩy vào cộng đồng thế giới - cũng đổi thay thật gấp gáp sau 1945. Ta hãy

nhìn lại các bức hình chụp sinh hoạt dân chúng, quan quyền trước 1945 và hình của các năm 1960, 70 nhất là ở các thành phố lớn (như chỗ đứng của ông thầy tôi), và chớ để trí mơ mộng về một thứ quan quyền, tiểu thư, công tử của văn chương (phần lớn từ Trung quốc đưa sang) thì hiểu rõ việc các cậu bé Thục, Diệm, Nhu đi chân đất là bình thường. Người Cộng sản - kể cả các lãnh tụ - là một ví dụ khác làm bằng chứng cho sự hụt hẫng trước đổi thay trên đất nước mà mình muốn lãnh đạo: trốn nấp trong rừng núi trước 1945, lấn khuất trong đồng ruộng trước 1954, về Hà Nội của kẻ thua chạy vứt bỏ, ghép với các bậc đàn anh có trình độ văn minh thấp - nhưng cũng đủ tạo ra sự ganh ghét với các Liên-xô-con du học về - có chủ thuyết vương hóa mao-ít tương đồng với xã hội phong kiến xưa biện hộ cho sự nghèo cực, họ đã tỏ ra ngơ ngáo, khờ khạo rồi cục cằn nói ngang trước sự chế riễu của dân chúng miền Nam khi họ chiến thắng. Các bối rối đó cùng sức ỳ quán tính đã góp phần làm cho họ cứng rắn thêm, các loay hoay đó cũng góp phần khiến cho họ sụp đổ mà không dám thú nhận. Sự lì lợm của các lãnh tụ cộng với mớ hưởng thụ của một bộ phận lớn dân chúng từ mực sống thấp tiến lên cao nhờ chiến lợi phẩm lấy của kẻ bại, từ sự quản lí của cải toàn đất nước, là nguyên cớ chính khiến có *sự ổn định chính trị* ngày nay sau khi tổ quốc lớn xã hội chủ nghĩa sụp đổ. Đảng Cộng sản Việt Nam sau khi mất lí tưởng xã hội chủ nghĩa, chỉ còn gượng gạo dùng nó để làm chiêu bài nên trở về với *nguồn gốc hội kín xưa và trở thành một thứ đảng mafia chính trị có đảng viên và quần chúng đông đảo nhất thế giới so với số dân mình cai trị*. Quyền bính của đảng Cộng sản càng vững chắc khi có sự phụ họa ngầm của thế giới không muốn có một sự đảo lộn nào khác để họ phải gánh chịu một làn sóng di dân nữa sau đợt người còn dai dẳng đến nay.

Từ chỗ không dừng lại ở hoàn cảnh, thời đại cụ thể đầy phức tạp mà có khi người ta đặt căn bản luận cứ trên một vài nguyên tắc khái niệm chung chung thường thấy khi muốn giản lược hóa vấn đề. "Nồi nào úp vung nấy". Khi bàn đến vấn đề khác biệt văn hóa giữa châu Á và châu Âu (chưa nói chuyện Mĩ) thường được gọi là sự xung đột Đông - Tây thì sự phân biệt ấy đã đúng theo một cách nói bao quát, trên những khu vực địa lí lớn riêng biệt. Còn khi thu hẹp địa vực thì ví dụ ở phía Đông, Trung Hoa có điểm khác với Ấn Độ, cả Việt Nam cũng khác với Trung Hoa, châu Âu khác với Mĩ...Riêng trong một lãnh vực ý thức hệ, Nho giáo không phải là thuần nhất suốt chiều dài lịch sử phát triển của nó. Làm việc tổng quát không vừa tầm mức các sự kiện, nhân vật của một thời điểm cụ thể, người ta dễ làm sụp đổ luận cứ của mình.

Tác giả quyển sách đã dùng cả chương 9 để suy ngẫm về sự thất bại của ông Diệm, về mối khủng hoảng của bang giao Việt Mỹ dưới thời ông

Diệm, trong đó lộ ra tràn ngập sự bào chữa không cần thiết đối với sử gia. Các tiểu mục "Gia đình trị", "Ông Diệm là nhà độc tài", "Chính quyền Ngô Đình Diệm là chính quyền Thiên chúa giáo"... chen với các mục "Chính danh", "Sự thiếu hiểu biết về dân chủ"...tất cả nằm chung trong một tựa đề "Đông và Tây". Chê văn minh phương Tây trọng vật chất (xấu xa) và khen văn minh Đông phương đặt giá trị trên nền tảng đạo đức và gia đình (trang 207) là hợm mình quá lố. Lại đặt ông Ngô Đình Diệm làm một bậc quân tử muốn hành động theo "chính danh" với ý nghĩa là con người cương trực (kiểu khúc tre tiết trực tâm hư trên bìa trước), mà không thấy con người có hành động không nhường bước đến cả giây phút cuối đời đó chính là kết quả của sự hợm hĩnh, quan quyền gàn bướng, là vật thứ phẩm của loại Khổng giáo từ chương chú không phải của người làm chính trị Á Đông. Ngay cả Nho giáo cũng phải đặt vấn đề nhu cương, xuất xử uyển chuyển chứ đâu phải một mạch cứng nhắc! Trung Hoa có ông Khổng tử lận đận than thở ví mình như trái bầu trái bí để ăn chứ không phải để chơi; ông cương quyết theo chí của mình nên có khi thất bại vì đàn bà...nhưng Trung Hoa cũng có các tay Tung hoành gia thay thầy đổi chủ như thay áo, có cái gì lợi cho mình thì làm, và họ đã làm nên lịch sử Trung Hoa cũng như ông Khổng tử nối dài sau này đạt được nhờ các đồ đệ trang điểm cho ông để theo kịp thời đại thay đổi. Cái vung Đông Tây quá lớn so với cái nồi mâu thuẫn của Việt Nam Cộng hòa (chứ không phải Việt Mỹ) không đủ giải thích sự thất bại của Việt Nam Cộng hòa hay cái chết của ông Diệm. Chúng ta thường gặp những luận chứng thuộc loại này trong các bài luận cổ suy kim, nó vượt lên được các tranh luận như mổ bò của các hồi ký phe phái, nhưng rốt lại cũng không phải là sử học.

Sử học khi tự nhận là một khoa học, không phải đã hợm mình. Và tất nhiên chính các sử gia phải chứng minh điều đó.□

(1) Melbourne, Centre for Vietnamese Studies, 1994.

(2) Tạ Chí Đại Trường và Nguyễn Xuân Nghĩa, *Việt Nam, Nhìn Từ Bên Trong Và Bên Ngoài*, Văn Lang xuất bản, 1994, phần của T.C.Đ.T.

(3) Tạ Chí Đại Trường, *Một Khoảnh Việt Nam Cộng Hòa Nối Dài*, Thanh Văn xuất bản 1993.

lê thị huệ

Sinh năm 1953 – Có chồng và hai con trai – Hiện là giáo sư hướng dẫn tại đại học cộng đồng Evergreen Valley College – San Jose, CA. Tác phẩm đã xuất bản:

- *Bụi Hồng*, tuyển tập truyện ngắn.
- *Kỷ niệm với My Ánh*, truyện vừa.
- *Rồng Rắn*, truyện dài.

1. Sống trong một hoàn cảnh mà thì giờ vốn hiếm hoi và văn chương chữ nghĩa vốn là món hàng xa xỉ, điều gì đã thúc đẩy anh chị đi vào/tiếp tục đi vào lãnh vực văn chương?

Trong ý nghĩ thô thiển của tôi. Thời giờ không phải là yếu tố quan trọng thúc đẩy việc thành tựu một tác phẩm. Có khi ta có cả đống thời giờ mà không sáng tác nổi thì vẫn không sáng tác nổi. Tôi tin điều nhiều người vẫn nói là người ta sẽ kiếm cho ra thời giờ để làm việc này việc nọ, nhất là nếu đó là việc ta yêu thích thì sẽ trần ra mà làm. Viết văn cũng tốn thời giờ như bất cứ một sinh hoạt nào khác. Vấn đề là tùy sự chọn lựa và sự xếp đặt ưu tiên dành cho việc này hơn việc nọ của mỗi người. Văn chương chữ nghĩa là hàng xa xỉ. Đúng. Đúng quá sá! Bản chất của nghệ thuật là xa xỉ. Phải yêu bản chất xa xỉ của nó thì mới đi làm nghệ thuật. Tôi hơi yêu cái mùi xa xỉ của văn chương chữ nghĩa. Chắc vì vậy mà khoái viết. Mặc dầu cái công việc viết nó chiếm đoạt nhiều sự sống của tôi. Nó là một thứ đam mê vắt nhử những tế bào óc và tế bào tim một cách tàn bạo. Đàn ông đàn bà ai mà muốn giữ gìn nhan sắc tươi mát lôi cuốn thì chớ có đi vào con đường viết. Những suy tư về sống và viết nó chuyển ra ngoài nó lộ lên trên khuôn mặt của mấy ông bà này. Càng già càng thấy góc nào cạnh nấy trên những

khuôn mặt này cũng dễ sợ! Và còn sự cô độc của hành động viết nữa. Tôi ghét điều này nhất. Có một điều nói ra nghe cho nó bảnh là tôi cũng mê tiếng Việt và cũng hơi bảo vệ nó một tí nên mới xông xáo viết tiếng Việt.

1. Viết cái gì? *Tôi vẫn còn cảm thấy mình có nhiều điều chưa viết.*

2. Viết như thế nào? *Không có câu trả lời.*

3. Viết cho ai đọc? *Viết cho những độc giả nào tìm đến với tác phẩm của tôi.*

Một vấn đề thường được nhiều người cầm bút bàn đến là văn chương trong nước và văn chương ngoài nước liên hệ như thế nào. Nhưng nếu nhìn ở một góc độ khác, chúng ta sẽ thấy tất cả những tác phẩm viết bằng tiếng Việt sẽ có một chỗ đứng chung nào đó. Ngôn ngữ đang giữ một vị thế khá quan trọng trong một thế giới mà văn hóa trở thành một thứ mục tiêu để định dế quyền lực của những thế mạnh. Hãy nhìn vào nước Pháp hiện nay. Nhìn vào thái độ họ lo âu và đưa ra những chính sách để tranh đấu với tiếng Anh mà họ sợ là đang xâm lấn tiếng Pháp. Họ bắt những nhà kinh doanh ngoại quốc đến nước Pháp làm ăn phải thông dịch mọi thứ ra tiếng Pháp. Họ khuyến cáo người dân chớ có dùng những tiếng Anh như weekend, sandwich... như một thói quen. Họ lập ra những giải này giải nọ để phát cho những công dân của những xứ thuộc địa cũ vẫn còn trung thành với tiếng Pháp cho còn sử dụng tiếng Pháp còn hăng hái truyền bá tiếng Pháp. (Ông Nguyễn Khắc Viện của xứ An Nam được một giải. Giải của bà Dương Thu Hương thì rõ là nước Pháp muốn chúng tỏ uy quyền chính trị với xứ thuộc địa cũ này quá đi mất). Thỉnh thoảng tôi đọc được những bài báo của người Mỹ diễu người Pháp về chuyện tranh dành ảnh hưởng ngôn ngữ cũng thấy vui vui. Biên giới địa lý vẫn còn dễ đưa đến những cuộc tranh chấp.

Nhưng biên giới ngôn ngữ dễ bị xóa nhòa và dễ đưa người ta đến sự thông đạt hơn... Với cái đà học tiếng Anh khắp trên thế giới hiện nay. Và với sự xuất hiện của vệ tinh truyền thông, kỹ nghệ giải trí của phim ảnh Hollywood, các máy điện thư điện toán điện thoại..., sách báo in ấn nhiều, tiền đôla có giá, tài nguyên phong phú, là quốc gia có nhiều giống dân đại diện nhất. Cái thế thượng phong của Hoa Kỳ hiện nay đang có nhiều yếu tố thiên thời địa lợi nhân hòa làm cho tiếng Anh dễ trở thành một thứ đế quốc văn hóa bất ngờ. Biết đâu trong thế kỷ tới tiếng Anh sẽ thống trị hoàn cầu và nhân loại sẽ có được một ngôn ngữ chung cho cả thế giới.

Nhưng bây giờ thì tôi đang viết tiếng Việt. Và thấy ai viết tiếng Việt hay thì thích đọc lắm. Điều cuối cùng là tôi muốn nhắn gửi những người chính quyền ở Hà Nội là làm ơn mở cửa và hãy mở cửa đi. Cho sách báo hải ngoại về nước thả dàn. Cho người trong nước muốn viết cái gì thì viết. Cho ai muốn ra báo thì cứ việc ra báo. Cho người nào muốn đọc thứ gì thì tự do đọc. Làm ơn mở cửa và hãy mở cửa đi!

trong khi sáng tạo những nhân mạng

lê thị huệ

Một

Tôi sanh con trai đầu lòng vào năm ba mươi sáu tuổi. Không có biến cố cá nhân nào trong đời tôi lớn hơn kinh nghiệm này.

Trước đấy tôi cũng trải qua một biến cố khá lớn lao. Là việc chúng kiến miền Nam Việt Nam sụp đổ vào năm tôi hai mươi hai tuổi, dẫn đưa đến biến cố tôi rời bỏ Việt Nam và sống ở ngoại quốc cho đến giờ phút này. Còn điều gì có thể lớn hơn việc chúng kiến một quốc gia sụp đổ. Đất đai, quyền lực, quốc kỳ, gia sản, căn cước, lịch sử, bị xóa tẩy tên trên bản đồ!

Đây là một biến cố quốc gia mang nhiều yếu tố ngoại tại mà dẫu sao đi nữa, một cô gái tầm thường như tôi chỉ góp phần tương đối nhỏ nhoi nào đó lên bức tranh vĩ đại của một dân tộc.

Về phương diện cá nhân hơn, tôi đã quyết định rời bỏ quê hương vào năm 1975. Nhưng quyết định lớn lao nhất có lẽ là quyết định tôi có con vào năm 1989. Tôi đã có con với một quyết định sau bao nhiêu năm sống độc thân. Tôi đã sanh con với những tính toán sau những lần tính toán không muốn có và chưa muốn có. Khi quyết định cho ra đời những đứa con tôi đã nghĩ: Nếu có một bí mật nhất trong đời tôi là tại sao mình được sanh ra đời, thì cái cơ hội để tôi có thể tháo gỡ niềm bí mật ấy chính là việc tôi sẽ được quyền chọn lựa và sanh ra đời một đứa con với tất cả mọi dự tính, hiểu biết, và ý thức rõ rệt nhất.

Tôi đã muốn rằng đó là một điều tôi hoàn toàn chọn lựa.

Điều bí mật về định mệnh con người được sanh ra và quẳng vào đời sống thường được dành phần cho Thượng đế. Nhưng với vị trí làm mẹ, có lẽ người đàn bà có cái tư cách gần gũi nhất để phát biểu về niềm bí mật này.

Tôi đã trăn trở từ khi có trí khôn về niềm bí mật của số mệnh con người. Tôi đã từng ước muốn khi tôi cho ra đời một con người, tôi đã suy nghĩ, đã chuẩn bị kỹ lưỡng, và không còn điều gì để thắc mắc nữa.

Tôi đã nghĩ mình có một sứ mạng lớn lao đến là dường nào. Tôi đã nghĩ mình có thể nắm được hết chân lý của cuộc đời.

Trong cái trực giác bén nhạy của một đứa con gái, trong cái tư thế tò

mò của một người trí thức, và trong cái nỗi tham lam tra hỏi của một người cầm bút bi quan, tôi đã biết cho ra đời một mạng người là một biến cố hết sức vĩ đại.

Tôi đã từng không uống cà phê. Tôi đã từng không uống một tợp rượu bia. Tôi đã từng khôn ngoan đủ để biết giữ gìn đất đai thân xác mình cho việc trồng trọt những đứa con tương lai. Cả đời tôi chỉ uống tất cả bảy viên thuốc ngừa thai. Mấy chục năm trước khi có con, tôi đã cố tránh dùng những chất "hóa học" như thuốc thang. Tôi tránh ngay cả những viên Aspirin thần dược của những cơn nhức đầu, một chứng bệnh thường xảy đến với tôi vào thời kỳ còn độc thân. Tôi đã có thể ẩu tả về nhiều thứ khác nhưng tôi đã tính toán rất kỹ trong việc tôi phải giữ gìn cơ thể tôi cho đến ngày sanh con trước đã.

Từ cái ý thức đây là một quyết định hoàn toàn có tính cách chọn lựa. Chọn lựa thời gian để có con. Chọn lựa người để làm bố những đứa con của tôi. Chọn lựa trong tính toán rằng đây là một trong những chọn lựa quyết liệt khác của đời mình... Tôi đã chuẩn bị để sẵn sàng trả lời những câu hỏi nếu mai này con tôi sẽ hỏi về cái ngày ra đời định mệnh của nó.

Tôi tưởng là mình đã tính toán mọi chuyện một cách rất hoàn hảo.

Tôi tưởng là tôi sẽ tìm được một câu trả lời hoàn hảo về định mệnh của con tôi.

Đứa con đầu lòng của tôi ra đời nặng gần bốn ký. Mẹ nó phải mất gần hai ngày đau đớn gần chết mới sanh được. Thằng bé rất dài, to xương, và đẹp trai. Người bác sĩ Mỹ khi thấy con trai tôi đã buột miệng nói: Cô có một cháu trai rất đẹp và sau này cháu sẽ chơi bóng rổ được.

Con tôi là kết quả của những gì tôi chăm bón và chuẩn bị. Tôi đã tính toán từng vitamin, từng chất Folic Acid, từng phân tử Iron trong mỗi bữa ăn để đủ phần con đang thành hình người trong cơ thể tôi. Tôi đã đọc hàng trăm quyển sách từ sách rẻ tiền cho đến sách chuyên môn của trường y khoa làm thế nào để chuẩn bị sanh con cho hoàn hảo. Vào cái năm tháng già cả của cuộc đời con gái ấy, tôi ý thức rằng đây là một niềm hạnh phúc lớn lao nhất đời. Cái ý thức chín chắn rằng hạnh phúc là do tôi tự tìm lấy và đạt cho bằng được, chứ không ai cho, và cũng không phải là một may mắn bất ngờ. Tôi sanh con ra và ôm con vào lòng cùng một lúc thấy mình chạm đến cái điều mà người ta định nghĩa thế nào là sự nắm bắt niềm "tuyệt đối" và "tương đối" về ý nghĩa của đời sống.

Hai

Có lẽ biến cố nội tại lớn nhất xảy ra trong đời người đàn bà không phải là ngày đầu có kinh nguyệt, hoặc cuộc hôn phối thứ nhất với người nam, mà có lẽ là cái kinh nghiệm đầu tiên về việc sanh con đẻ cái.

Cái ý thức lớn lao nhất đã chuyển biến tâm hồn người đàn bà đã xảy ra trong giai đoạn để trở thành một người mẹ, là kinh nghiệm về *tha nhân*.

Trong công việc trực tiếp góp phần vào việc tạo dựng nên một sinh mạng, người đàn bà đã bị cột làm một với tha nhân. Tha nhân không còn là một ngoại tại, mà là một nội tại. Người đàn bà bị kinh nghiệm người khác là chính mình – mình là kẻ khác – con là mình – mình là con. Một kinh nghiệm không do sự học hỏi mà là do *bản thể* mang đến. Một kinh nghiệm mà người đàn ông hoặc những người không sanh đẻ không có được, không hiểu nổi, không trải qua được.

Trong khi trải qua diễn biến này, cái tôi của người đàn bà bị thách thức. Một cuộc thách thức rất lớn lao vì sự bất lực của bào thai và của đứa bé ở giai đoạn những năm tháng đầu tiên của đời người. Người đàn bà thấy mình là kẻ hoàn toàn mang lại đời sống cho một con người khác. Trong khi để trở thành mẹ, người đàn bà bị ở vị thế chỉ có cho chứ không có nhận. Vào lúc này, muốn ích kỷ cũng không được. Một người đàn bà phải trải qua giai đoạn mang thai và nuôi nấng ba năm đầu tiên của một đứa bé chừng bảy lần, thì dù có muốn ích kỷ đến đâu cũng không thể ích kỷ nổi. ích kỷ bị phải biệt tích ít nhất là tạm thời trong thời gian người đàn bà trở thành mẹ.

Một người đàn ông khi bắt đầu có ý thức về tha nhân và muốn liên hệ với tha nhân, thì đã quy định trong đầu óc họ một đối tượng hoặc mục tiêu như thế nào. Tha nhân là một hữu thể tách biệt. Ở đây tha nhân là một mục tiêu hay là một đối tượng bên ngoài. Người đàn ông từ lúc sanh ra đời cho đến khi nhắm mắt lìa đời đã kinh nghiệm về tha nhân như là một người thứ hai. Vì người đàn ông không trải qua một kinh nghiệm đặc biệt như người đàn bà trong lúc tạo dựng nên một người thứ hai ngay bên trong cơ thể mình. Vai trò làm cha cũng chỉ là một kinh nghiệm gián tiếp. Tha nhân đối với người đàn ông là một kinh nghiệm *tương đối*. Là một người khác nhỏ hơn, ngang hàng, hoặc lớn hơn mình, chú người đó không thể là chính mình.

Đối với người đàn bà trong kinh nghiệm sanh và nuôi con, tha nhân là một kinh nghiệm trực tiếp và bị trói buộc. Ở vị thế bị cưu mang con và nuôi sống con, người đàn bà không có sự lựa chọn. Trong cái cách thế sống với tha nhân này người đàn bà trải qua một kinh nghiệm nắm giữ một thứ quyền lực tuyệt đối trên tha nhân. Tha nhân là kẻ bất lực trong bào thai và ít ra là trong những năm đầu tiên khi vừa mới chào đời.

Sự bất lực của tha nhân lúc sơ sanh đã tạo kinh nghiệm để người đàn bà hành xử một thứ quyền lực ban phát tuyệt đối. Một kinh nghiệm *tuyệt đối* với tha nhân mà người ta chỉ có thể mường tượng ở người đàn ông

trong vai trò thượng đế hay vua chúa may ra mới trải qua kinh nghiệm này được.

Sống với tha nhân bất lực này, người đàn bà không phải trải qua cái kinh nghiệm cạnh tranh với tha nhân như người đàn ông trải qua ở những kinh nghiệm trong gia đình (anh, chị, em), nơi học đường (bạn học), hoặc trong công việc (đồng nghiệp) v.v...

Kinh nghiệm khác nhau về tha nhân này cũng có thể đã dễ khiến người đàn ông có thể thông thường nhìn thấy mặt nổi bật, mặt xuất sắc của tha nhân đặng dùng nó làm chuẩn so sánh và tranh đua để đạt những thành tích cá nhân. Trong khi người đàn bà có thể lại dễ nhạy cảm với mặt yếu duối hoặc hèn kém của tha nhân để giúp đỡ, chấp nhận hoặc cộng tác.

Tôi thường đùa cợt với chính tôi, tha lỗi cho tôi nếu điều này sẽ xúc phạm đến bạn, rằng Thượng đế có lẽ là một ý niệm đã được người đàn ông giới thiệu vào cuộc đời này để tranh thủ cái khả năng sáng tạo ra thế giới này. Hãy nhìn những hình ảnh thượng đế. Jesus Christ, Phật Thích Ca, và Đức Mohamed, cả ba đều là những hình tượng đàn ông.

Có lẽ người đàn bà có một chút gần gũi với thượng đế hơn người đàn ông trong ý nghĩa sáng tạo nên đời sống. ít ra trong ngôn ngữ Việt Nam đã có một từ thể hiện ý thức gần gũi này: Bà Trời. Ca dao Việt Nam có câu:

Ông Trăng mà lấy Bà Trời
Tháng Năm ăn cưới, tháng Mười chạp neo.

So sánh hai công việc sáng tác, hoàn tất một tác phẩm nghệ thuật và sanh ra đời một đứa con. Một mẫu mực thường được dùng để làm ví dụ vì tính chất "thai nghén và sanh đẻ" của chúng. Người Việt vẫn thường gói một quyển sách là "một đứa con tinh thần". Hai kinh nghiệm này tôi đều đã trải qua.

Hoàn tất một quyển sách người sáng tác trải qua một kinh nghiệm sáng tạo rất "thượng đế". Từ việc lựa chọn một nhân vật. Cho nhân vật ra đời ở lứa tuổi, giống phái, giai cấp, tính tình, nhan sắc nào. Cho đến hoàn cảnh lịch sử, nơi ăn chốn ở, không gian kỷ niệm, màu sắc áo quần, mối quen biết với nhân vật khác. Tất cả đều là những tính toán và chọn lựa tài hoa hoặc tài dổm của tác giả. Khi sáng tác, tác giả cố trải qua những phút giây giống như đời thật. Bởi để tạo dựng nên những đời sống thuyết phục độc giả bằng văn chương hạn chế, tác giả phải ẩn chui vào những nhân vật và khua động văn chương trên mỗi giác quan. Tác giả còn biết cách chui vào trong vô thức, tri thức, ký ức, và óc tưởng tượng của độc giả để giới thiệu hoặc dẫn đưa người đọc đến với những đời sống mà mình tạo dựng. Kinh nghiệm sanh đẻ ra "đứa con tinh thần"

là một kinh nghiệm "trả nợ đời". Là đam mê. Là "nhả" ra những chất liệu đã ngốn ngấu từ cuộc đời. Là có thể một hoàn tất của một bắt đầu. Là có thể một cuối cùng của một phiêu lưu.

Trong khi đó sản xuất ra một con người, người đàn bà mới bắt đầu thấy mình "vướng nợ đời". Là bắt đầu. Là không biết cái gì hết. Là chào đời một lần nữa.

Kinh nghiệm lớn lao về mặt thể lý trong công việc sanh đẻ trước hết là một kinh nghiệm máu.

Kinh nghiệm máu này là một kinh nghiệm sinh tử. Một cách thông thường, nhìn thấy máu là nhìn thấy tính chất nguy kịch, là nhắc nhủ con người có thể sống hoặc chết tức thời. Trong thời con gái, và trong thời gian không mang thai, người đàn bà bị nhắc nhủ sự mong manh của sinh mệnh con người mười hai lần trong một năm vào những lần kinh nguyệt.

Khi mang thai, người đàn bà chứng kiến việc máu không còn bị trục xuất ra ngoài nữa, mà máu chảy vào trong. Máu ích lợi là đã tạo dựng và cưu mang một con người trong cơ thể mình. Chín tháng câm nín. Rồi một ngày nọ máu đổ ra ào ào. Rồi một mạng người lọt ra từ cơ thể mình. Rồi máu lại tiếp tục ra ở cửa mình hàng ngày liên tiếp sáu tuần lễ sau khi sanh dậy. Sự đau đớn tột cùng của kinh nghiệm sanh đẻ. Nhìn thấy thân xác mình phanh thây xẻ thịt trước mặt mọi người. Nhìn thấy máu me của mình chảy ra lênh láng. Kinh nghiệm sanh đẻ là một kinh nghiệm nguy hiểm mà người đàn bà thấy sinh mạng của mình rõ ràng là rất mong manh và thấy đó là giây phút mình kề cận cái chết nhất. Ở giây phút ấy người đàn bà thấy sự sống của mình, của đứa con sơ sanh, có thể bị mất đi trong đường tơ kẽ tóc.

Có một kinh nghiệm tích cực trong kinh nghiệm này, là người đàn bà thấy sự đổi thay máu. Sự làm cho mình tái tạo lại máu mới.

Nhưng nếu bị ép sanh đẻ liên tiếp sáu lần như vậy. Chắc chắn người đàn bà sẽ không còn ở trạng thái thấy mình "mới mẻ" nữa, mà sẽ thấy mình "bị tước đoạt" tất cả những sinh lực chưa kịp hồi phục.

"Mất sức lực" là một trạng thái mà người đàn bà quan tâm đến trong công việc sanh nở và nuôi nấng con cái. Đó là một sự tiêu dùng rất lớn lao số vốn liếng thể xác và tinh thần của người đàn bà.

Kinh nghiệm "tái sinh" cùng với đứa con vừa do mình đưa vào đời đã khiến người đàn bà bị chậm lại trong tiến trình đi tới và theo đuổi những kế hoạch cho đời sống cá nhân.

Tiến trình và kế hoạch nói trên dựa theo sự trông đợi của xã hội. Tiến trình và mục tiêu theo tiêu chuẩn thông thường là đạt được mức độ tối đa trên những mục tiêu ở vị trí nào mà cá nhân đó đứng vào những

năm hai mươi, ba mươi, bốn mươi của một đời người. Xã hội vẫn dòi hỏi ở con người những mục tiêu như, có con cái, có nhà cửa, có công việc, có địa vị, có tài sản, có danh vọng, có quyền lực, để so đo mức độ hiệu quả và thành đạt của ý nghĩa tại sao con người ta sống.

Những mục tiêu này được xét đoán tùy theo bao nhiêu năm cá nhân đó đã hiện diện trong đời sống này. Chẳng hạn học hỏi là công việc của lứa tuổi hai mươi, tậu nhà tậu cửa là của lứa tuổi ba mươi, thăng tiến nghề nghiệp là ở lứa tuổi bốn mươi v.v... Người Trung Hoa đặt tên tuổi ba mươi là tuổi "nhi lập", tuổi bốn mươi là tuổi "nhi bất hoặc", tuổi năm mươi là tuổi "tri thiên mệnh".

Trong vài tiêu chuẩn phổ thông kể trên, để đạt được mỗi mục tiêu có con, người đàn bà phải chậm lại những mục tiêu khác vì lý do thể lý.

Sanh đẻ là mất thời giờ, nuôi con lại còn mất thời giờ và mất sức lực hơn.

Về mặt thể lý, sự chung dụng của công việc làm mẹ đã bắt buộc người đàn bà hòa nhập vào thế giới của trẻ con. Một người lớn tiếp xúc 24 tiếng đồng hồ một ngày với một sinh vật không đòi hỏi những suy nghĩ lớn lao tức thời, không đòi hỏi những di chuyển không gian khác biệt, không đòi hỏi những mặt kịch "ông này bà nọ" khích lệ nỗ lực cá nhân, người lớn này chắc chắn sẽ thay đổi để thích ứng cùng với cái sinh vật bé nhỏ và bất lực này.

Mặt trí năng sẽ tạm chậm lại vì những sinh hoạt thông thường của động vật có vú này. Ru con, cho con ăn, dỗ con ngủ, thay tã cho con, ngồi trông con chơi, tập cho con bò, tập cho con đi... những sinh hoạt hết sức quan trọng của đứa bé này là những sinh hoạt đơn giản, mất thời giờ, có ảnh hưởng lớn lao trên mọi người, nhưng lại là những sinh hoạt không đòi hỏi đầu óc, và không mang lại bổng lộc kinh tế và bổng lộc uy quyền mà xã hội mong ước một cá nhân ở lứa tuổi hai mươi, ba mươi, bốn mươi, nên thành đạt.

Sự xem thường công việc sanh đẻ và nuôi con từ xã hội đã tạo ra một "thành kiến" trong nhiều xã hội tiến bộ hiện nay rằng sinh hoạt trên không mang lại một thách đố về mặt trí năng. Hậu quả là người đàn bà được nuôi dưỡng trong một môi trường khích lệ và tưởng thưởng những sinh hoạt trí tuệ sẽ không tìm thấy những thách thức trí năng trong sinh hoạt hết sức quan trọng này của nhân loại.

Trong phần lớn các xã hội hiện nay mọi bé gái cũng như mọi bé trai được huấn luyện để phát triển mặt trí năng vào khoảng 12 năm, từ mẫu giáo cho đến lớp mười hai. Khi tốt nghiệp trung học, các thanh niên các thiếu nữ này lại được khuyến khích tiếp tục theo đuổi sự học hỏi trên đại học để được gọi là một người "có giáo dục". Thành quả của những năm

huấn luyện trí tuệ này tạo ra ở con người có giáo dục một nhu cầu tìm kiếm những công việc sinh sống có thách thức và được phần thưởng về mặt trí năng. Nếu những công việc này lại còn được hưởng kèm những bổng lộc phụ trội như danh vọng, tiền bạc, khen thưởng thì loại công việc này lại càng hấp dẫn hơn.

Công việc sanh đẻ và nuôi con là một công việc đáng lẽ ra là rất thách thức. Vì không có con nào giống con nào. Cũng như không có một nhân mạng nào giống một nhân mạng nào trên trái đất này. Trường hợp độc nhất vô nhị này xứng đáng đòi hỏi một sự quan tâm góp vốn tương xứng với sự xuất hiện của mỗi cá nhân này. Nhưng công việc này lại bị xem như là một công việc tự nhiên mà bất cứ người đàn bà nào trên trái đất này cũng có thể trải qua được. Kết quả là sinh hoạt này đã không được đánh giá cao như đáng lẽ nó nên là.

Cho đến giờ phút này, phần lớn các xã hội đều không đề cao đủ giá trị của công việc này.

Lấy ví dụ xét về lợi lộc tiền bạc của một công nhân trung lưu sở hữu một căn nhà và có một con tại Hoa Kỳ hiện nay, năm 1994. Mỗi cuối năm công nhân này có thể khai thuế để có thể thu về được một món tiền khá lớn mà trước đây công nhân này đã đóng cho chính phủ trong suốt năm. Công nhân này có thể thu được khoảng hơn hai ngàn Mỹ Kim trên mỗi đứa con. Trong khi đó công nhân này có thể thu về được khoảng năm nay mười ngàn Mỹ Kim từ tiền nợ nhà. Món tiền thu lại được từ nợ nhà lớn hơn món tiền thu lại được từ việc có con đã phản ảnh sự kiện xã hội Hoa Kỳ ưu đãi hành vi có nhà hơn là hành vi có con.

Sự đánh giá thấp việc sanh đẻ và nuôi con đã phản ảnh lên những xã hội như xã hội Hoa Kỳ hiện nay. Sau Cuộc Cách mạng Đàn bà của thập niên 1960, người đàn bà Mỹ ngày nay đã tỏ ra muốn tiêu dùng thời giờ của mình vào việc kiếm tiền, kiếm danh vọng, kiếm nghề nghiệp, hơn là tiêu dùng vào việc sanh đẻ và nuôi con. Con số thống kê mới nhất của đầu thập niên 1990 là có đến gần 60% phụ nữ Hoa Kỳ đi ra ngoài làm việc. Trong một cuộc thăm dò của báo *New York Times* và đài truyền hình CBS Hoa Kỳ từ 26 tháng 5 cho đến ngày 1 tháng 6 năm 1994, 1,055 thiếu niên nam nữ tuổi từ 13 đến 17 được phỏng vấn về đời sống gia đình. Có đến 86% các thiếu nữ Mỹ trả lời là họ muốn đi ra ngoài làm việc ngay cả khi đã lập gia đình rồi. Chỉ có 7% các thiếu nữ này tỏ ý muốn ở nhà sanh đẻ và nuôi con ("Gender Gap in Teens Views on Family," *New York Times* được *San Jose Mercury News* đăng lại, July 11, 1994). Trong một xã hội mà "thành công" là mục tiêu hàng đầu (achievement-oriented society), đối với các thiếu nữ này sanh đẻ và nuôi con không mang lại cho họ những bổng lộc như nghề nghiệp và danh vọng mang đến cho

họ.

Không những mặt trí năng phải chậm lại, mặt thành tích trên hồ sơ nghề nghiệp của người đàn bà cũng bị chậm chạp hẳn đi. Những kỳ nghỉ vì sanh nở. Những ngày nghỉ vì con bệnh. Cắt bớt thời giờ ở sở làm để có thể đưa con đi học. Đình hoãn công việc vì muốn dẫn con đi chơi... Tất cả những thứ này sẽ làm chậm lại con đường tiến thân. Một sự nghiệp muốn tiến thẳng, tiến nhanh, cần phải làm việc không ngừng. Cho đến giờ phút này, tất cả những quốc gia tiền tiến như Mỹ, Canada, Anh, Pháp, Đức, Ý, Nhật, đều đòi hỏi người đàn bà phải làm việc như người đàn ông để có thể thăng tiến nghề nghiệp như người đàn ông. Các xã hội này đều không cho một điểm nào vào hồ sơ cá nhân của người đàn bà về cái kinh nghiệm có con.

Cách nhìn phân biệt kinh nghiệm nghề nghiệp khác với kinh nghiệm có con đã khiến các xã hội này cho rằng kinh nghiệm có con là một kinh nghiệm không tốt trên công nhân. Khi căn cước của một công nhân chỉ cột chặt với nghề nghiệp thì kinh nghiệm sanh và nuôi con không được tính là một kinh nghiệm lợi ích cho nghề nghiệp.

Cho đến giờ phút này, kinh nghiệm sanh đẻ và nuôi con vẫn được tính là một thứ kinh nghiệm liên hệ đến căn cước hiện thể (being) như làm cha, làm mẹ; và căn cước sở hữu (having) như có vợ, có con, có chồng, có anh, có chị...

Khi sinh hoạt dưới những căn cước: có cha, có mẹ, làm con, làm anh, làm chị, con người không có quyền chọn lựa. Nhưng khi hành xử các căn cước: có vợ, có chồng, có con, con người có quyền lựa chọn.

Trong hệ thống suy tưởng truyền thống của Tây Phương căn cước hiện thể đã được tra vấn để cố tìm kiếm một thứ ý nghĩa cho sự hiện diện. Hoặc sự tự chứng nhận rằng mình có mặt trong thế giới này (Shahan & Mohanty, 1984, trang 58). Sự tìm kiếm này là một chứng minh có tính cách trừu tượng. Đó là một sản phẩm của suy tưởng. Đó là một sinh hoạt hiện diện trong đầu óc, trên ngôn ngữ, hoặc trong những cuộc bàn luận.

Sinh hoạt có con ở người đàn bà là một sự sống cũng để chứng minh ý nghĩa của lá căn cước hiện thể. Nhưng sinh hoạt này đã không xảy ra một cách trừu tượng và gián tiếp mà là một sinh hoạt sống động và trực tiếp.

Lá căn cước hiện thể của người đàn bà trong sinh hoạt tạo dựng và trực tiếp nuôi nấng một mạng người phôi thai này không còn là một sự tìm kiếm hướng nội riêng về mình, mà là một sinh hoạt giao tiếp hướng ngoại giữa mình và tha nhân. Đứa con mà người đàn bà sanh đẻ ra là một sinh linh, một sinh mạng, chứ không phải là một chủ thuyết hoặc là một sản phẩm của suy tưởng. Sự khác biệt ở đây là người ta có thể độc

quyền suy tưởng về một sản phẩm của trí óc, nhưng người ta không thể độc quyền tạo dựng một sinh mạng. Đây không thể là một sinh hoạt bắt đầu từ ở một người và chấm dứt cũng chính ở người đó. Mà là một sinh hoạt của hai người. Bản chất của sinh hoạt hai người này đã đặt để người đàn bà sinh sống trong tư thế không thể độc quyền sống và suy tư một mình. Như vậy sự tìm kiếm lá căn cước hiện thể hoặc sự đi tìm ý nghĩa đời sống ở người đàn bà mang màu sắc bản thể tập thể hơn là bản thể cá thể.

Trong tất cả căn cước hiện thể và căn cước sở hữu, có vợ, có chồng, có anh, có chị, làm cha, làm mẹ, có con, có cha mẹ... thì chỉ căn cước có cha mẹ và căn cước có con cái là hai căn cước đòi hỏi những sinh hoạt đặc biệt. Bởi vì những sinh hoạt này xảy ra trong thời gian đầu và thời gian cuối của con người là lúc mà con người bất lực về mặt thể lý, và chứng tỏ sự cần đến kẻ khác săn sóc hoặc nuôi nấng.

Có anh chị không mất nhiều thời giờ.

Có vợ chồng, không thích hợp nữa, có thể ly dị.

Nhưng người đàn bà không thể chối bỏ công việc nuôi con. Cũng như con cái khi gánh vác việc săn sóc cha mẹ già phải tiêu phí thời gian vì sự bất lực của người già trong lúc yếu đuối.

Nuôi nấng con cái lúc còn nhỏ và săn sóc cha mẹ lúc về già là hai sinh hoạt có thể tính toán được về mặt kinh tế của con người. Đó là những loại công việc có giá trị thương mại. Dịch vụ giữ trẻ và viện dưỡng lão là những dịch vụ tạo ra công ăn việc làm. Trên căn bản đó, nếu một người mẹ dùng thời gian để săn sóc con cái, và nếu được sự ủng hộ của xã hội, người mẹ có thể tính toán kinh nghiệm này vào hồ sơ kinh nghiệm cá nhân. Giả thử xã hội định giá một kinh nghiệm sanh nở và ba năm nuôi con của một người đàn bà tương xứng với hai năm dạy tiểu học (hai kinh nghiệm này tương đối có những liên hệ, vì tính chất giáo dục con người. Nhưng cũng có thể tính toán ra những liên hệ khác, tùy theo hoàn cảnh của mỗi cá nhân). Thì xã hội đã thiết lập được một giá trị kinh tế lên công việc nuôi nấng con trẻ. Và như vậy khi người đàn bà dùng thời giờ để sanh nở và nuôi con, người đàn bà vẫn có thể tính toán phần kinh nghiệm của mình vào con đường tiến thân. Tạo cho sinh hoạt này một giá trị kinh tế tích cực.

Một kinh nghiệm nổi bật khác mang tính kinh tế mà công việc làm mẹ có ảnh hưởng nặng trên cả mẹ lẫn con là tính tranh đua.

Tranh đua là một trong những sinh hoạt tinh thần khá căn bản của con người. Một thứ sinh hoạt tinh thần mạnh mẽ đứng sau lòng thương yêu. Tranh đua là giềng mối dẫn đưa đến sự thúc đẩy quan trọng ở mỗi cá nhân trong mối tương quan với tha nhân khi cá nhân đó trưởng thành.

Tranh đua dẫn đưa đến thành công. Thiếu sự tranh đua, tài giỏi và cố gắng không làm cho người ta trở thành vô địch. Tranh đua thúc đẩy sự tiến bộ. Xe hơi của hãng Toyota tranh đua với xe hơi của hãng Ford để đưa đến những tiêu chuẩn về xe cộ càng lúc càng cao hơn trong kỹ nghệ xe hơi. Tranh đua dẫn đưa đến tranh chấp. Trong những năm chiến tranh lạnh giữa Hoa Kỳ và Nga Sô, hai quốc gia này đã tranh đua ảnh hưởng của mình trên Việt Nam, Cuba, Đại Hàn, kết quả là tranh chấp tương tàn giữa miền Bắc và miền Nam Việt Nam vào những thập niên 50, 60, 70 của thế kỷ hai mươi.

Con người học hỏi kinh nghiệm tranh đua lần đầu tiên với người mẹ. Ngay cả khi còn trong bụng mẹ, thai nhi đã tranh đua để tạo sự chú ý ở người mẹ khi thai nhi đói bằng cách quậy đạp vẫy vùng trong bụng. Khi đã chào đời, đứa trẻ sẽ học hỏi rằng bố mẹ là một thứ quyền lực đã được thiết lập mà nó phải tranh đua để có thể tạo nên cho chính nó một thứ quyền lực riêng.

Đây là một diễn tiến học hỏi của đứa bé mà người mẹ thấy cái quyền bính làm mẹ của mình thường xuyên bị thách thức bởi đứa bé. Khi còn nhỏ, đứa bé phải tranh đua với những thế lực khác để được sự chú ý của người mẹ, tranh đua với bố để được ngủ chung giường với mẹ, tranh đua với thời gian của mẹ để khỏi bị dẫn đến nhà người giữ trẻ sớm khi mẹ phải đi làm lúc 8 giờ sáng... Về phía người mẹ sự tiêu phí sức lực trên công việc nuôi con đã làm giảm đi năng lực tranh đua. Công việc làm mẹ là phải cho đi cả sức lực tinh thần lẫn thể xác từ lúc thức dậy cho đến lúc đi ngủ. Một loại công việc 24/24. Sự tiêu phí năng lực lớn lao này đã khiến cho trí óc người mẹ không thể dục, làm chậm lại các sinh hoạt trí óc. Sự chia bớt sức lực này "có thể" làm giảm bớt nhu cầu tranh đua. Nhưng cũng chính vì sự chung đụng thường trực 24/24 giờ này. Và vì ở vị thế đặc biệt đã có cơ hội quan sát và kiểm soát sự hình thành bản tính này trên đứa trẻ. Kinh nghiệm lớn lao này ngược lại cũng có thể để lại một thứ gia sản "nghề nghiệp" làm cho người đàn bà có thể có kinh nghiệm tâm lý hơn, trong những công tác cần kinh nghiệm về tranh đua, tranh đấu, tranh giành quyền lực với tha nhân.

Lý tưởng hơn là nếu người đàn bà có cái cơ hội tính toán kinh nghiệm làm mẹ dựa trên căn bản được quyền chọn lựa. Ví dụ người đàn bà được quyền tính toán kinh nghiệm này như một quyền lợi kinh tế. Hoặc người đàn bà được quyền chọn lựa kinh nghiệm làm mẹ như là một theo đuổi giá trị tinh thần của nhu cầu phục vụ. Phục vụ cá nhân hay phục vụ xã hội, mà kinh nghiệm này sẽ mang lại những phần thưởng tinh thần hơn là những quyền lợi vật chất v.v... và v.v...

Về phương diện xã hội, công việc làm mẹ càng không được các xã

hội hiện nay định cho nó một giá trị cao. Căn cước nghề nghiệp, một động lực mạnh mẽ để hướng dẫn đời sống con người, ở các xã hội đương thời là vẫn nên trở thành bác sĩ, chính trị gia, giám đốc, giáo sư, tài tử truyền hình. Căn cước nghề nghiệp là căn cước bảo vệ cá nhân vững vàng nhất trong đa số xã hội hiện nay.

Đối với người đàn ông, sự hiện hữu được định giá trên những lá căn cước. Người đàn ông được thúc đẩy từ nhỏ rằng lớn lên là phải trở thành một loại căn cước nghề nghiệp. Đàn ông phải có công danh sự nghiệp, *"Đã trót sinh ra trong trời đất. Phải có danh gì với núi sông"* (Nguyễn Công Trứ). Để thiết lập nên những lá căn cước này, người ta phải tiêu phí rất nhiều thời gian của một đời người mới đạt được chúng.

Khi người đàn bà muốn theo đuổi những lá căn cước nghề nghiệp trên, người đàn bà sẽ không thể liên tục thiết lập được thành tích cá nhân một cách tối đa như người đàn ông ở lứa tuổi 20, 30, 40. Vì đây cũng là lứa tuổi mà người đàn bà bận sanh nở và nuôi con.

Và nếu người đàn bà đang trên đà thiết lập một thứ căn cước như những người đồng lứa, phải dừng lại vài năm để sanh nở và nuôi con, người đàn bà không còn được bảo vệ bởi thứ căn cước nghề nghiệp nữa. Điều này có thể tạo nên sự mất tự tin và hoang mang nếu lá căn cước mới không vinh quang hơn lá căn cước cũ.

Ngoài ra khi dừng lại để sanh đẻ và nuôi con, nếu không còn tiếp tục kiếm tiền được nữa, người đàn bà cũng sẽ thấy bị tước đoạt sự độc lập về tài chánh mà trước đây họ đã vui hưởng như bao nhiêu người đồng lứa khác.

Công việc làm mẹ không có những tác động lớn lao về phương diện tập thể. Nhưng về phương diện phát triển cá nhân, nó là một sinh hoạt hai chiều có tác động lớn nhất trên cả cuộc đời của hai cá nhân, mẹ và con. Có thể nói không có một sinh hoạt cá nhân khác nào có thể lớn lao hơn mối sinh hoạt tương quan giữa mẹ và con. Vì tính chất vĩ đại của sinh hoạt này, đáng lẽ nó nên được xã hội dành cho một sự chiếu cố quan tâm hơn. Không có một xã hội nào vinh danh anh hùng mẹ như vinh danh Tổng Thống, vinh danh Anh hùng Dân tộc... Thiếu vắng sự vinh danh hình ảnh mẹ từ các xã hội, công việc làm mẹ chỉ còn là một sinh hoạt thường tình như ăn, uống, ngủ, nghỉ, riêng của mỗi cá nhân. Sinh hoạt sanh đẻ và nuôi con cho đến hiện nay vẫn được xem như là một sinh hoạt tự nhiên rất cá nhân. Đây được xem là một truyền thống của nhân loại để lại từ những xã hội săn bắn và nông nghiệp. Con người ở những xã hội bộ lạc và làng xóm ấy có những sinh hoạt đơn sơ và đối diện với một không gian chật hẹp. Con người ngày nay sống trong một thế giới phức tạp và đối diện với một môi trường lớn rộng. Vì vậy mọi

sinh hoạt của con người cũng phức tạp và có liên đới hơn. Sự tiến bộ về kỹ thuật và khoa học lại còn mang đến cho đời sống nhân loại nhiều dữ kiện và phương tiện sống dồi dào hơn nữa. Tuy thế, trong khi những sinh hoạt như giáo dục, nghề nghiệp, việc nhà, hưởng thụ, đã có nhiều biến đổi và thích hợp với thời đại mới, thì sinh hoạt sanh đẻ và nuôi con tương đối có ít biến đổi.

Trong khi trải qua kinh nghiệm sanh đẻ và nuôi con, tôi đã kinh ngạc để nhận ra rằng cho đến giờ phút này, người đàn bà nhận được rất ít sự hỗ trợ từ nhân loại về sinh hoạt sanh đẻ và nuôi nấng con cái. Chỉ cách một thế hệ, mẹ tôi đã trải qua tất cả mười lần sanh đẻ, so với tôi, chỉ có hai lần. Kinh nghiệm đau đớn và mất sức lực vào công việc sanh đẻ đã làm cho tôi thấy thương xót về cái số mệnh vẫn vỏi của mẹ tôi. Nếu bà không "bị" sanh đẻ mười lần và nuôi sống bảy đứa chúng tôi, biết đâu bà đã sống thêm được vài chục năm hơn số tuổi 49.

Nhìn lại hai mươi mấy năm nhận được sự giáo dục của hai nền văn hóa Việt Nam và Hoa Kỳ, tôi đã không hề nhận được một bài học nào về việc sanh đẻ và nuôi một đứa con cho lành mạnh. Trong khi đó tôi nhận được rất nhiều năm học về toán, về lịch sử, về ngôn ngữ, về nghề nghiệp. Cả hai nền giáo dục đều nghiên cứu kỹ lưỡng việc chuẩn bị cho tôi thành một người hữu ích cho xã hội. Để đến khi "vượt cạn một mình", tôi đã thấy rằng tôi ước gì những người soạn ra chính sách giáo dục của cả hai nền văn hóa cắt bớt những giờ nữ công gia chánh và những bài học lịch sử, để dạy cho tôi một ít vốn liếng về sứ mạng sanh đẻ và nuôi con. Tôi biết những nhà giáo dục khắp thế giới đã soạn giáo trình dựa trên nguyên tắc là con người cần dạy dỗ để phát triển khả năng ngôn ngữ và khả năng nhận thức v.v... (Rani & Moham Lall, Thomas 1983), trong cái mục tiêu rằng con người cần giúp vốn để có khả năng đảm nhiệm những sinh hoạt giữa xã hội. Nếu như vậy thì rõ ràng những giáo trình trên đã xem việc sáng tạo ra những nhân mạng nhẹ hơn việc phát triển những nhân mạng. Khi đo lường những phát minh của nhân loại, cho đến nay, có vẻ như các xã hội đã ít đầu tư vào những nghiên cứu sanh đẻ và nuôi con như đã đầu tư vào những nghiên cứu khác. Ví dụ một phát minh trong phương tiện giao thông là chiếc máy bay. Chỉ trong vòng mấy chục năm, mà chiếc máy bay đã hưởng được bao nhiêu là công trình nghiên cứu. Để từ một chiếc máy bay thô sơ trở thành chiếc máy bay khổng lồ đưa nhân loại đi từ lục địa này sang lục địa khác với kỷ lục thời gian ngắn ngủi. Trong khi đó có được bao nhiêu cuộc nghiên cứu làm giảm bớt những cơn đau sanh đẻ ở những đại học ở các quốc gia có khả năng thực hiện những cuộc thí nghiệm này?

Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) cho biết hiện nay ở Afghanistan và

Sierra Leone con số phụ nữ chết vì sanh con vẫn còn cao, 1/100 ("Men, Sex, And Parenthood In An Overpopulating World" trong *World Watch*. 3/4/1994). Trách nhiệm ngừa thai vẫn là trách nhiệm của người đàn bà. Những phương thức ngừa thai vẫn nhắm vào bộ phận sinh dục của người đàn bà, từ viên thuốc ngừa thai, cho đến đặt vòng xoắn IUD, cho đến thuốc Norplan gắn dưới làn da. Theo tài liệu của Hiệp hội Kế hoạch Sanh đẻ Quốc tế The International Planned Parenthood Association (IPPF) đã ước lượng rằng chỉ có "8% ngân sách của kế hoạch ngừa thai quốc tế được dùng vào việc phát triển một phương pháp ngừa thai cho đàn ông". ("Men, Sex, And Parenthood... như trên).

Sinh hoạt sanh đẻ và nuôi con là một sinh hoạt chậm tiến về phương diện "ý thức". So với một sinh hoạt khác như sinh hoạt ăn uống. Trong tiến trình phát triển "ý thức", việc con người dùng cây ná kiếm con thú (để ăn) của thời xa xưa. Tiến đến việc xã hội bào chế những viên kẹo (cũng để ăn) trong một nhà máy khổng lồ hiện nay. Là kết quả của bao công cuộc nghiên cứu và cải tổ ở những cái máy làm ra kẹo và ở những chất hóa học cấu tạo nên kẹo. Từ con thú cho đến viên kẹo, con người đã gia tăng "ý thức" về sinh hoạt ăn uống. Ăn là để thỏa mãn bản năng thú tính sinh tồn khác xa với ăn là một sinh hoạt hưởng thụ những tiến bộ của văn minh nhân loại.

Về phương diện "ý thức" sanh đẻ nhân loại có vẻ như không nhúc nhích trong ngàn năm lịch sử. Sinh hoạt sanh đẻ và nuôi con, từ thời khai thiên lập địa đến nay trước sau vẫn được xem là một sinh hoạt chính của bản thể nữ. Là một sinh hoạt mà người nữ phải gồng gánh hết mọi bổn phận. Và nó chỉ có giá trị lớn lao là duy trì nòi giống. Nhân loại đã không bận tâm đến nó nhiều như nhân loại đã bận tâm đến các vấn đề lớn khác như tình yêu, hạnh phúc, chiến tranh, cái chết v.v...

Với tôi, sanh đẻ và nuôi con xứng đáng để được xét lại dưới dạng thức nó không chỉ là một sinh hoạt tự nhiên của động vật có vú mà nó là một sinh hoạt của con người có ý thức lớn lao về biến cố vĩ đại này. Và sanh đẻ và nuôi con là một sinh hoạt quan trọng nhất của con người chứa đựng những giá trị *liên đới xã hội* chứ không phải chỉ là của riêng một *bản thể cá nhân*.

Ba

Kinh nghiệm trở thành một người mẹ Việt Nam là một kinh nghiệm đặc biệt khác mà tôi đã trải qua.

Trước hết hình ảnh người đàn bà Việt Nam được ghi dấu bằng một sự tích lâu đời nhất là hình ảnh Hai Bà Trưng, hai vị nữ anh hùng khai sinh ra lịch sử Việt Nam vào năm 42 Tây lịch. Những người đàn bà Việt

Nam được nhắc nhở nhiều vẫn là những anh hùng lịch sử, là do cái truyền thống ca ngợi tuyệt đối vai trò anh hùng lịch sử mà không khuyến khích những đóng góp hoặc những sáng tạo phát minh của những anh hùng khác của nền văn hóa Việt Nam. Song song với các nam anh hùng lịch sử, người Việt Nam vẫn biết đến những nữ anh hùng lịch sử nhiều hơn những nữ lưu khác, đó là những anh hùng lịch sử Triệu ẩu, Huyền Trân Công Chúa, Bùi Thị Xuân v.v... Kế tiếp, có lẽ một truyền thống văn hóa khác của người Việt Nam là ca ngợi những người học giỏi. Những vị nữ lưu nổi tiếng văn hay "học giỏi" có Đoàn Thị Điểm, Huyện Thanh Quan, Hồ Xuân Hương.

Đây là những trường hợp cá thể. Trên phương diện dại thể, cái hình ảnh mà người Việt Nam ca ngợi nhiều nhất về người đàn bà là hình ảnh tháo vát của người vợ và người mẹ Việt Nam.

Hình ảnh Người Chinh Phu chờ chồng nuôi con trở thành một nữ lưu đã để lại bao nhiêu là vần thơ nhạc ca ngợi. Nhà thơ Tú Xương ăn chơi nghiện ngập gái giếc đã để lại những câu thơ bất hủ ca ngợi người vợ Việt Nam, được nhiều người đàn ông Việt Nam dùng làm bình phong để "đổi đề tài" trách nhiệm làm chồng làm cha của họ.

Quanh năm buôn bán ở ven sông
Nuôi đủ năm con với một chồng
Lặn lội thân cò khi quảng vắng
Eo sèo mặt nước buổi trời đông.

Vợ của ông Phan Bội Châu, vợ của ông Phạm Duy cũng được các ông này làm thơ làm nhạc ca ngợi sự đảm đang hi sinh vì chồng.

Vai trò làm vợ giỏi đã được ca ngợi, vai trò làm mẹ giỏi lại càng được ngợi ca hơn. Không như truyền thống Hoa Kỳ chẳng hạn, người đàn bà được ngợi ca nhất trong vai trò "sex symbol", biểu tượng dâm. Nữ hoàng dâm Marilyn Monroe tuy không đi vào lịch sử Hoa Kỳ như Toni Morrison, một nhà văn nữ da đen được giải Nobel văn chương; hoặc như Betty Friedian, một nhân vật tranh đấu cho nữ quyền khai sanh từ thập niên 1960, nhưng Marilyn Monroe là một thần tượng "ngầm" của văn hóa Hoa Kỳ. Đàn ông Hoa Kỳ thì mê thân xác của Marilyn. Đàn bà Hoa Kỳ thì mơ có một tấm thân nẩy lửa như Monroe.

Vai trò mẹ trong văn hóa Việt Nam đóng vai trò một thứ thần tượng.

Vai trò mẹ lấn át tất cả những vai trò khác về hình ảnh người phụ nữ Việt Nam. Vai trò mẹ nổi bật vì đã được ca ngợi cái tính chất tuyệt đối của sự việc không còn sống cho mình, mà sống cho người khác. Người mẹ Việt Nam nổi tiếng là hi sinh cả cuộc đời mình cho chồng cho con. Hi sinh không đặt câu hỏi, không đặt điều kiện. Hi sinh quên hết bản thân mình:

Miếng nạc thì để phần chồng
Miếng xương mẹ gặm, miếng lòng phần con.

Ca dao Việt Nam còn có những câu ca ngợi sự hy sinh này dưới hình ảnh một con cò nặng nề bổn phận nuôi chồng nuôi con:

Cái cò lặn lội bờ sông
Gánh gạo đưa chồng, tiếng khóc nỉ non
Nàng về nuôi cái, cùng con
Để anh đi trẩy nước non Cao Bằng.

Hoặc:

Con cò mà đi ăn đêm
Gặp phải cành mềm lộn cổ xuống ao
Ông ơi ông vớt tôi nao
Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng
Có xáo thì xáo nước trong
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con.

Tính chất hi sinh đời mình để phục vụ con cái, phục vụ chồng, phục vụ gia đình nhà chồng của người đàn bà cổ truyền Việt Nam đã choàng phủ lên vai trò mẹ của người đàn bà Việt Nam một màu sắc ít chất "người" mà gần với chất "thánh" hơn.

Hình ảnh mẹ Việt Nam là hình ảnh những vị thánh sống. Hình ảnh Mẹ "rất phổ biến trong tâm thức tôn giáo" của văn hóa nông nghiệp cổ truyền Việt Nam. Dân tộc Việt Nam tôn thờ những yếu tố Mẹ, như Mẹ Lúa, Mẹ Đất, Nữ Thần Thánh Mẫu. "Cuộc sống nông nghiệp coi trọng yếu tố Đất – Mẹ... Ý thức yêu nước (khi) rất đậm nét thường được biểu dương là (lòng yêu) Đất Mẹ, (lòng yêu) Mẹ Việt Nam", (Đặng Nghiêm Vạn, *Việt Nam Đất Nước Lịch Sử Văn Hóa*, 1991, trang 218).

Âm nhạc Việt Nam trong hậu bán thế kỷ Hai Mươi đầy dẫy những câu hát ca ngợi tính chất thiêng liêng cao cả của mẹ Việt Nam. "Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào" (Y Vân), "Mẹ... là ánh sáng trong đêm khi lạc lối" (Nhất Hạnh, Phạm Thế Mỹ), "Trường ca mẹ Việt Nam" (Phạm Duy), "(Mẹ) Dạy cho con tiếng nói thật thà. Dạy cho con chớ quên màu da. Ôi lũ con cùng cha, quên hận thù". (Trịnh Công Sơn).

Tính chất "thánh sống" của người mẹ đã định để người đàn bà trong xã hội Việt Nam ở một vị thế khác biệt so với xã hội Hoa Kỳ. Ở Hoa Kỳ có ngày Lễ Mẹ (Mother's Day) để ca ngợi vai trò mẹ. Nhưng trong truyền thống văn hóa của xứ sở mới mẻ này, người mẹ của Hoa Kỳ không có chỗ nào gần lên đến người mẹ Việt Nam.

Truyền thống cá nhân chủ nghĩa của Hoa Kỳ khuyến khích sự tự lập cánh sinh của mỗi cá nhân. Người đàn bà cũng được khuyến khích là phải tự lo cho mình trước khi lo cho người khác. Con trai hay con gái đều

được khuyến khích là phải thiết lập niềm tự tin, tự lập, tự lo lấy, từ nhỏ trong gia đình. Đến mười tám tuổi là con cái nên dọn ra khỏi nhà bố mẹ và bắt đầu tự lập một đời sống mới. Người đàn bà không cần phải hy sinh cho ai cả. Truyền thống "độc lập" khuyến khích ai cũng như ai, phải tự lập, không ai nên hy sinh cho ai.

Sanh con đầu lòng vào năm thứ ba mươi sáu của cuộc đời. Theo tiêu chuẩn Hoa Kỳ, tôi là người đã lo cho cái thân tôi trước. Tôi ích kỷ hạng nặng. Tôi đã học xong những bằng cấp khả dĩ mang lại cho tôi loại công việc chuyên nghiệp có khả năng ổn định về tài chánh. Tôi đã đi làm no nê những năm tháng con gái để có tiền bạc tiêu xài rủng rỉnh. Tôi đã có đủ thời giờ để bồ bịch, tán dóc, ngủ trưa, bát phố, và đi nghỉ hè một mình hoặc hai mình. Về phương diện cá nhân, tôi đã thành đạt những điều mà mẹ tôi không đạt được một tí ti nào. Bà có một nhan sắc trên trung bình, nhưng vì nhà nghèo nên mới mười lăm tuổi đã phải về làm vợ kế cho một người đàn ông góa vợ hai con là bố tôi.

Chỉ đến khi có con tôi mới bắt đầu thấy mình thua xa mẹ tôi về mức độ hy sinh cho con cái. Tôi bắt đầu thấy mình phải cạnh tranh với mẹ về cái hình ảnh mà nền văn hóa Việt Nam đã mong chờ ở tôi.

Trong mớ hoa trái của đời sống tâm hồn chúng ta. Giữa tất cả những kết quả từ mối quan hệ của cá nhân với tha nhân. Không có giá trị nào cao quý hơn sự hy sinh. Hy sinh lớn lao hơn cả bác ái và từ bi. Trong khi thực thi bác ái và từ bi, người ta ban phát những tâm quả sẵn có. Từ bi và bác ái không dụng chạm đến quyền lợi của kẻ ban phát mà thường đó là những thành quả do sự phong phú của tâm hồn sản xuất ra. Nhưng hy sinh là cả một quyết định quyết liệt. Hy sinh có thể ăn mòn đến xương tủy của những nhu cầu căn bản của con người. Hy sinh là trao phần căn của mình cho phần căn của kẻ khác. Lấy ví dụ sau khi người chồng mất hoặc sau khi li dị, một người đàn bà quyết định ở vậy nuôi hai con bốn tuổi và năm tuổi. Khi quyết định phục vụ đời sống của những đứa con (con còn nhỏ, chúng không thể tự sống một mình), trước khi thỏa mãn đòi hỏi thể xác và đòi hỏi tình cảm của mình (ai cũng có nhu cầu cả, dĩ nhiên). Người mẹ ở đây đã phải dẹp bỏ nhu cầu tìm kiếm hạnh phúc cho chính nàng để nuôi con. Đó gọi là hy sinh.

Nó vượt trội hơn cả tình yêu. Trong tình yêu người ta có thể cho và nhận một cách thụ động. Nhưng hy sinh luôn đòi hỏi một sự ban phát chủ động và không mong gì nhận trả lại công ơn. Chỉ khi một người mẹ quyết định "tôi sẽ hy sinh đời tôi cho đời con", người mẹ mới vượt qua được những nhu cầu sống cho mình trước. Người mẹ mới có thể nhịn một giấc ngủ để dỗ con nín trong những cơn mệt mỏi thân xác rã rời. Mới dẹp bỏ ước muốn cặp bồ khác để chạy trốn cô đơn. Mới nghỉ học ở

nhà nuôi con. Mới có thể cai những cơn ghiền xì ke để dành cái chi phiếu eo-phe mua sữa cho con. Không nhủ lòng hy sinh, người mẹ sẽ bị nhu cầu muốn ăn ngon, bị nhu cầu muốn đi nằm ngủ cho sướng người, bị nhu cầu muốn tìm một vòng tay nồng ấm, bị nhu cầu muốn học hành đỗ đạt cho bằng người ta, chúng hành cho! Những nhu cầu này được xem là những nhu cầu bình thường của con người. Những người mẹ khắp năm châu từ trước đến nay đã hy sinh những nhu cầu căn bản này cho con cái. Và nhân loại đã xem thường những hy sinh này. Tôi có thể nhìn thấy một viễn tượng mà người đàn bà không còn muốn hy sinh đời sống mình cho con cái nữa. Ngày đó nhân loại sẽ trải qua một thách đố lớn lao và sẽ mất rất nhiều thời gian để mò mẫm ra một mô thức mới thay thế ơn hy sinh của những người mẹ đã cứu rỗi nhân gian bấy lâu nay.

Sự hy sinh của mẹ tôi đã mang lại kết quả tốt trên tôi ngày nay. Làm sao tôi có thể không ca ngợi về sự hy sinh của mẹ khi thấy rõ ràng lòng yêu người, sự tự tin, sự phấn đấu trên tôi, là thành quả do lòng hy sinh của mẹ. Tôi cảm nhận được ân sủng yêu thương không điều kiện của mẹ đã mang lại những kết quả rất tích cực trên chính tôi. Tôi không thể đặt câu hỏi về lòng hy sinh khi biết rằng đó là món quà quý báu nhất trần gian mà tôi đã tiếp nhận từ kẻ tha nhân đầu tiên là mẹ. Khi lớn lên bước vào đời, tôi chỉ thấy tha nhân bày ra những ác độc, những ích kỷ, những kèn cựa, những phiền muộn, những tiêu cực không à.

Nhưng mặt khác nó đòi hỏi những điều mà tôi không thể thực hiện nổi. Bởi vì trong khi đi tìm kiếm chính tôi, tôi đã mất thời giờ, mất năng lực, mất trí lực, vào sự theo đuổi này. Tôi không biết phải hy sinh cho con tôi như thế nào để có thể mang lại những kết quả tốt trên con cái. Tôi bắt đầu thấy tranh chấp giữa việc sống cho tôi và sống cho con. Tôi bắt đầu thấy đúng là tôi đã ích kỷ khi có con quá trễ. Tôi không giống mẹ. Là tôi đòi hỏi ở người đàn ông cộng tác với tôi trong việc cho ra đời những đứa con phải cộng tác với tôi trong việc nuôi dạy con. Tôi không thể từ chối rằng sống cho mình cũng có những cái sướng thân.

Con số ly dị kỷ lục ở Hoa Kỳ vào thập niên 1980, cứ bốn cặp thì đã có ba cặp ly dị, có thể do nhiều yếu tố tạo thành. Nhưng cái yếu tố lớn nhất đưa đến những tan vỡ trong hôn nhân có lẽ là do sự đi tìm kiếm chính mình của người đàn bà Hoa Kỳ sau cuộc Cách mạng Phụ nữ của thập niên 1960. Trong khi đi tìm kiếm mình, người đàn bà Hoa Kỳ đã làm động thương nhiều hệ thống xã hội. Mà vai trò người đàn bà, vai trò người đàn ông, vai trò cha mẹ, vai trò con cái, vai trò chính quyền, đã bị lung lay bởi cái cách thế "bút dây động rừng" này. Kết quả của những cuộc ly dị này đã để lại một ảnh hưởng tiêu cực trên con trẻ Hoa Kỳ. Khủng hoảng gia đình đã tạo ra những đứa trẻ thích xài súng ống, ái ân

sớm, bệnh tật nhiều, học hành kém. Khi cha mẹ không chăm sóc con cái vì cả hai đều bận rộn đi tìm kiếm công danh, đi tìm kiếm tiền bạc, và đi tìm sự thỏa mãn nhu cầu cá nhân; thì truyền hình và bạn bè đã trám vào để thay thế công việc hướng dẫn đứa bé. Vai trò của truyền hình và vai trò của những trung tâm giữ trẻ được đặt ra. Liệu một trung tâm giữ trẻ tốt có thể thay thế vai trò của bố mẹ trong việc nuôi dạy đứa bé không? Một thế giới mới đang hình thành ở Hoa Kỳ trong đó mọi giới đang dò dẫm và duyệt xét lại toàn bộ những hệ thống xã hội để tìm kiếm một phương thức ổn định được cơn khủng hoảng gia đình Hoa Kỳ hiện nay.

Xã hội Việt Nam vẫn có một mô thức gia đình rất thành công. Có thể nói có nhiều cơ chế của xã hội Việt Nam đã bị phá vỡ. Nhưng gia đình vẫn còn là một cơ chế vững chắc.

Đứng về phương diện quốc gia, cơ chế quân chủ với hệ thống vua chúa đã bị đánh đổ vào đầu thế kỷ hai mươi khi Bảo Đại là vị vua cuối cùng của Việt Nam.

Một đơn vị khác của xã hội Việt Nam đã bị nhiều thiệt hại là làng xóm.

Làng Việt Nam nguyên là một đơn vị xã hội khá chặt chẽ trong nếp sống của người Việt Nam, "Phép vua còn thua lệ làng" là một câu tục ngữ mà bất cứ người Việt Nam nào cũng biết. Vì phải trải qua quá nhiều chinh chiến của lịch sử nên người dân Việt Nam phải di chuyển chỗ ở liên miên. Hậu quả của những cuộc di cư này là làng Việt Nam không còn sức mạnh văn hóa như cũ. "Làng Việt Nam đã không còn cung cấp cho thành viên trong làng cái ý thức tập thể. Ý thức này đã mờ nhạt ở người Việt" (Nguyễn Đăng, *Việt Nam Đất nước Lịch sử Văn hóa*, 1991, trang 85). Khi cần phải chung tiền làm ăn, người Việt Nam chỉ có thể tin tưởng tiền bạc với những người trong gia đình, chứ không tiến xa mối tin tưởng như người Trung Hoa. Người Trung Hoa sẵn sàng tin tưởng tiền bạc với những người cùng quê, cùng làng hơn.

Một dấu vết khác của một quốc gia nhiều chiến tranh như Việt Nam là sự phá vỡ giai cấp. Nhiều nhà văn hóa chia xã hội Việt Nam ra làm bốn giai cấp: Sĩ, nông, công, thương. Nhưng hãy nghe một câu ca dao rất phổ thông ở Việt Nam: "Nhất Sĩ nhì Nông. Hết gạo chạy rông nhất Nông nhì Sĩ". Trong nhiều xã hội khác, sự tồn tại với thời gian là yếu tố hàng đầu để thiết lập nên những giai cấp. Nhưng điều này đã vắng bóng trong xã hội Việt Nam. Vì chiến tranh liên miên nên không có điều gì vĩnh cửu. "Không ai giàu ba họ. Không ai khó ba đời". Hoặc "Dân vạn dại, quan nhất thời" là những câu tục ngữ bất hủ khác phản ảnh sự vô giai cấp ở Việt Nam.

Trong khi đó dù với bao nhiêu thế kỷ chiến binh, gia đình Việt Nam

vẫn giữ được một sức mạnh văn hóa cho đến ngày nay. Năm 1975, khi những người Việt Nam tỵ nạn sang Hoa Kỳ. Nhờ hệ thống gia đình vững chắc để nuôi nấng và bảo bọc nhau nên người Việt Nam đã có thể đi học, đỗ đạt, và thành công về con đường bằng cấp trong xã hội mới này. Cũng nhờ hệ thống gia đình chặt chẽ, người Việt Nam đã có thể mua tậu nhà một cách dễ dàng. Họ đã chung tiền và sẵn sàng cho mượn tên anh chị cha mẹ con cái nhau để thỏa mãn những điều kiện tài chánh và tín dụng đòi hỏi từ những chủ nợ. Họ đã phá vỡ được hàng rào hệ thống tín dụng của nhà băng Hoa Kỳ, vốn thường căn cứ trên thành tích tiền tích lũy và thành tích ít nợ của những người đứng tên nhà để cho vay tiền mua nhà.

Sự thành công hoặc thất bại của gia đình Việt Nam đối với văn hóa Việt Nam nói lên vai trò của người đàn bà Việt Nam rất nhiều. Sở dĩ gia đình Việt Nam vẫn còn có bộ mặt như ngày nay, là do sự đóng góp của người đàn bà Việt Nam trong phương cách kiểm soát và duy trì hệ thống gia đình Việt Nam để tồn tại vững vàng giữa bao tan tác ly loạn của chiến tranh. "Lệnh ông không bằng cồng bà" nói lên cái uy lực của người đàn bà trong gia đình Việt Nam.

Vai trò của người đàn ông trong gia đình Việt Nam vẫn mạnh. Người đàn ông vẫn được xem là cột trụ của gia đình do ảnh hưởng của Khổng Giáo, Trung Hoa. "Phu xướng, phụ tòng". "Tại gia tòng phụ. Xuất giá tòng phu. Phu tử tòng tử" là những câu nói giáo điều của người Trung Hoa chứ không phải của người Việt Nam. Những giáo điều này đã có một số ảnh hưởng tương đối nào đó lên đời sống gia đình Việt Nam. Trên danh chính ngôn thuận người đàn ông vẫn được xem là người quyết định những vấn đề lớn ảnh hưởng đến toàn bộ đời sống vợ chồng con cái. Tuy nhiên vì lịch sử Việt Nam là một lịch sử chiến tranh.

Một quốc gia đã hiện diện hơn bốn ngàn năm nhưng chỉ được mấy trăm năm hòa bình gom lại từ lúc dựng nước cho đến cuối thế kỷ hai mươi này. Vì thế người đàn ông Việt Nam phải ra chiến trường nhiều hơn là ở nhà. Nên người đàn bà Việt Nam đã phải quán xuyến hết tất cả mọi việc, từ việc chăm sóc dạy dỗ con cái cho đến việc kiếm tiền nuôi sống gia đình. Trong khi người đàn ông phải lo phục vụ đất nước, thì trách nhiệm chủ chốt gia đình đã phải chuyển nhượng sang hết cho người đàn bà. Người đàn bà không những phục vụ cho gia đình nhỏ của mình, mà còn phải phục vụ gia đình lớn của chồng. Tiếng Việt có một cụm từ "gánh vác giang sơn nhà chồng" để chỉ khả năng quản trị gia đình của người đàn bà Việt Nam.

Một trong những nơi chốn thể hiện khả năng kiếm tiền và khả năng quản trị tài chính của người đàn bà Việt Nam là cái chợ.

TÁC GIẢ & TÁC PHẨM

Chợ Việt Nam là giang sơn của người đàn bà Việt Nam. *"Không mợ, thì chợ vẫn đông. Có mợ, thì chợ vẫn đông như thường"*, *"Gái thương chồng đang đông buổi chợ. Trai thương vợ nắng quái chiều hôm"* là những câu ca dao đã gắn bó người đàn bà Việt Nam với cái chợ.

Chợ là tụ điểm của phần lớn những thương vụ của người Việt Nam. Là một nơi sinh hoạt đặc biệt giữa đàn bà với đàn bà. Chính nơi đây là nơi người đàn bà cổ truyền Việt Nam đã bung ra ngoài xã hội để kiếm tiền. Những cửa hàng trong chợ, từ những hàng vải hàng rau, cho đến những hàng cá hàng thịt, từ hàng nhỏ cho đến hàng lớn, tất cả đều được điều khiển và trao đổi bởi những người đàn bà. Khi chợ Đồng Xuân, một nơi được xem như là "não" của Hà Nội ("Merchants Suffer As Historic Market Burns In Hanoi", *San Jose Mercury News*, July 24, 1994), phát cháy vào trung tuần tháng 7, 1994. Người ta đã ước lượng có khoảng gần 9000 người, phần lớn là đàn bà Hà Nội, mất công ăn việc làm ("Merchants Suffer As Historic Market Burns In Hanoi", như trên).

Làng Giầu (còn gọi là Phù Lưu), nay thuộc huyện Tiên Sơn, Bắc Ninh, cách Hà Nội 18 cây số là một làng nổi tiếng với chợ Giầu. Chợ Giầu nổi tiếng với những câu ca dao như:

Ai lên Quán Dốc, chợ Giầu
Để thương để nhớ để sầu cho khách đường xa.

hoặc:

Nón em sắm ở chợ Giầu
Dọc ngang thước rưỡi, múc khâu năm đường.

hay:

Gạch người mua chợ Đồn Gồi
Mua soan tím lõi, mua vôi chợ Giầu.

Chợ Giầu là sinh hoạt chính của làng nên người ta còn gọi là làng Chợ Giầu. Làng Chợ Giầu nổi tiếng là sản xuất ra những người đàn bà buôn bán giỏi. "Phụ nữ làng Chợ Giầu còn nổi tiếng là đi buôn để nuôi chồng đi học. Sách Đồng Khánh địa dư chí lược chép "Phù Lưu là tổng có nhiều người đỗ đạt nhất huyện" (*Tìm Hiểu Làng Việt*, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, 1990, trang 168).

Người đàn bà Việt Nam đã là người bán, họ còn là khách hàng mua. Những cô thiếu nữ, những người đàn bà bước đến chợ, là bước đến một ngôi trường học hỏi cái khả năng quản trị tài chính của mình. Đây là nơi dạy cho họ những bài học quản trị tài chính rất nghiêm nhặt.

Chợ Việt Nam không như những siêu thị Hoa Kỳ. Những siêu thị ở Hoa Kỳ treo giá chính xác trên mỗi món hàng cho mọi người biết để mua bán. Nhưng chợ Việt Nam từ ngàn xưa cho đến nay là nơi chốn để mặc cả giữa người bán và người mua qua hình thức khảo giá bằng mồm.

Người bán đưa giá. Người mua trả giá. Hai bên nói qua nói lại cho đến khi cả hai cùng chịu giá của nhau. Đó là một nghệ thuật tranh cãi liên hệ đến thiên khiếu và có sự học hỏi. Người bán khéo có thể lời cao. Người mua vụng có thể bị hố. Sự lời lỗ trong việc chi thu ở những buổi chợ có thể nâng cao hoặc xuống thấp nền kinh tế của gia đình.

Người đàn ông Việt Nam không nhận lãnh trách nhiệm đi chợ. Họ có thể là người mua bán ở ngoài chợ như là những gã lái buôn. Nhưng người đàn ông Việt Nam không làm công việc mặc cả "cò kè bớt một thêm hai" trong chợ. Đó là một loại công việc của phụ nữ Việt Nam.

Chỉ từ khi những sinh hoạt thương mãi vuột ra khỏi chợ, trở thành những công ty lớn, người đàn ông Việt Nam mới bắt đầu tham gia tích cực vào những sinh hoạt buôn bán quy mô nhiều hơn.

Sinh hoạt thương mãi ở chợ và sinh hoạt quản trị trong gia đình đã khiến cho người đàn bà Việt Nam có cơ hội hành xử các khả năng trí tuệ và ở vào những vị thế có quyền lực.

Định mệnh hết sức vẩn vỏi của miền Nam Việt Nam hai mươi năm, 1954 – 1975, bị đổ lỗi một phần là do lạm quyền và do tham nhũng của hai chế độ Ngô Đình Diệm và Nguyễn Văn Thiệu. Chế độ Ngô Đình Diệm đã sụp đổ với hình ảnh bà em dâu Trần Lệ Xuân làm mưa làm gió trên chính trường của chế độ thời ấy. Tiếp theo là chế độ Nguyễn Văn Thiệu cũng đã mục nát vì tham nhũng (Bản Cáo trạng Tham nhũng số hai của Phong trào Chống tham nhũng do linh mục Trần Hữu Thanh cầm đầu khoảng 1974 – 1975). Chế độ Nguyễn Văn Thiệu bất lực với tham nhũng không phải vì chính phủ ấy đã không có những chính sách diệt tham nhũng. Mà vì những giềng mối tham nhũng khổng lồ nhất đã xuất phát từ những người đàn bà vợ của những vị tướng lãnh cầm quyền. Mà vì trong căn bản những người đàn bà này không phải là những kẻ được ủy quyền trực tiếp. Nên họ chỉ nhìn thấy quyền lợi riêng mà không nối kết được tác động của những hành vi do mình gây ra lên trên thiệt hại chung của cộng đồng. Một cách thuận ngôn và trên nhiều sách vở, người ta vẫn nói xã hội Việt Nam là một xã hội phụ quyền và nam quyền. Trong thực tế, xã hội ấy đã có chỗ cho người đàn bà hành xử những khả năng cá nhân gián tiếp và trực tiếp một cách sâu rộng hơn là người ta đã tương truyền.

Bốn

Là một người cầm bút tôi hiểu đậm đà về hai chữ "Lưu vong". Có những khi tôi đã có cảm tưởng như mình đang trốn chạy đời sống vào những trang giấy. Cảm giác bất lực trước nhiều vấn đề lớn của đời sống khởi đi từ những suy nghiệm về tôn giáo, chính trị, tranh chấp, trí thức

v.v... khiến cảm giác lưu vong là một thứ cảm tưởng phiêu lãng thuốc phiện rất mời gọi chui đầu vào. Sự cô đơn của công việc sáng tạo khiến người cầm bút thấy rất dễ gần gũi với trạng thái lưu vong mặc dù đôi lúc tôi đã rất muốn từ chối sự tàn tật của trạng thái này. Tôi đã đả đảo nhiều thứ chính thống để giữ được những rung động nguyên thủy về đời sống. Sự kiếm tìm độc lập là một niềm tin đã được thử nghiệm cùng năm tháng để khiến tôi thấy mình lưu vong ngay chính trong đời sống này với người thân, với đàn bà, với đàn ông, với những bạn bè hiếm hoi... Lưu vong về tinh thần dễ tàn tật và tuyệt vọng hơn lưu vong về địa lý. Tôi cũng đã lưu vong ra khỏi quê hương trong một thời gian dài, sống gần hai mươi năm ở xứ sở Hoa Kỳ, xa rời Việt Nam. Lưu vong. Lưu vong. Lưu vong... tôi đã thấy nó nằm lấp xấp dưới từng tế bào năm tháng của cuộc đời con gái mình. Nó là một lưu trữ tiếp thu từ cuộc sống tinh thần của một kẻ dã thấy mình kề cận với sự tương đối và tuyệt đối của cuộc đời vào năm thứ ba mươi sáu sống sót trên mặt đất này.

Cho đến khi tôi có con.

Trong một giai đoạn ngắn khi hai đứa con cần đến sự chăm sóc thể lý và tinh thần tuyệt đối từ cơ thể và tâm hồn tôi, tôi thấy chỗ trú ngụ tuyệt đối của tôi ở nơi hai con. Đó là lúc tôi thấy sự nghiêm chỉnh của hai con người hoàn toàn sống nhờ sự sống của tôi. Sự hiện hữu của con chính là sự hiện hữu của tôi. Nhưng con không phải là tôi. Mà con lại là một tha nhân khác. Một cảm giác kinh ngạc đã choán ngợp cả thể xác lẫn tâm hồn không còn chỗ cho suy tưởng nữa. Và tôi chỉ biết mải miết sống. Không biết đặt câu hỏi như thế nào và cũng không cần câu trả lời. Tôi khám phá ra rằng chỉ trong phút giây ngắn ngủi của trạng thái tuyệt đối của lòng thương yêu, con người mới không thấy mình bị lưu vong. Sự gắn bó giữa người mẹ và con là một sự cho và nhận tuyệt đối. Chính sự tuyệt đối tầm thường trên đã đánh văng cảm giác lưu vong mà thế giới trí thức thường ám ảnh tôi. Đó là một cảm nhận khá hiếm hoi đối với một kẻ săn đuổi những ý tưởng và thường xuyên bất mãn với thế giới đã được thiết lập chung quanh, như tôi.

Trong tất cả các kinh nghiệm liên hệ đến kinh nghiệm trở thành mẹ, có một kinh nghiệm mà tôi yêu quý nhất và đã trả lời được cho chính tôi một câu hỏi căn bản về đời sống, mà trong đời sống của một người cầm bút tôi không bao giờ có thể nắm bắt được, mặc dầu nó là điều tôi đã theo đuổi và lùa bắt nó trong từng cân của trí não, của ngòi bút, của trang giấy, của thời gian, và của từ kinh nghiệm chính mình.

Đã có những chiều Chủ Nhật của những năm hai mươi, những năm ba mươi độc thân. Nằm một mình ở Việt Nam. Nằm một mình trên nước Mỹ. Nằm hai mình ở nước Mỹ. Nằm hai mình trên Việt Nam. Đi học. Đi

chơi. Đi làm. Đi quán cà phê. Đi biểu tình. Đi thư viện. Đi làm thiện nguyện. Đi bảo tàng viện. Đi leo núi. Đi bãi biển. Tôi đã sống qua những năm con gái với đủ thứ triều sóng của nhiều biến cố lớn nhỏ từ bên trong lẫn bên ngoài. Để học hỏi và thấy rằng đau khổ thì cứ nằm lì lợm trong tâm hồn đuổi mấy cũng không chịu đi, còn hạnh phúc thì vẫn vỏi phút giây khiến đã trôi qua rồi mà lòng vẫn còn thèm muốn nhớ nhung mãi.

Giữa tất cả mọi điều. Đã có nhiều buổi chiều Chủ Nhật tôi chỉ muốn tự tử.

Đó là những lúc tôi cảm thấy cuộc đời thật vô nghĩa.

Khái niệm về "cuộc đời vô nghĩa" chỉ là một khái niệm. Nó là một sản phẩm của suy tưởng. Nếu người ta chỉ sống mà không suy nghiệm gì về chúng cả, người ta sẽ không nghĩ đến chuyện cuộc đời này có ý nghĩa hay không có ý nghĩa. Nhưng khi giòng suy tưởng đã dẫn một người đến cái kết luận rằng cuộc đời này thật vô nghĩa, thì rồi nó sẽ níu cái đầu của bạn quanh quẩn ở chỗ đó. Vì nó là một kinh nghiệm suy tưởng mà chỉ có thể thay lấp bằng một kinh nghiệm suy tưởng khác. Với tôi, kinh nghiệm về sự vô nghĩa của đời sống là một kinh nghiệm suy tưởng vĩ đại mà cho đến giờ phút này tôi vẫn chưa vượt qua bằng một kinh nghiệm suy tưởng nào khác.

Tôi đã lỡ rơi vào cái hố thẳm của sự trống rỗng sự vô nghĩa của cuộc đời vào những năm còn trẻ, những năm đầu hai mươi. Và cứ như vậy nó kéo dài qua những năm ba mươi của tôi. Tôi đã nhiều lần thấy tâm hồn, con người, và cuộc đời mình gần với câu thơ của Ôn Như Nguyễn Gia Thiều "Trăm năm còn có gì đâu. Chẳng qua một nắm cỏ khâu xanh rì". Tôi đã săn đuổi đời sống với những nỗi niềm bình an, sợ hãi, gan dạ, ngây thơ, già dặn, nhẹ nhõm, nặng nề, yêu đời, chán đời, hiu quạnh, táng tận, tương đối, tuyệt đối, chia sẻ, và cô đơn.

Đã có những lúc tôi yêu một cái chết vô cùng.

Cho đến ngày tôi cho ra đời những đứa con.

Khi cho ra đời những đứa con. Tôi không chỉ tái sinh về mặt thể xác mà nó còn là một cuộc phục sinh tâm hồn.

Đứng về mặt thể xác, sau hai lần sanh nở, tôi tự cảm thấy máu thịt mình như trải qua những đãi lọc và biến thể của tế bào. Tôi tự cảm thấy mình trẻ trung và xinh đẹp ra sau hai lần sanh nở. Tôi tự thấy làn da của mình mịn màng ra sau hai lần sanh mà trước đó thời còn con gái trong những năm ba mươi tôi đã tốn công tốn của để chà đánh cái làn da không được tươi tốt lắm của mình.

Nếu đã có những lúc cái con người tôi ba mươi sáu tuổi đời, chuyên nghiệp, trí thức, ngồi tính toán từng yếu tố kinh tế của xã hội lên trên sự kiện sanh đẻ và nuôi con của người đàn bà. Thì cũng đã có nhiều lúc

nằm giang hai tay làm gối đầu cho hai con một bên cánh tả một bên cánh hữu, ngẫu hứng ầu ơ một câu hát ru con, tôi mới bắt đầu thấy lòng mình vừa ngập tràn một thứ phù sa tươi tốt đã cứu rỗi và cũng đã chậm chạp lăn bước cuộc đời tôi. Đó chính là một tấm lòng rộng lượng. Rộng lượng với chính mình. Rộng lượng với tha nhân. Rộng lượng trong cách ban phát niềm hạnh phúc cho người. Rộng lượng với những hèn kém và yếu đuối của chính mình và của người khác. Chỉ đến lúc trở thành mẹ, thể tích tôi mới nới rộng ra về một tấm lòng đối với tha nhân và về một cái nhìn lại lịch sử nhân loại không khắc nghiệt như ba mươi sáu năm trước đây. Tôi thấy chân tôi bắt đầu bám rễ vào cuộc đời một cách mềm yếu. Tôi thấy thân xác tôi đang biết vỗ về đôi cánh bay đến miền tương lai mặc cho bát nháo la đà chung quanh đầy dẫy những thù hận, ác độc, bất toàn, và lòng tham mà trước đó tôi đã sợ hãi và hoài nghi về cuộc đời này. Chỉ cho đến lúc trở thành mẹ tôi mới bắt đầu hoàn tất được một niềm tin. Tôi phải tin vào cuộc đời này.

Tâm hồn tôi rõ là trải qua những cuộc động hồn cực mạnh. Then chốt nhất vẫn là một sự cuốn văng tận mạng về mối hoài nghi cuộc đời vô nghĩa. Một sự trói buộc bản thể đã cho tôi thấy sự hiện hữu của tôi hết sức có <f3>ý nghĩa <f2>với chính tôi và với các con. Tôi không còn thời giờ để tra hỏi về sự hiện hữu của tôi và của các con tôi nữa. Tôi chỉ biết mải miết sống! Tôi phải lo bảo vệ sức khỏe bảo vệ sự sống của tôi và các con tôi từng phút giây. Một niềm yêu đời hết sức tươi tốt chợt nẩy sinh. Sự xám ngắt của tâm hồn như tự động biến mất. Khi ngắm nhìn những đứa con nằm ngủ khỏe mạnh và xinh đẹp, tôi thấy mùa xuân nẩy mầm trên từng hơi thở của con, trên từng tiếng thở ra nhẹ nhõm của chính mình và tôi tự cảm thấy: A! Mùa xuân. Mùa Xuân đang đi qua là đây.

Tôi bỗng thấy thương yêu cuộc đời vô cùng.

Lúc bấy giờ tôi chỉ mới vừa bắt đầu đối phó với nguồn tin con trai đầu lòng của tôi có thể bị chứng *autism*. □

GHI CHÚ

Bùi Văn Nguyên, *Việt Nam Truyện Cổ, Triết lý và Tình thương*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1991.

Geeta Rani Lall and Bernard Mohan Lall. Charles C. Thomas, *Comparative Early Childhood Education*, Illinois, 1983.

"Gender Gap in Teens Views on Family", Báo ngày *San Jose Mercury News*, Hoa Kỳ, thứ Hai, 11 tháng Bảy, 1994.

"Men, Sex, and Parenthood in an Overpopulating World", Aaron Sachs, Báo tháng *World Watch*, Hoa Kỳ, tháng 3/4, 1994.

"Merchants Suffer as Historic Market Burns in Hanoi", Báo ngày *San Jose*

Trản Sơn
HOÀNG XUÂN SƠN

Bắt gặp mùi nhang thơm bữa mai
nhà phương tây cửa để phương đoài
hồn len lén rỏ vào kinh sách
mùa cũ thinh không rét ngọt dài

Đo thử lòng mình con sâu nhỏ
nghìn năm mây tản mác trên đồi
không chú cỏ hèn chim lụt tiếng
nuốt vào thiên cổ lụy đấy thôi

Ai về bóng cả nung đường lớn
mà kén tằm tơ vẫn nhạt nhoà
sợ buồn len lỏi vào đa tóc
lãng túy mê nằm sương ẩm hoa

Sông đã trói chìm lô giang kiếp
cây lên núi trản mọc dương phần
lai sinh lửa đốm chiều âm vực
ngậm ngùi hương cháy giữa dàn vân

Mercury News, Hoa Kỳ, Chủ Nhật, 24 tháng Bảy, 1994.
Nguyễn Hữu Hiệu, *Truyện Kể Dân Gian Nam Bộ*, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, 1987.
Robert W. Shahan and J.N. Mohanty. *Thinking About Being, Aspects of Heidegger's Thoughts*, University of Oklahoma Press, Norman, 1984.
Tìm Hiểu Làng Việt, Nhiều tác giả, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Dân tộc học, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1990.
Việt Nam Đất nước Lịch sử Văn hóa, Nhiều tác giả, Nhà xuất bản Sự Thật, TP. Hồ Chí Minh, 1991.

bùi bích hà

Bùi Bích Hà sinh ra và lớn lên ở Khu Gia Hội, thành phố Huế. Cựu học sinh Đồng Khánh và Chu Văn An. Tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm Huế, ban Pháp Văn. Ra trường, dạy học ở Đà Nẵng và Sàigòn. Đến California, Hoa Kỳ năm 1986, Bùi Bích Hà cộng tác với nhật báo *Người Việt* từ năm 1987 và liên tiếp sau đó nhiều sáng tác của Bùi Bích Hà xuất hiện trên nhiều tạp chí văn học nghệ thuật như *Thế Kỷ 21, Văn Học, Hợp Lưu, Thế Giới Ngày Nay*. *Buổi sáng một mình* là tập truyện ngắn đầu tay do nhà xuất bản Người Việt ấn hành. Hiện Bùi Bích Hà vẫn còn phụ trách trang Đặc Biệt trên nhật báo *Người Việt* và chương trình Phụ nữ trên Little Saigon Radio.

Thỉnh thoảng có hôm lái xe từ nhà đến sở làm trên một quãng đường vắng vùng Irvine, chợt nhìn thấy trước mũi xe những cái lá nhỏ, màu nâu, khô nỏ, lăn chấp chới trong gió. Trông chúng vui, tung tăng như bầy trẻ con. Một cảm giác nhẹ nhõm khiến tôi cảm thấy như có một nỗi vui vô cớ cũng nhảy nhót khinh khoái trong lòng.

Viết với tôi cũng bất ngờ, cũng là một xô đẩy tình cờ, như những cái lá khô nhỏ dùa vui trên quãng đường sương mù và gió lạnh sáng sớm hôm nào. Tôi ý thức chiếc xe đưa tôi đến sở làm là thực tế nghèo nàn, buồn bã, không chối bỏ được nhưng bù lại, tâm hồn tôi ở giữa lòng đường, cùng với đám lá khô tung tăng bốc theo cơn gió, xoáy theo chiều dúng, trông giống những vũ công ba lê tí hon nhón trên đầu những ngón chân nghệ thuật.

Tôi viết đủ mọi chuyện, khi ngẫu hứng. Viết như nói, như thở, như xúc động, như chào hỏi, như từ giã, không có nguyên tắc gì cả. Viết như trang trải, chia sẻ cùng người (ai? ở đâu?) một thứ "gửi hương cho gió". Viết như một an ủi, tháo gỡ với bản thân (để sống còn)

Ở chỗ bán cà phê và giải khát ra, con gái Ngân bảo nàng:

"Mẹ ngồi đây chờ con hay cùng đi?"

Chỗ hai mẹ con đứng ở dưới cái vòm cao lợp kính sáng trưng. Sắp đến lễ Tạ Ơn, người ta treo lủng lẳng mấy con tàu làm bằng móp phất giấy trang kim lóng lánh. Gió từ bên ngoài luồn qua các khe hở trên mái hoặc các cửa mở toang hoác bên dưới, làm đong đưa cả cái vạt áo trắng của bà tiên ngồi phiêu diêu trên mạn một con thuyền. Ngân ngước nhìn cả cái vòm không gian lổn ngổn những thứ đồ trang trí linh kinh ấy, nghĩ thầm: "Người Mỹ thích những chuyện thần thoại, để kéo dài tuổi thơ ít ỏi". Ngân trả lời con:

"Ừ, mẹ ngồi đây chờ." Con bé đi lẩn vào đám đông, dáng vội vã. Cả đêm hôm qua nó không ngủ vì ca làm nhưng sáng sớm lúc về tới nhà, nó đánh thức nàng và nói:

"Áo khoác bằng da chỉ bán hạ giá một ngày hôm nay thôi, con muốn mua tặng Nam, mẹ đi với con."

Ngân mỉm cười, nghĩ đến tình yêu của hai đứa chúng nó, cảm thấy một chút ấm áp lan tỏa trong cõi lòng tĩnh lặng của nàng. Chẳng biết từ bao giờ, Ngân không còn buồn vui cho chính nàng nữa. Ngân có cảm tưởng nàng như một tấm gương soi, phản chiếu xung quanh nhưng không phản chiếu chính mình.

Lựa áo với con xong, lúc đứng ở quầy trả tiền, con bé rụt rè nói:

"Con muốn mua biếu mẹ một chiếc."

Ngân cười với con:

"Những người trẻ yêu nhau không bao giờ nên có mặc cảm phạm tội cả. Mẹ không thích áo khoác bằng da."

Trả tiền xong, con bé hỏi vu vơ người bán hàng:

"Tôi không nghĩ là tiệm có một cái hộp nào đủ to cho cái áo này đâu nhỉ?"

Người đàn bà Mỹ La tinh có mái tóc đen rậm, vừa buộc cái miệng túi ni lông dài bọc cái áo, vừa trả lời bằng cái giọng trong veo, vô cảm giác:

"Chúng tôi có chỗ gói quà cho khách ở lầu ba."

Con bé sáng mắt ra, thở phào nhẹ nhõm. Thế nhưng quầy gói quà đông nghẹt người. Một bà Nhật đứng nhìn tần ngần mấy cái hộp mẫu, dáng không ưng ý kiểu nào nên cứ hỏi dai dẳng:

chỗ về

bùi bích hà

"Còn kiểu nào khác nữa không?"

Sau lưng bà ta, cách con bé, một bà người Á Châu thấp xủn, mặt mũi xấu xí, đi lại lồng lộn như một con cọp đói. Bà vung vẩy hai tay, phân bua một mình:

"Sao lại để ít người thế? Đáng lẽ ít ra cũng phải có hai nhân viên tiếp khách chứ?"

Ở cái xứ này, xem ra ai cũng tiếc thời giờ cả mặc dầu thời giờ thì có được dùng vào cái việc gì ra hồn đâu?

Lúc đi xuống tầng dưới, con bé khúc khích cười:

"Mẹ ơi, hèn gì đàn ông không chịu lấy vợ xấu, xấu người xấu nết luôn!"

Ngân ngồi xuống cái ghế bọc da, chờ con. Bàn bên cạnh có một bà mẹ trẻ da trắng đang ngồi cho con bú. Thằng bé con nằm lọt thỏm trong cánh tay bà, tã lót trông xa trắng lốp như một con ngỗng. Một cô bé gái chừng hai tuổi, quanh quẩn chơi bên chân mẹ và em. Cô nói cười luôn miệng trước cái ly seven up còn sủi bọt. Hai mẹ con chuyện trò tíu tít. Thỉnh thoảng bà mẹ cúi xuống hôn vào trán cậu bé. Lúc bà ngẩng lên, hai mắt bà hơi ngây ra, khiến Ngân nghĩ thầm "hạnh phúc nhiều lúc có bộ mặt mệt mỏi."

Cậu bé bú một hơi hết bình sữa. Bà mẹ vác cậu lên vai, như người vắt cái khăn lau, vỗ nhẹ vào lưng cậu mấy cái xong đặt cậu vào cái xe đẩy. Bà nhanh nhẹn thu dọn đồ đạc. Cô bé tụt xuống đất, hai bàn tay nhỏ xíu của cô đẩy cái ghế sâu vào gầm bàn. Bà mẹ cám ơn cô con gái cưng bằng nụ cười sáng rực trên khuôn mặt phảng phất bóng tối từ hai quầng mắt sâu. Ngân lại nghĩ thầm "thế mà nhiều người cứ nói là trẻ con Mỹ không được dạy dỗ đàng hoàng." Hóa ra con người sống bên cạnh nhau mà nhiều khi chả hiểu gì nhau cả, có khi còn hiểu sai."

Bà mẹ và hai đứa trẻ đi rồi, trước mặt Ngân chỉ còn mấy cái vòi đang phun nước trong cái hồ nhân tạo ngay trung tâm khu thương mại.

Ngân ngồi nhìn mấy cái vòi phun nước cùng một kiểu, ở một tầm cao đều đặn đã tính toán trước, chợt thấy chán. Trong cái thành phố Ngân ở và làm việc, cảnh trí chỗ nào cũng đẹp đẽ, ngăn nắp, tinh tươm cả. Cái vẻ đẹp để lộ rõ kỷ luật, trật tự, sự sắp đặt theo lịch hoặc đồng hồ cộng với thời khóa biểu cuộc sống của riêng Ngân cũng rập khuôn theo những thứ ấy khiến Ngân cứ cảm thấy đau đớn, trệu trạo, như bị gói chung với sỏi đá nhọn. Qua thời gian đầu, Ngân loay hoay trăn trở, tìm một khe lách để có chỗ nằm êm, lâu dần, nàng tê điếng, nguội lạnh, trở thành một viên đá sỏi in hệt những viên đá sỏi gói chung với nàng và ngày càng vùi lấp nàng.

Về sau, Vĩnh thường điện thoại hỏi dò Ngân:

"Em có gì lạ không? Sao không viết thư? Chắc bên đó vui lắm?"

Ngân ngập ngọng, như người nhai phải sạn:

"Em không có gì để viết cả."

Trong mấy giây im lặng tiếp theo, Ngân nghe được câu hỏi nén trong lồng ngực Vĩnh:

"Em còn yêu anh không?"

Ở bên này đầu giây, tự nhiên Ngân mệt lả:

"Em nói có hay không thì có gì khác nhau đâu?"

Và nàng tiếp tục im lặng, sợ hãi những câu trả lời tựa như điều trách móc Vĩnh.

Tình yêu với Vĩnh quả là viên đá lớn nhất đè nặng trái tim nàng, làm hụt những nhịp thở, làm dập vỡ những ngày thanh xuân. Thời gian qua đã lâu, cuộc đời cả hai không có một cái gì chung ngoài cái ý niệm mông lung về một số phận mà họ thực sự không biết rõ, cứ ràng buộc họ.

Ngân lơ đãng nhìn dòng người xuôi ngược trên các lối đi lát cẩm thạch bóng loáng, trên cái thang cuốn di động chậm chạp trong vùng sáng tỏa xuống từ cái vòm cao lợp kính khiến khung cảnh trông giống như sân khấu vở kịch cổ. Mọi khi phải đi làm, giờ này Ngân đang tối tăm mặt mũi bên cạnh những núi hàng cao nghệu chờ kiểm nghiệm để gởi ra thị trường. Ngân thấy sự có mặt của nàng ở đây, trong buổi sáng giữa tuần trời thấp và nắng nhạt này, có một vẻ gì lạ, bất thường, như sự đe dọa mơ hồ về những nỗi bất trắc trong cuộc đời.

Ngày còn dài. Không khí nàng thở thơm mùi những hàng hóa, vật dụng xa xỉ bày bán ở các tiệm bách hóa dọc hai bên lối đi, Ngân ngạc nhiên thấy đầu óc nàng luẩn quẩn ở chỗ làm việc, như con chó khịt khịt mũi đánh hơi sợi dây xích đã buộc nó quá lâu.

Cuộc đời giống như một dòng sông lớn. Ra khỏi bụng mẹ, đứa bé sơ sinh quẫy đạp chân tay để thăm dò cái thế giới nó mới nhập vào, để nổi lên, để sống còn. Những cái quẫy đạp chân tay ấy cứ tiếp tục mãi, ngày càng dồn dập với tuổi lớn khôn. Bập vào được một nơi bấu víu nào, nó yên tâm không muốn rời, tưởng như rời là sẽ lại rơi vào vực trống không. Quẫy đạp càng nhiều, càng lâu, kinh nghiệm về nỗi bất an càng lớn, càng ra công bám víu. Nền luân lý cũ trong cái xã hội Ngân đã sống hết thời con gái và gần hết thời đàn bà, xưng tụng sự bám víu ấy như một thứ đạo đức cao quí. Bây giờ nhìn lại, Ngân cảm thấy buồn bực vì mặt trái của cái mề đay đạo đức hoa hòe hoa sói ấy chính là sự ươn hèn, sự khiếp nhược. Nó tạo ra, ở phía này, những nỗi bất công nhục nhằn, ở phía kia, sự dễ tiện.

Sự ươn hèn và khiếp nhược tan vào máu huyết Ngân, lúc nào cũng đẻ ra hàng ngàn lý do khiến nàng không muốn thay đổi bất cứ điều gì

Bài Hai Mươi
ĐẶNG HIỀN

Tôi ở đây có những ngày gió nóng
Một khoảng trời xanh, nhớ vô cùng
Nhớ tóc mây bay nhớ chiều hanh nhẹ
Nhớ em về phơi áo giữa vườn xưa

Đôi cánh tay em nắng vàng hôn khẽ
Hồn say nghiêng theo khoé môi cười
Nghe lá khô phai trên thềm mùa cũ
Dòng sông đời rồi mấy đoạn chia xa

Ở tuổi hai mươi yêu người vội vã
Tình qua nhanh như buổi xa người
Một nhánh sông trôi một lần ghé lại
Nụ hôn đầu nghe gió nóng vành tai!

Tôi ở đây có những ngày buồn bã
Ngồi yên bên ngọn gió hát lưng chiều
Những chuyến xe lên dốc đời bỡ ngỡ
Bài hai mươi tôi viết tặng cho người...

trong cái dòng sống có sẵn trôi chảy bình yên giữa hai bờ đất hẹp.

Thỉnh thoảng, cái cô Ngân hay suy nghĩ vẩn vơ tách ra khỏi cái cô Ngân bằng xương bằng thịt, như hồn Giáng Kiều ra khỏi bức họa chân dung nàng bằng giấy bồi, lửng lơ nhìn ngắm cô này ăn, ngủ, cười, nói, yêu đương, với lòng rẻ rúng và lạnh nhạt.

Cô chợt mong có người băm vụn, xé bỏ cái phông bằng giấy bồi ấy để hồn phách cô không còn chỗ về.

Thấp thoáng lẫn vào dòng người ngược xuôi chấp chới trước mặt, Ngân nhìn thấy con gái đi trở lại phía nàng. Tóc nó chải cao, để lộ vầng trán rộng, hai má đỏ vì nóng và vì mấy cái mụn dậy thì. Nó chớp mắt cười với nàng nhưng không dừng lại mà đi thẳng về phía trước, chắc để làm một việc gì khác. Ngân cũng cười đáp trả con, trong lòng nàng có tiếng rung khẽ của những cái cánh một bông hoa vừa hé nở. ❐

hồ đình nghiêm

Hồ Đình Nghiêm, sinh năm 1957 tại Huế. Tốt nghiệp trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế năm 1978. Vượt biển đến Hồng Kông năm 1981. Khởi viết truyện ngắn ở trại tị nạn. Định cư tại Montréal, Canada từ năm 1982 đến nay. Cộng tác với các tạp chí: Văn Học, Văn, Thế Kỷ 21, Hợp Lưu... Đã xuất bản hai tập truyện ngắn:

Nguyệt thực (Văn Nghệ. 1988. California)

Tờ Mộng Rách Rời (Tân Thư-Thời Văn, 1991, California)

1. "Lâu lắm không được đọc truyện của anh trên mấy tờ báo. Đã có chuyện gì xảy ra vậy?"... Trong những câu hỏi của bạn bè, người thân quen, đó là câu mà tôi thường dớn nghe nhất. Nghe xong, liền trả lời: "Có gì đâu. Tháng tới sẽ thấy lại "mặt mũi" tôi trên báo." Trả lời điện thoại xong, liền cố gắng dẹp bỏ mọi thứ để ngồi vào bàn viết. Loay hoay, thờ thẫn, chong đèn thức khuya, lộn hồn mất vía. Và cuối cùng ráng giữ tròn lời hứa. Tôi không dùa. Ban đầu, có thứ động lực nào thôi thúc thì giờ này chẳng thể nhớ nổi. Nhưng hiện tại, có lẽ tôi còn viết được là do ở tính cả nể, muốn chìu chuộng, làm vui lòng những người đã lỡ bỏ lòng mến yêu (không đúng chỗ) cái tên HĐN.

2. Tôi thuộc "tuýp" người không khó tính như một số các bạn văn mà tôi quen. Sự dễ dãi có thể làm hại tới mình. Đồng ý. Nhưng viết để buộc văn chương phải chuyên chở một gánh nặng nào đó thì tôi thực tâm chưa hề có cái ý nghĩ cưỡng bức kia. Đừng nhọc lòng tự hỏi: Viết thế nào nhỉ? Viết cho ai đọc đây? Mệt mỏi lắm! Đó không hẳn là điều quan trọng và cần thiết khi tôi mon men lại gần với chữ nghĩa. Tôi thích nhìn mọi chuyện một cách giản dị. Được hồn nhiên thì càng tốt hơn. Hãy cố mà mở rộng cánh cửa nơi "căn nhà" của mình để ai đó có buồn chân thì ghé vào dăm phút nghỉ mệt.

Vậy thôi. Vấn đề là liệu anh có đủ sức lôi cuốn để giữ khách ngồi lâu? Tôi vẫn nghĩ, viết một truyện ngắn và nó đánh động vào lòng thiểu số người đọc đã là chuyện khó thì hà cớ chi phải ra sức để phục vụ cho cả một tầng lớp giai cấp đồng quan điểm, chung lập trường. Người viết phải có tự do, đã đành. Người đọc, đôi khi họ còn tự do hơn trong việc lựa chọn một tác phẩm. Mai hậu, nếu tôi mà làm một nhà văn đúng nghĩa thì ắt sẽ phải bàn tới chuyện này một cách "rốn ráng" hơn. Hoặc sẽ làm thinh trước mọi câu hỏi? (Cũng nên lắm!)

nhiệt đới

hồ đình nghiêm

Ban đầu họ ngồi ở xa. Hai mái tóc đen nhú lên sau bức tường thấp. Tôi không trông rõ. Có lẽ là đôi tình nhân lớn tuổi và đứng đắn. Hoặc họ còn trẻ, yếu đuối và buồn bã. Hai mái đầu luôn giữ một khoảng cách, ít di động. Khi tôi tới, ngồi xuống một cái ghế đá không hôi khai, trông sạch sẽ nhất công viên, tôi đã nhìn thấy họ. Hai chấm đen tròn trịa nổi hẳn giữa vùng xanh của đám lá cây làm ngỡ là có hai con chim lạ mỏi cánh đậu xuống bờ tường mà chẳng sợ chết. Nếu không thì trông như thứ vật thể lạ lùng được dựng lên làm bia cho một cậu trẻ nào đang tập bắn, lăm lăm cái ná thun trong tay. Hương vị bữa cơm ngon miệng chiều hôm qua như còn giữ trong mồm tôi. Một viên đá ném cầu may chẳng ngờ trời cho được con chim sẻ, vặt lông đem chiên se sắt lại, nhỏ như một viên bi đen bóng mặn mà.

Khoảng cách và màu nắng, có lẽ vậy, làm tôi hoa mắt. Giờ này còn sớm, đâu mà chóng đói thế? Gió ban mai ở bờ sông thổi lên làm bay những sợi tóc dài của người đàn bà. Có bàn tay đưa lên vuốt vuốt như muốn vẫy chào ai. Tóc Hương chắc cũng đang bay. Chiếc xe dạp mini màu trắng và những vòng quay nặng nề đang thu gần con đường. Tôi thầm mong là giờ này Hương đã ra khỏi nhà. Tôi một mình loay hoay với chỗ ngồi khi nóng khi lạnh. Công viên không còn một tượng đá nào. Một hai con voi bị bắn nát dấu dạn và có ai nhanh tay đã lén chở đi khối xi-măng kỳ dị ấy rồi. Chắc họ cũng bắt chước người Pháp? Ba tôi kể, đã lâu cái bọn thực dân ấy khiêng đi về nước biết bao là tượng tích cổ xưa. Ở chỗ bồn nước hôi hám khô quắt kia lý ra giờ này

vẫn còn một thiên thần đứng đó mà đái xuống cái vòi nước mắt ngọt. Chẳng còn gì cả, không "ai" chứng giám dùm tôi là mỗi sáng thứ bảy tôi luôn ra ngồi đây chờ Hương, trước giờ đã hẹn cả tiếng đồng hồ. Tôi muốn tập thử làm thơ nhưng trong hồn rũ liệt trống vắng. Vả lại tôi biết ca ngợi thứ gì đây? Giả dụ hoàn thành được đôi ba câu gọi là làm trong khi chờ Em. Hương sẽ đọc và chắc hẳn Hương sẽ "giết không gớm tay" một tâm hồn xanh mướt. Đừng tưởng dễ khi ai đó muốn ngợi ca tình yêu!

Không có gì... Và ngoại cảnh? Hình như nó luôn giúp tôi giết được khoảng trống của sự đợi chờ. Sáng nay không thấy mặt thằng bé bán vé số ôm đồm thêm chuyện đi loanh quanh trong công viên để lượm giấy vụn. Cũng chẳng thấy ông già mất trí đi rao giảng về lối sống có tổ chức của bọn thú vật hèn mọn. Lối yêu thương làm tình không che dậy ngụy trang của loài Chó... Lá múa may xào xạc ở trên đầu. Và ngoài kia, đôi nhân tình ẩn mình sau bờ tường cổ làm tôi tò mò dõi trông.

Giờ này thì họ đã đứng lên. Họ bỗng linh hoạt, nói qua nói về những lời trông chừng đang gay cấn. Người đàn ông cúi đầu đứng sững trong khi người kia, mặc áo cụt xám đi như chạy về hướng tôi. Đi xe gió. Đôi vú nhỏ, da mặt bà ta xanh tái, đôi mắt đỏ. Hai cánh tay vung vẩy cùng với những bước chân xủi bụi. Người đàn ông phát ra một tiếng kêu nghẹn giữ ở cổ. Người đàn bà đi càng lúc càng xa ông ta. Băng qua chỗ tôi ngồi, bước xuống lề đường và mất hẳn sau tấm tranh cổ động thật lớn dựng ở một ngã tư. Những người vẽ lên nó chẳng rõ có tin tưởng chút gì về thành quả lao động của mình? Nhưng dầu sao vin nhờ vô tấm tranh dỏ rực không chịu phai màu đó, giúp tôi đùa được với Hương: "Mình vẫn luôn chờ Hương ở gần sát bên cái thế giới Không có gì..."

Hương vẫn chưa lại. Ngoài lòng đường, chảy biếng nhác và rời rã những chiếc xe đạp ngược xuôi. Nắng vàng đổ từng mảng xám nơi dãy nhà có lối kiến trúc Tây phương. Phía trên bờ tường bao bọc, có giống cây leo bò chen chúc bên những miếng chai cắm tua tủa. Một ngày nào đó nó sẽ được lấy sạch đi để mắt nhìn thôi khó chịu. Không phải vì chứng minh khi đã có hòa bình tức là thời điểm cáo chung của phường trộm đạo, mà chẳng qua là cái nghề mua bán ve chai xem chừng mỗi lúc mỗi thịnh hành. Cám ơn thứ nghề nghiệp lạ lùng đó. Tôi đã từng gọi một hai con mẹ đen đúa xác xơ cắp rổ vào nhà cho tha hồ bới móc để đổi được những ly cà-phê đắng, những điếu thuốc đốt cháy từng đêm dài rỗng không. Hương biết chuyện ấy, vần trán dựng nên những nếp nhăn và cô nói y như giọng điệu của Mẹ tôi: "Thú vui hay là sự thèm khát? Đừng coi thường, một ngày nào đó sẽ quen thói bán đi những vật quý giá. Cà phê thuốc lá..." Hương chấm câu bằng cách kể tới những thứ linh

tinh gọi là công thức pha chế cho cà phê đậm đen. Còn món kia, họ xắc vụn sợi thuốc ủ trong cái thùng kín rồi thấy vào đấy một trái lựu đạn khói. Dĩ nhiên là khói màu vàng và biến chúng thành thuốc thơm. Hãy uống cho dữ và hút cho nhiều vào. Tôi ngó sững Hương. Lợi hại thật! Hương như kẻ từng lang bạt kỳ hồ, sao chuyện gì Hương cũng rành rẽ đường đi nước bước thế? Có lẽ Hương nói đúng, ít nhất một điều: Toàn là thứ vô bổ độc hại. Và qua đó, tôi sáng suốt nhận ra một điều khác: Có những chuyện mình không nên nói ra cho người yêu nghe. Chữ thành thật khai báo là chữ đáng sợ nhất, trong hoàn cảnh nào cũng đều gây ra sự phiền hà cả.

"Xin lỗi... Có lửa không?"

Khi tôi quay đầu lại, người đàn ông đã đứng trước mặt tôi. Tóc rối, nét mặt mệt mỏi và những sợi râu mọc thưa quanh bờ môi vừa ngậm đóng. Mấy ngón tay đang vuốt cho thẳng điếu thuốc và công việc đó như muốn hai bàn tay phải run lên.

"Ủa... Lữ. Có phải không?"

Ông ta khoảng bốn mươi, chênh vênh giữa già, trẻ. Nhà nước sẽ ra một cái quyết định gì đó gọi là kế hoạch thập niên. Mười năm nữa, tôi mới bằng tuổi người đàn ông này. Tôi có thọ được tới lằn vạch đó? Có thấy ánh sáng ở cuối đường hầm như người ta hay ngúa miệng chơi chữ? Sao mới ngần này tuổi mà đã chóng lú lấp? Tôi hoàn toàn chẳng nhớ chút gì về kẻ vừa gọi đúng tên tôi. Nhìn cho thật kỹ. Chịu, một khuôn mặt lạ hoắc. Nhớ tới câu hỏi ban đầu, tôi đưa cho ông ta cái hộp diêm Thống nhất luôn nằm cộm trong bọc quần.

Một bày tay lạnh đón nhận, chuyền sang tôi thứ cảm giác y như vừa đụng phải một luồng điện. Hóng gió với người đẹp bên bờ sông và người ấy đã vùng vẳng bỏ đi. Chỉ có bấy nhiêu thôi mà sao ông giống như con cháu của thủy thần mới trồi lên từ đáy nước vậy?

"Không nhận ra tôi cũng phải... Đêm đó trời đen như mực..."

Người đàn ông vừa nói ngắt quãng vừa bập bập điếu thuốc trên môi. Khói xanh loãng tan bay đi rất mau. Phải tốn tới cây diêm thứ ba cho cái việc lùa phả vào không gian một thứ mùi hôi dễ chịu. Tôi nhớ như in trong bọc áo mình còn hai điếu thuốc đen. Tôi cố tằn tiện, vì biết đâu khi Hương tới sẽ rủ tôi tạt vào một quán nước nào, ngồi cho có vẻ "lịch sự" hơn là bên bờ cây bụi cỏ ở công viên? Và yên vị xong, chúng sẽ lần lượt được ngậm thắp lên, hút đầy vào buồng ngực, giúp tôi chút minh mẫn để ăn nói cho ra hồn, cho hoạt bát.

"Mà chẳng nhìn ra nhau đôi khi lại hơn."

Ông ta trả lại tôi cái hộp diêm. Ngồi xuống băng ghế và ngả lưng ra dựa ở những thanh xi-măng nhám thô sút mẻ phía sau. Nhìn nghiêng,

tôi vẫn không phát hiện ra thêm điều gì mới. Sống mũi cao, miệng hơi móm. Trán vồ và vài sợi tóc bạc lấp ló ở một bên mai. Cái áo sờn cổ, xanh không ra xanh, tím chẳng phải là tím.

"Tôi chỉ muốn hỏi Lữ một câu này thôi. Có biết tung tích thằng Tiến ở đâu không? Thằng Tiến mặt rỗ đó."

Tôi đổi thế ngồi. Miệng tôi khô và đắng. Chịu không nổi, tôi moi túi lấy thuốc ra hút. Ba tháng nay, tôi luôn nằm mơ và thấy những cơn ác mộng thường chứa đầy hình ảnh Tiến. Ngày nắng như muốn thiêu. Đêm mất điện, mồ hôi tuôn ra trên manh chiếu ẩm rít chỗ nằm tựa một kẻ bị mắc chứng đái dầm. Ở trong mọi nỗi khó chịu ấy, Tiến cứ lảng vảng chạy vụt tới rồi đẳng vân giá vũ đi rất mau. Tôi cũng có cái vòng Kim cô rịt siết vào đầu y như Tề thiên đại thánh. Nghĩ tới Tiến, thái dương và óc não tôi choáng váng đau để rồi chỉ biết ngồi một đống ngây dại. Tôi nuốt nước miếng:

"Tôi không biết. Đến nhà hỏi thì bà cụ bảo là cậu ấy vào Đà Nẵng rồi. Vô phương!"

"Ít lắm cũng được mười cây vàng. Nhưng tin đi, hạng người như nó không thể chạy thoát đâu."

Ba tháng trước, tôi cùng Hương bắt được một đường giây vượt biển. Tiến là người đứng ra liên lạc. Bọn tôi đặt cọc hai chỗ. Bị đổ bể, Tiến... tiến nhanh tiến mạnh trong động từ độn thổ. Người đàn ông ngồi bên tôi có lẽ cũng là một nạn nhân tương tự. Bởi là nạn nhân nên chỉ còn biết đi lại trên mặt đất. Mẹ tôi buồn bực, dấu diếm một cách vụng về. Bà an ủi tôi, tự kiếm cớ để mà nguôi ngoai dần: "Thôi, tiền của là vật phù du. Tiền mất mà tật không mang thì cũng nên xem đó là hồng phước."

Tôi lẩm bẩm chữ hồng phúc đồng thời nghiến răng những chữ thô tục bẩn thỉu nhất để nguyền rủa tới đứa lường gạt kia. Chính nó mới là đứa có phước. Trời cho nó làm chi mà nhiều vàng thế?

"Tôi đang dồn tâm trí để làm một chuyến khác. Biết đâu mai hậu tụi mình lại có cơ duyên cùng hội cùng thuyền."

Người đàn ông nói trong khi tay ném điếu thuốc đi xa. Đứng dậy và đột ngột bỏ đi, tất bật tới hướng bờ sông. Như phía đó đã có dậu sẵn một chiếc ghe sẵn sàng đâm ra biển. Hoặc là từ ngoài đường, nằm sau lưng tôi, đang có một hai ông công an hùng hổ chạy vào.

Gió hút gần hết một nửa điếu thuốc. Khi tôi cố dành giựt tranh đua để cần kiệm hút tới mức cuối bỏng rát thì Hương dắt xe đạp đi vào. Tôi không có con mắt gắn ở sau ót, dĩ nhiên, nhưng có điều gì nhiệm mầu đã loan báo cho tôi biết. Tôi quay người lại để thấy khuôn mặt đứa con gái mình thương đang cau có. "Trời nóng bắt chết!". Chắc Hương sẽ than lên như vậy ở câu đầu tiên. Không, cô đang mím môi, chẳng mở miệng.

Mà ngay cả một nụ cười dành cho nỗi nhớ, sự đợi chờ của tôi cũng nào có. Mặt Hương vừa ửng đỏ vừa xanh xao. Quanh mắt có đường trũng đen. Hương như mất ngủ nguyên tuần lễ. Thứ bảy trước đã là một quá vãng xa xôi. Hiện tại, nét sống động tươi mát thường có trên gương mặt Hương đã bị đuổi đi đâu mất rồi. Đôi mắt lạc hồn. Ngập cả bóng dáng những chùm lá xanh run rẩy bên trong, rực rỡ màu nắng chói.

Tôi đỡ dắt chiếc xe đạp cho Hương. Cô ngồi xuống đúng ở vị trí mà người đàn ông vừa bỏ đi.

"Hai người nói những gì với nhau vậy?"

Tôi nhìn ra bờ sông. Một chiếc đò máy đang ì ạch trôi qua. Len lỏi vào giữa tiếng động cơ già nua kêu gào trên mặt sóng, còn vẳng nghe một đoạn nhạc tuyên truyền đầu độc từ bên bờ tả ngạn gửi qua, tiếng được tiếng mất. Xương máu đã đổ đi thật nhiều cho những thứ lời lẽ ấy, cuộc chiến thần thánh đã kết thúc và hiện tại nó có một công dụng khác, tra tấn những kẻ có đầu óc lãng mạn kiểu tiểu tư sản. Người tôi luôn bần thần, mắt chẳng còn trông thấy tấm lưng của gã đàn ông bị nắng dội nhập nhòa. Nhưng trước đó, hình ảnh ấy đã thu vào mắt Hương.

"Có quen nhau sao?" "Không. Ông ấy đến xin chút lửa. Hỏi tin tức về Tiến mặt rỗ. Chỉ nói đôi ba câu dài bằng chiều dài của điếu thuốc."

"Chừng đó thôi à?" Tôi nhìn sâu vào mắt Hương.

"Mắt em là một dòng sông, thuyền ta bơi lặng trong dòng mắt em." (*) Tôi chết đuối trên cạn, cố làm cho Hương hài lòng trong khi ở tôi là cả một sự phật lòng:

"Thêm một chuyện nữa, hình như ông ta có mặt trong chuyến đi không thành ở lần trước. Và hình như ông ta đang có ý định bày lại một cuộc chơi khác. Đầu đuôi chỉ có bấy nhiêu."

Tôi ngồi xuống bên Hương, nhớ một đoạn phim cũ của Pháp và cái phụ đề Việt ngữ chạy ở bên dưới màn ảnh: "Tôi ngó anh cũng đẹp trai, có vẻ học thức, vậy mà anh lại đi chọn nghề cảnh sát!" Tôi trộm nhìn ngực áo Hương, nhìn cái ngấn tròn ở bụng và mắt chảy xuôi xuống nơi cơ thể chẻ dọc chia hai ra đôi chân. Có rất nhiều bà nội trợ giỏi về chuyện tra khảo, lấy cung. Họ bảo đó là một trong những lối nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Tôi lơ láo giữa tháng ngày này, chưa xứng đáng cho Hương sớm lộ nỗi bận tâm; sự bảo vệ cùng những lời gạn hỏi xoắn xít.

"Hương biết ông ấy không? Bộ dạng cũng đáng hoài nghi lắm. Ngồi kín đáo với một người đàn bà ở đằng kia bức tường và họ đã vừa cãi lẫy nhau xong."

"Đừng nói ẩu. Anh ta chơi được hơn tên Tiến là cái chắc."

"Thật sao?"

"Căn cứ vô linh tính của Hương. Vả lại, bây giờ thì sự nghi ngờ

không đem tới cho mình được cái gì hết."

"Kể cả một chút xíu an toàn?"

"Ừ."

Hương khẳng định không suy nghĩ. Tôi nuốt vào bụng ba chữ "đừng nói ẩu". Buổi sáng tôi chưa ăn gì. Súc miệng rửa mặt xong, điểm tâm luôn một gáo nước lạnh. Tôi thèm một ly cà-phê và ngồi đâu vai cùng Hương ở nơi nào đó thật khuất gió. Tôi sẽ ngửi cho đầy buồng phổi những mùi có trên người Hương. Ở đây chỉ có nắng. Mắt tôi nheo nheo và mũi tôi chẳng đánh hơi được gì. Chỉ có lòng dạ thì đầy cả hồ nghi.

Hương vén tóc móc lui sau vành tai. Khoảng cách những hạt nút đều đặn gài kín hai thân áo vừa độ lượng hé mở cho tôi nhìn ra thoáng chốc màu da thịt lụa là của Hương.

"Lần này hãy để cho Hương lo việc."

"Về chuyện gì?" Hương cởi từ cổ tay ra cái vòng cao su màu đỏ để cột túm đuôi tóc. Nách áo dẫm ướt mồ hôi và chúng làm màu vải ở đó nhuộm thẫm đậm những cánh hoa vàng tím nhỏ li ti. Tôi muốn dụi mặt mình vào đám hoa ấy để trốn nắng, để say khướt một mùi hương. Công viên chỉ có cát bụi và những vùng cỏ cú...

"Người chi mà ngu ngơ. Còn phải hỏi nữa sao?"

Mẹ tôi siêng đi coi bói. Đã hai ba nơi khác nhau. Bà là người chẳng hề biết tới chữ tẳn tiện trong việc bỏ tiền ra để đánh đổi những điều hoang tưởng nằm khuất lấp ở tương lai. "Số mi phải qua ba lần trật vuột hư hao mới mong thành tựu." Bà tiêm nhiễm dần dà vào người tôi một lòng tin huyễn hoặc. Biết là kỳ dị nhưng khó cưỡng chống lại được, tựa như ma quỷ.

"Chắc không ra gì đâu."

"Dù sao thì phải cứ liều mạng. Để Hương có dịp trả nợ số tiền mà Lữ đã mất ở lần đi trước."

"Thôi bỏ đi, nghĩ tới nó thêm nhức đầu."

Tôi nói thành thực. Lần này không nhắc tới Tiến, nhưng cái vòng tròn vô hình chụp quanh đầu như đang thu nhỏ đường kính. Những chân tóc tôi úa nước, rỉ ra làm ngứa ngáy. Tôi muốn liều lẫn ôm siết lấy Hương và hôn hụt hơi vào môi đầy cám dỗ. Ở đó, luôn là nơi thấm dẫm cả hàng ngàn vị thuốc. Đói bụng, hôn sẽ no. Đau bụng, hôn sẽ khỏi. Xâm xoàng chóng mặt thì nỗi đê mê từ bờ môi mọng ấy chuyển rần rần vào toàn cơ thể mình và sẽ trị cho dứt hẳn, tuyệt căn. Hương xô tôi ra làm bàng hoàng suýt té xuống đám cỏ héo.

"Người như Lữ chẳng bao giờ làm nên trò trống gì. Thôi, để Hương về."

"Về?"

"Ừ, có việc phải lo thanh toán cho xong."

Hương nhấc chiếc xe đạp, trở ghi-đông hướng đầu ra đường cái. Tôi ngồi yên như mặc niệm ai đó, trống trải tựa bầu trời trên kia chẳng hề vẫn vện một nhát mây trôi dạt qua. Giả thử có tên rồi việc ngồi rình đâu đó trong công viên, hẳn nó sẽ mọc lên hai nghi vấn để tự đánh cuộc: Một, đứa em đi bụi đời và cô chị đến khuyên đôi câu mày nên về nhà kẻo đời là bể khổ. Hai, đồng bọn đều là dân chuyên mánh mung chợ trời, một nam một nữ đang quan hệ lén lút trao đổi thuốc Tây hoặc hàng quốc cấm. Tôi muốn cười lên thành tiếng bởi cái ý tưởng vừa thoáng mọc đó. Tôi thấy thương Mẹ mình quá sức. Bà có những niềm lo ngại rất hồn nhiên. Thỉnh thoảng, sau khi thắp hương về khuya và ngồi thầm lặng trong bóng tối hằng giờ, bà hay tạt ngang phòng tôi để chỉ nhắn gửi xa gần tới một điều: "Bọn bây gắng giữ gìn cho nhau. Cái lưng của con Hương... Nó mà lỡ dại thì thật là trở ngại tới chuyện đi đứng. Mi cũng thấy đó, làm cha mẹ trong lúc này có muôn vàn sự khổ lụy..." Trong trí óc bà, Hương sẽ chóng bước qua biên giới đàn bà và làm một bà mẹ đông con. Còn tôi, sẽ là đứa chỉ ưa tìm lấy lối địa ngục mà đi. Địa ngục? Nó có gì khác biệt với cái trần gian ngột ngạt dầy vây khốn này?

Khi tôi bước ra công viên, lòng đường nhựa có đôi chỗ đã mềm nhão dưới đôi dép oẳn oại. Nắng tròn lửa, nắng nhọn sắc lưỡi kiếm chụp xuống, đâm tới. Cảnh vật lung linh hừng hực như giữa không gian luôn có sẵn một vạc dầu sôi bốc khói. Tôi đi qua cầu. "Cầu Trường Tiền sáu vai mười hai nhịp, anh qua không kịp tội lắm em ơi!" Tôi cúi đầu nhìn xuống dòng sông nước thấp. Nước chắc cũng đã hư hao, thấy rõ những cụm rong dật dờ không muốn trôi dưới cái bề mặt phẳng lặng, dơ bẩn như một tấm gương đã trầy trụa lớp sơn quét đằng sau, từng vạt loang lổ. Một hai chiếc xe đạp thồ lướt ngang và những cái mũ rách chụp lên đầu ngoái nhìn tôi dọ hỏi ngầm. Không một lời mời mọc, chẳng một tiếng chối từ. Lặng điếng, tịch mịch. Qua gần hết cầu mới nghe bì bõm bầy con nít trần truồng phóng người xuống sông vùng vẫy bộ tịch như địa gặp vôi. Trên bờ cỏ nước lấp liếm có ngọn khói trắng ùn lên và một bà già ngồi dang nắng cặm cụi trông chừng cái nồi nhỏ bằng một trái bưởi đang bị nướng cháy. Tiếp theo, liền lạc cho tới tuốt con đường thẳng góc dẫng kia là những mảnh vải chắp nối đủ màu được căng ra; dưới nó là giang sơn chen chúc tranh sống của mấy vị lao động bán nước: Nước đậu ván, nước xi-rô pha hột é, nước chanh muối chanh tươi, nước dừa không nguyên chất, nước sinh tố xay trái cây bầm dập héo úa, nước hùm bà lẵng... Và dĩ nhiên, ngàn đời về sau, chỗ bán cà-phê vẫn luôn là vùng đắc địa đông thân chủ. Tôi không dám để mắt nhìn lâu tới hoạt cảnh đầy quyến rũ ấy. Bao nhiêu lu hũ, lọ cốc ve chai, vật gì dính dáng tới chất

thủy tinh đều đã gạch sạch tên ra khỏi "hộ khẩu" nhà tôi mất rồi.

Tôi dòm trước ngó sau để chuẩn bị băng qua đường. Trong chùng một tích tắc, ở đuôi mắt tôi vừa thu nhận được hình ảnh một vật thể quen thuộc. Có thể nhầm lẫn, nhưng cái vệt trắng đó đã giữ chân tôi lại. Một chiếc xe đạp mini dựng nghiêng bên thân cây nhẵn nhụi lá. Thành phố này có mấy ngàn chiếc như thế? Một hôm Mẹ tôi kể chuyện, bà có chiếc áo dài màu khói lam. Bà nói, tao đi chùa bắt gặp vô vàn những tín nữ đều mặc y chiếc áo tựa thế, kể cả sự trùng hợp về chất vải, kiểu cọ. Vậy mà khi bị đạo chích khèo mất đi, vào chợ trời thấy treo lủng lẳng trong gió đùa, ở xa tao đã nhận ngay ra đó chính là chiếc áo vô phúc của mình. Nó quái lạ lắm, như đã có một sợi giây vô hình nào ràng buộc giữa người và vật quen hơi khiến mình sáng suốt nhìn nhận không nhầm lẫn...

Tôi chùi bụi xót vướng trong mắt. Một chiếc bàn thấp, hai ly nước đã vơi, một cánh tay nối dài đan ngón liền lạc: Hương và người đàn ông tuổi độ bốn mươi mới hồi sáng lóng cóng đứng đánh diêm thắp thuốc. Tôi dựa đổ cả thân mình vô thanh sắt nóng bỏng. Người ta xây nó ra để giúp bộ hành khỏi ngã xuống sông. Họ không biết, một đôi khi nó còn nâng đỡ những kẻ yếu bóng vía dễ bị chiều sâu bên dưới làm cho chóng mặt, ngộp thở; hoặc những đứa vừa phát hiện ra điều gì kỳ quái bỗng hụt hẫng run rẩy chân đi. Hương nói, sẽ trả nợ cho tôi những mất mát. Thực sự thì có lẽ, suốt đời Hương không tài nào trả cho trọn vẹn, cho dứt điểm cái món nợ đó, nếu như ở đời sống này đã có thật một món nợ tình nghĩa. Sự sòng phẳng, ta nên cám ơn nó ngàn lần. Chỉ đáng phàn nàn một điều, tại sao ở đất nước này lại có lắm kẻ ao ước được ra đi, đoạn tình với nó tới mức độ khó tin? Và một khi lòng đã dứt khoát, họ có thể đem hết những hạ sách ra để toan tính. Hương làm gì có được những năm sáu lượng vàng nhỉ? Hương nói hãy để yên cho Hương xoay xở lo việc. Hương bảo, hạng người như tôi chẳng bao giờ lập nên công cán gì. Hương rỉ tai, đừng nghi ngờ nhiều, không tốt. Phải liều mạng...

Bọn trẻ con thôi vùng vẫy dưới sông và chính tụi nó vừa đánh thức tôi, rũ bỏ dùm tôi bộ mặt ngờ nghệch. Chúng chạy ù lên triền cỏ cu đái lủng lẳng chõ mỏ trước mặt hát đồng ca: "Trông kìa một thằng điên, nó đứng rung rinh, nghiêng mình trong nắng, mời anh cùng xem, anh chàng điên kia, thích chí mê tơi..."

Tôi bỏ chạy, đâm sầm qua bên kia đường bởi sợ Hương bắt gặp thằng điên. Trưa hôm nay sao bỗng dưng vắng vẻ đến phát khiếp. Lệ thường vẫn có những chiếc xe màu cứt ngựa hung hãn phun khói chạy nghênh ngang. Người tôi dầm đìa mồ hôi. Cũng còn may đó, không thì Mẹ tôi đã phải quỵ ngã khi có người tới nhắn: Thằng Lữ bị xe bộ đội cán

Hành Hương

CAO XUÂN TỨ

gửi Ngô Nguyên Dũng

ngày bay lên
bốc theo ngọn khói
nóc chiều
nghiêng chái
thẫm vệt phế hoang
tôi kẻ hành hương
dánh tráo không gian
giựt dăm múi giờ
bay
về đây
tìm lại quê hương
con chim lạ hoắc đón đường
ván cầu cửa ngang
dẽo từng khoanh trí nhớ
xe kéo võng điều cà tàng bát phố
vọng tiếng cười lụa xé
mới đêm qua
cô thành im bóng
đầm sen
sóng sánh
hột trăng ma
bà phi diên
trải chiếu hoa
thắp nén hương
khóc tự quân
chết non
còn dây anh lính già
kiếm mãi của trời
đánh mất
trận pháo đầu xuân

chết rồi. Bà qua nhà thương mà lãnh, mà cuốn cái xác mỏng dẹp như bánh tráng...

Đàn ve sầu trú thân trên những lùm cây tự nhiên cất tiếng kêu la nhốn nháo. Mệt mỏi, ai oán. Tai tôi ù, mắt tôi mờ. Nắng nóng như muốn làm người tôi bốc hơi. ù, tại sao cơ thể mình không là một vũng nước nhỏ, tù đọng? ❐

(*) Thơ của Lưu Trọng Lư.

võ đình

Võ Đình tên thật là Võ Đình Mai, sinh năm Quí Dậu, 1933, tại Huế. Những năm 50, ông du học ở Paris, Pháp Quốc. Họa phẩm Võ Đình đã được trưng bày trong hơn 40 cuộc triển lãm cá nhân và vô số cuộc triển lãm tập thể ở Á Châu, Âu Châu, Gia Nã Đại và Hoa Kỳ. Có đến hơn 30 ấn phẩm do ông sáng tác, dịch thuật hoặc minh họa. Công trình văn học nghệ thuật của Võ Đình được ghi nhận trong: *Nhân vật Việt Nam* (1974), *Thơ văn Việt Nam Hải ngoại* (1985), *Who's Who in American Art, Contemporary Authors, Printworld, the New York Art Review*... Năm 1975, ông được trao giải nghệ thuật *Christopher Award*, New York, và năm 1984, ông được cơ quan văn hóa liên bang Hoa Kỳ, Washington, DC, tặng một *Literature Program Fellowship*. Tác phẩm Võ Đình ấn hành bởi nhà Văn Nghệ: *Xứ Sấm Sét* (1987), *Yoga Căn Bản* (1989), *Đóa Sen và Nụ Cười* (1990) và *Sao Có Tiếng Sóng* (1991)...

Võ Đình hiện cư ngụ tại vùng quê Tây bắc tiểu bang Maryland, Hoa Kỳ.

Ấn phẩm Võ Đình

Tác giả (& minh họa)

- *Wind Play, The Kite* (United Nations, New York, 1964, 1969)
- *The Crimson Silk Folio* (VDM Editions, Pennsylvania, 1968)

- *The Jade Song* (Chelsea House, New York, 1970)
- *The Toad is the Emperor's Uncle* (Doubleday, New York, 1970)

Aspects of Vietnamese Culture (with other authors; Southern Illinois University, CVS, 1972)

- *Vo Dinh* (Suzuki and Feiden Galleries, New York, 1972)
- *The Woodcuts of Vo Dinh* (HB Press, New York, 1974)
- *Xứ Sấm Sét* (Lá Bối, Paris, 1980; Văn Nghệ, California, 1987)
- Yoga Căn Bản (Văn Nghệ, California, 1990)
- *Đóa Sen và Nụ Cười* (Văn Nghệ, California, 1990)
- *Sao Có Tiếng Sóng...* (Văn Nghệ, California, 1991)

- Dịch giả (& minh họa)
- *The Stranded Fish* (Sáng Tạo, Saigon, 1971; Làng Văn, Toronto, 1988)
- *The Path of Return* (HB Press, New York, 1972)
- *Zen Poems of Nhat Hanh* (Unicorn Press, North Carolina, 1976)

Fragrance of Zen (Trung tâm Văn hóa Phật giáo, Los Angeles, 1981)

- *Tuyết Đầu Mùa* (Lá Bối, Paris, 1981)
- *A Flower for You* (with H. Coutant; Nam Tuyền Temple, Virginia, 1983)
- *Landscape and Exile* (with other translators; Rowan Tree Press, Boston, 1985)
- *The Moon Bamboo* (Parallax Press, Berkeley, 1989)
- *The Pine Gate* (White Pine Press, New York, 1989)
- *War and Exile* (with other translators; Vietnamese PEN, East Coast USA, 1989)
- *Literature of South Vietnam, 1954-1975* (Vietnamese language of Culture Publications, Melbourne, 1992)

Minh họa gia

- *Birds, Frogs, and Moonlight* (Doubleday, New York, 1967) The Cry of Vietnam (Unicorn Press, Santa Barbara, 1968)
- *All Year Long* (calligraphy; Unicorn Press, 1968)
- *The Magic Drum* (Knopf, New York, 1973)
- *First Snow* (Knopf, New York, 1974)
- *The Raft is not the Shore* (Beacon Press, Boston, 1975)
- *The Way of Everyday Life* (calligraphy for the Shobogenzo Genjokoan; Zen Center of Los Angeles, 1978)
- *One Thousand Pails of Water* (Knopf, New York, 1978)
- *The Brocaded Slipper* (Addison-Wesley, Massachusetts, 1982)

- *The Land I Lost* (Harper & Row, New York, 1982)
- *The Happy Funeral* (Harper & Row, New York, 1982)
- *A Flash of Lightning* (International Zen Institute of America, Los Angeles, 1983)
- *Angel Child, Dragon Child* (Carnival Press, Minneapolis, 1983)
- *The Gift* (Knopf, New York, 1984)
- *The Miracle of Mindfulness* (Beacon Press, Boston, 1988) A Mother's Lullaby (Tủ sách Cành Nam, Virginia, 1989)
- *Tết, The New Year* (The Children's Museum, Boston, 1991) Sky Legends of Vietnam (Haper Collins, New York, 1993)

bách hương

truyện ngắn
võ đình, 1980

Từ ngày còn bé, tôi đã thích các loại tùng bách. Đảo chánh Nhật 1945 tôi mới mười ba tuổi ta, lõm bõm học dăm chữ nho với "ôn" ngoại nuôi. Quan võ mà về già lại rất sùng đạo Phật. Tôi nhớ như là không có đêm rằm nào mà lúc trăng lên "ôn" lại không ngâm nga cái bài *Phong đả tùng quan* của vua Trần Thái Tông.

Rồi từ đó trên đường lưu lạc, tôi vẫn thầm ước ao một ngày dừng chân nơi nào có một cây tùng cây bách trước sân. Ước ao viễn vông. Nhà chưa có, nói chi sân. Sân còn không, nói chi tùng. Những năm lang bang tứ xứ, tôi đã từng ở trọ những căn buồng chật chội tối tăm, những chung cư tồi tàn dơ dáy. Tệ nhất là hồi ở San Francisco, cả cái áp-pạt-tờ-măng hai buồng chỉ có một cửa sổ lớn. Nhưng cửa sổ đó chúng tôi (dạo ấy tôi đã có vợ và một cháu đầu lòng) chỉ dám mở hai ngày trong một tuần, thứ Bảy và Chúa nhật. Cơ sự chỉ vì sát ngay bên ngoài là một nhà máy giặt khô áo quần rất lớn, *"Lớn nhất Hoa Kỳ"* như hàng chữ nê-ông vĩ đại trên đỉnh lầu tự đề cao. Những ống khói tung hơi mù mịt, ngột ngạt mùi benzine. Ngửi một tích tắc là chóng mặt buồn nôn.

Cái mùi đó làm chúng tôi khổ hết sức. Đóng cửa thì đỡ hơn, nhưng bên ngoài khói nhiều quá nắng mưa gì cũng cứ tưởng như trời đầy sương mù. Tùng thứ sáu có một họa sĩ nghèo người Đức, còn trẻ, vì cơm áo phải làm phụ bếp ở một khách sạn rẻ tiền. Chúng tôi hay ngồi uống bia với nhau: anh ta kể chuyện quê anh ở Danzig trước thuộc Đức Quốc nay thuộc Ba Lan, còn tôi, tôi kể chuyện Hương Trà, Thanh Thủy, Mỹ Xá,

Đồng Xuyên thuộc tỉnh Thừa Thiên! Một hôm ngà say, nổi máu hiệp sĩ, anh vụt chạy về buồng, vác xuống hộp đồ nghề. Từ ngày đó trở đi, chúng tôi quên đi phần nào cái hơi độc bên ngoài. Ngay trên khung kính rộng, anh bạn người Đức đã vẽ một cây tùng lớn, cành lá xum xuê. Tôi mượn bút lông của anh, chấm sơn viết một câu: *Phong đả tùng quan nguyệt chiếu đình*. (Khi dọn đi nơi khác, ông chủ nhà buộc tôi phải cạo bức tranh trên kính ấy đi, nếu không đừng hòng lấy lại cái "security deposit" một tháng tiền mướn nhà).

Mãi đến năm 1974, tôi đã ngoài bốn mươi, hình ảnh cây tùng trên kính vẫn còn là thực tại gần gũi nhất của giấc mơ có được cây tùng trước sân. Rồi cuộc đời thật hay, một vài sự việc dồn dập xảy ra, đưa đẩy chúng tôi dọn về Pennsylvania, ở một vùng quê mùa gần Phoenixville (Phượng thành?). Lần đầu tiên, từ ngày xa quê hương, tôi được ở một cái nhà riêng.

Ngôi nhà cũ nát, dăm ba nơi dột khi mưa lớn, tường đá bồi vôi, gỗ ghề mốc meo. Người sang lại nhà cho chúng tôi, một bà già da đen trên bảy mươi, nói ngôi nhà xưa lắm, xây lên từ năm 1800 hay 1802 gì đó. Tôi nghĩ ngay hình như đó cũng là thời gian vua Gia Long lên ngôi. Vùng đó nhiều đá nên ngày xưa dân nô lệ da đen thường dùng đá xây nhà thay vì phải nung dất đúc gạch. Đến nay vẫn còn nhiều ngôi tương tự trong vùng. Mà người da đen, con cháu của những nô lệ thời trước, cũng còn chiếm đa số trong đám thổ dân.

Nhiều người Việt thường có thành kiến không tốt đối với dân da đen ở Mỹ. Cái đó đáng tiếc, mà cũng dễ hiểu: phần đông chúng ta cư ngụ nơi phố thị, ít có dịp tiếp xúc với người da đen thôn quê. Chúng tôi được cái may mắn có những người láng giềng, những người "đồng hương" tốt bụng, rất nghèo, ít học, nhưng cũng rất thuần phát, chỉ khác người dân quê ở ta mỗi cái màu da.

Chúng tôi ở cái nhà cổ đó, mà thường nghĩ đến một điều: từ ngày nhà được xây lên đến nay, biết mấy thế hệ đã đi qua! Những ông già bà cả, đàn ông đàn bà, con trai con gái, trẻ con lớn bé, đã sống, đã chết ở ngôi nhà đó, để lại bao nhiêu dấu tích vô hình. Vì thế một căn nhà nó cũng có cái linh hồn của nó. Nó đùm bọc che chở con người. Băng tuyết bão bùng nó xót xa. Mưa nắng hiền hòa nó thoải mái. Tiếng khóc đứa sơ sinh nó lắng nghe. Trong lời kêu than khi có người nằm xuống cũng có tiếng thương tâm của nó. Đâu đâu trong nhà cũng đã có lần, trong gần hai thế kỷ, mang vết tay người, những lớp vôi, lớp sơn quét lên đâu có xóa nhòa đi được. Một con rùa sống lâu, nghe trộm kinh, mà còn thành Phật, huống gì một cái nhà chung sống với người, chứng kiến bao cuộc đổi dời, bao sự buồn vui. Cho nên một tiểu gia đình như chúng tôi đến

đó nương náu, sống cuộc sống thanh bạch, cảm thấy được chấp nhận hết lòng. Chỉ có một điều, căn nhà dựng lên một nơi quá hoang vu. Ai đến chơi cũng hỏi ở nơi quạnh quẽ đêm hôm không sợ hay sao. Tôi chỉ cười, nói đã có thỏa hiệp chung sống hòa bình với ma quỷ trong vùng rồi.

Một hôm tôi đang cào cào cuốc cuốc gì đó ngoài vườn rau, thấy mệt mới dừng tay một lát, bâng quơ nhìn về phía nhà. Bỗng nhiên tôi giật mình đánh thót. Tôi trố mắt nhìn kỹ. Lúc ấy tôi mới sực nhớ ra. Cũng có đến năm sáu năm qua, *trước khi dọn đến nhà này, tôi đã từng thấy nó rồi.* Trong chúng ta ai là người chưa bao giờ có kinh nghiệm đó? Giữa tâm thần và bộ não có những liên hệ kỳ bí nào khiến cho ta thấy lại được trong một chớp nhoáng một người hay một cảnh vật mà lý trí ta biết chắc ta chưa bao giờ từng thấy.

Hình ảnh ngôi nhà hôm đó, tôi chắc chắn là tôi đã từng thấy rồi, không những chỉ một lần, mà đã nhiều lần. Tôi chỉ phân vân không biết tôi đã thấy nó khi nào, khi thức tỉnh hay trong một giấc mơ. Cái mái nhà, một bên tối một bên sáng như thế, ánh nắng chiều hạ vàng óng như thế, phía dằng sau nhà có lùm cây rậm rạp đen kịt như thế. Tôi đứng nhìn ngôi nhà nhỏ, lòng bồi hồi. Tôi có cảm tưởng mơ hồ tôi đã thấy nó rồi, tôi đã đến đấy rồi. Bây giờ tôi đứng đó chỉ là một chuyến quay về nơi chốn quen thuộc. Cảm tưởng tuy mơ hồ mà thật dai dẳng. Tôi bàng hoàng cả người.

Tôi vác cuốc ra khỏi vườn rau đem đi cất. Rồi bước quanh ra sân trước. Lúc ấy tôi mới vỡ lẽ! Trước sân nhà, tôi quên nói, ngay ngắn trước sân, là hai cây bách hương. Lần đầu tiên đến xem nhà, chúng tôi thấy hai cây bách, thích quá. Vợ tôi cứ tíu tít cả lên, nhắc nhở đến cây tùng anh bạn họa sĩ Đức vẽ trên khung kính lớn ở San Francisco. Tôi thì tuy cũng rất mừng, mừng còn hơn vợ tôi, mà lại cứ thấy bứt rứt thế nào. Nhìn hai cây bách hương, tôi cảm động, mê tít. Nhưng tôi vẫn thấy làm sao ấy, như thể tôi có bỏ quên cái gì ở đâu, thiếu mất một cái gì đó mà chính tôi cũng không rõ.

Chiều hôm đó lơ đãng đưa mắt nhìn ngôi nhà cũ, nhận diện lại nó một cách mơ hồ, rồi bước ra vườn trước thấy hai cây bách, tôi mới giật mình. Thảo nào! Hai cây bách hương, hai bàn tay da đen nào năm mươi năm, một trăm, hai trăm năm trước đã trồng sẵn cho thằng bé da vàng? Cái thằng bé có ôn ngoại nuôi đêm rằm trăng lên thường ngâm nga cái bài "Phong đả tùng quan" của vị vua thứ nhất đời Trần...

Thế mà hai cây bách và chúng tôi, đúng hơn riêng tôi, lại không có cái duyên lâu dài với nhau. Vốn đã không xanh tốt lắm, chúng bỗng bắt đầu rụng lá, xơ xác hẳn ra. Lá bách nhỏ, li ti, khi chết khô rang như gỗ mục. Đó là đầu năm 1975. Con người cũng kỳ cục: trong lúc những chuyện kinh thiên động địa, liên hệ mật thiết với ta đang xảy ra, ta vẫn không nhiều thì ít lưu tâm đến một vài cái nhỏ mọn tầm thường hằng ngày chẳng nghĩa lý gì cả. Huế, Đà Nẵng, Ban Mê Thuột, Phước Long! Tôi ở xa, ruột gan như nấu như nung. Thế mà một phần tâm trí của tôi lại loay hoay thắc mắc về hai cây bách hương.

Có gì đâu, một anh bạn Mỹ, chuyên viên nông lâm, tình cờ ghé chơi thấy chúng tàn tạ quá mới bảo tôi cây chẳng còn sống được bao lâu nữa. Anh lấy dao, cứa một nhát nhỏ trên cành, ngắm nghía hồi lâu, rồi lắc đầu. Anh nói chỉ còn một giải pháp cứu sống, lấy cưa, cưa ngang thân cây, chừng phân nửa từ gốc đến ngọn. May ra cây còn đủ sinh lực nuôi sống phần dưới, mầm non sẽ trổ ra, rồi vài ba năm nữa cành lá lại sum suê. Tôi chưa có phản ứng gì, anh đã nói tiếp: nhưng thôi, tôi ngại lắm. Cái điệu này tôi e may ít rủi nhiều. Ba phần chết, một phần sống. Cây đã yếu, cắt ngang như vậy, tử là thường. Mà rồi anh không cưa nó cũng tử. Thấy tôi phân vân, anh bạn càng đùa ác: Anh là chủ nhân ông, anh toàn quyền chọn lựa nhé... Tôi là chuyên viên thôi... chỉ có ý kiến... Cây chết, anh trách nhiệm hoàn toàn! *It's up to you!*

It's up to you! It's up to you! Anh bạn đi rồi mà câu nói đó cứ lảng vảng trong đầu tôi. Nó lảng vảng nhưng tôi mặc kệ. Cả tâm trí tôi dồn về quê hương. Rồi một hôm, lá thư gửi về nhà hơn tháng trước bị trả lại. Trên bì, đóng hàng chữ đỏ loét: *"Liên lạc Bưu chính với Nam Việt Nam đã được ngưng lại cho đến khi có lịnh mới"*. Như bao đồng bào khác hiện có mặt ở hải ngoại trong thời gian đó, tôi lấn bấn bao nhiêu việc vì gia đình bạn bè ở quê nhà. Thế mà một chiều, khi Sàigòn mới vừa đổi chủ, nỗi sôi sục trong tôi không chịu được nữa. Tôi đứng nhìn hai cây bách hương hồi lâu. Rồi tôi quyết định.

Hôm ấy vợ con đi vắng cả nhà. Tôi lấy thang, lấy cưa giây chuyền ra sân. Và hì hục một mình, tôi cưa phắt nửa phần trên của hai cây bách hương.

Thoạt đầu, cây trổ mầm xanh,—cũng may là lúc ấy vào giữa mùa xuân... Qua hạ, đã có một vài cành nhỏ phất phơ như những lời hứa hẹn trong nắng ấm. Qua đông, chúng vẫn xanh rì—các thứ tùng bách chịu đựng băng tuyết rất giỏi. Nhưng qua xuân, rồi hè năm sau, cây bỗng khô dần. Khô dần, rồi chết luôn. Đứng ở hiên trông ra, tôi thấy hai cây bách hương cụt đầu, chỉ còn là hai cái cột khô. Như anh bạn đã nói, không cưa

chúng cũng chết, cưa thì còn hy vọng hai mươi lăm phần trăm. Tôi đã làm cái điều hợp lý, nên làm, phải làm. Chúng chết, tội lỗi gì tôi! Thế mà nhìn hai cái cột khô—khô nhưng vẫn còn thơm mùi bách hương, một mùi thơm cổ kính, quý phái, mùi thơm áo bà Bằng phi của vua Tự Đức (chắc bà cất xiêm y trong những cái sập gỗ bách hương...) thế mà nhìn lại hai cái cột khô, tôi thấy hai tay tôi đầy máu me như một kẻ sát nhân.

Đêm hè có trăng, tôi thắp hai nén hương đem ra cặm mỗi nén cho một gốc cây. Lần này mất cây, tôi không phải lấy dao cạo đi cho sạch như xưa kia ở San Francisco. Nhưng sớm muộn gì tôi cũng phải đào hai gốc bách hương đi, chứ để chúng đứng chết khô như vậy, trông nản quá.

Cái chuyện trên đây nguyên chỉ viết đến đấy, đến chữ "quá" trên. Mấy trang bản thảo nằm trong chồng giấy tờ đã gần ba năm qua. Tôi muốn chấm hết khi hai cây bách hương đã chết khô nhưng vừa đây tìm lại được cái truyện, đọc lại, tôi không yên tâm. Tôi thấy trống trải hớ hênh, khó chịu. Càng khó chịu khi tôi biết rằng vì e ngại câu chuyện trở thành "lý kỳ" đi mất, tôi đã hy sinh một cách vô lối: không viết tiếp về những gì đã thực sự xảy ra sau đó. Vì thế mới có đoạn tiếp sau đây.

Như tôi đã nói, cái nhà chúng tôi ở tương đối khá cổ, nhất là tại xứ Cờ hoa cái gì cũng cố làm cho mới toanh này. Tôi và vợ con thường hay hỏi nhau không biết trong gần hai thế kỷ tuổi nhà những ai đã trú ngụ đó, ai đã sinh ra lớn lên ở đó, ai đã nằm xuống vĩnh viễn ở đó. Rồi một chiều Chúa Nhật đẹp trời, tôi còn nhớ kỹ, cuối tháng Bảy 1978, tôi đang lúi húi thay cái bánh xe hơi, bỗng có người đến đứng bên cạnh. Thằng bé chừng mười ba mười bốn, người da đen, tóc húi trọc, áo trắng rộng tùm ở cổ tay, quần chật ống thọc vào ủng da cao đến gối. Tôi nghĩ ngay nó là một thằng bé hàng xóm có chân trong ban kịch nghệ ở trường trung học trong vùng, hôm nay Chúa Nhật đi dượt mới về. Vì thế tôi hỏi, cố nhiên bằng tiếng Anh: Mạnh giỏi em? Dượt kịch nào đó?

Không nghe trả lời, tôi dừng tay ngước lên. Thằng bé nhìn tôi, nghiêm trang, mắt long lanh: "Dạ, có kịch nào đâu... Ông đi với em đây một chút. Bác em mời ông đến chút xíu". Tôi ngạc nhiên. Láng giềng thân nhất là ông Martin, cũng người da đen nhưng tôi biết Martin có cháu chắt nào đâu ở đây. Tôi hơi bực mình vì đang làm dở tay. Tôi vừa tháo ốc xe vừa bảo bác mày là ai, ở đâu, cứ về đi rồi ta thay cái bánh này xong tà tà ta đến. Không nghe trả lời tôi lại ngước lên. Thằng bé đứng thẳng, nghiêm trang thưa lại: "Bác em xin mời ông đến chút xíu. Ông đi với em..." Cũng như ở Việt Nam, con người thôn dã thuần phát nhưng lại lắm tự trọng, có khi quá đáng. Cư xử không đúng cách, họ rất dễ phật lòng. Vì vậy tôi vào nhà rửa lẹ tay, rồi ra đi theo thằng bé. Trên đường, tôi hỏi nó tên gì, ở đâu, nó chỉ im lặng, một sự im lặng hiền hòa mà tôi

không cho là vô lễ.

Chúng tôi đi vào xóm vắng, bỏ đường rải sỏi, sang đường mòn, rồi băng qua một khu rừng thưa. Vài phút sau, chúng tôi đến một nơi quang đãng, có ngôi nhà nhỏ, loại *log cabin*, khói trắng dùn dùn bốc lên từ ống khói đá. Một người đàn ông đang tay búa tay kềm rèn một cái gì đó, tiếng búa chan chát, tàn lửa tung tóe. Lâu năm lắm mới thấy lại lửa lò rèn, lòng tôi chan hòa một niềm vui không tên. Thấy chúng tôi, người đàn ông ngừng tay, bước lại.

Trời! Viết mấy chữ này mà tôi còn nhớ rõ mồn một người đàn ông da đen đó. Trạc năm mươi, năm mươi lăm, cao lớn dị thường, dễ đến một thước chín, hai thước! Cũng áo rộng túm ở cổ tay, cũng quần chật nhét vào ủng cao như thằng cháu. Tóc hoa râm húi ngắn, mắt sáng, mũi lớn, mồm rộng mà ngang, một người đàn ông lưng dài vai rộng, dáng dấp có cái oai phong dung dị của một vị anh hùng áo vải. Ông tươi cười mời tôi vào lò rèn dưới chái nhà, rồi vừa trò chuyện vừa chỉ cho tôi xem những thứ đồ rèn của ông: lưỡi búa, bánh sắt, móng ngựa, lưỡi hái, kềm, dao v.v... Vừa tấm tắc khen ngợi, tôi vừa cảm thấy một niềm ấm áp vỗ về khó tả. Người đàn ông có tiếng nói thật lớn vang mà trầm, nhưng giọng da đen miền Nam khó nghe. Tôi thạo Anh ngữ mà phải chăm chú lắm mới theo dõi được.

Bây giờ nghĩ lại mới thấy kỳ cục: tôi tuyệt nhiên không hỏi vì cớ gì người ta mời tôi đến nhà! Tôi bước theo người đàn ông, nghe ông ta nói chuyện, thằng bé lẩn quẩn bên cạnh, im lặng, lễ phép. Giờ đây tôi hoàn toàn quên hết những lời, những chữ của ông. Mà trong tôi, lạ thay, câu chuyện của ông lại còn văng vẳng. Trí nhớ là một khả năng lạ lùng: chúng ta có thể quên bẵng những chi tiết của một đối tượng nào đó trong khi chúng ta lại nhớ đến đối tượng đó như một thực tại có thật hơn là thực tại đang bao quanh thân xác ta trong giờ phút này. Tôi không nhớ ông hàng xóm, một thứ Quan Vân Trường da đen áo vải đó và tôi đã nói với nhau những gì. Ngược lại, trong tâm não tôi cái thực chất của câu chuyện lại còn rõ mồn một. Rõ mồn một, nhưng tôi không tài nào diễn tả lại được, trình bày lại được, một cách có mạch lạc và hợp lý.

Tôi nghĩ liều lắm tôi chỉ dám ghi lại những điều người đàn ông da đen đã nói với tôi, để lại cho tôi những ấn tượng sau đây: 1. Ông muốn tôi giúp ông một tay hoàn thành một công trình đang dở nào, 2. Mọi việc tôi đã và đang làm là phải, là hợp lý, hợp tình, và 3. Đừng có thắc mắc gì cả, mọi việc rồi đâu sẽ vào đấy. Lơ mơ chỉ có thế mà tôi hiểu ông thấu đáo, một sự thông hiểu vượt lên bên trên của hiện tượng ngôn ngữ. Tôi hiểu, và tôi biết ơn. Tôi coi đó là những lời khuyên bảo, khích lệ quí báu, đúng lúc tôi đang cần phải nghe, phải thực hành, phải tin cậy. Trò chuyện

được một lúc không lâu, rồi người đàn ông đặt một tay lên vai tôi, tay kia chỉ ra sân. Lúc ấy tôi mới thấy ngoài kia có hai cây lớn, cành lá xanh um, đứng sát nhau như hai cây bách hương đã chết khô ở sân nhà chúng tôi. Tôi kinh ngạc nhìn lên định hỏi, thì không thấy ai đâu nữa. Tôi bừng tỉnh, bàng hoàng. Thì ra chuyến đi thăm lò rèn chỉ là một giấc mơ.

Lúc ấy tôi mới sực nhớ ra là tuy áo quần họ cũ kỹ nghèo nàn, dính đầy tro bụi, nhưng hai bác cháu trang phục hệt như ngày xưa ở Âu Mỹ, kiểu thời Cách Mạng Hoa Kỳ hay ngay sau đó, cách đây trên dưới hai trăm năm...

Mấy ngày sau, tôi vui một niềm vui lạ thường. Có khi vất vả lắm mới đi thăm được một người thân, nhưng khi trở về nhà ta lại hay man mác buồn buồn. Đó cũng là cái lẽ tự nhiên của thân phận con người với nỗi hàn ôn. Nhưng trong cái man mác buồn đó, hơi ấm của tình ruột thịt, của tình bạn quý, vẫn đem đến cho ta một niềm vui. Như một tảng than hồng tiếp tục cháy và truyền sức ấm qua lớp tro tàn của cuộc phù thế. Tôi nghĩ cái niềm vui lạ thường vương vấn trong tôi, sau cuộc viếng thăm trong mơ, chính là tảng than hồng âm ỉ đó. ❐

1980

Đón đọc

Lý luận và phê bình

Hai mươi năm văn học Việt ngoài nước

Bùi Vĩnh Phúc

Nhà Xuất bản Văn Nghệ

P.O. Box 2301 • Westminster, CA 92683

hoặc

10881 Oak Street • Stanton, CA 90680

Tel. : (714) 527-5761

Đôi Đường Ân Oán

HOÀNG LỘC

Gã làm thơ thường ra phố một mình
Ai dễ cần ta, bụng đầy chữ nghĩa?
Ở thời buổi mà gạo châu củi quế
Em chắc không còn lo lắng cho Thơ?

Ta ngập ngừng trước hiên quán ngày xưa
Chẳng lại bỏ văn chương, ngồi uống rượu!
Lão chủ quán chào ta là cố cựu
Mà cái cười dường xem trọng xem khinh

Có thể rằng thời ham hố cầu danh
Ta lỡ rũi phải theo đòi nghiên bút
Tuổi mới biết giương cung, dừng chẳng được
Nên một lần em đã vội buông tên

Ta có sá gì đời bỏ tình quên
Năm ngón tay thơ, những ngày bất hoặc
Lề mãi giữ kể từ khi giấy rách
Buộc miệng ngâm câu quân tử cố cùng

Gã làm thơ già qua phố người dưng
Vẫn thiết tha đây nỗi niềm cố xứ
Ai dễ cần ta chút hồn đã cũ
(Em phải một đời bận bịu chồng con!)

Ta với cái buồn chẳng ai buồn hơn
Ngậm điếu thuốc rê, gật gù thở khói
Giá mà còn em cho ta được nói
Chắc đôi đường ân oán cũng không xong

Hội An, 1984

Trong Sương Mù

Đặng Mai Lan

Sương mỗi lúc mỗi xuống thấp dầy đặc, rút ngắn lại buổi chiều để hứa hẹn cho một đêm dài mênh mông ở những con mắt trằn trọc, khát khao tìm giấc ngủ. Bốn phía tòa nhà như tràn ngập, chìm đắm trong một biển sương. Bụi hồng xơ xác ngoài khung cửa mới vài phút trước còn nhìn thấy rõ được những trái màu nâu cam tròn trịa, bây giờ chỉ còn là những cành khẳng khiu, mù mờ lay động trong gió.

Tôi với tay bật ngọn đèn. Dựa lưng thu người trong lòng ghế và một mỏi quấn những lọn tóc của mình áp lên môi. Mùi thơm của tóc lẫn mùi xà bông gội nhẹ nhàng thoảng lên mũi như thầm thì vỗ về một nỗi nào đó rưng rưng, xót xa buồn tủi. Tóc đã dài quá vai, đã có thể quấn được hai vòng trên những ngón tay. Hình như lần đầu tiên tôi mới ngửi thấy mùi tóc của mình. Tôi không có thói quen, diệu bộ mân mê ấp yêu những lọn tóc. Thế mà lúc này tôi lại nâng niu chúng một cách cẩn trọng. Những ngón tay, sợi tóc và đôi môi chúng đều cô đơn và buồn bã như nhau nên quấn quít tìm đến nhau. Có phải như thế không?

Ôi những sợi tóc! Tôi vuốt ve chúng như thế rất lâu với hai con mắt buồn rầu ngó về quá khứ. Sự tưởng nhớ nào lại chẳng mang theo bóng dáng của nỗi niềm hối tiếc, mà buồn phiền vẫn thường đi theo đó như một thứ đồng hành trung tín và tôi tưởng muốn vỡ tan, cuốn xoáy trong nỗi buồn. Như từng lớp bụi bay mù giữa xác xao nắng gió. Nỗi buồn ngày hôm nay có giống không nỗi buồn ngày hôm qua? Những ngày tháng đã xa, mà mỗi ngày đi qua là một thách thức. Bởi chưng mỗi ngày, xen lẫn giữa những hoan hỉ buồn vui rất thực của cuộc đời trong tôi luôn có những bất chợt xót xa thầm lặng dấy lên. "Hãy cố gắng sắp đặt lại, rồi cũng qua thôi!" Định đã nói điều ấy với tôi. Và tôi đã cố gắng ngửng lên trong thứ tiếng nói khô nhọn đắng cay ấy, đắng như những giọt thuốc phải mím môi bịt mũi uống vào dù biết chẳng cứu vãn được gì cho một

căn bệnh, nhưng ngoài nó chẳng còn sự lựa chọn nào khác hơn... Tôi đã ngửng lên như thế biết bao lần, bao ngày, nhưng thời gian với tôi đã chưa hẳn là một liều thuốc mầu nhiệm có thể làm biến mất, chữa lành mọi thương tích trong đời sống như người ta vẫn thường ví von. Nghĩ cho cùng, thời gian tự nó đã có tuổi có tên. Nó không già cỗi rồi chết đi mà lại xoay đều một vòng tròn miên viễn theo giòng sống. Người ta đã sống cùng nó, đã mượn tên tuổi của nó để ghi dấu mọi biến chuyển và trân trọng gọi là kỷ niệm như ngày sinh, ngày cưới, ngày giỗ... Thế nên đã được xem như là kỷ niệm thì có thứ kỷ niệm nào không mang theo tên tuổi của tháng năm?

Và suốt cả buổi chiều tôi lẩn thẩn ra vào nhớ Định bởi cái vòng tròn khi quay đều nhẹ nhàng, lúc rã rời chao đảo ấy đang dừng hẳn lại ở hai con số đen đậm trên tờ lịch mỏng manh. Định đã tít tắp xa xăm khỏi đời sống tôi, nhưng hẳn rất gần đâu đó một nơi nào mà tôi không còn được biết bởi cánh cửa định mệnh muôn đời khép kín dửng dưng, không còn một cơ hội nào có thể mở ra cho tôi gặp lại chàng nữa. Bao giờ cũng thế, ở một nơi chốn thân quen khi Định vừa rời khỏi cũng là lúc tôi bước vào. Chẳng hẹn hò nhưng tôi không khỏi ủ ê lạnh ngắt cả toàn thân khi nhận biết điều đó. Chúng tôi luôn có những tình cờ vô lý, rất u tàn nhẫn. Tình yêu đã đến muộn màng nên tất cả mọi điều đều đảo nghịch lệch lạc. Tôi vẫn ứa nước mắt trong cách suy nghĩ ấy.

Buổi sáng chị Hảo nhắc tôi về cái hẹn của hai đứa.

"Còn hai ngày nữa, nhớ nghe Trâm."

Hai ngày nữa tôi và chị phải vào một trung tâm y khoa ngăn ngừa bệnh tật để làm một cuộc theo dõi tổng quát về sức khỏe. Phải khoác trên người tấm áo choàng trắng thùng thình của viện và lượn hết phòng này sang phòng khác, linh động như những bóng ma biết cười biết nói. Há mồm trợn mắt, vạch áo đưa lưng cho từng vị bác sĩ nhìn vào nghe ngóng tìm tòi. Giơ cánh tay dâng tặng những lượng máu rồi được đền bù bằng một bữa cơm xoàng xĩnh mà đầy đủ sinh tố bổ dưỡng. Trung tâm lúc nào cũng nườm nượp người xin xem bệnh. Những con người còn rất tha thiết với cuộc sống. Tôi không ham điều này. Cực chẳng đã, mỗi năm một lần, như những người đàn bà khác, tôi bắt buộc phải dẫn xác đến gặp vị bác sĩ chuyên môn về phụ khoa của mình, rồi thôi. Nhưng tôi chìu lòng chị Hảo. Có lẽ chị Hảo là mẫu người mà Thượng đế sinh ra để làm kiểu mẫu cho đời. Chị sống rất kỹ lưỡng, khám bệnh đúng từng chu kỳ. Ăn uống đều đặn có công thức hẳn hòi để giữ gìn sức khỏe, cân bằng thân thể cũng như để gánh vác cái cơ ngơi hạnh phúc êm ả, bình dị mà Thượng đế đã ban tặng chị. Thứ hạnh phúc thật tình tôi chẳng có một ao ước thèm muốn nào khi ngẫm nghĩa nhưng đôi khi nhìn chị, cuộc sống

của gia đình chị tôi vẫn tự hỏi rằng nó có thật hay không ở kiếp sống này hay cũng là một trong những vở kịch nhan nhản mà tôi từng chứng kiến. Cũng như tôi cũng cần phải kịch để sống cho vẹn toàn. Có ai dám sống tưới hột sen, lẫn hột dền, sống thật, sống hết đời theo ý mình chưa? Chị vẫn moraliser tôi từng li từng tí. Chị bảo tôi đứng không vững, chân thấp chân cao, rồi tôi sẽ ngã. Hãy bằng lòng, và yêu lấy những gì mà mình đang có. Tôi nghĩ, sống là một cuộc đuổi bắt, một đối kháng liên miên, không ngừng nghỉ trên mọi hình thức và đó chỉ là một cách khoanh tay ủi an, vuốt ve trước những ê chề bất lực mà thôi. Chẳng hiểu chị đã có những kinh nghiệm gió bão nào để cho tôi những lời khuyên giải như thế? Còn tôi hình như chỉ có những ngờ vực qua cơn biến động tình cảm. Ngờ vực cả chính lòng mình, về cái gọi là tuyệt đối, là hạnh phúc, là yêu thương. Tuổi nào là tuổi để yêu thực sự? Hay đam mê cũng được tính theo cấp số nhân, tỉ lệ thuận với tuổi tác. Tôi đã thực sự yêu bao giờ chưa? Tại sao khi đời sống đã an bài, giữa bao muộn màng ngăn trở tôi lại có thể yêu Định nồng nàn như tình yêu của một thiếu nữ mười tám đôi mươi? Và cả Định, tôi cảm nhận được tình yêu của chàng nhưng tình yêu ấy chưa đầy, chưa dủ để chàng có thể vượt qua, để đạt đến mục đích cuối cùng, một kết hợp toàn vẹn. Rõ ràng là như thế. Dĩ nhiên, chẳng bao giờ tôi dám nói những ý nghĩ này với chàng. Tôi chỉ âm thầm ôm giữ niềm đau. Vờ vĩnh tự làm dẹp cho mình cũng bằng cánh áo lãng mạn thêu kết những bông hoa đạo đức. Định lãng mạn hay Định lý trí? Hai sự việc không rõ nét. Cả hai trộn lẫn trong nhau, hỗ trợ nhau, nhập nhằng. Tôi mù mờ ngơ ngác trong mọi tìm kiếm, mất thăng bằng bởi những mặc cảm. Ngay cả với chị Hảo, một đời sống êm ả thực sự chỉ là một kết luận qua một cách nhìn chung chung, hời hợt dễ dãi nơi tôi. Bởi tôi vẫn thỉnh thoảng chợt gặp những nét tư lự khó hiểu, ẩn chứa trong đôi mắt của chị. Điều gì đó trong chị tôi không rõ, có thể tôi mang nhiều tưởng tượng. Suy bụng ta ra bụng người (Chị Hảo thường nói thế) nhưng chẳng bao giờ tôi tin có thứ hạnh phúc tuyệt đối. Những bất chợt băn khoăn nào đó trong mắt chị Hảo lẽ nào không dung chứa, không phản ảnh một nỗi niềm?

Nhưng dù sao với tôi thì chị cũng rất vững vàng, vững không đủ để vực tôi đứng lên mà chỉ đủ để có thể săn sóc tôi, giúp đỡ tôi, nhắc nhở tôi như chuyện khám bệnh trong hai ngày nữa.

"Đừng ỷ y quá, lúc này chị thấy Trâm hay bệnh. Đàn bà mình phải cẩn thận bắt đầu vào tuổi này."

Tôi đi với chị cho vui và cũng để không phụ lòng lo lắng của chị. Tôi cũng không chối cãi một điều là lúc này mình yếu thật, nhưng chẳng bác sĩ nào biết được những cơn bệnh của tôi bằng tôi cả. Những cơn sốt,

những cơn lạnh, những ho hen dài theo đuôi mắt ướt, những chóng mặt đau đầu, những mất ngủ tráo trơ con mắt. Tôi ngã quỵ một cách dễ dàng không khởi nguồn từ trở trời nắng gió thiên nhiên mà từ những hệ lụy vô tình đưa đẩy, đẩy đưa, từ Định... Cái trở trời giông bão chẳng khi nào được tiên liệu trong mục loan báo thời tiết. Ngày xưa tôi vẫn thường cười cợt khi nghe nói đến những căn bệnh này, không thật, giả tạo cải lương, tưởng tượng màu mè... Bây giờ tôi mới hiểu sự tương quan mật thiết tuyệt vời giữa tâm và xác. Tâm ta đau, hồn ta héo, xác cũng héo và đau. Chẳng cần một thứ thuốc men nào, khi niềm vui đến, hạnh phúc đầy, cơn bệnh sẽ tự động ngoan ngoãn rút lui ngay. Tôi chỉ nghi hoặc về cái gọi là thần giao cách cảm. Hai lần tôi bệnh nói chẳng ra hơi, tôi sốt gần bốn mươi độ. Tôi nhớ Định và gọi cho chàng. Cả hai lần, lần nào Định cũng đều bảo chàng cũng cảm thấy khó chịu trong người. Có thật không hay chỉ là một trùng hợp, một ủi an dỗ dành tế nhị của Định dành cho tôi?

Tôi cười trêu chị Hảo.

"Còn hai ngày nữa, hôm nay là ngày mấy nhỉ? Để coi lại *agenda* xem biết đâu em lại quên, lại hẹn cái gì khác."

"Con nhỏ này lẩn thẩn, đến cả ngày tháng cũng quên."

Chị nhấn mạnh ngày và luôn cả tháng trong nụ cười như có một chút nhăn nhó. Tôi cũng nhăn nhó theo. Có chị Hảo tôi không dám cúi xuống, không ngẩng lên. Tôi ngó khoảng đường trước mặt. Sương mù đã tan từ lâu. Nắng lên cao rực rỡ, phản chiếu thứ ánh sáng sắc nhọn từ những phiến gương dục của tòa nhà cao ngất cạnh đó.

"Sao tự dưng lại ngơ ngẩn thế này?"

Tôi không thoát được cặp mắt tinh tế của chị.

"Chị nhắc đến ngày mười ba làm em sợ, ngày xui phải không chị?"

"Có phải thứ Sáu đâu mà xui với xẻo. Chị nhớ Trâm vẫn nói ngày mười ba là ngày hên của Trâm mà."

Tôi nhíu mày.

"Tại sao chị lại nói thế?"

"Chứ không phải Trâm đã lấy được bằng lái xe ngày mười ba sau bao phen vất vả đó chăng!"

"Thôi em về, đôi khi định mệnh cũng khởi đầu từ những sự may mắn."

"Lại văn vẻ nữa rồi, coi chừng định mệnh nằm trong thứ văn chương của Trâm đó, cứ tưởng tượng cái gì rồi nó sẽ vận vào đời mình cái đó."

Câu nói không làm tôi lạ lùng vì chính đó là những suy gẫm của tôi trên bao sự việc đã xảy ra trong đời mình mà có lần vui tôi đem ra kể lể bàn bạc cùng chị. Tôi không muốn nói gì thêm với chị Hảo. Tôi cần một

nơi chốn, thèm được một mình. Chị Hảo cũng chẳng muốn tìm hiểu gì nữa nơi tôi, đã từng bất thường như trời mưa trời nắng.

Tôi đi về trong tiếng cười trong vắt của chị mà không cười đáp trả nổi một nụ cười chia tay. Trời đẹp quá, sau mù sương của đêm tối khí hậu bao giờ cũng ấm áp. Tôi vẫn thường ngây ngất với những đổi thay tuyệt diệu của thiên nhiên, nhất là những ngày bắt đầu vào Xuân như khoảng thời gian này. Nắng như lụa mềm óng ánh mơn man trên cỏ, trên hoa. Thành phố dầy những hoa, đủ mọi loại hoa nở dọc suốt quãng đường tôi về. Hoa thầm thì trong nắng. Thứ nắng mời gọi những bước chân tình nhân quấn quít trên những công viên gần, những ngọn đồi xa. Thứ nắng rủ rê tưởng tượng, khát khao được thong dong, yên bình ở một cánh rừng nào đó và tôi bỗng nghe thèm quá đỗi một vòng tay, một hương hơi ấm êm quen thuộc, một ngày nào đã mất hút, xa xôi... Tôi lắc đầu, tôi thường hay lắc đầu, những cái lắc đầu không kềm chế đã có từ bao giờ tôi chẳng nhớ nhưng đó là những lúc tôi nhớ chàng. Tôi nhớ chàng và tôi như miên man trong cơn mộng du suốt quãng đường dài. Chẳng bao giờ tôi có thể đi bộ được lâu đến thế. Tôi trở về với đôi chân mỏi, lâng lâng một niềm vui mộng mị với nhánh hoa được biếu tặng tình cờ.

Cánh hoa vàng, *Corête*, tên một loại cúc Nhật Bản không phải là điều tôi mong mỏi ngắm nhìn khi dừng chân trước ngôi nhà đó mà là một chuỗi hợp âm được nâng niu, ve vuốt nhẹ nhàng từ những ngón tay của một bàn tay phải điêu luyện nào đó, dàn trải tận cùng giai điệu buồn bã của khúc *sonate 14* vọng ra từ khung cửa. Không là đêm, vậy mà tôi như ngẩn ngơ cuốn hút theo dòng nhạc, theo từng cụm ba, những chấm đen buồn, rải ra từ đêm huyền hoặc của Beethoven dành tặng Clara cho đến khi tiếng nói được cất lên từ cuối khu vườn. Người đàn ông tuổi độ quá ngũ tuần với cán cuốc đang cầm trên tay đang bước tới nhìn tôi cười mỉm.

"Hoa đẹp nhưng thua thớt quá phải không cô? Nó chỉ nở nhiều vào khoảng giữa tháng Năm khi thời tiết thật sự ấm áp."

Bây giờ tôi mới nhận ra một vài bông hoa vừa nở, e ấp khép nép trên một cành thấp ở bờ tường cạnh đó. Người đàn ông lại tiếp lời như để giúp tôi thoát khỏi sự lúng túng không thể tránh được.

"Tôi chưa thấy có người nào ngắm hoa một cách say mê như cô."

Tôi không nỡ để ông ta thất vọng vì sự suy đoán lầm lẫn, dù là một lầm lẫn nhỏ. Tôi nói dối trơn tru.

"Vâng, hoa đẹp quá. Tôi vẫn thích những nhánh hoa thưa thớt đơn lẻ. Cái gì ít vẫn quý, vẫn dễ đập vào mắt. Nếu là một cây cành đầy đặc những hoa là hoa, chắc tôi không nhìn như thế đâu. Hoa đẹp, nhạc hay

và tôi có say mê trong khung cảnh này đâu phải là một điều vô lý. Phải không thưa ông? Tiếc rằng tôi đã không có thêm được một ánh trăng!"

Ánh mắt của người đàn ông long lanh, toát ra những nét kiêu hãnh trong cái nhìn dừng lại nơi khung cửa, nơi giòng nhạc được phát ra.

"Cô cũng yêu bài nhạc ấy sao? Con gái tôi đó, đang học năm thứ năm trung cấp đương cầm ở nhạc viện thành phố."

"Vâng, nghe qua thì tôi biết không phải là một tay *amateur*. Không chuyên nghiệp không thể nào chơi một cách điêu luyện như thế."

Người đàn ông nhìn tôi với một thoáng đăm chiêu nghĩ ngợi.

"Cô này... Cho phép tôi được tò mò đôi điều. Cô là người Tàu, hay Việt, hay Lào?"

Tôi cười mỉm.

"Ông thử đoán xem! Nhưng chắc chắn là ông sẽ đoán trật lất. Khó phân biệt lắm. Dưới mắt người Pháp hầu như người Á Châu nào cũng bị gọi là *Chinois*."

"Chính vì thế tôi mới hỏi cô, bởi lẽ tôi có quen biết một vài người Lào, người Thái nhưng chưa có người nào có lối nói chuyện như cô. Xem ra cô có vẻ nghệ sĩ và khá rành về âm nhạc."

"Nếu mà nói về âm nhạc thì người Nhật đã giật giải dương cầm quốc tế trong những năm gần đây nhưng tôi nghĩ không phải là không có những nhạc sĩ người Tàu hay người Thái. Tôi là một người Việt Nam chính cống nhưng chẳng phải là người của âm nhạc đâu thưa ông. Tôi chỉ có cái may mắn được gần gũi một người bạn gái chuyên nghiệp về bộ môn này và có một trái tim biết thưởng thức rung động, tham lam. Tôi luôn tìm hiểu tận cùng mọi điều mình yêu thích.

Đúng là một cơn mộng! Không biết sao tôi lại có thể dài dòng đến như thế với một người ngoại quốc xa lạ. Người đàn ông tỏ ý muốn mời tôi vào nhà để gặp đứa con gái chơi đàn nhưng tôi từ chối. Tôi chỉ nhận cánh hoa với những thoáng ngẩn ngơ xúc động không ngờ..."

"Để tôi cắt tặng cô nhánh hoa."

"Chỉ có vài nụ, ông giữ cho đẹp. Khi nào hoa nở nhiều tôi hứa sẽ ghé xin."

"Cô nói thế nhưng tôi biết chắc chẳng bao giờ cô ghé lại. Cầm lấy đi, cô xứng đáng để nhận nó."

"Vâng! Cám ơn ông nhiều. Ông nói đúng, tôi xứng đáng để nhận bởi hôm nay là ngày sinh nhật của tôi mà."

Tôi cầm cành hoa trong chiếc ly cao, tôi mân mê tờ lịch mỏng. Sinh nhật với một nhành cúc đầu mùa, gầy guộc mong manh. Kể như tôi đã được sinh ra từ ngày đó. Đời sống đã bắt đầu từ ngày đó hay chết đi cũng khởi nguồn từ ngày đó? Một nơi nào, trong khoảng khắc này, có thoáng

nhớ nào gợi về trong Định? Mà nếu có chắc chẳng thể nào Định có thể mường tượng hình dung nổi ra tôi? Bóng tối của gian nhà, sương mù bốn phía bên ngoài và sự thiếu vắng vô tình những âm thanh quen thuộc hằng ngày là những thứ cửa ngõ, mở bung những nhớ nhung mê muội thường vẫn khép kín giấu che. Góc tối này, khoảng sáng kia, những chỗ ngồi xưa của Định. Hạnh phúc như còn quấn quít đâu đó trên những tĩnh vật im lìm. Hạnh phúc của tôi, của chàng nữa chứ, bởi vì Định đã nói, chàng chỉ chờ mong có cơ hội là trở về ngồi lại nơi đó, trong thế giới của tôi. Tôi không tin chàng nói dối. Thà im lặng không nói chứ chẳng bao giờ Định dối tôi. Vậy mà chàng đã bỏ đi, không ngoảnh lại. Với danh nghĩa nào thì đó cũng là một sự chối bỏ, mang hình dáng của vàng phai bạc dãi.

Không ai dại dột đi dưới mù mịt lạnh giá nên đêm lạnh căm, im thinh. Có thể ví như một cõi chết nếu không có những ngọn đèn đường phóng ra thứ ánh sáng yếu ớt, tội nghiệp, không xuyên thủng nổi lớp sương chùng thấp phía dưới, nhưng đủ để thấy lờ mờ những rèm đêm, những vuông cửa trên cao, biểu hiện của cõi sống nhân gian... Tôi ném cánh hoa xuống lòng đường. Cánh hoa nhẹ hẫng rơi trong bóng tối, trong vũng sương mù lênh láng chan chảy không lưu giữ được một dấu vết nào nơi tầm mắt đuổi theo. Giá tôi cũng có thể được nhẹ nhàng rơi, mất hút như cánh hoa kia nhỉ! Tại sao tôi lại có ý nghĩ như thế? Có phải tôi đang tập trung tư tưởng về tâm lý của một nhân vật đang có ý định tự hủy mình, ở một bài viết đang còn dang dở? Định mệnh nằm trong thứ văn chương của Trâm đó! Sáng nay chị Hảo đã nói như thế... Hoa vàng, vàng của thất vọng đãi bôi, nhưng là một cánh hoa đẹp. Màu sắc nào lại chẳng có một vẻ đẹp riêng và mùa xuân vẫn còn dài. Nhánh cúc vàng! Tại sao tôi lại có thể phũ phàng vứt bỏ đi khi nó còn đang tươi tốt mà tôi đã đón nhận với những xúc động từ một tấm lòng tử tế. Tại sao và tại sao? Như không phải là tôi vừa ném cánh hoa đi. Cũng không còn là tôi nữa trong thứ mù sương buồn thảm của đất trời.❐

Buổi Đi Thăm Bất Đắc Dĩ

Nguyễn Hiền

Tôi bước vào căn phòng. Phòng trống đến ghê người. Một dãy bàn xanh xám chia đôi chiều dọc. Những tấm kiếng dầy ngăn mặt bàn thành những hộc nhỏ trong suốt một cách kỳ bí. Hai hàng ghế sắt xanh rêu châu nhau. Trong khoảnh khắc tôi thấy Mike. Đúng hơn, tôi thấy một người tên Mike giống bức ảnh bạn tôi cho xem tháng qua. Hai năm trước, anh còn là một tên tuổi với phong độ. Đầu năm nay, lúc anh lên trang nhất báo, tôi còn nhận ra. Bây giờ anh ngồi đó, nhìn tôi xa lạ. Bất động, lờ đờ dáng con beo ngủ gật. Tôi lại gần. Kéo ghế ngồi đối diện. Nhìn vào mắt anh. Hàng song cửa chiếu vào đôi tròng mắt xám đăm chiêu nhìn quãng không. Bộ râu lởm chởm rung rung trong một cử động quai hàm. Nhai nỗi căm hờn? Gậm nhấm sự cô đơn? Hay che dấu xúc động? Tôi tằng hắng. Cặp mắt dữ dội chiếu suốt đầu tôi. Tôi liếc nhìn hai đầu bàn. Hai anh giám thị quét mắt cú vọ lên hai bàn tay tôi úp trên mặt bàn gỗ lạnh:

"Peter không đến được."

"Sao?"

"Bịnh."

"Có nhắn gì không?"

"Không."

Một thoáng thất vọng chạy nhanh trên khuôn mặt bằng những vệt nhăn nheo. Hàm răng cắn chặt. Tôi quay đi tránh nhìn cục hầu anh co giật lên xuống:

"Không có gì nhắn sao?"

"Không. Peter gởi lời chia buồn..."

"Tao không cần."

"Vụ mày ra sao?"

"Chưa biết. Chắc lãnh thêm năm năm."

"Anh cần gì không?"

"Peter biết mà."

"Nó kiếm không ra."

Ánh mắt thờ thẫn tìm kiếm trong một xó tối mông lung nào. Không có. Nơi đây chỉ có ánh đèn sáng choang từ đủ mọi phía, tò mò, lục lọi cùng khắp. Lục lọi ngay cả những hang ổ bí mật của tâm não. Thất vọng. Ánh mắt trở lại tôi bằng một van nài:

"Thật không?"

"Thật."

"Chừng nào Peter mới đến?"

"Có lẽ tuần sau."

"Anh nói dối."

Tôi lặng im không thú nhận nỗi bối rối. Giọng Mike gõ từng nhịp chuông trong đầu:

"Peter không bao giờ dùng tiếng 'có lẽ'. Tao biết."

Tôi lảng tránh:

"Lâu quá mới gặp lại anh."

"Anh lúc này ra sao?"

"Vẫn vậy."

"Vậy là sao?"

"Là vẫn giống hai năm trước, lúc anh gặp tôi."

Đôi mắt anh trở nên mơ màng:

"Hai năm. Nhanh thực. Mà cũng lâu thực. Mỗi ngày tôi chờ tờ lịch rơi. Năm năm, một ngàn tám trăm hai mươi bảy ngày, kể cả hai năm nhuận."

"Anh chờ đã gần một ngàn ngày rồi đó."

Anh ta nuốt nước miếng một cách khó khăn trong khi tôi nhìn xuống dất nền xi măng lạnh:

"Anh có bao giờ đi du lịch chưa? Chưa hả. ờ nhỉ. Anh mới tới đây không bao lâu. Năm năm thôi sao. Nếu anh đã đi chơi xa, anh sẽ thấy những ngày đầu là một chuỗi thời gian dài dặc. Anh có thấy những ngày đầu tiên ở cái xứ lạ này nó dài ra sao không?"

Tôi gật đầu thú nhận.

"Anh vẫn còn mong có ngày trở về?"

Tôi lặng im không xác nhận không phản đối.

"Anh thấy chưa. Xứ anh tới đây xa nửa ngày bay. Thế giới tôi cách đây có nửa giờ xe. Bởi thế anh không thể hiểu nổi cái dài của một ngàn ngày của tôi ở đây đâu anh bạn."

"..."

"Nghe nói bên nước anh thay đổi nhiều..."

Tôi nhún vai:

"Người ta nói vậy"

"Về xem không?"

"Tôi chưa nghĩ tới chuyện đó"

"Sao vậy?"

"Còn nhiều chuyện phức tạp lắm."

"Nhưng trước sau gì cũng phải một lần. Chỉ sợ anh cũng thay đổi, thì thật khốn nạn."

"Anh nói sao?"

"Anh nghĩ lại xem. Anh khác gì tôi. Tôi ngồi tù trong thế giới thực. Bằng luật thành văn. Anh giam mình trong cõi tù hư ảo của những luật xã hội không viết trong sách."

Người giám thị bên phải tiến lại:

"Anh còn ba phút nữa."

"Dạ..."

Mike đăm đăm ngó tôi:

"Nhưng tôi khác. Anh khác. Lúc nào tôi cũng muốn trở về thế giới của tôi. Bằng mọi giá. Kể cả việc tôi đã làm vừa qua. Bạo động. Hay ngồi đây bóc lịch hàng ngày trong bất bạo động. Nhưng thế giới của tôi vẫn còn đó. Có ngày tôi sẽ trở lại, sẽ sờ thấy. Chắc chắn như vậy. Còn anh. Tôi không biết anh có còn tìm lại được thế giới cũ của anh bên đó nữa không? Và ý chí trở lại của anh có còn mạnh như ngày mới tới đây không, hay nó đã lại chui rúc trong cái vỏ an phận của anh mất rồi."

Giờ thăm đã hết. Tôi đứng dậy. Bàn tay đặt trên bàn buông thõng. Tôi chào anh bằng ánh mắt thay cho cái bắt tay bị cấm đoán trong vuông tường sạch sẽ một cách quái dị này. Anh quay lưng lại, đi giữa hai người giám thị dềnh dàng khuất trong ngõ hành lang. Tôi bước ra khỏi vùng ánh sáng nhân tạo vàng vọt của căn phòng thăm. Những lời cuối Mike nói với tôi chích trong đầu như kim. Tôi nghĩ: thôi cứ để anh sống đó với hy vọng. Hy vọng về cái thế giới của anh vẫn còn đó. Chắc giờ này anh đang ngồi trong căn phòng biệt giam nhỏ nghĩ đến câu chuyện mười lăm phút trước. Anh cười tôi? Có thể. Nhưng tôi không nỡ cười anh khi nhớ lại cái cười hả hê đểu cáng của thằng Peter trời đánh nào đó khi bán đứng kế hoạch vượt ngục của anh lấy mấy ngày vui tạm bợ cuối cùng. Một người quen cả ba chúng tôi một hôm tháng trước đến tìm tôi với tin báo: Peter chết rồi. Phi quá liều. Anh thăm thẳng Mike giùm tôi. Tôi vô đó không tiện. Tôi nhìn cánh tay anh ta, đầy vết châm nhỏ xanh đen, gật đầu. Anh không biết câu chuyện bí mật của thằng Peter. Mike cũng không thể tra hỏi một người đã xuống mồ. Chỉ còn tôi, dấu câu chuyện trong lòng mãi mãi. Bởi vì tôi là người mua, trong cuộc đổi chác của một kẻ lang thang mang tên Peter.❐

Rửa Tay Gác Kiếm

Thom Jones

Thạch Hãn dịch

Thom Jones là một trong những nhà văn Mỹ từng tham chiến ở Việt Nam. Cùng với Tobias Wolf, Tim O'Brien và Robert Olen Butler, Thom Jones dùng kinh nghiệm chiến trường để từ đó khám phá những khía cạnh tâm lý phức tạp của đời sống. Truyện ngắn "The Pugilist At Rest" dưới đây được chọn đăng trong tuyển tập Truyện Ngắn hay nhất của Mỹ năm 1994, và cũng là truyện ngắn chọn làm nhan đề cho tập truyện của Thom Jones xuất bản năm 1994. Bản dịch dưới đây tặng TQLC Cao Xuân Huy, tác giả Tháng Ba Gãy Súng.

Hey Baby bị bắt quả tang đang viết thư tình trong khi lẽ ra hắn phải ghi ghi chép chép các đặc tính cơ bản của cây súng trường M-14. Bọn chúng tôi đang ngồi trong một căn nhà tiền chế nóng đến điên người trong những tuần lễ đầu tiên ở trung tâm huấn luyện, tháng 8 năm 1966, thuộc trạm tuyển mộ Thủy quân lục chiến ở San Diego. Trung sĩ Wright dựt lá thư ra khỏi tay Hey Baby, và tối hôm đó, ngay trong doanh trại tiểu đội, ông đọc thư cho tân binh của Trung đội 263 nghe. Giọng ông mỉa mai. *"Hey Baby!"* ông bắt đầu, rồi vừa đọc vừa tỏ vẻ khinh bỉ và giận dữ. Cuối cùng ông nói là thư hắn viết gởi cho một con bé tên Rosie L. thúi, rồi nói tiếp chuyện quan trọng, vấn đề tối quan trọng, chuyện cần phải biết, không phải là con bé l. thúi này, hay mấy chiếc quần xì líp của nó, mà là tốc độ của viên đạn khi bắn ra khỏi nòng cây súng M-14.

Trả giá cho bức thư đó, *Hey Baby* bị phạt một trăm cái hít đất ngay trên sàn nhà xi măng chỗ tiểu đội chúng tôi ngủ. Nhưng cái hình phạt chính lại là kể từ đêm đó, các tân binh của trung đội 263 gọi nó là *Hey Baby*, chưa kể đến những tên khác như thằng khốn, đồ rỏi bọ, thằng chó đẻ, hay những tên gọi tương tự. Chưa hết, khoảng hơn một tuần sau khi vụ này xảy ra, hắn còn nhận được một bức thư loại "Anh yêu dấu" của

một con bé ở Chicago. Trung sĩ Wright, tôi, và bảy mươi tám tân binh khác nhờ bức thư đó mà biết được đôi chút về con bé này.

Hey Baby không ở trong binh chủng Thủy quân lục chiến được lâu. Lý do chỉ vì hắn gây sự với thằng bạn của tôi, Jorgeson. Jorgeson là tân binh bạn thân của tôi, thằng Hey Baby gọi nó là Jorgeson l., rồi hăm dọa, xô xát với nó. Hắn không ưa thằng Jorgeson bởi vì mỗi khi chúng tôi học kỹ thuật tác chiến, Jorgeson thường hay hổn hển chêm vào, "Mày làm thế chắc chắn sẽ bị *giết* ngay," hay "Mày *tàn đời*, con à, nếu con làm thế." Bạn có ngay ấn tượng Jorgeson không phải là hạng người coi trọng việc bảo vệ lá cờ Mỹ hay lý tưởng dân chủ ở Đông Nam Á. Hắn bảo với tôi điều hắn thật sự muốn làm là mua được một căn gác lũng của nghệ sĩ ở khu SoHo ở thành phố Nữu Ước, đầu đội bê rê, ăn bánh mì thịt, thứ có nhồi gan nhét trong một khúc bánh mì tây đã sơ cứng, uống rượu nho Tokay, phi cần sa, vẽ tranh, và nghe giọng hát một ca sĩ Pháp có tên là Edith Piaf, còn có biệt hiệu "Tiểu Tước" rền rĩ những bản nhạc buồn.

Chỉ sau nửa tiếng đồng hồ nếm mùi quân trường, phần lớn tân binh ai cũng muốn thôi lính, đầu óc mơ màng đến những tấm ván trượt sóng, xe Corvettes, và các em tóc vàng. Jorgeson chỉ thích làm một dân *beatnick*, la cà với Jack Kerouac và Neal Cassady, ngốn hết ngụm whiskey vàng khè này đến ngụm khác, và lắng nghe Charles Mingus chơi nhạc Jazz với chiếc đại hồ cầm. Hắn còn muốn ngồi thiền, bói dịch, ăn couscous, và nghiên cứu chiêm tinh lý số. Tất cả những thứ này hoàn toàn xa lạ đối với tôi. Tôi sinh trưởng ở vùng Aurora, tiểu bang Illinois, nên chưa bao giờ nghe ai nhắc đến những thứ đó. Jorgeson miệng lưỡi sắc sảo, lại huênh hoang, nên tôi không biết là mình có thể tin được bao nhiêu lời nó nói. Nhưng tôi lại thích cái tính khôi hài của nó, và nhất là tôi tin nó có sự nhạy cảm của một nghệ sĩ. Những ước mơ của nó rõ rệt vô cùng. Tôi rất tin nó có thể trở thành một họa sĩ. Hồi đó, hắn không để tâm trí vào việc tập luyện thành lính Thủy quân lục chiến. Hắn không tin tưởng vào việc đăng lính, như tôi đã hết lòng tin.

Khoảng vài tuần sau khi Hey Baby gây sự với Jorgeson, Trung sĩ Wright cho chúng tôi một bài đít-cua hùng hồn nhất. "Các anh sẽ đi vào nơi chiến trận, và chiến tranh thì chẳng đẹp đẽ gì," vân vân và vân vân, "và nếu bọn Việt cộng có bắn gục được một ai trong số các anh, một đồng đội Thủy quân lục chiến chẳng hạn, anh sẽ là người bất kể đến mạng sống của mình, lao vào trận địa để lôi cho được xác của đồng đội mình ra. Không phải vì tôi bảo các anh phải làm thế. Không! Các anh sẽ lao vào nơi lửa đạn để lấy xác một người lính TQLC chỉ vì các *anh* là lính TQLC, phần tử của một lực lượng thiện chiến nhất thế giới, và người lính ngã gục ngoài kia cũng là một lính TQLC, và người lính TQLC đó lại là

đồng đội của các anh. Huynh đệ chi binh! Một khi đã là lính TQLC, *muôn đời* các anh vẫn là lính TQLC, và lính TQLC không bao giờ bỏ rơi đồng đội", vân vân và vân vân. "Anh có thể gạt một người lính TQLC ra khỏi binh chủng, nhưng anh không thể gạt bỏ được tinh thần binh chủng ra khỏi một người lính TQLC" vân vân và vân vân. Lúc đó, những lời này đã khiến tôi xúc động mãnh liệt. Trung Sĩ Wright không phải là thứ huấn luyện viên dễ tính. Ông sòng phẳng, đâu ra đó, lại có tài đếm nhịp. Trời, mỗi lần nghĩ đến cách ông đếm nhịp là cổ tôi nghẹn lại. Ngoại trừ Jorgeson, tất cả những tân binh còn lại trong Trung đội 263 đều phục Trung sĩ Wright sát đất. Ông là một người lính thật sự, chính hiệu nai vàng. Một người lính Thủy Quân Lục Chiến đúng nghĩa.

Trong thời gian huấn luyện, nhiều tân binh bị loại khỏi trung đội. Có người bị loại vì không qua nổi kỳ thi thể dục, thuyên chuyển qua các trại huấn luyện khác ít đòi hỏi thể lực hơn. Đây là một khuyết điểm mà bất cứ tân binh nào cũng phải hổ thẹn và khiến họ mất mặt nhất, chỉ thua tật đái dầm một chút mà thôi. Một số tân binh khác mắc phải chứng sưng phổi, sưng cổ, vết thương chân bị nhiễm trùng, hay một lý do nào đó, rồi không theo kịp khóa học. Một số khác bị loại khi thực tập tác xạ ở ngoài sân bắn. Một người bị gãy chân, một người khác bị bấn loạn tâm thần (đây cũng là một lý do bị chê bai nhiều nhất). Tân binh bị loại nhu sung rụng. Khi cải thiện được những khuyết điểm của mình rồi, hay có tiến bộ đôi chút, họ mới được theo học tiếp khoá huấn luyện với một trung đội khác đang ở giai đoạn huấn luyện lúc họ bị sa thải. Trung đội 263 cũng đã thu nhận hơn hai chục tân binh thuộc loại này. Nếu mọi chuyện suông sẻ tốt đẹp, chương trình huấn luyện chấm dứt trong vòng mười hai tuần lễ. Một khoảng thời gian chẳng lâu lắc gì, nhưng mười hai tuần lễ đó sao dài lê thê. Trong suốt thời gian đó, bạn chẳng thấy một bóng người đàn bà nào. Không đọc báo, cũng chẳng xem truyền hình. Không có lấy một thỏi kẹo. Còn chuyện nữa là lúc nào cũng có người canh bạn, nhất cử nhất động đều bị theo dõi. Đến giờ "bài tiết, tắm rửa, cạo râu," bạn chỉ có mười phút, lại còn phải sắp hàng đứng chờ, và phải hoàn tất mọi việc trong khoảng thời gian ngắn ngủi đó. Việc điểm danh xảy ra rất bất thường, đến nỗi ngay trong những lúc rãnh rỗi, thong thả, tôi lại cứ lo ngay ngáy đến ứa nước mắt, có khi suýt đái ra cả quần. Chúng tôi "chạy" đi ăn, đến một dãy nhà lúc nhúc những ống thông hơi đang nhả mùi dầu mỡ đến lợm giọng. Thế mà khi vào nhà ăn, ai cũng khoái khẩu, ngốn hết một khay thức ăn ăm ắp trong vài phút, rồi "chạy" trở về doanh trại đại đội, hàng ngủ đâu ra đó, rán dồn xuống bụng cho hết đống thức ăn chỉ ngốn vội trong vài phút trước. Vô phúc cho kẻ nào không dằn được mà phải nôn mữa!

Nếu chúng tôi học tập đâu ra đó trong những giờ trước, Trung sĩ Wright cho phép chúng tôi hút một điếu thuốc lá sau bữa ăn. Jorgeson khôn ngoan chỉ tôi đổi hiệu thuốc, từ Camel sang Pall Mall vì điếu dài hơn, lại mạnh, và khi bật chiếc nắp mạ kền của chiếc bật lửa Zippo, đốt thuốc, hít một vài hơi dài, chúng tôi tận hưởng cái sảng khoái thú vị của thuốc lá chỉ có được khi bạn hút chút ít và hút một cách điều độ. Đây là những giờ phút tuyệt vời nhất trong ngày—khoảng thời gian ngắn ngủi thoát khỏi những đè nén của quân trường. Gần cuối khoá huấn luyện, Jorgeson lại còn bày đặt làm trò. Hắn thường hỏi tôi, (trong khi làn khói thuốc xanh từ trong hai lổ mũi của hắn bay ra), "Nếu có ai bảo 'tôi cho anh mười ngàn dollars nếu anh chịu học lại khoá huấn luyện này từ đầu', mày sẽ trả lời làm sao?" "Bỏ đi, Jack ơi!" Rồi hắn cứ tiếp tục tăng giá, mãi cho đến lúc hắn bảo là nếu "John Beresford Tipto, chàng tài tử trong 'The Millionaire,' tặng tôi một triệu thì sao?" "Chẳng có món tiền nào khiến tao làm nỗi đâu," tôi trả lời.

Trong khi bọn tân binh điên người lên vì hết đè ép này đến đè ép nọ, dần dà rồi họ cũng tiêm nhiễm được tinh thần mà người ta cố công huấn luyện. Họ bắt đầu tỏ ra có lòng tin. Họ bắt đầu nghĩ mình là người lính Thủy Quân Lục Chiến. "Nếu bạn qua được khoá huấn luyện này," người ta thường bảo, "bạn sẽ đủ bản lãnh để ra trận." Vì thế nên tôi còn nhớ là nước mắt tôi đã lưng tròng khi nghe Trung sĩ Wright kể chuyện một người lính TQLC xông mình vào một ổ hoả lực đại liên để cứu đồng đội, hay nằm đè lên một quả lựu đạn sắp nổ, hay một hành động can trường tương tự, nhưng lại cảm thấy xấu hổ khi Jorgeson nhìn thấy tôi đưa tay lau nước mắt. Tất cả đám tân binh ai cũng cảm động, chỉ trừ Jorgeson. Đôi mắt hắn có một màu xanh thật đặc biệt. Xanh đến nỗi bạn có thể nhận ra Jorgeson trong một đám đông. Đôi mắt hắn có một vẻ đẹp lạ thường, lộ ra một sức mạnh vô song qua ánh mắt. Ngoại trừ khuôn mặt có duyên, Jorgeson là một người nhỏ bé, xuyềnh xoàng, chẳng có gì đặc biệt ngoài đôi mắt. Tóm lại, khi hắn bắt gặp tôi ủy mị, cái nhìn của hắn đã thấm sâu tận tâm can tôi. Đó là một cái nhìn lạnh lùng, khinh bỉ, và khiến cho tôi đâm ra ngờ vực chính mình. Tôi nói với hắn " Này, sao mầy không rán học một chút?" "Cho có thôi cũng được!"

"Tao khác mày," hắn trả lời. "Nhưng tao đã chịu rồi, còn chịu nhiều hơn mày nữa là khác. Chưa bao giờ tao nói điều này với mày, nhưng tao là chính là Kel El, sinh ra trên hành tinh Krypton, bị phóng vào quả đất trong thân xác một đứa sơ sinh, chỉ vài phút trước khi thế giới của tao bùng nổ tan tành. Ngụy trang thành một người lính TQLC hiền hoà, tao quyết tâm dùng sức mạnh của mình để phục vụ nhân loại. Mỗi khi có nguy biến, tao sẽ phục vụ chân lý và lẽ công bằng khi khoác lên người bộ

áo xanh TQLC và sẽ trở thành người hùng vĩ đại nhất của Trái Đất."

Tôi sùng hẳn quá, và không nói chuyện trong suốt hai hôm sau. Rồi, khoảng chừng hai tuần trước khi chấm dứt huấn luyện, khi cả bọn chúng tôi chạy ra vũ đình trường dượt cơ bản thao diễn, súng trường M-14 trong tay, san sát bên nhau, tôi thấy Hey Baby lấy cây súng M-14 của hắn dụi mạnh vào người Jorgeson. Thân hình thằng Hey Baby to lớn, như muốn trút hết những hung hăng của hắn lên người Jorgeson. Thế nhưng nó vẫn chưa to xác hay bạo gan bằng tôi!

Jorgeson suýt ngã chúi xuống đất trong lúc những tân binh khác đang hè nhau chạy ra sân tập. Thằng Hey Baby cười ngạo nghễ. Tôi chạy lên chỗ Jorgeson, rồi bắt kịp thằng Hey Baby. Hắn cũng đã nhác thấy tôi, nhưng quá trễ. Tôi lấy thế dồn hết sức mạnh vào thân, và với một cú vung tay thiện nghệ, tôi dùng đế súng bọc sắt có bề sắc cạnh thụi ngay vào thái dương của nó. Đó không phải là một hành động có tính toán sắp đặt, mặc dù tôi đã có ý thụi nó. Trước đó, tôi chỉ có ý định đánh bằng tay thôi, nhưng bây giờ mắt tôi đã nhìn thấy máu đổ. Tôi là một võ sĩ lành nghề, và tôi biết thái dương là chỗ nhược; sọ người nơi nào cũng rắn chắc, chỉ trừ có nơi đó. Có tiếng rú lên đau đớn, Hey Baby ngã gục trên đám cây thấp sát mặt đất bên vệ đường khu doanh trại đại đội.

Toàn thể trung đội đang ở ngoài vũ đình trường, và khi thằng chuột nhắt này rú lên, phụ tá huấn luyện viên quay trở lại hiện trường để chỉ thấy thằng Hey Baby co rúm lại như một thai nhi trên đám cây thấp sát mặt đất, máu loang khắp người. Máu từ vết thương trên đầu chảy ra, máu sủi bọt ở hai lỗ mũi và miệng. Máu ứa ra từ bên tai phải. Có phải tôi đã thấy xương sọ nó vỡ ra, và những tế bào não bộ bên trong không? Có đấy chứ. Nói thật, nếu có đánh chết nó tôi cũng chẳng lo, nhưng như bất cứ một kẻ hình phạm nào, tôi lại rất sợ bị bắt. Đột nhiên, tôi nghĩ đến chuyện phải vào tù một thời gian dài dằng dẳng. Tim tôi đập liên hồi như muốn thoát ra khỏi lồng ngực. Ngoài ra, tôi chẳng tỏ dấu gì lo sợ. Jorgeson là bạn tôi, và tôi sẽ không đứng yên khi thấy ai đánh bạn.

Cả trung đội nghỉ tập khi Trung Sĩ Wright từ trong phòng trực bước ra nắm lấy tình hình. Xe cứu thương gọi đến ngay lập tức. Mấy người y tá ngồi chồm hổm dọc theo người nạn nhân trong một lúc tưởng như thiên thu. Sau rốt, họ mang Hey Baby lên xe, ghi tình trạng nạn nhân bị đánh loã đầu. Đó là lần sau cùng chúng tôi thấy mặt hắn. Ba hôm sau, người phụ tá huấn luyện báo cho chúng tôi biết là Hey Baby đã tỉnh lại được. Ông ta chỉ nói có *thế*. Như thế nghĩa là sao? Tôi hơi lo, vì Hey Baby đã nhìn thấy tôi đánh hắn trọng thương, nhưng khi tỉnh lại, hắn mất trí nhớ nên quên hết mọi chuyện xảy ra hai tuần trước. Hắn lâm vào tình trạng suy nhược trí nhớ. Cũng may cho tôi. Tôi biết ít nhất còn có ba tân

binh khác chúng kiến cuộc đả thương, nhưng không ai tố giác tôi. Mỗi một tân binh trong trung đội đều bị gọi vào làm việc với mấy ông đại úy, mấy ông trung tá hắc búa thuộc phân bộ Điều tra Hình sự. Phải là dân chì mới dám nói láo với mấy ông này, vậy mà họ đã không tố cáo tôi. Họ thích tôi, nhưng lại ghét Hey Baby. Thật sự mà nói, họ đều cho rằng thằng Hey Baby xứng đáng lãnh đòn.

Hôm kia, nhân ngày lễ Chiến sĩ trận vong, trong lúc thu dọn căn gác, tôi tình cờ tìm thấy bộ quân phục cũ. Bộ quân phục thật đẹp, có lẽ là đẹp nhất trong những bộ quân phục của quân lực Hoa Kỳ. Màu xanh biếc của bộ đồng phục đã làm tôi nhớ lại đôi mắt của Jorgeson — không hẳn là màu mắt giống màu áo, nhưng cả hai màu đều hết sức rõ rệt. Áo có chiếc cổ cao, viền đỏ, hai bên cổ đính huy hiệu chim đại bàng thêu chỉ vàng nằm trên quả địa cầu và chiếc neo. Cúc áo tuy làm bằng đồng nhưng lại không có màu đỏ của đồng, trái lại có một màu vàng dịu, như màu của vàng *florentine*. Trên cánh tay áo, cấp hiệu Trung Sĩ của tôi thêu bằng chỉ vàng trên nền đỏ. Ở ngực trái đính những huy chương chiến công đủ màu sắc, và ngay bên dươi là những bằng tác xạ: tôi đậu hạng thiện xạ súng trường và súng lục.

Tôi mở chiếc hộp gỗ trầm hương đựng huy chương rồi lôi chúng ra khỏi bao nhuạ mà tôi đã cẩn thận dùng để huy chương khỏi bị trầy. Chiếc Hải quân bội tinh, hai chiếc Anh dũng bội tinh với ngôi sao bạc là những chiếc huy chương đẹp nhất. Chúng làm cho bạn chóa mắt. Tôi còn tìm thấy được hai thỏi thuốc phiện Thái cất trong hộp, và ngửi thấy hết mùi hương ngày nào của Saigon: mùi gái điếm, mùi cần sa, mùi cà ri, mùi rau húng, mùi hoa lài, mùi dầu cù là. Tôi cất hai thỏi thuốc phiện Thái vào hộp, hồi tưởng lại cơn say ngây ngất kéo dài ba ngày sau khi dùng hết số thuốc phiện đó, cách đây hơn hai mươi ba năm về trước. Tôi lại nhìn vào chiếc áo của bộ quân phục màu xanh. Chiếc phù hiệu làm cho tôi hãnh diện nhất, nhưng vẽ vang nhất lại là chiếc phù hiệu đôi cánh Nhảy Dù. Tôi vẫn còn nhớ rõ, mỗi lần dạo phố Oceanside ở California, đôi cánh nhảy dù gắn trên áo, tóc cắt ngắn và cao khiến bất cứ người lính TQLC chiến nào cũng trầm trồ: tôi là một người lính thiện chiến trong môt lực lượng thiện chiến nhất—lính trinh sát TQLC.

Chọn đi Trinh sát lại là ý kiến của Jorgeson. Sau khi rời quân trường, chúng tôi mất liên lạc với nhau. Tôi về San Diego học Truyền tin, suốt ngày cứ ngồi trong phòng A, mặc bộ quân phục bằng len, học đánh *morse*. Tôi cố tình thi rớt, và khi người ta cho tôi cơ hội lần thứ hai, tôi đã nói thẳng với ông Đại Tá "Tôi không muốn học Truyền tin mà chỉ muốn đi bộ binh. Tôi muốn làm một người lính khinh binh, chứ không muốn suốt ngày ngồi bàn giấy."

Ba hôm sau, tôi lên xe buýt đi Pendleton. Khi đến căn cứ, tôi gặp lại Jorgeson. Mấy lâu nay tôi vẫn nghĩ đến hắn. Hắn làm thư ký trong đại đội tổng hành dinh. Tôi ngạc nhiên quá đỗi khi thấy hắn mập thêm khoảng 15 pounds, cao lên được hai inches, và hắn bảo tôi là tối nào hắn cũng tập tạ, sau khi chạy bảy dặm lên xuống các ngọn đồi quanh căn cứ, chân mang giày trận, tay cầm súng, lưng mang ba lô với đầy đủ trang cụ. Sau lời thăm hỏi thường lệ, hắn đi ngay vào đề, "Bên Trinh Sát đang cần người, mầy nghĩ sao? Làm ở tổng hành dinh chán thấy mẹ."

Tôi hỏi "Trinh Sát? Nhảy Dù? Mẹ, mày gạt tao chú còn gì nữa? Mầy biết cà khịa từ hồi nào vậy con?"

Hắn trả lời "Này, chính mày là thằng đã tin tưởng hết mình vào chuyện trở thành một người lính TQLC kia mà? Bộ bây giờ lại nhát với tao nữa hay sao? Mẹ kiếp! Hãy nghe đây! Nếu mày qua được phần thi thể chất, mày sẽ đi học nhảy dù ở Benning. Nếu đậu, mầy được nhận vào trinh sát. Mà chắc là mình sẽ đậu. Mấy thằng chó má kia có gì đâu. *Semper fi*. Đi đi mày, lính TQLC mà?"

Chẳng còn nghe hắn nhắc đến Neal Cassidy, Edith Piaf, hay căn gác lũng ở khu SoHo. Tôi bảo: "Ước gì Trung sĩ Wright nhìn thấy tận mắt mầy bây giờ!"

Vừa đến Việt Nam được ba hôm, chúng tôi được thả xuống một nơi nào đó ở vùng núi phía tây tỉnh Quảng Trị. Chỉ là một cuộc tuần tiểu trinh sát thường lệ thôi. Chẳng có gì gay cấn cho lắm, chỉ để làm quen. Sáng hôm sau ngày chúng tôi được thả xuống núi, chúng tôi ra tới một khu đất trống. Tôi còn nhớ lúc đó tôi có một cảm giác kỳ lạ, nhưng vì còn mới quá nên tôi chưa đủ tin vào bản năng của mình. Mọi chuyện đều chập chờn, ma quái—Tôi là một thứ thịt mới, còn tươi. Một tên lính tò te!

Trước khi tiến ra vùng đất trống, toán trưởng ra lệnh cho hạ sĩ Hanes, —tên này sắp mãn hạn, chỉ 12 ngày nữa hắn hồi hương—băng qua khu đất trống để dò thám. Ai cũng cho đó là một điềm gở. Hanes đã hai lần có Chiến thương bội tinh. Hắn tuân lệnh, băng qua vùng đất trống mà không thấy địch khai hoả. Toán trưởng ra lệnh chúng tôi phân tán rồi bảo tôi đi về phía ven rừng, nơi có một mô đất đỏ tôi không thấy nhưng lại không tránh được cặp mắt kinh nghiệm của toán trưởng. Tôi còn nhớ miệng cứ hỏi " Ở đâu, ở đâu?" Ông chỉ về phia mô đất cách đó khoảng gần 30 thước, dọc theo lùm cây và nằm lùi vào phía trong độ một thước. Bề ngoài trông như một đụn kiến, nhưng làm sao biết chắc được—biết đâu ở đó lại có một con đường hầm của lính chính quy Bắc Việt. "Ở đằng kia kìa," ông bảo, rồi nói tiếp, "Có cần tao vẽ ra trên giấy cho mày nữa không?"

Tôi cẩn thận di chuyển về phía mô đất trong khi cả toán chụm đầu bàn tán. Đến gần, tôi thấy mô đất chỉ là một đụn kiến, và khi quay lại, tôi thấy cả toán đang băng qua vùng đất trống, di chuyển rất nhanh.

Đột nhiên, tôi nghe tiếng đạn nổ và tiếng la "Pháo kích!" Vài giây sau, viên đạn súng cối đầu tiên trong số sáu viên chạm đất gần đụn kiến. Trong một tích tắc, mọi vật trở nên đen ngòm. Tôi bị dội ngược lại, rồi bị nâng bổng lên không. Lúc đầu, tôi có cảm giác thú vị như đang ngồi trên chiếc ghế quay tròn ở hội chợ, nhưng ngay sau đó cảm thấy người tê điếng như có một luồng điện chạy qua khi toàn thân tôi chạm mặt đất. Đúng là có cảm giác như thế, nhưng không phải chỉ giới hạn ở một chỗ, như khủyu tay không mà thôi đâu. Tôi cảm thấy được cảm giác đau điếng đó chạy dọc theo xương sống, rồi lan khắp tứ chi. Một đống đất đỏ và cát vùi lên người, lấp hết hai lỗ mũi và tai. Đất bụi chen vào kẻ răng. Nếu lúc đó tôi không mang chiếc kiếng mát Ray Ban của không quân, có lẽ tôi đã vĩnh viễn bị mù, vì mắt tôi cũng đầy đất bụi không kém. (Về sau này tôi khám phá ra rằng bụi đất đỏ đã len được vào đằng sau mặt kính chiếc đồng hồ Rolex của tôi, dưới kẻ móng tay, móng chân và lấp hết các lổ chân lông). Khi hoàn hồn, tôi lấy chiếc bi đông đựng nước chanh hoà bằng bột Kool-Aid dội vào mắt rửa cho sạch đất bụi. Tuy có đỡ được đôi chút, nhưng mắt tôi cay xè như bị bỏng. Tôi rửa thêm lần nữa, rồi nháy mắt liên hồi để cho bụi đất bắn ra.

Tôi lăn người rồi nằm sấp trong một thế nằm thích hợp và đưa súng M-16 lên ngang tầm mắt. Một đại đội chính quy Bắc Việt đang hò hét chạy băng ra khoảng đất trống, vừa chạy vừa bắn. Tôi thấy rõ những viên đạn lửa màu xanh của chúng bao quanh vị trí nơi toán trinh sát đang tụ tập lại để lập vòng đai phòng thủ, nhưng chưa thấy những viên đạn lửa màu đỏ từ phía chúng tôi bắn ra. Nhiều người lính TQLC dã tử thương ngay lúc những quả đạn pháo đầu tiên bùng nổ. Jorgeson chưa hề hấn gì, và tôi thấy hắn đưa mắt nhìn về hướng tôi. Sau đó hắn quay về phía địch, rồi khai hỏa với cây M-16 của hắn. Tôi đưa tay đẩy khoá súng về vị trí bắn tự động, bấm cò, nhưng cây súng dã bị đất bụi làm nghẽn.

Ngoài Jorgeson ra, người lính TQLC duy nhất khai hoả là Thiếu Úy Milton, một sĩ quan mới ra trận, lúc đó đang quỳ một chân, cầm cây Colt-45 bắn một cách vô vọng. Tôi nghĩ là cây M-16 của thiếu úy cũng đã bị nghẽn giống như cây súng của tôi, rồi thấy những viên đạn AK-47 chọc thủng chiếc áo giáp, đâm vào lồng ngực ông rồi phá tung ba lô ở đằng sau lưng, vun vút bay về phía lùm cây như một bầy ong vỡ tổ. Vài giây sau, tôi lại nghe tiếng rít của một viên đạn súng không giật, và một viên đạn tịt ngòi bay đến, xé tan vai trái của ông thiếu úy trước khi bay mất hút vào khu rừng ở phía sau. Viên đạn xé nát nguyên cánh tay.

Trong khoảnh khắc, tôi nhìn thấy xương vai, gân thịt của ông lòi ra, những mãng thịt màu đỏ thẫm máu chẳng khác gì một miếng thịt bò, nát như tương bọc trong một lớp mỡ màu vàng vàng nhuốm máu đỏ. Máu đổ ra quá đỗi. Thế mà Milton vẫn cứ khai hoả với cây súng Colt-45. Khi hết đạn, tôi thấy ông lấy một băng khác nơi chiếc dây ba chạc, rồi tìm cách nạp đạn với cánh tay còn lại. Hình như ông cứ trầm trầy với kẹp đạn khá lâu cho đến khi tay ông buông cả kẹp dạn lẫn cây súng. Đầu ông thiếu úy từ từ chúi về phía trước, nhưng thân hình vẫn còn quỳ một chân, cánh tay kia dương về phía địch, lòng bàn tay ngữa lên trời, dáng điệu buồn bã đau thương tợ như Al Johnson trong vở kịch "Mammy".

Một loạt đạn lửa màu xanh bay vèo về phía Jorgeson, nhưng hắn vẫn còn bắn trả bằng những tràng đạn tuy ngắn nhưng có tính toán. Tiếng súng M-16 của hắn nghe yếu ớt và rời rạc, thế mà tôi cũng đã thấy một số lính chính quy Bắc Việt ngã gục. Đạn AK-47 tiếp tục bay vèo đến làm tung đất đỏ quanh vị trí Jorgeson. Hắn đang ở giữa khoảng trống, và nếu có người nào thật sự cô đơn, lúc đó chính là hắn. Đứng đó chỉ nạp mạng mà thôi, ắt hắn phải biết điều đó. Cũng lạ là sao hắn chưa bị trúng đạn.

Jorgeson chạy về phía xác của một lính TQLC to con mang cây đại liên M-60. Phần lớn lính Trinh sát dùng tiểu liên, loại nhẹ của Thụy Điển. Đại liên M-60 quá cồng kềnh, khiến lính không thể di chuyển nhanh được, nhưng anh chàng này lại to xác, tính lại hay lo. Trong tiểu đội, hắn là người tôi biết ít nhất. Có lẽ tại tôi là lính "tò te," khiến hắn phải lo xa chăng. Quả vậy, nhưng bây giờ thì hắn đã bỏ mạng. Một người cả đời đi tìm chân lý như Schopenhauer nói đúng: *Chúng ta chỉ là những con cừu non ngoài đồng, nhởn nhơ dưới con mắt của tên đồ tể. Họ chọn hết con này đến con khác để ngã thịt. Vì thế cho nên trong những lúc chúng ta an toàn, chúng ta không hề biết đến một thứ số phận nghiệt ngã đang chờ đón chúng ta: đau ốm, nghèo đói, mù loà, điên loạn.*

Thật khó mà nói được thời gian lúc đó qua nhanh như thế nào. Mặc dù giác quan của tôi đã bị tiếng nổ làm tê đại, nhưng nói ra lại có vẻ nghịch lý, lúc đó chúng lại chính xác hơn bao giờ hết. Tôi quan sát Jorgeson cầm lấy cây đại liên rồi bắt đầu quạt từng tràng ào ạt về phía địch. Tạch tạch tạch! Tạch tạch tạch! Tạch tạch tạch! Tôi thấy nhiều thân người đổ xuống, và nghĩ rằng mọi việc rồi sẽ dâu vào đấy. Bọn lính chính quy nằm ẹp xuống tránh đạn, tìm cách lùi dần về phía tùm cây. Jorgeson bắn hết hai băng, và sau khi ngưng để nạp băng mới, hắn quay lại nhìn về phía tôi với đôi mắt xanh như thầm hỏi, "Mày coi tao đánh dấm vậy được không?" Tôi nghe tiếng súng M-79 nẩy cò, rồi quả lựu đạn nổ ngay trên bụng Jorgeson, hất ngược người hắn ra đằng sau. Cây đại liên M-60

tung lên không. Nòng súng đỏ rực lên và tiếp tục nổ cho đến khi hết băng đạn.

Trong lúc đó, tôi lấy cây thông nòng trong ba lô rồi thọc vào nòng súng M-16. Chùi xong bắn thử, cây súng như đồ chơi này vẫn còn bị nghẽn, nên cuối cùng tôi cuống cuồng tháo súng xem bộ phận nào bị trở ngại. Bộ kích hoả bị bụi dơ. Bụi quá cỡ. Với mấy ngón tay đang tê điếng, tôi tháo chiếc kim hoả, rồi lấy bàn chải đánh răng chải cho sạch đất, thả xuống đất đỏ rồi nhặt lên chải lại, cứ thả xuống rồi nhặt lên chải. Mấy ngón tay tôi như bị chích thuốc tê, và lúc đó tuy tôi vẫn còn nhìn thấy được xa, nhưng nhìn gần lại không rõ. Tôi lại đổ nước chanh vào mắt. Không cách gì chùi sạch được cây súng và cũng thật là may cho tôi!

Bỗng nhiên, đám lính chính quy Bắc Việt chạy tung ngoài quãng đồng trống, lấy lưỡi lê thọc vào thân xác những người lính TQLC đã ngã gục. Xác thiếu úy Milton chỉ ngã xuống sau khi bị một tên lính cọng sản dá nhào. Rồi bọn chúng lục lọi các xác lính TQLC. Trong lúc đang cuống cuồng chùi súng, tôi mới nhận ra là bọn cộng sản đã bỏ quên tôi. Tôi phân vân không biết thằng Hanes ra sao, nó có chạy thoát được không. Tôi không hy vọng gì mấy, nên lấy chiếc máy truyền tin cấp cứu gọi phi cơ đến oanh tạc. Lúc đó, có một tên lính Bắc việt nhác thấy tôi và hắn đang lừng lững hướng về phía tôi.

Tay nắm chặt cần một quả lựu đạn mãnh, tôi kéo chốt và lấy cây tiểu liên trong bao ra. Cùng trong lúc đó, Jorgeson rú lên một tiếng rợn người — bị thương ở bụng đau đớn lắm chú. Hay là Jorgeson cố tình hét lên để cứu mạng tôi? Tên lính cộng sản đang đi về phía tôi bỗng quay lại về phía hắn, xem xét một lúc rồi lấy lưỡi lê thọc vào tim hắn. Dù mắt tôi lúc đó nhức nhối, tôi vẫn thấy rõ được ánh mắt của Jorgeson —một ánh mắt sáng xanh cuối cùng trước khi tan biến vào vùng ám tối của cõi chết. Tôi gài lại chốt lựu đạn, đứng dậy chạy, trong tay còn cầm những bộ phận vô dụng của cây M-16. Tôi chạy hết súc, chạy thật nhanh như trong đời tôi chưa bao giờ chạy nhanh và hết súc đến thế. Hai chiếc F-14 sà đến, bay thật thấp, bắn đạn nổ chậm và thả bom lửa. Tôi cảm thấy được súc nóng của những tràng bom lửa, hết tràng này đến tràng khác. Cho đến bây giờ tôi vẫn còn cảm thấy được hơi nóng và mùi bom lửa đó.

Về phần Hạ sĩ Hanes: xác hắn bị bom lửa đốt cháy queo, nhưng không xác định được là nó có bị thương trước khi bị bom đốt cháy hay không. Hắn cũng như bọn tôi—mười tám, mười chín, hai mươi tuổi. Chúng tôi đã biết mùi đời là gì đâu? Trước khi sang Việt Nam, Hanes không nghĩ là nó sẽ bỏ xác ở đây. Vâng, hắn biết trên lý thuyết là thế nào rồi cũng chết, nhưng hắn vẫn nghĩ là hắn sẽ sống mãi. Tôi biết chắc là tôi cũng đã nghĩ như hắn. Hắn chỉ còn mười hai ngày nữa thôi là thoát. Khi

một người lính TQLC thấy một người bạn của mình sắp mãn hạn bị chết, tinh thần họ sa sút lắm. Tuy thế, khi nhìn thấy người ta kéo chiếc khoá bao đựng xác Hanes, tôi quá tức giận. Tại sao Milton không cho nó về hậu cứ, đi đốt phân cầu tiêu hay giao cho nó làm bất cứ việc gì khác vì chỉ còn có mươi ngày nữa thôi? Chỉ còn mười hai ngày mà lại bỏ xác. Đéo mẹ Milton! Đéo mẹ thiếu úy Milton!

Theogens là người võ sĩ giác đấu tài ba nhất. Anh là một võ sĩ được một nhà quý tộc hung ác che chở, một ông hoàng chỉ thấy thú vị trước những cảnh máu me. Mặc dù thời đó cách xa thời của những nhà hiền triết như Socrates, Plato, Aristotle đến mấy trăm năm, và chỉ sau thời Minoan của Cretes vài năm thôi, nhưng đó vẫn là thời cực thịnh của nền văn minh và văn hoá nhân loại. Ngang với thời của Homer, nhà đại thi hào của nhân loại. Thời đó, cũng như bây giờ, bạo lực, khổ đau, và việc coi rẽ mạng sống con người đều là quy luật chung.

Những trận đấu võ thời Theogens không giống những trận đấu võ kiểu con nít thời nay. Cả hai võ sĩ không đấu nhau trên võ đài. Thay vào đó, cả hai đều bị trói vào một tảng đá có mặt dẹp, rồi đứng đối mặt nhau san sát. Khi có dấu hiệu bắt đầu, cả hai đều phải đấu nhau bằng những nắm tay có bọc da dày. Chiến đấu cho đến chết. Một ngàn bốn trăm hai mươi lăm lần, Theogens bị buộc vào tảng đá, và một ngàn bốn trăm hai mươi lăm lần, anh đều là người thắng cuộc.

Có lẽ khi người La Mã tạc tượng "Người Võ Sĩ Nghỉ Đấu," ghi lại hình tượng Theogens, họ dựa theo bức tượng nguyên thủy của người Hy Lạp. Tôi có một bức ảnh đen trắng chụp bức tượng này treo trong phòng. Tượng mô tả một người đàn ông thân thể lực lưỡng, tuổi khoảng trung tuần, râu rậm, tóc quăn. Ngoài chiếc mũi bị bể và vành tai nở rộng của một người võ sĩ, đôi chân mày của anh rũ xuống như chứng tỏ thần kinh anh cũng đã bị tan tành. Trán nhung nhúc những vết sẹo. Đúng như điều người ta mong đợi, thân thể anh có những bắp thịt rắn chắc của một con nhà võ. Bắp thịt ở cổ và vai phát triển hết mức. Đôi vai rộng, ngực dẹt nhưng dày, nhưng không phải là thứ u nần của những người tập tạ. Lưng hơi cong, bắp thịt bụng lại nổi lên cuồn cuộn, nhưng anh lại có lợi điểm của một người võ sĩ tân thời: anh có đôi chân lực lưỡng. Đôi cánh tay rộng, nhất là cánh tay trước lại được bọc da. Anh có thân thể của một người võ sĩ hạng nặng: thân hình thon nhưng không phải là không lực lưỡng, như Jack Johnson hay Dempsey chẳng hạn. Nếu bạn được xem qua bức tượng gốc ở viện bảo tàng Terme ở La Mã, bạn sẽ thấy người võ sĩ ngồi nghỉ đó chỉ là một lực sĩ hạng nặng cỡ thường thôi. Thời đó thân thể người ta nhỏ nhắn. Điều quan trọng là thân thể anh hoàn toàn cân

đối.

Người võ sĩ ngồi trên một tảng đá, tay để lên bắp đùi. Ngồi chú không đi, chứng tỏ là anh đã qua nhiều trận đấu. Và hình như anh đang giữ sức. Đầu anh quay lại như đang ngoảnh nhìn về phía sau—như có một ai đang thầm thì với anh. Đây chính là ý nghĩa mà "nghệ thuật" điêu khắc muốn truyền đạt đến người ngắm. Có phải là có ai đó đang gọi anh ra đấu trường? Mặt anh hiện ra đôi chút ngở ngàng, nhưng tuyệt nhiên không có một vẻ nào sợ hãi. Dáng dấp anh sẵn sàng ra trận, không muốn gây khó khăn cho ai hay không muốn làm chậm trễ cuộc đấu, mặc dù trong chốc lát nữa đây, mạng sống của anh sẽ bị thách thức. Ngoài những thương tích trên mặt, anh còn có dáng điệu mệt mỏi và một sự thoái thác mang vẻ triết lý. *Cuộc đời chỉ là một sân khấu, những người nam người nữ đều là diễn viên.* Đúng thế! Anh biết điều đó cả hai ngàn năm trước khi Shakespeare đặt bút viết những dòng này. Vì sao anh đã rơi vào chốn này, thời này? Giá như anh về quê, sống cuộc đời thầm lặng của một người nông dân hôi hám cày ruộng với lừa có an toàn cho anh hơn không? Có tốt hơn không? Hay là anh thích thú khi đóng vai một kẻ giác đấu? Có lẽ có một thời anh đã nghĩ vậy, nhưng bây giờ thì không. Có phải đây chính là Theogens thiện chiến, hay chỉ là một tên đánh mướn, một kẻ nô lệ hay một tên hình phạm được những con buôn bỏ tiền ra mua đem về huấn luyện và chuẩn bị cho một cuộc đời ngắn ngủi trên đấu trường? Tôi tự hỏi không biết Marcus Aurelius có yêu thích bức tượng "Người Võ Sĩ" này đến nổi phải đứng trước tượng ngắm nghía và chiêm nghiệm như tôi không?

Tôi chạy thoát ra khỏi quãng rừng trống đó ở Đông Nam Á. Tôi đã đọc trong sách rằng Davy Crocket, vị anh hùng thời khai phá của Hoa Kỳ, lẩn trốn dưới giường khi Santa Anna và lính của hắn tràn vào thành Alamo? Đâu là sự thật? Mỗi khi vào trận Jack Dempsey sợ đến nỗi đái ra quần. Nhưng hãy xem cách hắn đánh gục Luis Firpo, Con Bò Rừng của Pampa? Đánh như thế cũng chẳng khác gì sát nhân. Đâu là lòng can đảm? Và đâu là hèn nhát? Anh chàng Roberto Duran đáng ngưỡng mộ kia đã thốt lời "No Mas" nhưng có ai lại có tinh thần chiến đấu hơn Duran?

Tôi đã qua được con sợ hãi lúc đầu, và thấy mình đang trở thành một thứ người mà tôi không bao giờ muốn trở thành. Đả thương Hey Baby chỉ là chuyện khơi mào. Tâm tôi còn cả một nguồn suối tinh ranh, độc địa, bạo hành, ào ạt tuôn tràn ra trên những cánh đồng lúa, trong những khu rừng ở Việt Nam. Tôi qua Việt Nam đến ba chuyến. Tôi muốn trả thù cho Jorgeson. Tôi đau khổ trước cái chết của Hạ sĩ Hanes. Tôi đau đớn cho chính tôi, và cho những mất mát tôi đã gánh chịu. Tôi đã phạm

những tội ác tày trời, mà lại được tưởng thưởng huy chương cho những hành động đó.

Công bằng mà nói, việc tôi bị thương ở đầu thì cũng đáng thôi. Lúc ở Việt Nam tôi không hề hấn gì, nhưng lại bị trọng thương trong một trận đấu võ ở Pendleton. Tôi đánh với một thằng chó đẻ loại võ sĩ hạng nặng ở Pendleton, bên pháo binh. Quả thật hắn giỏi quyền Anh. Biết nhiều thế đánh. Nhưng chỉ giỏi ở những cú đấm—người ta bảo hai tay hắn đều đấm giỏi. Người ta nói tay hắn nhanh nhẹn vô cùng. Tôi uống hết cả chục long bia Hamm trước khi lâm trận để rồi bị đánh tới tấp vào đầu, nhanh đến nỗi không thấy mà tránh. Họ nói đúng thật. Tay nó nhanh quá đối.

Lúc đó tôi hai mươi bảy tuổi, một ngày hút hết hai bao thuốc lá và đang đi đến chỗ nghiện rượu. Lẽ ra tôi không nên đấu với tên này—tôi biết vậy—nhưng tại hắn quá khoác lác. Cách đó khá lâu, tôi đã từng là vô địch hạng trung của Sư Đoàn 1 TQLC. Tôi còn được gọi là chiến sĩ anh hùng. Tôi là một lính Trinh sát. Nhưng bây giờ tôi chỉ còn là một tên lính gác dồn, thể chất không còn cường tráng như trước.

Hắn đánh gục tôi ngay tức khắc. Khi ngồi dậy được, tôi cảm thấy hết sức sợ hãi. Ngực tôi thắt lại, thở không ra hơi. Tôi có cảm giác như bị khện búa tạ vào mặt. Như hắn đã đập vỡ những chiếc bóng đèn trên mặt tôi. Thay vì chỉ thấy một đối thủ, tôi lại thấy đến ba. Tôi lại càng tin là bao nhiêu sức lực của hắn đã dồn hết vào trong đôi găng nên cảm thấy tội nghiệp cho chính mình.

Tôi tìm thế đánh. Hắn đã lầm khi phung phí sức lực tìm cách đánh gục tôi ngay từ đầu. Tôi quyết tâm không để hắn đánh gục nữa, và tôi biết là tôi sẽ không gục. Bạn bè tôi đang đứng xem trận, và tôi phải đánh cho đẹp mắt. Càng sợ hải, tôi càng có thêm hứng khởi: tôi chưa bao giờ cảm thấy mình sinh động như bây giờ, kể từ lúc rời Việt Nam. Tôi đánh hắn bằng những cú đấm tay trái, và đã được những cú húc như con bò mộng của hắn. Tôi nghĩ là hắn sẽ đánh trả bằng những cú đấm, vì ngay lúc đầu hắn tỏ ra không chút nào mỏi mệt. Dám chừng tôi đã đánh hắn với hơn bốn trăm cú thụi bằng tay trái. Đánh hăng đến nỗi tôi có thể đánh trúng nó bất cứ lúc nào, bằng cả hai tay, nhưng rồi hắn lại lừa tôi để kéo tôi vào bên trong vòng đai, rồi thụi tôi tới tấp. Hắn đấm quá hay, và thật sự đã làm cho tôi thất thế. Tôi cố đở dòn, và càng đánh tôi càng lấy lại được lợi thế. Tôi đánh cho hắn lảo đảo. Mấy người lính TQLC quanh võ đài la hét om sòm khích tôi đánh hắn gục, nhưng dù cố gắng đến đâu tôi vẫn không hạ được hắn. Cho dù cuối cùng tôi chẳng thể nào đứng vững nổi, tôi rất tiếc là trận đấu chấm dứt. Ai đã thắng? Tên trọng tài kéo tay tôi đưa cao, nhưng tôi vẫn cho là bất phân thắng bại. Làm trọng tài

một trận đấu không khách quan đâu!

Khoảng một giờ sau, khi khí thế hạ dần, tôi cảm thấy đau đầu đến choáng váng. Cơn đau càng lúc càng tệ, và tôi đã tung chạy ra khỏi Câu Lạc Bộ, sau khi đã đến đó nhậu với đám bạn.

Tôi lảo đảo chạy ra ngoài, gắng lấy hơi thở, rồi chạy xa khu doanh trại đại đội về hướng đồi Sheepshit, một trong những ngọn đồi thấp trong vùng. Tôi thấy mình như một con chó muốn được chết yên thân. Mọi vật quay cuồng, rồi tôi ngã xuống bên một bụi cây.

Tôi bất tỉnh trong khoảng một tiếng đồng hồ, và suốt hai tuần lễ sau đó, tôi đi như một người say, mắt hoa. Đầu tôi nhức nhối mải, và cảm thấy mình đã già đi sau một đêm. Tôi đã không còn sức lực.

Tôi trở thành một người hết sức rụt rè. Tôi trở thành một kẻ hướng nội. Tôi tự hỏi cái gì đã khiến cho mình hành động như thế. Tại sao tôi có thể giết đồng đội của tôi trong cuộc chiến mà không hề có một sự ăn năn hối lỗi nào? Và khi chiến tranh chấm dứt, tại sao tôi còn bê tha rượu chè, đi thì lảo đảo, rồi còn gây gổ đánh đấm với kẻ khác? Tại sao tôi lại đi gây ra đau khổ, và tại sao tôi lại thấy thú vị khi gây đớn đau cho người? Tôi có điên không? Hay tại tôi có quá nhiều dịch hoàn tố? Đàn bà có ai làm những chuyện ấy bao giờ? Cái ý chí muốn có quyền lực, sức mạnh, làm chủ người tôi. Đột nhiên tôi cảm thấy thích săn sóc và cảm thông được với những khổ đau của các sinh vật. Khi đã maát hết sức lực, bạn mới nghĩ như vậy!

Nhân loại có tiến bộ được chút nào từ thời Theogens không? Thế giới này vẫn đầy dẫy tội ác. Tôi không chỉ nói đến nhưng vụ bắt bớ chém giết của thời Thánh chiến Tây Ban Nha, thời tàn sát người Do Thái, hay tội ác của Joseph Stalin, của Khmer đỏ. v.v. Tội ác đang xãy ra ngay chính trên đất nước này. Hoa Kỳ của thế kỷ thứ hai mươi là một quốc gia thịnh vượng nhất thế giới về vật chất. Nhưng bạn hãy thử đến những nhà tù ở Mỹ, đến các nhà dưỡng lão, đến các khu tồi tàn nơi dân vô gia cư sống trong những chiếc thùng giấy cạc tông, hay đến một khu bệnh ung thư đi. Hãy đến viếng một buổi họp mặt cựu chiến binh tham chiến ở Việt Nam, buổi họp của những người nghiện rượu, hay buổi họp của những người ăn uống quá độ. Đời sống này trống rỗng và không thực chút nào, những lạc thú chỉ là giả dối, cuộc đời này sao lại có những khía cạnh kinh tởm đến thế. Thế giới này tuy chưa phải là hỏa ngục, như Schopenhauer—một người có đầu óc minh mẫn đã giúp tôi biến những khổ đau của mình trở thành những điều mà tôi cảm thông được—đã vạch cho ta thấy? Người ta cho ông là một con người bi quan, rồi gạt ông ra, nhưng đọc những điều ông viết, tôi lại tìm được bình an và thấy mình như được tái sinh.

Khoảng một năm sau ngày tôi đấu võ với tên lính pháo binh, tôi bắt đầu bị chứng động kinh. Tôi bị động kinh ở não thùy trái, có khi còn gọi là chứng động kinh Dostoyevski. Chứng bệnh này rất hiếm đến nỗi hầu như không ai biết gì nhiều. Freud, chính ông là một nhà thần kinh học mà cũng chỉ đoán mò chứng động kinh Dostoyevski là một loại kinh phong do sợ hãi gây ra, chẳng liên hệ gì đến việc óc não ông bị chấn thương—tất cả chỉ do nguyên nhân tâm lý. Mãi đến lúc ông hai mươi lăm tuổi Dostoyevski mới bị động kinh lần đầu, lúc bị cầm tù ở Siberia, chê đồ ăn nên bị đánh năm chục roi. Freud cho rằng sau khi Doesoyevski bị đánh—một hình thức xử tử trá hình—bốn năm giam cầm ở Siberia, thời thơ ấu bị đánh đập, người cha độc đoán bị ám sát, v.v., ông đã có những triệu chứng tâm thần bị kích động nặng. Và Dostoyevski đã có dấu hiệu chủ yếu của chứng động kinh do sợ hải trước khi lên cơn lần đầu. Ngày nay, bác sĩ vẫn khăng khăng cho là không thể nào có một thứ "nhân cách động kinh." Tôi nghĩ họ nói vậy bởi vì họ không muốn tạo thêm một mặc cảm khác cho những người đang bị những cơn kinh phong hành hạ. Nhưng trong lòng họ lại tin là có. Dostoyevski là một người bị ám ảnh bởi một nỗi sợ hải, tuyệt vọng, một người mang chứng bệnh tâm thần vì nghĩ là thân xác mình bệnh hoạn, một nhà văn đam mê những đề tài triết lý và tôn giáo. Ông là một người nói nhiều, mê nhiều, v.v. Thói đam mê cờ bạc của ông ai cũng biết. Nói chung, ông mang một tâm hồn bệnh hoạn.

Nhưng nét đặc thù và rõ rệt nhất về chứng động kinh của ông là ở chỗ ngay trong khoảng tích tắc trước khi lên cơn—lúc tỏ triệu chứng, hay đúng ra là một phần của cơn động kinh— Dostoyevski lại cảm thấy hết sức hoan lạc, sảng khoái, một cảm giác mà không một người bình thường nào mong có được. Đó chính là cái sảng khoái của một người tham thiền nhập định. Không phải là thú sảng khoái tầm thường của Abraham Marslow, nhưng mà là cái sảng khoái tối thượng. Ông bảo là không muốn đánh đổi mười năm tuổi thọ để bỏ mất cái sảng khoái này, ngay cả tôi, vì đã từng kinh nghiệm về nỗi sảng khoái đó, cũng đồng ý. Tôi không thể giải thích được, vì tôi không hiểu một chút gì về cái trạng thái sảng khoái đó cả. Mỗi khi cảm giác này bắt đầu rời xa bạn, tuột khỏi tầm tay và vô cùng khó bắt giữ được—nhưng tôi cũng đã tận hưởng cái sảng khoái này tận trong cốt lõi của sự hiện hữu. Vâng, Thượng Đế hiện hữu! Nhưng rồi Thượng Đế cũng đã lìa xa tôi, và tôi không còn giữ được nữa. Tôi trở thành một kẻ hoài nghi. Ngay cả Dostoyevski, một tín đồ Thiên chúa ngoan đạo, cũng đã biện chứng một cách khó lay chuyển nỗi rằng không thể nào có Thượng Đế trong đoạn ông viết về thời Dị giáo

trong cuốn *Anh Em nhà Karamazov*. Đây quả là một đoạn văn tuyệt tác trong văn học thế giới, và đã lôi kéo bạn ngã về phía những người vô thần. Khi bạn dùng tri thức của mình để đến gần Thượng Đế, bạn sẽ không gặp được Ngài.

Người ta còn nói là Thánh Phao lồ cũng mang chứng động kinh não thùy trái trong lúc ông đang trên đường về Damascus. Thánh Phao lồ cảnh cáo chúng ta trong sách *Corinthians* Thứ nhất rằng Thượng Đế sẽ khiến bọn trí thức trở thành dần độn. Người ta nói Muhammed viết kinh Coran sau một cơn động kinh. Black Elk cũng thế, lên kinh phong trước khi nhìn thấy "con bò rừng." Joan of Arc cũng là người mang chứng động kinh não thùy trái. Mỗi một nhân vật này, chỉ trong một chớp nhoáng động não đã châm thủng được chiếc màn mờ đục che phủ lên ảo giác đang lan dần lên mọi việc trên đời. Tôi cũng đã ở trong tình trạng đó lúc giác mạc bung ra khỏi mắt tôi. Đó là thứ bệnh của "thần thánh."

Nhưng tôi phải trả một giá quá đắt. Bây giờ tôi ít khi ra khỏi nhà. Để tránh té ngã gây thương tích, tôi luôn luôn mang mũ che đầu của người đánh quyền Anh, và khi nào cũng mang theo miếng chặn lưỡi. Thay vì có những cảm giác báo trước chứng động kinh mà người ta bảo đó là lúc "những tùm cây ngọn cỏ đều rực lên ánh lửa Thượng Đế," tôi chỉ có được cảm giác báo trước của chứng kinh phong mà thôi. Đó là cảm giác thấy được nỗi kinh hoàng và sự hủy diệt đang chờ đón tôi. Nếu lúc đó đầu óc tôi còn sáng suốt để suy nghĩ, và nếu có đủ thì giờ, tôi sẽ ngậm miếng chặn lưỡi, tránh cơn lên kinh khiến cho tôi phải cắn lưỡi. Có lần tôi đã cắn lưỡi đứt thành hai miếng, và khi họ khâu lại, lưỡi tôi sưng tấy lên, căng như một khúc thịt nhồi thấm màu. Trong suốt hai tuần lễ tôi không thể nào ngậm miệng được.

Những cơn lên kinh càng ngày càng nhiều. Tôi uống không biết bao nhiêu thuốc Depakene, Phenobarbital, Tegretrol, Dilantin — đầy đủ lệ bộ, chẳng thiếu món nào. Một cô y tá ở bệnh viện Cựu Chiến Binh mang đến hai con chó giống Staffordshire, rồi huấn luyện chúng canh lúc tôi ngủ, sợ khi lên kinh tôi nằm úp mặt xuống giường, ngạt thở mà chết. Có mấy con chó này làm bạn vui biết bao! Một trong hai con có tên Gloria quả hết sức thông minh và gan dạ. Vì thế có lần tỉnh lại sau một cơn động kinh, tôi thấy mình bị cả hai con chó lôi xồng xộc vào nhà bếp, cách xa gối mền, thảm hay những vật khác có thể làm cho tôi ngộp thở, rồi chúng còn hè nhau lật ngược người tôi nằm ngữa ra. Trong lúc đó con Gloria đứng sủa ầm ỉ vào mặt tôi. Bạn thấy chúng có khôn không?

Chị tôi mời một bác sĩ giải phẫu thần kinh đến xem bệnh cho tôi vào khoảng gần lễ Giáng sinh. Không phải là mấy tay đồ tể ở trong bệnh viện Cựu chiến binh đâu, ông này là một bác sĩ bên đại học y khoa. Trông ông

rất thanh lịch trong bộ đồ lớn giá chín trăm dollars. Ông cố gắng thuyết phục tôi với miệng lưỡi của một người bán xe cũ. Ông muốn dùng điện đốt một mạch thần kinh trong não tôi. Ông giải thích đó không phải là phẫu thuật tầm thường chỉ phân rẽ các mạch thần kinh để chúng không còn đè lên nhau, nhưng mà là phẫu thuật hiện đại dùng điện đốt khô chỗ thần kinh gây chứng động não.

Giải phẫu thần kinh, vì tuyệt vọng hay là lâm đường cùng, vẫn còn là một việc làm ít ai dám nghĩ tới trong ngành y khoa. Vì vậy mà ông phải đích thân đến tận nơi để thuyết phục tôi. Bác sĩ đến xem bệnh tại gia! Có phải ông đang cố gắng thực hiện một vài việc để nâng tên tuổi mình lên không? "Anh có thấy chai thuốc Thorazine kia không?" ông hỏi tôi. "Anh vất thứ thuốc độc đó ngay đi." Rồi ông nói tiếp "Mấy thứ thuốc amitriptyline đó nữa. Quăng nó vào thùng rác đi." Ông hỏi tôi, "Anh hãy nói cho tôi biết tại sao sau khi uống hết những thứ đó mà anh vẫn còn đi đứng được?" "Lượng thuốc anh uống đủ để vật ngã một con voi."

Ông ta muốn mổ tôi. Ông bảo là cảm giác tội lỗi, vô dụng, lòng ăn năn vì phạm nhiều tội lỗi ở trong tôi rồi sẽ qua đi. "Không phải là phẫu thuật cổ điển đâu," ông nhắc đi nhắc lại.

Tôi không thích ông bác sĩ này. Tôi không tin tưởng ông ta. Tôi chưa tin đủ, nhưng không thể kéo dài kiếp sống như thế này được. Những lúc không bị lên kinh, tôi lại sa vào một trạng thái tinh thần hết sức bạc nhược. Người tôi cảm thấy rủ ruợi; tôi không còn khả năng làm được một việc gì. Chỉ vì tôi muốn đánh đẹp mắt cho bạn bè xem mà thôi! Quả thật ngu ngốc! Tôi quả là một thằng dần!

Phải mất sáu tháng tôi mới sắp đặt được mọi ý nghĩ, và tôi muốn thu xếp mọi việc trước khi giải phẫu, lỡ sau này trở thành một người tê liệt suốt đời. Tôi biết thằng bạn Jorgeson của tôi là một anh hùng chính hiệu. Tôi ước ao nó vẫn còn sống để trở thành một con người nào khác, nếu không là một họa sĩ thì ít ra cũng là một tên thợ quèn làm trong nhà máy, cũng ly dị bốn năm lần, cũng phá sản, cũng vào tù ra khám. Tôi ước nó còn sống để có những đời sống như thế. Tôi ước nó trở thành bất cứ một loại người gì, ngoại trừ làm người hùng Mỹ quốc. Vì thế, nếu sau khi giải phẫu, tôi có *thờ ơ* với cuộc đời này thì cũng tốt thôi. Nếu không, nếu không!

Nếu ngày trước tôi có một ý niệm thường tình về đạo lý hơn, hẳn tôi đã vất hết những bộ quân phục màu xanh kia vào sọt rác, và gởi chiếc Hải quân bội tinh cho em thằng Jorgeson. Chính hắn là người đáng được huy chương đó. Lúc ở Khê Sanh hắn hành động y hệt như John Wayne trong phim để cứu mạng tôi, mặc dù tôi đã nói dối rằng chính mình giết

mấy tên lính chính quy cộng sản. Hắn để lại một thành tích về số xác địch ngã trên trận địa, tuy chưa đạt đến con số kỷ lục của Theogens, nhưng chẳng qua là vì nó chỉ lâm trận có mười hai phút.

Bộ Chỉ Huy suýt gắn Danh Dự bội tinh cho tôi, nhưng dĩ nhiên không được vì chẳng có ai làm chứng cho những hành động tôi mạo nhận, và tôi cũng đã không cứu được mạng ai. Nghĩ lại, nếu lúc đó tôi có khoác lác chắc cũng chẳng có ai tin, dù lúc đầu tôi nghĩ là người ta sẽ tin mình. Lúc đó tôi chỉ mới mười chín tuổi, lại chưa quen nói láo. Tôi nghĩ nếu họ cấp Danh Dự Bội tinh cho tôi, chắc tôi sẽ đứng trên võ đài ở trại Las Pulgas trong căn cứ Pendleton cho thằng lính pháo binh kia đánh chết tôi mà thôi.

Giờ đây tôi lại nghĩ đến chuyện gọi cho thằng Hey Baby để hỏi thăm sức khoẻ nó. Mẹ kiếp, cả hai đều điên — hai đứa quả có nhiều điểm tương đồng. Có thể tôi ngõ lời xin lỗi hắn. Nhưng tôi cũng đã nhận ra, sau những cơn lên kinh, là tôi không cần phải làm vậy. Thiện, Ác, tất cả đều là ảo giác. Thế nhưng có lúc tôi vẫn hoang mang không hiểu là cái nhìn của tôi về Một Hiện Thực Tối Thượng có thật hơn thứ ma quỷ thường thấy nơi những kẻ mất trí, điên khùng chút nào không? Hay tất cả chỉ là một thứ phản ứng hoá học tầm thường nơi thần kinh hệ chăng? Bộ không có Thượng Đế chăng? Con tim con người thường hay chống lại những ý nghĩ đó.

Nếu cuộc giải phẫu thất bại, tôi chỉ mong họ cho tôi giữ hai con chó, và có lẽ tôi sẽ về ở chung với bà chị. Nếu họ đưa tôi vào nhà thương điên, chắc chắn tôi sẽ mất hai con chó kia ngay.□

Nha sĩ
DƯ THỊ MỸ LAN
General Dentistry
- Nguyên trưởng phòng Nha khoa Tổng Y viện Khánh Hội, Sài gòn
- Đã hành nghề 7 năm tại Việt Nam và 13 năm tại Mỹ

9141 Bolsa Ave., Suite 302, Westminster, CA 92683
(Trong khu Cathay Bank)
Phone: (714) 898-6449

Quê Hương

Ngụ Thuyết

Thế là tôi đã chuẩn bị xong xuôi cho chuyến đi. Đi hay về? Có lẽ tôi phải nói một chuyến về mới đúng. Về xóm quê, làng cũ. Về thành phố của tuổi nhỏ. về chánh quán. Về thăm một lần chót trước khi đi xa. Mà chánh quán là gì? Câu hỏi này trước kia không bao giờ đến với tôi. Chỉ khi ở trong nhà tù cải tạo tôi mới loay hoay tìm một câu trả lời cho câu hỏi chánh quán là gì, hồi hương thì về đâu. Tôi chưa tìm ra được câu trả lời nào cho thỏa đáng.

Tôi sắm sửa nhanh. Quê mình mùa này mưa dầm, phải rồi, phải có cái áo mưa kiểu "pông-sô" hình vuông vức có chứa một lỗ ở giữa để chui đầu qua là tốt nhất. Nước mưa sẽ không thấm qua các đường chỉ vai, chỉ nách. Có nách, có vai, có mối nối đâu để cho nước mưa thấm qua! Một đôi giầy nhựa rẻ tiền lại tiện lợi cho việc lội bùn, lội nước thay cho đôi dép cao su mang suốt mấy năm nay. Thêm một quần tây dài vải thô, một áo sơ mi tay dài, cổ cao. Tôi có kinh nghiệm đi đường xa phải có áo sơ mi tay thật dài để chống muỗi.

Ngồi trên xe lửa đang chạy hay ngồi ngủ gật gà một góc ga nào đó, ở một bến xe nào đó, chờ xe lên xuống hàng, hoặc bảo trì sửa chữa dọc đường có khi kéo dài suốt buổi từ sáng đến chiều, từ khuya đến sáng, thì chỉ có việc lật đứng cổ áo lên và xổ tay áo dài trùm kín cả hai bàn tay là yên chuyện. Bằng không, khi chợt thấy những mốt đỏ ngứa ngáy nổi lên trên cùi chỏ,trên cánh tay, trên những ngón tay thì những con muỗi quỷ quái đã bay đi mất tiêu. Tôi không sợ muỗi đốt vào mặt. Da mặt nhạy cảm, có thêm hai lỗ tai gần đó báo động, tôi phát hiện muỗi dễ dàng. Lại nữa, để phòng xa, hai bàn tay của tôi như hai tay của con "lật đật" chốc chốc đánh đét vào mặt dù cho muỗi có lãng vãng bay tới hay không. Đại khái mua sắm chỉ có thế. Có lẽ tôi phải kể thêm cái thắt lưng da. Về quê

phải ăn mặc chỉnh tề, áo phải cho vào quần, và muốn thế, phải có dây thắt lưng. Thêm vài thứ khác như cuốn sổ tay để ghi chép lặt vặt, bàn chải và kem đánh răng, chiếc khăn lông, cục xà bông, cái quần xà lỏn, áo thun, thế là vừa đầy cái túi xách du lịch nhẹ.

Tôi đáp xe lửa về quê. Tôi vẫn thích đi xe lửa. không có việc gì gấp gáp, ngồi trên lửa chạy chậm cũng không sao. Chạy chậm càng tốt. Để từ cửa sổ toa xe tôi nhìn thấy rõ con đường sắt và con đường nhựa chạy bên nhau những quãng dài. Cũng có lúc con đường nhựa chạy mất hút khỏi tầm mắt tôi để len vào những cánh rừng thưa, rừng dày, những lũy tre phất phơ trong gió, những khóm cau thân cao thẳng tắp, những hàng dừa lả ngọn, hoặc những cồn nọ bãi kia chập chùng. Lại có lúc nó leo lên các sườn núi chênh vênh hoặc bò qua những đồi cao lũng thấp. Nhưng đó chỉ là những khoảnh khắc ngắn ngủi. Hai con đường lại quay về bên nhau chạy suốt dải đất miền Trung dài mà hẹp, qua những cánh đồng ngập nước vào mùa này, qua rẫy sắn nương khoai, qua truông qua trảng, qua rất nhiều con sông ngắn từ Trương Sơn đổ xuống biển Đông, và thường là qua những thôn xóm ủ rũ, làng mạc xác xơ, thị trấn tiêu điều. Lác đác đó vẫn hiện lên trên dải đất đầy tang tóc này, nhất là vùng Nam Ngải Bình Phú, những ngôi đình, ngôi chùa, ngôi nhà thờ lỗ chỗ dấu đạn, hoặc bỏ hoang, hoặc đổ nát, những mái ngói, mái tranh, mái trường xiêu vẹo, hoặc cháy sém, hoặc vách trống gió lùa.

Vào lúc đêm xuống, con tàu đi qua các vùng như Lương Sơn, Tu Bông, Hòa Đa, Chí Thạnh, hay ngay cả những miền ngày xưa trù phú như Diêu Trì, Phù Cát, Bông Sơn, Tam Quan mà không khác gì đi lạc vào một thế giới nào mênh mông, hoang vắng, tăm tối.

Tôi đi ngược từ Nam ra Trung. Có nhiều đoạn đường bên mặt là biển, bên trái là núi. Tôi nhìn theo mãi. Núi lầm lì bất động. Biển xa xôi mờ mịt. Con tàu cứ việc chạy tới nuốt những đoạn đường sắt dài, con đường cứ việc chạy theo không ngơi nghỉ, riêng tôi thì cứ nhìn lui mãi cho đến khi cảnh trí mới xuất hiện che khuất núi và biển. Vâng, chỉ có núi và biển là vẫn "trơ gan" trước mọi vật đổi sao dời. Còn của tôi là dải đất đầy thương tích nơi đó có hai con đường quấn quít bên nhau như hai dòng máu trên cánh tay gầy guộc.

Tàu đến ga Huế khoảng bốn giờ chiều. Huế dưới bầu trời mùa đông trắng xóa bàng bạc. Không, không phải thế. Không phải mãi cho tới khi tàu dừng lại nơi ga này mới đưa tôi đến Huế. Ngay từ lúc con tàu vừa luồn ra khỏi cái hầm thật dài trong lòng Hải Vân Sơn để cho tôi thấy lại

dáng núi quen quen, bãi biển uốn thành vòng cung trước mắt, và con đường nhựa bên sườn núi phía trái lượn lờ chạy theo vừa kịp, Huế đột ngột hiện ra làm cho tôi muốn sửng sốt dù tôi đang chờ đợi sự xuất hiện đó. Như thể là rặng núi chắn ngang rẽ ra từ Trường Sơn chạy xuống tận biển Đông nhất quyết ngăn miền này làm hai thế giới: Phía nam của nó là đồng bằng xứ Quảng tỏa ra bát ngát, mênh mông, hùng vĩ, phía bắc là dải đất thu gọn lại thành một vùng "Nước non ngàn dặm ra đi" của nàng công chúa ngày xưa có non xanh nước biếc vây quanh ấp ủ. Vâng, Huế của công chúa Huyền Trân giã từ đất mẹ, "Mượn màu son phấn– Đền nợ Ô Ri–đắng cay vì đương độ xuân thì" quả là đẹp và buồn.

Những địa danh Lăng Cô, Thừa Lưu, Cầu Hai, Truồi, Hương Thủy dần dần trở lại trí nhớ theo nhịp bánh xe lăn. Cuối cùng là ga Huế ủ rũ đứng chờ, mái ngói cũ sỉn, tường vôi loang lổ, dưới cơn mưa phùn.

Lớp mưa nhẹ từng hồi theo cơn gió bay tới vừa đủ làm ướt sân ga. Rồi cơn mưa bay đi nơi khác, bay trên con sông Hương mà dòng nước xanh biếc đó là "ngọc tan thành lệ" như có thi sĩ đã ví von, bay qua bên kia sông làm nhòe những hàng cây đứng im lìm, dẵng sau là kỳ đài mờ mờ ẩn hiện những nét kỷ hà đút quãng. Cột cờ đâu rồi, tôi chú mục nhìn. lá cờ trên cao bị gió cuốn lại thành một nét sổ dọc màu xám đen treo lơ lửng trên không vì thân cột cờ đã chìm trong làn mưa bụi.

Mùa này không phải là mùa mưa dầm như tôi đã nhớ nhầm. Mưa dầm là vào mùa thu. Những trận mưa dai dẳng kéo dài hàng mấy tuần lễ không ngớt biến làng mạc vùng quê gần cửa Thuận An thành biển nước mênh mông. Gần thành phố thì nước tràn qua Đập Đá. Có khi nước dâng cao ngập luôn cả những đường phố và đường đi đến trường. "Tháng bảy nước nhảy lên bờ", tôi còn nhớ câu phương ngôn đó. Còn bây giờ đã vào tháng Chạp rồi. Năm tàn, tháng lụn, và Tết. Tết ngày xưa có trở về?

Trời lạnh. Tôi lấy từ trong túi xách chiếc áo sơ-mi dài tay mặc chồng vào người. Một người đàn bà còn trẻ tuổi ăn mặc luộm thuộm từ bên kia con đường trước sân ga mon men lại gần hỏi tôi có cần chỗ ngủ qua đêm hay không. Tôi đáp không, còn sớm, nói thêm vài câu vu vơ rồi đi đến cái quán nhỏ cạnh ga chọn một chỗ ngồi gần ấm nước đang đun gọi một ly cà phê nóng.

Tôi không nói ra được, nhưng trong đầu tôi lẩn vẩn không biết bao nhiêu là ý nghĩ rối rắm muốn phát lên thành tiếng: Ô! Huế đây rồi, Huế sau nhiều năm xa cách, thành phố của tuổi hoa niên. thành phố của kỷ niệm, thành phố này còn lại gì sau biến cố đau thương của đất nước, còn lại những ai, những cô gái thẹn thùng tóc thề ngày xưa bây giờ hẳn đã tay bồng tay mang sống ở nơi này hay lưu lạc ở phương trời nào, những người đã đi biệt xứ, những người mất tích, những người đã chết, những

người bị chôn sống, mấy người bạn của tôi nay không còn nữa, nào Thung nào Thọ đường Hàng Me, nào Thi vùng Phường Đúc, còn Bích ở nơi đâu... và tôi đang ngồi một mình nơi đây nghe ấm nước đang reo trên bếp lửa đun bằng củi bị mưa tạt vào thấm ướt khói lên um cay cả hai con mắt. Một hồi còi tàu vang lên ngắn ngủi. Con tàu tiếp tục dong ruổi về hướng bắc, tiếng bánh xe nghiến lên đường sắt nghe dồn dập hối hả trước khi chìm dần rồi tắt hẳn trả lại cái yên tĩnh cho buổi chiều mùa đông và trả cho tôi nỗi hoang mang mà tôi đã nhận thấy ngay từ khi tôi bước xuống sân ga.

Cơn mưa bắt đầu nặng hạt che kín dãy thành Huế, kỳ đài, và hàng cây bên kia sông.

Tôi đang tìm gì đây? Tôi sẽ gặp ai, sẽ thấy gì nơi thành phố lặng câm này? Đây là chánh quán của tôi ư? Đây là nơi chôn nhau cắt rốn hay là thành phố quê hương của tôi chăng? Hay Quảng Nam Đà Nẵng mới đúng? Hay vùng Bồng Sơn của tỉnh Bình Định? Hay miền đồi núi Đà Lạt? Hay là trục tam giác Sàigòn-Mỹ Tho-Gò Công mà tôi đã đi đi về về không biết bao nhiêu lần? Đó là những nơi tôi đã từng sống hoặc lâu là năm bảy năm, hoặc mau là vài ba tháng mà nơi nào tôi cũng muốn trở lại thăm.

Tôi mồ côi cha từ bé. Sau một thời gian dài ở vậy nuôi con, mẹ tôi đi lấy chồng. Tôi theo gia đình mới của mẹ tôi lưu lạc nhiều nơi. Sau lần sinh đẻ khó khăn cuối cùng, mẹ tôi qua đời. Tôi từ giã gia đình người cha ghẻ để sống một mình. Tôi kính trọng ông Tường, người cha ghẻ của tôi, và tôi biết ông ta quý tôi, nhưng giữa chúng tôi bao giờ cũng có một khoảng cách. Tôi gọi ông bằng ông, và ông gọi tôi bằng anh. Một năm vài lần, tôi tìm thăm ông và hai đứa em gái cùng mẹ khác cha nhỏ tuổi hơn tôi nhiều.

Ngày miền Nam sụp đổ, tôi vào tù. Hơn mười năm sau khi ra khỏi tù tôi không được tin tức gì của ông Tường và hai đứa em gái. Những năm đầu tiên trong trại cải tạo, thỉnh thoảng tôi được hai cô em gái thay nhau thăm nuôi. Từ khi bị chuyển trại ra miền Bắc đến những vùng núi rừng hẻo lánh, tôi biết hai cô em gái của tôi không thể nào có khả năng tài chánh để chi tiêu cho những chuyến đi xa. Thế mà, thật khốn khổ cho tụi nó, một trong hai đứa lặn lội tìm thăm tôi lần cuối. Gặp tôi, nó ứa nước mắt.

Tôi nói mà không biết mình định nói gì, em của anh lại muốn làm duyên với anh đó hả! Nó khóc to thành tiếng. Tôi ngạc nhiên và bối rối. Tôi vẫn thường không thể chịu đựng được những màn khóc lóc–hoặc là nước mắt tôi chảy theo, hoặc tôi phản ứng ngược lại, bực bội, hung hăng,

thô bạo. Lần này tôi cố giữ bình tĩnh yên lặng nghe nó lắp bắp nói tiếp. Thì ra ông Tường và hai cô em gái của tôi đang tìm cách trốn ra nước ngoài. Tôi cầu mong họ sống sót và được định cư ở một nơi nào đó trên thế giới này.

Lần này đến phiên tôi chuẩn bị ra đi. Trước khi ra đi tôi trở về thăm Huế. Tại sao tôi lại phải làm thế nhỉ?

Thật ra suốt mấy mươi năm sống ở nhiều nơi khác nhau, tôi ít khi nghĩ đến Huế. Ngay cả thời gian ở trong tù cải tạo, khi có người hỏi tôi quê đâu, tôi không nhắc đến Huế mà nói đại một nơi nào đó cho xong chuyện. Lúc cần phải điền vào bản khai lý lịch "trích dọc, "trích ngang", gặp câu hỏi về chánh quán, tôi không biết phải trả lời thế nào. "Thì đó là nơi anh sinh ra chứ còn đâu nữa" "Nhưng nơi sinh ra gọi là sinh quán chứ không phải chánh quán". "Vậy thì nơi cha của anh sinh ra, lớn lên, vân vân..." Có lẽ phải thêm vài chi tiết nữa, đó là nơi có bàn thờ tổ tiên, có những ngôi mộ ông, bà, cố, sơ... quanh quẩn. Ngoài bố mẹ ra, còn có bà con khác. Hơn nữa, dù cho cả gia đình cha mẹ con cái có đi tha phương cầu thực, thỉnh thoảng cũng trở về thăm, và cũng được họ hàng tiếp đón.

Nếu quan niệm như thế, tôi không có chánh quán.

Tôi mồ côi cha từ bé. Tôi được kể lại rằng cha tôi từ một thành phố phía bắc miền Trung đi dần vào miền Nam kiếm kế sinh nhai. Cha tôi chưa có dịp về thăm quê cũ thì hiệp định Genève 1954 được ký kết chia đôi đất nước tại sông Bến Hải vĩ tuyến 17. Sau đó không bao lâu người qua đời. Còn tôi, tôi sống nhiều nơi từ Huế trở vào mà thời gian dài nhất là ở trong các trại giam. Ra khỏi tù nhìn quanh thấy vắng vẻ, lạ lùng, bỡ ngỡ. Tìm lại Sàigòn, nơi ngày xưa tôi có nhiều bạn bè thân thích, tôi không gặp được một người nào. Họ đâu cả rồi? Còn ai? Mất ai? Đi trên những con đường cũ hay ngồi nghỉ mệt tại những quán nhỏ vừa mới mọc lên ở những góc phố xưa mà có cảm tưởng lạc vào xứ lạ. Rồi tôi xuống Mỹ Tho, qua Gò công theo ngả Chợ Gạo cũng không gặp được ai. Họ ở nơi nào, những người bạn đồng đội trước kia cùng đơn vị chiến đấu thuộc Sư Đoàn 7 hoặc tại Trung tâm Huấn luyện Đồng Tâm. Tôi trở về Sàigòn theo đường Kinh Nước Mặn, Cần Đước, Cần Giuộc, Cầu Ông Thìn lòng tự nhủ lòng đây là lần chót mình nhìn lại những nơi này. Cuối cùng tôi dáp xe lửa ra Trung.

Cơn mưa đã tạnh hẳn. Trời tối mau. Đèn điện trong quán bật lên lúc nào tôi không hay, bóng đèn vàng tù mù như ngọn đèn dầu hỏa lụn bất treo trên trần nhà. Tôi uống hớp chót của ly cà phê pha sẵn. Đắng nghét. Tôi không khỏi nhớ đến thời gian trong tù nằm cạnh anh bạn có tính thắc mắc, dằn do. Lúc thì hằn lắm bẩm: "Nằm vắt tay lên trán-khoai náng

ngon hơn khoai nấu." Lúc thì hắn ăn năn hối tiếc: "Thèm cà phê quá! Hồi chưa bị lùa vào đây mà tao cũng không bao giờ uống được một ly cà phê ngon, thế mới đau! Uống ở nhà, sợ tốn đường, nên cà phê đắng chắn. Ra tiệm lại dộng thật nhiều đường vô để gỡ gạc, cà phê biến thành chè đậu đen!"

Tôi không được có cái tự do chọn lựa của hắn. Cà-phê nhà thì không có, quán thì pha sẵn với rất ít đường.

Bụng thấy đói, muốn kiếm cái gì ăn, nhưng tôi không biết quán này có bán những thức ăn nào ngoài mấy nải chuối, mấy xâu bánh ú treo lủng lẳng bằng sợi dây lạc, dăm ba cái thẩu đựng đường cát, đường thẻ, kẹo đậu phụng, đặt trên cái sập gỗ ọp ẹp, và dưới đất là ấm nước nằm trên chiếc lò lửa đã tắt ngấm.

Quán vắng teo, khách chỉ có một mình tôi. Chủ quán mải mê đánh cờ tướng với một cụ già chẳng thèm đếm xỉa gì đến tôi. Theo thói quen, tôi thọc tay vào túi áo ở ngực rút một điếu thuốc lá lẻ mới sực nhớ mình đã cai thuốc mấy tháng nay. Tôi tự nhủ nên hút lại cho đỡ buồn miệng trong thời gian này. Xong chuyến đi mình lại cai thuốc một lần nữa cũng không muộn. Tôi gọi một bao thuốc lá hiệu Sông Đà châm hết điếu này đến điếu khác mắt thỉnh thoảng nhìn dáo dác ra ngoài cửa ra dáng đang chờ người nào. Chủ quán biết ý để tôi yên, trở lại với bàn cờ tướng.

Người ta thường nói những năm trung học là thời gian khó quên nhất trong đời con người, có lẽ vì vậy mình trở lại đây chăng, tôi tự hỏi.

Tôi học ở Huế được ba năm. Chỉ sống ở đó có ba năm tôi đã có được mấy người bạn thân, nay kẻ đã chết, kẻ đã bỏ nước ra đi. Và Bích, mối tình đầu. Đó là mối tình con nít, thầm lặng, một chiều. Sau này từng trải đã nhiều, đời sống tình cảm có khi bừa bãi trân tráo, những lời mình nói phỉnh phờ nhảm nhí có khi làm vui lòng người đẹp hơn những lời chân thật, nhưng hễ nghĩ đến Bích lòng tôi vẫn bồi hồi.

Tôi ở gần nhà Bích. Mặt sau của khu vườn nhà tôi trọ giáp ranh với bên hông của khu vườn nhà Bích, ngăn cách bởi dãy tường cao kiên cố. Ngôi nhà "Thâm nghiêm kín cổng cao tường" của Bích nhìn ra con đường rải đá mà bên kia đường là cánh đồng rộng trải dài đến tận vùng Bao Vinh thì phải. Vào mùa mưa phùn gió bấc như mùa này cánh đồng của Bích, ngày xưa tôi cho nó cái tên như thế, hắn ngập nước mênh mông trên đó lác đác những dáng người mang tơi đọt đội nón lá xa xa trông giống nhưng những con cò trắng lom khom mò cua, bắt ốc, chơm cá.

Hồi đó, ngày nào tôi cũng đạp xe đạp đi qua hai cánh cửa sắt đóng

im im của cổng nhà Bích ít nhất là hai lần để nhìn vào và ước ao thấy được Bích từ trong cái sân rộng dẫn xe đạp đi ra, hai tay cầm lấy ghi-đông, dáng đi nghiêng nghiêng để giữ thăng bằng với cái xe đạp, đôi môi xinh đẹp có vẻ như muốn mỉm cười, cặp mắt mở to nhìn thẳng vào tôi, mà trong đôi mắt đó tôi thấy có những nét vừa ngạc nhiên, lạnh lùng, vừa tinh nghịch, reo vui, mời gọi. Tôi chỉ gặp Bích được một lần như thế và là lần cuối cùng. Những lần trước hoặc Bích dạp xe đạp đi ngược chiều thì đôi con mắt rất to ấy bao giờ cũng nhìn thẳng đằng trước như tuồng không thấy tôi, hoặc Bích đi cùng chiều, tôi đạp xe đạp theo sau qua nhiều đoạn đường, không bao giờ dám đi ngang hàng hoặc tiến đến gần, nghe tiếng bánh xe của Bích và của tôi nghiến lên cát sỏi, nhìn tà áo dài phất phơ uốn lượn, nhìn mái tóc bay bay trong gió, nhìn cái dáng thon thon thỉnh thoảng ngồi thẳng người trên yên xe một tay nắm hờ lấy ghi-đông, tay kia vuốt nhè nhẹ những sợi tóc mai bên má ngược lên trên vành tai. Bàn tay đó như đang nói những lời tình tự với tôi. Còn Bích thì chưa bao giờ nói với tôi một lời. Sau mỗi lần gặp gỡ như vậy, tôi về nhà lấy đàn ra đệm thật nhỏ và hát lẩm bẩm vừa đủ cho mình nghe bài "Cô Láng Giềng". Thuở đó tôi rất sợ người ta biết được mối tình câm ấy. Tôi nghĩ rằng không ai có thể biết được tâm sự dấu kín của tôi. Rồi cuối mùa hè, Bích biến đi đâu mất. Về sau tôi có nghe phong phanh Bích đã theo anh đi học ở Nha Trang hay Sàigòn gì đó. Tôi ngẩn ngơ suốt một thời gian khá dài đến nỗi hai cô em gái của tôi phải đến an ủi tôi đừng có buồn, sang năm thế nào chị Bích cũng về Huế nghỉ hè. Không chừng Tết này chị cũng về.

Ông chủ quán chừng như vừa đánh thắng một ván cờ gay go, cất tiếng cười khoái trá, xong với tay vớ bình trà rót một tách đầy. Chợt nhớ ra tôi, ông ta cầm tách trà nguội vừa mới rót đến tôi mời đôi mắt nhìn hỏi han như có ý ngầm bảo tôi ngồi lỳ ở đây đã khá lâu. Tôi đứng dậy định đi ra khỏi quán. Bên ngoài trời tối sầm, đi đâu bây giờ? Tôi gọi thêm một ly cà phê. Chủ quán lại nhen lò lửa.

Tôi lẩm nhẩm suy tính. Chốc nữa mình sẽ hỏi chủ quán về người đàn bà cho thuê phòng trọ, hay mình cũng có thể ngủ ở đây qua đêm miễn là trả tiền cho sộp là được chứ gì. Sáng mai, mình từ đây đi, rẽ phải và cứ thế trên con đường đó đi thẳng, đường đó tên là gì lâu ngày tôi không nhớ ra, thì sẽ ngang qua hai trường Khải Định và Đồng Khánh, rồi qua Đập Đá, đến Vĩ Dạ, xuống làng Nam Phổ, và đi mãi đi mãi sẽ tới cửa biển Thuận An. Bãi biển mùa đông chắc là không có một bóng người.

Hay là trước khi đi qua Đập Đá, mình hãy rẽ qua cầu Trường Tiền, quẹo trái lên miền Kim Long Thiên Mụ, không, mình sẽ quẹo mặt xuống vùng Gia Hội, Ngự Viên, đi thêm một chút nữa sẽ tới hai cánh cửa sắt ít khi thấy mở của cổng nhà Bích. Chẳng biết ngôi nhà có còn nơi đó hay không. Hoặc mình đi ngược trở lui lên miền Phường Đúc, Long Thọ tìm nhà Thi, hay nói cho đúng hơn, tìm ngôi mộ của Thi. Nghĩ đến Thi tôi lại nghĩ tiếp đến Thọ đã tử trận ở Cổ Thành Quảng Trị và Thung thì bị bắn rơi ở không phận Quảng Ngãi, trong một chuyến bay đêm. Thi thể của hai người bạn học ngày xưa đó có được đưa về quê quán chôn cất hay là bị vùi dập ở một nơi nào?

Còn ai nữa? Còn có gì? Hình như không còn một ai và chẳng còn gì nữa. Miền Nam thân yêu của tôi mất mát quá nhiều. Và tôi cứ nôn nóng về đây thăm. Tại sao?

Có lẽ tại vì từ ngày ra khỏi tù, tôi muốn biết những nơi tôi từng đến cư ngụ, những nơi để lại cho tôi nhiều kỷ niệm, như Huế chẳng hạn, bây giờ ra sao sau ngày mất nước. Những năm dài ở trong cái trại tù, tôi vẫn cố hình dung cuộc đời ngoài kia sau biến cố kinh hoàng của tháng Tư, nhưng tôi không thể nào hình dung ra nổi. Tôi lại tự hỏi biết để làm gì? Hình dung cho ra cảnh đời đó để làm gì? Hay có lẽ tại vì tôi sắp đi xa nên tôi muốn thăm lại những nơi cũ để sau này lỡ không có ngày về tôi đỡ ân hận? Cái lý do này nghe có vẻ khách sáo, vờ vịt! Hay có lẽ vì tôi không có nơi để về, không có chánh quán để tạo cho mình một căn cước đầy đủ nên tôi rất nặng tình đối với những nơi tôi sống. Như một người lang thang mong xây tổ ấm. Như đứa con bị hắt hủi đi tìm bếp lửa của gia đình bạn. Như một người nghèo khó chắt chiu từng cắc từng xu để làm vốn. Tổ ấm chưa xây xong đã vỡ. Bếp lửa tắt. Vốn liếng bị tước đoạt sạch nhẵn.

Tôi về thăm trước khi tôi bỏ nước ra đi. Và tôi không biết tại sao.❐

đón đọc

Văn Học

Số 111, phát hành đầu tháng 7, 1995

- tiếp tục loạt bài giới thiệu tác giả và tác phẩm 20 năm Văn học Việt Nam hải ngoại
- biên khảo của Tạ Quốc Tuấn, phê bình văn học của Mai Kim Ngọc
- truyện ngắn của Hoàng Nga, Nguyễn Phùng, Trần Vĩnh Phố
- thơ của Trúc Chi, Đỗ thị Kênh G. Phan Minh Khánh v.v.

Gang tấc còn xa

Song Thao

Cái lỗ vuông vức to như miệng của con khủng long từ từ nhả ra từng chiếc va li vào chiếc mâm đen xì quay vòng vòng trước những cặp mắt lừ đừ của đám hành khách vừa được ném từ trời xuống. Một chân gác lên chiếc xe đẩy, một chân nhúc nhích trong đôi bốt cho bớt tê cứng, Trọng dán mắt vào đám va li đang lũ lượt diễu hành trước mắt. Chiếc mâm quay đều đặn vẽ thành những vòng xoắn ốc trong đầu Trọng. Niềm vui trong anh như được nhấc bổng lên cao. Trọng ưa xê dịch. Mỗi lần đặt chân tới một thành phố xa lạ là lòng Trọng háo hức hồi hộp. Huống chi lần này bước chân anh lại lạc tới một nơi chốn mà anh ao ước từ lâu. Hoàng vẫn ba hoa về thành phố ngụ cư của anh là thủ đô của thế giới. Mày chưa tới được Paris thì có chết cũng chỉ nhắm được một mắt thôi thằng con trai ạ! Trọng mỉm cười nhớ lại cái giọng nhừa nhựa lũng lờ làm như chẳng có gì quan trọng nhưng lại cố tạo cho người nghe cái cảm giác thật quan trọng của Hoàng.

Anh ngước nhìn lên dãy hành lang lố nhố những đầu người sau tấm kính che kín mít từ trần nhà để tìm Hoàng. Mắt anh lướt qua những khuôn mặt nhỏ như những con búp bê đang chong mắt nhìn xuống. Có họa là mắt thánh mới có thể tìm ra bộ ria mép nhơn nhơn tự đắc của thằng bạn đã năm năm không gặp. Thây kệ! Chút nữa dẫng nào cũng gặp. Phải đập vào vai tên bạn nối khố một phát cho ra trò. Nghĩ tới đó Trọng thú vị cười một mình. Lấy cái va li gấp rồi tính.

Trọng dăm dăm tìm chiếc va li đen có cột sợi dây nịt đỏ. Sợi nịt va li màu diêm dúa mua đại ở một tiệm gần nhà chỉ còn một sợi chót thế mà được việc. Cái lỗ vuông vừa phun chiếc va li ra là Trọng nhận được ngay cái nịt đỏ chói chang của anh. Anh ung dung đứng chờ nó quay tới trước mặt rồi kéo thốc lên chiếc xe đẩy.

Mấy ông quan thuế ngồi chờ trước mặt. Anh đẩy xe qua chiếc cửa

nhỏ có hàng chữ "Không có gì để khai". Rượu không, thuốc lá không. Lại càng không súng ống, chất nổ, cần sa, ma túy. Mặt mũi Trọng tỉnh bơ coi mấy ông tây quan thuế như pha. Anh trao tờ khai, nhận lời cám ơn và thong thả ra cửa. Anh đảo mắt qua một vòng tìm bóng dáng Hoàng. Người đứng lố nhố dương những cặp mắt tìm kiếm vào đám hành khách đang vội vã tuôn ra. Những bàn tay giơ lên những bó hoa, những trái bong bóng màu sắc rực rỡ đón người phương xa, những nụ cười sẵn sàng trên môi. Tùng chập vang lên những tiếng la hét mừng rỡ. Những nụ hôn vỡ ra niềm vui hội ngộ. Chẳng thấy bóng dáng Hoàng đâu. Trọng ngơ ngác bối rối. Tên ác ôn sao tự nhiên lại chơi trò đau tim thế này. Phải tìm ngay chiếc điện thoại công cộng. Hướng nào là hướng có điện thoại dây. Trọng đảo mắt nhìn khắp chung quanh. Miệng anh há hốc ra khi thấy bóng dáng một cô gái ôm tờ giấy trước ngực có ghi chữ "Trọng". Chiếc áo đen bó sát thân người đều đặn làm nổi bật tờ giấy ghi cái tên trùng với tên anh viết vội vàng bằng màu mực đỏ chói. Cô gái trông lạ hoắc làm anh nghĩ tới anh chàng Trọng nào có diễm phúc được người đẹp ra đón. Còn anh chắc phải đi kiếm chiếc điện thoại.

Anh khó khăn đẩy chiếc xe lách qua hết những ông tây lại tới những bà đầm dềnh dàng vướng vít. Xứ tây có khác. Toàn là tây với đầm. Chẳng thấy bóng dáng một người Á Đông nào. Đầu anh bỗng như có một lát dao chẻ hai làm lòi ra một ý nghĩ đáng tiền. Trên chuyến máy bay Air France chở anh tới đây cũng chỉ toàn tây với đầm. Vậy thì còn Trọng nào ngoài Trọng đang căng người lên vì hồi hộp này. Anh nhanh nhẹn quay xe tiến tới chỗ cô gái đứng. Từ xa anh đã ngại ngùng trước khuôn mặt tỉnh bơ có đôi môi phớt hồng trẻ ra như nũng nịu. Nếu không phải thì quê một cục. Cô gái đã liếc nhìn thấy anh. Cặp mắt rộng mở hỏi han. Anh cố lấy điệu bộ tự nhiên tiến tới. Đôi môi mọng nước như mấp máy muốn nói. Anh vội lên tiếng dò dẫm:

—Tôi tên là Trọng.

—Em biết rồi. Anh là bạn anh Hoàng chú gì?

Giọng nói sao mà như đường như mía. Môi đâu mà lịm tim lịm hồn. Trọng hấp tấp lạc giọng:

—Thấy cô đứng cầm bảng tên mà tôi không dám chắc là tên tôi.

Cô gái long lanh ánh mắt tinh ranh:

—Anh không nhớ tên anh à? Tên gì đâu làm ôm nặng muốn chết.

Trọng bật cười:

—Kiếp sau tôi nguyện sẽ lấy một cái tên thật nhẹ, nhẹ như mây. Tên Vân chẳng hạn.

Ngón tay trỏ thon hồng lắc lia lịa trước khuôn mặt thanh tú cố làm ra nghiêm trọng:

—Không được! Vân là tên em. Trọng khẽ cúi đầu hơi kịch một chút:

—Hân hạnh biết cô Vân. Cô là... Bàn tay Vân chìa ra cùng giọng ướt mềm: —Em vợ anh Hoàng. Trọng khẽ nắm bàn tay thuôn thả mát lạnh:

—Cái thằng tệ thật. Có cô em vợ như cô mà không cho anh em biết.

Nói xong Trọng mới thấy mình nói năng lỗ mỗ. Học chung với nhau ở Montréal, ra trường bạn bè tứ tán mỗi tên một nơi. Hoàng bay qua Pháp, kiếm được việc làm, lấy vợ là ở lì luôn. Có ai biết hắn sống ra làm sao nói chi tới việc la cùng làng nước là tôi có cô em vợ. Chỉ tại Trọng khớp trước người con gái duyên dáng nên mới loạng quạng.

Ánh mắt Vân nửa như thương hại nửa như riễu cợt:

—Tới vợ của anh Hoàng anh còn không biết là ai nói chi em vợ anh ấy.

Mặt Trọng đỏ lên. Phải chi ở chỗ vắng vẻ một mình chắc anh chẳng ngại ngùng tự vả vào miệng vài cái cho đã tức. Tự nhiên ôm cái quê một cục vào mình.

Nhìn bộ mặt của Trọng Vân biết tỏng anh chàng đang ngượng chín người. Trông một tên đàn ông thất thế thấy cũng hay hay. Nàng nhẹ nhàng bồi thêm:

—Chẳng lẽ mình cứ đứng đây mãi. Để em dẫn anh ra lấy xe đi về chứ. Mà hình như anh cũng chẳng muốn biết tại sao anh Hoàng không ra đón anh mà lại cử sứ giả đi dùm như thế này nhỉ.

Mặt Trọng ngớ ra. Cô bé trông hiền thục thế mà cũng cay ra phết. Đành chịu xếp ve chứ biết sao bây giờ. Anh khôn khéo lách:

—Chắc anh Hoàng bận việc gì bất thường nên mới phải nhờ tới cô sứ giả khả ái ra đón chứ gì? Vân cười thầm trong bụng. Kể cũng khéo nịnh đầm đấy chứ. Làm trai mà biết điệu nghệ với phái đẹp thì cũng nên cho điểm đại xá. Giọng Vân pha chút thân mật:

—Nếu bây giờ em nói anh Hoàng không có ở Paris thì anh có ngạc nhiên không? Trọng quay lại chăm chú nhìn Vân để coi cô nhỏ có tung thêm chưởng nào nữa không. Vân hếch mặt mỉm cười chờ câu trả lời. Trọng lúng túng thăm dò: —Vô lý! Hoàng hứa chắc sẽ ra đón tôi mà. Làm sao hắn không ở Paris được. Vân cất giọng bình thản:

—Anh Hoàng hứa nhưng anh Hoàng đâu có ra đón anh. Như vậy có nghĩa là anh Hoàng bị kẹt bất ngờ. Anh không biết anh Hoàng là người nguyên tắc lắm sao? Trọng phải công nhận là Vân nói đúng. Anh biết tính bạn. Cứ như cái đồng hồ trên tháp Big Ben. Như vậy là phải có chuyện gì quan trọng xảy đến với Hoàng. Anh hỏi dồn:

—Có chuyện gì vậy? Anh Hoàng có sao không? Lạ thật! Sao vậy cô Vân?

Mấy ông đàn ông này tức cười thật. Phổi ông nào cũng như phổi bò

hết. Lúc thì chẳng hỏi han gì tới bạn lúc thì cuống lên như gà mắc dẻ. Trông đến lạ! Vân không nỡ ỡm ờ thêm nữa:

—Anh Hoàng có tin buồn. Mẹ anh mới mất tại Đức. Anh chị và cháu nhỏ phải qua Đức gấp sáng nay. Anh ấy có dặn em xin lỗi anh vì đã thất hẹn.

Trọng đứng ngây người vì tình huống bất ngờ này. Anh hạ giọng buồn:

—Để tôi phải gọi điện thoại chia buồn với anh chị ấy liền mới được.

Giọng Vân nhỏ nhẹ không kém:

—Anh khỏi lo. Anh Hoàng sẽ canh giờ tụi mình về tới nhà là điện thoại ngay cho mà coi. Em biết tính ông anh rể em quá mà. Thôi mình đi.

Xe của Vân nhỏ như một chiếc hộp trên xa lộ từ phi trường Charles de Gaulle về Paris. Trọng đã quen mắt với những xa lộ rộng lớn ở Bắc Mỹ nên thấy xa lộ Paris như một đứa trẻ còi cọt. Đoàn xe bò trên xa lộ một cách ngoan ngoãn như đang tham dự một đám rước lớn của nhà thờ. Những chiếc xe cũng nhàng nhàng một cỡ như xe của Vân. Càng vào gần tới Paris xa lộ càng như nhỏ lại với đám xe cộ đeo nhau nhích từng chút. Vân ra khỏi exit len lỏi trên đường phố Paris. Thành phố già nua được dan dính vào nhau bằng những đường phố xinh xắn tấp nập. Trọng nhìn quanh quất hai bên đường phố. Những tòa nhà cổ kính đậm màu đứng ngậm câm từ bao thế kỷ trông lạnh lùng xa cách. Vân cắm cúi luồn lách theo dòng xe cộ. Vòng tay lái coi bộ nặng nhọc. Chóp lưỡi hé lộ giữa hai bờ môi tươi mát. Trọng ngơ ngẩn trước vẻ đẹp mộc mạc của vành môi không son như một người mê tranh ngây ngất trước nét vẽ vừa ý. Vân dừng xe lại trước ngọn đèn đỏ. Nàng nhìn sang Trọng bắt gặp ánh mắt dò dẫn của anh. Le lưỡi liếm tròn quanh đôi môi, Vân mỉm cười hỏi:

—Coi bộ anh Trọng đang buồn ngủ rồi phải không?

Trọng giật mình lắc đầu lia lịa:

—Đâu có! Lần đầu diện kiến Paris mà ngủ thì coi sao được. Tôi đang say đắm vẻ đẹp cổ kính của thành phố đã nhắm mắt tưởng tượng từ bao nhiêu năm nay.

Vân giả bộ hất mặt lên kiêu hãnh:

—Thành phố của em chứ bộ! Paris của em là nữ hoàng văn hóa của thế giới. Mắt thấy Paris thì tim có bằng gỗ cũng ra văn ra thơ.

Trọng châm chọc:

—Thế thì cô công dân khả ái của Paris đã làm được bao nhiêu bài thơ rồi?

Vân vừa ròn rã cười vừa nói:

—Tim em bằng đá làm sao mà ra thơ được!

Tiếng còi xe thúc dục ở phía sau làm Vân hốt hoảng cho xe chạy. Nàng le lưỡi nhún vai hỏi Trọng:

—Anh thấy lái xe ở Paris dễ sợ chưa?

Trọng gật đầu:

—Trông Vân như một nữ hiệp sĩ tả xung hữu đột giữa trùng trùng điệp điệp địch thủ.

Vân trợn mắt mím môi:

—Anh thấy em võ biền như thế thì chết cái dịu dàng của con nhỏ này rồi!

Vân bẻ lái vòng sát đầu một chiếc xe chạy ngược chiều bên phía tay trái. Vân nhún vai le lưỡi khi nghe tiếng còi cảnh cáo của chiếc xe bị lấn ép. Nàng quẹo vào một con đường nhỏ có hai hàng xe đậu dài theo hai bên lề. Chiếc xe lách trên khoảng đường hẹp như muốn cọ vào hai dãy xe nằm im lìm chịu trận. Vân đảo nhanh mắt qua hai bên bảo Trọng:

—Tới nhà rồi. Kiếm được chỗ đậu xe chắc cũng đỏ con mắt. Để em chạy vòng vòng coi.

Vân cho xe chạy rà rà quanh những con đường nhỏ xíu. Mắt chưa kịp đỏ miệng đã reo lên:

—Thử vô chỗ này coi.

Trọng ngơ ngác nhìn theo tay chỉ của Vân. Khoảng trống nhỏ không nhỉnh hơn chiếc xe của Vân bao nhiêu. Nhưng làm sao Vân có thể bê chiếc xe để vô một chỗ vừa vặn như vậy. Vân lùi xe lại vẻ nhất định muốn vào thật. Trọng ngạc nhiên hỏi:

—Vân định cho xe vào chỗ này thật đấy à?

Vân cũng ngạc nhiên không kém:

—Chứ sao?

—Làm sao mà vào được?

Vân lớn tiếng cười:

—Anh qua Paris muốn làm nghề gì thì làm chứ đừng làm nghề tài xế nghe. Ai mà mướn anh!

Vân thản nhiên đẩy đầu xe vô hích vào đuôi xe trước, de lại đẩy vào đầu xe sau. Loay hoay một lúc chiếc xe đã nằm gọn vào hàng khít rịt không còn một chỗ hở. Trọng há miệng thán phục. Vân hất mặt trêu chọc. Ra khỏi xe Trọng bỏ nhỏ:

—Bây giờ khách phương xa mới hiểu tại sao xe ở Paris cái nào cũng nhỏ xíu.

—À, thế ra từ nãy tới giờ chắc anh tưởng Vân không có tiền mua xe lớn hơn phải không? Nói cho anh biết là em có đủ tiền mua xe lớn cỡ xe...buýt cũng được!

Vân phá ra cười tự tán thưởng câu trả lời sắc nước. Tiếng cười còn

lùng bùng trong đầu Trọng khi anh đứng trong căn nhà tươm tất của Hoàng. Trọng thèm sự trẻ trung yêu đời của cô gái thông minh. Thời gian là một tên cướp giật từ tốn. Nó lấy của anh từng chút từng chút nhựa sống và chẳng biết tự bao giờ nó dúi vào tay anh một cuộc sống nghiệt ngã tầm thường. Anh nuối tiếc những ngày sinh viên cũ, mảnh ban mai hồng hào của đời người, chuỗi ngày tươi mát khỏe khoắn.

Tiếng Vân cắt đứt dòng hồi tưởng của Trọng:

—Phòng của anh đây. Một tay em "cải biến" phòng của cu Tý thành phòng của người lớn. Anh vừa ý không?

Trọng đứng ngắm căn phòng toát ra vẻ hài hòa tươm tất. Trên chiếc bàn ngủ, ba bông hồng đỏ thắm được cắm so le trong chiếc bình pha lê cao ngỏng hình cổ cò làm cho căn phòng ấm cúng hẳn lên. Trọng cảm động:

—Cám ơn Vân. Chu đáo quá!

—Đừng cám ơn em. Chính anh Hoàng tiết lộ cho em biết là anh thích hồng nhung đấy chú. Mà em cũng thích loài hoa quí phái và thanh thoát này. Thôi, anh sửa soạn đi tắm tẩy trần đi. Phòng tắm ở phía trước đó anh.

Trọng vừa mở được chiếc va li tìm quần áo thay thì tiếng điện thoại reo. Vân đứng ở cửa phòng, úp ngược chiếc điện thoại vào ngực, nghiêng người vào trong phòng thì thầm:

—Anh phục tài đoán mò của con nhỏ này chưa? Đúng y boong mà. Ông anh rể em muốn nói chuyện với ông bạn vàng của ông ấy. Thật, chẳng chậm trễ lấy một phút.

Trọng cầm điện thoại, tay bịt ống nói, giọng khao khao khẽ nói:

—Chịu cô rồi!

Anh đưa điện thoại lên miệng:

—Allo, Hoàng đấy hả?

Tiếng Hoàng oang oang dội vào tai Trọng:

—Anh mày đây! Tiếc quá, tưởng sẽ được đá đít mày mấy cái cho đỡ nhớ ai ngờ tao với mày lại ngàn trùng xa cách như thường. Số mày với tao chắc là số Ngưu Lang Chức Nữ. Tao...

Trọng ngắt ngang:

—Mày vẫn tính nào tật nấy. Nghiêm trang một chút coi có được không? Công việc bên đó ra sao? Cho tao chia buồn với vợ chồng mày. Vừa mới sang nghe được tin bác tao ngơ ngẩn cả người. Bác bệnh gì mà ra nông nỗi thế?

Giọng Hoàng bớt sôi động:

—Cụ tao chẳng có bệnh tật gì. Có chăng là bệnh già. Buổi tối trước khi đi ngủ kêu nhức đầu, sáng hôm sau không thấy cụ dạy, vô phòng coi

thì cụ đã đi từ lúc nào chẳng ai hay. Cụ chẳng cho con cháu hầu hạ chút nào cả. Khi còn sống cụ vẫn ước ao được chết an lành không phiền tới ai. Cụ đi như vậy là cụ cũng mát lòng mát dạ. Chắc tao còn phải ở bên này bốn năm ngày nữa. Mày cứ tự nhiên như ở nhà...tao nghe. Cần gì cứ nói với nhỏ Vân, đừng ngại gì cả. Em tao nó hiếu khách lắm.

Trọng nhìn quanh không thấy Vân đâu, vội nói:

—Tao thấy không tiện chút nào nên định hỏi ý mày để ra khách sạn ở. Mày...

Hoàng không để Trọng nói dứt câu:

—Không tiện cái con khỉ ấy! Có thừa tiền thì để dấy cho tao mượn tậu cái xế limousine đi cho nó hách. Tụi chủ khách sạn chúng giàu rồi không cần mấy đồng tiền mẻ của mày đâu. Tao thấy mày là con nhà gia giáo, được cái nết nể vợ, lại ngán cái miệng tao nên mới để mày ở với em vợ tao. Không có thì còn khuya. Bộ tao dại gì mà gửi trứng cho ác sao. Ở yên đó, đừng có lộn xộn mà thương tổn tình bằng hữu. Vân nó nội trợ một cây đó. Cái bộ công tử như mày mà cơm dưỡng cháo chợ gì được, lúc nào cũng phải có người săn sóc mới...nên người. Nghe chưa thằng con trai! Thôi, cho tao nói chuyện với Vân một chút.

Trọng kêu Vân nghe điện thoại rồi vội vàng bước về phía phòng tắm.

Trọng sánh vai Vân nhàn tản trên lối đi bộ của đại lộ Champs Élysées. Dưới lòng đường xe cộ chạy ngang dọc như mắc cửi chui qua Khải Hoàn Môn được viền sáng bằng những dây đèn mờ mờ vàng. Hàng cây hai bên đường rực sáng với những ngọn đèn run rẩy đeo dính xung quanh như sợ những cơn gió cuối năm xô té xuống đất. Những cặp tình nhân quấn quít nhau ngả nghiêng trong gió la hét đùa rỡn làm náo động phố phường. Gió mạnh bạo thổi tung tóc Vân, xô đẩy tà áo lạnh mềm mại quấn quanh bên chân Trọng. Anh cảm thấy như cả thân người nhỏ nhoi của Vân nép sát vào anh ngoan ngoãn. Trời lạnh ngọt ngào. Đã quen với mùa đông sỗ sàng ở Canada, Trọng thấy mùa đông Paris dáng yêu chi lạ. Cái lạnh chỉ vừa đủ cho những mảng khói vấn vương trên miệng, cho má môi ửng hồng duyên dáng, cho những đôi tay quấn quít truyền nhau chút nồng nàn. Tiếng Vân nghe thoang thoảng trong tiếng rít rao của gió:

—Anh có biết là anh đang có diễm phúc được tản bộ trên con đường dành cho khách bộ hành đẹp nhất thế giới không?

Vân nói không ngoa. Người dân Paris vừa có niềm tự hào với con đường tản bộ mới được khánh thành này. Trọng nhìn thấy những kiến

trúc nho nhỏ đẹp đẽ dễ thương, những cửa hàng sang trọng hài hòa rực rỡ, và cả những viên gạch dưới chân tinh khôi mỹ thuật. Người đi lên đi xuống chen chúc nhau trong đêm hoa đăng của những ngày vui cuối năm. Trọng nghe thấy những tiếng nói lạ tai rầm rì chung quanh. Paris đang đông đặc du khách từ khắp nơi đổ về nghỉ lễ. Giáng Sinh đã qua nhưng niềm vui còn ở lại chờ đêm giao thừa. Trọng cảm thấy lâng lâng thú vị như vừa được nhấp chút rượu nồng:

—Anh còn có diễm phúc hơn thế nữa ấy chứ!

Vân quay ngoắt qua Trọng. Anh nghe thấy thoang thoảng hương thơm dìu dịu cùng với cái nguýt dài bằng môi bằng mắt:

—Cha chả! Ông anh tôi cũng khéo nịnh dữ! Chắc bà chị tôi ngày xưa cũng đã chết lên chết xuống vì cái miệng ngọt như mía lùi này quá.

Trọng cười oang oang làm mấy cặp tình nhân đi bên cạnh cất tiếng cười theo. Anh lắc đầu nhìn Vân. Cô bé này có cái miệng lanh chanh mau mắn dễ sợ. Hình như Vân luôn luôn rình rập những sơ hở của anh để bất ngờ tặng anh một món quà khó nuốt. Anh nhớ lại vẻ mặt thích thú của Vân mỗi khi có điện thoại của vợ anh gọi qua. Vân trao điện thoại cho anh, mím chặt đôi môi, long lanh đôi mắt, ngón tay trỏ nhịp nhịp, vẻ mặt thú vị dọa anh. Chết anh rồi! Bốn năm chồng vợ tạo cho Thùy thói quen chăm sóc anh cẩn thận như chăm sóc một đứa trẻ. Từ manh quần tấm áo, miếng ăn miếng uống đến những điều nhỏ nhặt nhất của cuộc sống thường nhật, Trọng như được bao phủ bởi những tế nhị dịu dàng của Thùy. Tình yêu Thùy dành cho anh như những đợt sóng biển vỗ về bờ cát, không cuồng nhiệt nhưng chất ngất đam mê và miên viễn an bình. Xa anh, mỗi ngày Thùy đều điện thoại cho anh để hỏi han, dặn dò anh đủ chuyện. Làm như thiếu bàn tay của nàng anh sẽ phải ngơ ngác bối rối với những chuyện vặt vãnh hàng ngày. Trọng cảm thấy êm đềm như được nằm trên phiến mây bềnh bồng lãng đãng trôi. Anh khẽ thì thầm vào tai Vân:

—Không phải chị chết lên chết xuống vì anh mà là anh chết lên chết xuống vì chị!

Đến lượt Vân phá ra cười làm vang động một góc phố:

—Tội nghiệp ông anh tôi quá! Người đâu mà lại tự nguyện làm một cuộc tự tử dài hạn thú vị đến thế!

Đầu Trọng ăm ắp hình ảnh của người vợ đang mặn nồng hương lửa. Anh thấy trong Vân có những nét của Thùy. Mấy ngày sống với Vân dưới cùng một mái nhà anh cũng nhận được những chăm sóc tỉ mỉ dịu dàng. Những người đàn bà hiền thục đều có những nét đáng yêu như nhau. Cái tôi của họ chìm lìm mất hút để chỉ biết lo toan cho những người thân. Trọng nhìn Vân bằng ánh mắt tha thiết biết ơn. Vân bắt được

ánh mắt của Trọng. Nàng nói lơ:

—Nhắc tới chị là anh ngơ ngẩn như người mất hồn. Chắc anh chị hạnh phúc lắm! Trọng nhìn về phía Khải Hoàn Môn. Ánh sánh cắt gọn một góc trời đen thẫm. Anh nói như khẽ thở:

—Hạnh phúc! Anh nghĩ là anh có.

Bước chân Vân khẽ chao đi. Nàng vội níu tay áo Trọng. Một lúc sau tiếng Vân mới lững hờ thoát ra khỏi miệng:

—Anh xứng đáng với hạnh phúc anh có.

Hai người lặng lẽ bước bên nhau. Họ như hai hình nhân cô độc giữa đám đông ồn ào náo nhiệt đi lên đi xuống như đèn kéo quân. Ngang qua một xe bán hạt dẻ rong, Trọng kéo Vân dừng lại. Ánh than hồng phả lên mặt Vân một màu đỏ yếu ớt. Người bán hàng Ả Rập nhỏ thó với hàng ria mép đen cứng ngắc luôn tay đảo mớ hạt dẻ trong chiếc chảo lớn nghe rào rào như một trận mưa nhỏ. Trọng giơ một ngón tay. Anh Ả Rập mau lẹ xúc hạt dẻ nóng hổi vào chiếc túi giấy cuộn tròn thành hình chiếc phễu. Trọng đưa túi hạt dẻ cho Vân, móc túi lấy mười quan ra trả.

Vân thành thạo lột vỏ hạt dẻ đưa cho Trọng. Vị ngọt bùi nóng hổi thấm vào lưỡi anh. Trọng cảm thấy ấm áp trong lòng. Vân trong gang tấc nhưng cũng chừng như vạn dặm. Tiếng Vân mỏng manh sương khói:

—Em lạnh!

Trọng đưa Vân vào quán cà phê. Đèn vàng mờ, ghế da nâu đậm, tranh cổ trên vách, hoa hồng trên bàn. Khung cảnh toát ra vẻ ấm cúng. Hai người chọn chiếc ghế đôi dính sát vào tường. Cà phê cho Trọng, kem cho Vân. Anh bồi mũ trắng trên đầu, khăn trắng vắt ngang cánh tay, nụ cười trên miệng, khéo léo bày biện đủ thứ trên bàn trông vừa gọn gàng vừa đẹp mắt. Xong anh vòng một tay ra sau lưng, khoát tay còn lại, người hơi cúi gập xuống điệu nghệ:

—Mời ông bà dùng. Chúc ông bà một buổi tối ấm cúng.

—Cám ơn anh.

Chờ cho anh bồi đi, Trọng ghé tai Vân:

—Bà ăn kem đi cho ấm cúng!

Vân bưng miệng cười ngả nghiêng:

—Anh thiệt! Ngạo em hả? Mà không biết tại sao em thích kem thế không biết. Người lạnh mà vẫn cứ kêu kem.

Trọng tỉnh bơ nói:

—Cái đó người ta kêu là "hội chứng con nít".

Vân đập tay vào vai Trọng:

—Ghét anh! Ngạo em hoài.

Vân làm bộ giận dữ, cúi gằm đầu xuống,lấy muỗng xúc kem ăn. Trọng nhìn Vân gảy từng chút kem đưa lên miệng. Đôi môi chu ra chậm

rãi đón vẩy kem dâu hồng tươi trên đầu muỗng. Anh ngồi chết lặng trước cặp môi sinh động. Anh khuấy ly cà phê cho tan đường đưa lên môi nhấp thử. Chất nước thơm đắng làm tê dại môi anh. Giọng anh trầm trầm:

—Hôm nay anh làm như điên cho xong công việc ở chỗ tu nghiệp. Mệt muốn chết! Nhưng bù lại ngày mai anh có nguyên một ngày rảnh rỗi. Ngày chót ở Paris. Thế nào anh cũng phải tới Louvre để tận mắt xem nàng Mona Lisa cười. Anh mê nụ cười đó từ lâu lắm rồi. Tính anh đam mê cái đẹp. Mê đậm. Nhiều lúc anh tự hỏi đó có phải là một tính xấu không?

Vân ngước mắt nhìn Trọng:

—Sao anh lại nghĩ vậy? Người biết thưởng thức, đam mê cái đẹp là người nhận được nhiều ân sủng của cuộc sống. Có gì là không hay. Nhưng cái đam mê của anh chắc sẽ được thử thách kỹ vào ngày mai. Anh biết là mùa này du khách đổ tới Paris đông như kiến. Muốn vào được Louvre chắc cũng phải mất tới ba bốn tiếng đồng hồ làm rồng rắn ngoài sân. Anh chỉ có một ngày rảnh rỗi đi ngoạn cảnh, liệu anh có dám hy sinh cho cô nàng Mona Lisa cả một ngày quý báu của anh không? Tiếc quá! Mai nhóm của em phải trình dự án trên trường chứ không em cúp cua đi với anh cái một. Dù sao có cái xe vẫn hơn. Hay là mai em đưa xe cho anh lái nghe!

Vân ngoẹo đầu nheo mắt nhìn Trọng chọc phá:

—Anh có dám không?

Trọng chắp hai tay nói vội:

—Thôi! Anh lạy cả nón. Lái xe ở Paris là không có anh rồi. Mai anh bắt métro cho chắc ăn.

Vân cười sảng khoái. Chất tếu trong người nàng như sống lại:

—Để phải chỉ đường cho anh đàng hoàng chứ ngày chót mà đi lạc không về được với chị tôi thì chết. Máy bay nó không biết chờ đâu. Anh sẽ như cái mền rách, mặt mũi sưng lên một đống. Xí trai phải biết! Lúc đó ai mà thèm nhìn tới anh!

Miệng Vân ba hoa nói rõn nhưng hình như nàng không cất được tiếng cười. Mới vài ngày trước nàng đón Trọng như đón một người lạ vậy mà mai đã là ngày cuối cùng của một người thân. Vân thấy ghét những gì gọi là cuối cùng. Nó như một dấu chấm hết nghiệt ngã. Vân khẽ thở dài. Nàng cố xua đi những đám mây đen đang vần vũ trong đầu. Đôi tay Vân hấp tấp mở ví lấy cây viết, vơ tờ giấy lau tay trên bàn, giọng ân cần:

—Để em ghi đường tới Louvre cho anh nghe. Từ nhà mình anh lấy hướng La Courneuve, xuống ga Palais Royal đi bộ một quãng là tới.

Nhưng thôi, để anh đi bộ thì phiêu lưu quá. Anh chịu khó đổi qua đường số 1 lấy hướng Chateau de Vincennes đi đúng một trạm là tới ga Louvre. Anh còn thích đi đâu nữa không?

—Chắc anh phải đi coi Eiffel ban ngày. Hồi nãy Vân lái xe qua tháp Eiffel lên đèn anh thấy bực mình quá. Trông giả tạo thế nào ấy. Anh phải tới ban ngày để coi cái tháp trần trụi không đèn đóm mới được.

—Vậy thì từ Louvre anh lấy hướng Pont de Neuilly tới trạm Charles de Gaulle - Étoile thì xuống đổi qua đường số 6, lấy hướng Nation tới trạm Bir Hakeim là tới. Anh nhớ là từ Bir Hakeim phải đi bộ một quãng mới tới tháp. Đứng ở Bir Hakeim anh không nhìn thấy tháp đâu. Coi chừng lạc nghe anh. Để em chỉ mánh cho anh. Anh cứ thấy đường nào người ta kéo nhau đi như kiến là đi theo. Bảo đảm là anh sẽ tới tháp. Mà cho anh biết là muốn lên tháp cũng phải xếp hàng cả tiếng đồng hồ đấy nhé. Nhớ đừng có sốt ruột mà leo thang chân nghe. Trời lạnh thế này cặp giò của anh chắc sẽ không đưa anh lên cao được đâu. Đừng có thử mà...tiêu từng nghe anh!

Vân vừa cười vừa đưa cho Trọng mảnh giấy:

—Cầm nang đó. Anh nhớ cất kỹ nghe. Cứ thế mà theo. Nếu đi lạc thì ráng đợi tới chiều tối khi em về nhà rồi thì phone về, sẽ có xe... tìm trẻ lạc tới đón.

Vân le lưỡi lấy tay che miệng, co vai, rụt đầu rụt cổ vì câu nói làm bộ như lỡ lời. Trọng đập nhẹ vào đầu Vân:

—Cô bé này hỗn quá nhỉ! Anh phải mách anh Hoàng mới được. Con nít ăn kem đi không kem chảy hết rồi kìa.

Vân nhún vai, rùng mình:

—Em ngán quá! Tiệm này nó tưởng em là hạm kem nên dọn cho em cả một tô thế này. Anh ăn đỡ cho em đi.

Trọng nhìn tô kem dài ngoẵng như một chiếc thuyền. Chiếc bánh quế nâu đậm được cắm thẳng đứng như chiếc cột buồm. Vân rút chiếc bánh đưa cho Trọng. Một người dùng muỗng, một người dùng bánh, hai người vừa ăn vừa nhìn nhau. Trọng chấm bánh vào chỗ kem dư của Vân nhấm nháp từng chút một. Vị kem như có vị môi của Vân. Vân nhìn Trọng nói nhu reo:

—Anh mắc mưu em rồi. Anh cũng là con nít ăn kem như em rồi nhé. Con nít mà lo bắt nạt con nít! Mà giả dụ chúng mình là hai đứa con nít thật thì vui biết mấy anh nhỉ. Không ràng buộc, không câu thúc, không phiền toái.

Mắt Vân chợt nặng. Giọng Vân hơi rạn nứt. Trọng kín đáo giữ tiếng thở dài. Anh nhìn qua khung cửa kính. Từng đôi từng cặp vẫn tấp nập qua lại. Vân đuổi theo ánh mắt Trọng. Nàng chống tay dưới cằm lơ đãng

nhìn những bóng người ngả vào nhau ân cần. Trọng khẽ nói:

—Người đâu mà nhiều thế không biết.

Tiếng Vân hờ hững:

—Thấm gì với đêm giao thừa. Cả khu vực rộng mênh mông này không còn một chỗ chen chân. Những người là người. Họ nhảy nhót, hò hét, vui chơi ồn ào chờ giờ giao thừa. Đúng lúc giao thừa nơi đây có một luật lệ bất thành văn. Muốn hôn ai thì hôn. Người bị hôn không có quyền từ chối. Nhiều cô có nhan sắc bị hôn tới tấp không kịp thở.

Trọng nghe máu chạy rần rật quanh thái dương. Người anh bồi hồi khôn tả. Như một mất mát tận cùng. Cảm giác anh đã có một lần khi đứng trong cửa sổ nhìn những hạt mưa phũ phàng bầm dập đóa hồng hàm tiếu đứng lẻ loi trong góc vườn nhà anh. Bông hoa nằm rạp xuống chịu đựng. Anh đứng thù người vừa thương cảm vừa tức giận sự bất lực của mình. Dứt cơn mưa anh chạy vội ra vườn nâng đóa hoa màu hồng non lên. Những cánh hoa tả tơi như úa nước mắt. Đôi môi căng mọng thanh tân trước mặt anh cũng đã bị bầm dập như cánh hoa ngày nào chăng? Anh chăm chăm nhìn Vân mà lòng chĩu nặng ê chề tiếc nuối. Giọng anh run run:

—Có bao giờ Vân ra đây vào đêm giao thừa không?

Vân cúi mặt bối rối. Trọng căng người lên chờ đợi. Vân quét mắt nhanh qua khuôn mặt dò dẫn của Trọng và mỉm cười. Anh chàng làm như cháy nhà không bằng. Lửa bùng lên trong bụng Trọng. Người anh nóng ran. Nụ cười của Vân như khơi bùng ngọn lửa lên cao. Hai tay Trọng thừa thãi di chuyển trên bàn. Ngực anh tì vào mép bàn cứng ngắc. Người anh ngả về phía Vân. Câu trả lời chờ đợi không tới làm Trọng càng thêm nôn nóng. Anh nhìn như muốn nuốt chửng Vân. Tay Vân xoay xoay chiếc muỗng trong tô kem. Mặt Vân cúi xuống ơ thờ. Trọng bàng hoàng trước vẻ bối rối của Vân. Anh không kềm được câu hỏi buột ra khỏi miệng:

—Đã có ai hôn em chưa?

Vân ngẩng mặt quắc mắt nhìn Trọng. Mắt Vân như cục than hồng gặp gió. Bùng lên mãnh liệt rồi dịu xuống. Nàng ngoắc anh bồi. Trọng như thoát ra khỏi cơn mê. Tay anh lúng túng lật tờ giấy tính tiền trên đĩa, vút vội tiền lại trả. Vân đeo bóp lên vai đứng dậy đi ra cửa. Trọng riu ríu bước theo. Đầu óc anh ngầy ngật ngượng nghịu.

Mưa lất phất giăng giăng như một chiếc lưới mỏng. Bầu trời chùng xuống sũng nước. Mưa Paris như một cơn hờn dỗi. Nhỏ nhẹ nhưng dai dẳng. Chiếc xe của Vân lăn bánh trên xa lộ vắng vẻ. Ngày cuối năm xe cộ

rút đi đâu hết cho xa lộ mang vẻ nhàn rỗi thong dong. Hai chiếc gạt nước uể oải nhúc nhích gạt sang bên những chấm nước li ti cố bám trên kính xe. Năm cùng tháng tận là khoảng thời gian làm con người thấy lòng mình se sắt bâng khuâng. Trọng nghe thấy trong người dâng lên nỗi bồi hồi khôn tả. Anh khẽ tâm sự:

—Anh như có nợ với những ngày cuối năm. Cứ lúc người ta khắc khoải đếm bước chân đi của năm cũ là anh khăn gói di chuyển. Đời anh có không biết bao lần lên đường vào những giây phút tàn tạ này.

Vân chăm chăm ôm tay lái nhìn thẳng trước mặt nói bâng quơ:

—Buồn nhỉ!

Trọng bắt theo lời Vân:

—ừ, buồn thật. Mà cái buồn hôm nay hình như thấm hơn những lần trước.

Vân cười nhạt:

—Sao vậy?

—Không biết tại sao nhưng anh cảm thấy rõ ràng như vậy.

Vân nhấn mạnh chân ga. Chiếc xe vọt nhanh trên mặt đường trơn ướt. Trọng hốt hoảng:

—Coi chừng đường trơn nguy hiểm.

—Anh sợ chết sao? Dám chết với em không?

Trọng nhìn Vân. Nét mặt nàng thoáng vẻ tinh ranh:

—Giỡn một chút mà mặt anh sao như mất hồn vậy? Ai mà dám rủ anh chết. Phải để anh về với chị tôi chứ.

Trọng ngây người không biết phản ứng ra sao. Anh bâng quơ nhìn những giọt mưa mịn màng lặng lẽ rơi xuống. Đầu óc anh lềnh bềnh nổi trôi. Anh nghe lòng mình trống rỗng. Chiếc xe trườn đi như đang lao vào mặt biển mênh mang vô tận. Những chiếc đuôi máy bay nhấp nhô như những chiếc đuôi cá khổng lồ loáng thoáng lúc ẩn lúc hiện.

Tiếng cô tiếp viên dịu dàng mời hành khách ra máy bay. Trọng bỏ chiếc xách tay xuống đất, hai tay đặt lên vai Vân:

—Anh đi nghe!

Anh hôn từ biệt lên hai má Vân. Mùi thơm dịu ngọt thoang thoảng làm nẫu lòng anh. Đây phải chăng là lần cuối cùng anh được hít thở làn hương ngất ngây này. Trong suốt thời gian mấy ngày ở với Vân anh đã bao lần hôn má nàng. Gặp nhau buổi sáng, tiễn nhau đi học đi làm, chào nhau trước khi đi ngủ, đón nhau đi ăn đi chơi, bao nhiêu lần ngọt ngào gây thương gây nhớ. Anh buông Vân ra mà như hụt hẫng cả người.

Vân bất thần nắm chặt hai tay Trọng. Mắt Vân ướt rượt:

— Anh hỏi lại em hai câu hỏi mà em chưa trả lời anh trong tiệm cà phê đi.

mùa xuân và vòng tròn
ĐẶNG HIỀN

Không phải em của những ngày Xuân cũ
Của những chiều Xuân lạnh rét làn môi
Của những đêm hẹn hò mộng mị
Còn gì đâu, khi lưu lạc nơi này

Chiều Cali đôi mắt người bật khóc
Vầng trăng khuya Xuân lạnh trong hồn
Ta bám víu, ta đi tìm ngày cũ
Chợt hoang mang Xuân ở phương nào?

Ta đuổi bắt ước mơ cùng chân thật
Đời không vui, tiếc mãi một nụ cười
Mùa Xuân ơi em hiền như nắng mới
Chạy loanh quanh, cũng chỉ một vòng tròn

Trọng mê dại:

—Có bao giờ em ra Champs Élysées vào đêm giao thừa chưa?

Vân lắc đầu. Những lọn tóc mỏng manh quệt ngang má Trọng.

—Đã có ai hôn em chưa?

Vân nhắm mắt lắc đầu. Nàng ngẩng mặt lên, nhẹ nhàng chỉ tay vào môi. Trọng si dại ôm Vân vào lòng. Anh hôn lên đôi môi thanh tân mật ngọt. Môi anh lạc bước vào một vùng cỏ hoa mượt mà thơm mát. Anh xiết chặt vòng tay. Vân đẩy mạnh anh ra. Tiếng nàng thất thần:

—Anh đi đi!

Giọng hoảng hốt của Vân làm Trọng nghe ra như một mệnh lệnh. Anh riu ríu cúi xuống nhấc chiếc xách tay quay đi. Bước chân anh chập choạng vượt qua khung cửa gương. Người anh ngả nghiêng như một hình nhân bằng giấy. Tới chỗ quẹo anh quay người đứng thẫn thờ giơ tay vẫy. Vân lặng người đứng nhìn lại. Bóng Trọng nhạt nhòa trước mắt Vân. Nàng quay người đi như trốn chạy. Tiếng bước chân lẻ loi vang lên trong hành lang vắng lặng.□

Ghi Chép

Nguyễn Huy Thạch

• Một vài giai thoại với nhà thơ Phùng Quán

Sau khi số Văn Học 107 phát hành với nhiều bài viết tưởng niệm Phùng Quán, độc giả khắp nơi bày tỏ lòng ngưỡng mộ và thương tiếc nhà thơ bằng cách gởi thêm nhiều bài viết, tư liệu liên quan đến Phùng Quán. Khánh Linh, một người trí thức trẻ đang sống tại nước ngoài, ghi lại nhiều giai thoại ông biết với nhà thơ. Những giai thoại này nói lên phần nào nhân cách và cảnh sống của Phùng Quán. Văn Học chân thành cảm ơn Khánh Linh đã dành riêng cho độc giả Văn Học những giai thoại kỳ thú này.

1.

Một lần nhà thơ Trúc Cương tới thăm Phùng Quán. Thấy Trúc Cương mặt rầu rĩ, Phùng Quán hỏi:

— Cậu có chuyện gì mà thần sắc kém vậy!

Trúc Cương trả lời:

— Cuộc sống khó khăn, đầu óc bung lung, tứ thơ không tìm được! Chán đời lắm!

— Tôi thấy người ta đồn đại: Chùa Hà thiêng lắm! Khách thập phương tấp nập tới cúng bái, cầu nguyện. Cậu ở ngay gần đó. Sao không mua hương hoa tới xin Phật độ cho làm thơ hay?

— Được! Sắp tới rằm rồi, tôi sẽ làm theo lời khuyên của anh.

Sau rằm Trúc Cương lại tới thăm. Phùng Quán thấy Trúc Cương có vẻ buồn rầu hơn lần trước vội hỏi:

— Thế nào cậu đã đi chùa chưa?

— Đi rồi, khấn rồi!

— Thế cậu xin điều gì? Phùng Quán hỏi.

— Xin có ý thơ, làm thơ hay. Trúc Cương trả lời.

— Thế Phật nói sao? Phùng

Quán hỏi tiếp.

— Phật bảo: Thơ hay thì tao cũng còn không làm được nữa là mày.

2.

Một hôm nhà thơ Tạ Vũ tới nhà Phùng Quán uống rượu. Đêm đã khuya, Tạ Vũ say rượu không đi xe đạp về được. Phùng Quán gọi xích lô và mặc cả giá 10 ngàn để chở Tạ Vũ về nhà. Anh vét khắp các túi mới đủ tiền đưa cho xích lô và dặn anh xích lô đưa Tạ Vũ về cẩn thận, tới nơi tới chốn. Thế rồi anh yên tâm vào nhà thu dọn cốc chén. Sau khoảng 20 phút, anh nghe tiếng chuông, ra mở cửa. Anh rất ngạc nhiên vì lại thấy Tạ Vũ đứng sừng sững trước cửa. Anh hỏi:

— Sao cậu không về? Mình đã trả tiền 10 ngàn cho xích lô để chở cậu về tận nhà rồi cơ mà.

— Anh cứ yên tâm! Xích lô chở em qua lăng Bác, em lại muốn trò chuyện với anh nữa, em bắt nó cho xuống và bắt nó trả lại 8 ngàn rồi. Em quay lại nói chuyện tiếp với anh. Tám ngàn đây mai kia anh em mình lại mua rượu uống.

Nói xong Tạ Vũ ra vườn đi tiểu. Do say rượu và trời tối anh ngã xóng xoài ra vườn rau. Sau đó anh dơ tay vịn cây xu hào để đứng dậy. Trong nhà Phùng Quán đang ngâm nga hai câu thơ của mình:

"Có những phút ngã lòng
Tôi vịn câu thơ mà đứng dậy".

3.

Khi khó khăn nhất của cuộc đời, được sự thương yêu, giúp đỡ của bạn bè, Phùng Quán trở thành người câu cá trộm có tài nổi tiếng ở Hồ Tây. Một hôm, khoảng 3 giờ sáng, anh thả sức quăng lưỡi câu ra xa ngoài mặt hồ. Bỗng anh thấy cần câu bị kéo khá nặng. Anh nghĩ phen này chắc được cá to. Với kinh nghiệm sành sõi, anh lúc buông lúc giật để cho cá mệt thì mới bắt được nó. Thậm chí có lúc anh phải tiến hoặc lùi theo mép nước vì sợ bị mất mồi. Cứ thế cho tới hơn 1 tiếng đồng hồ khi trời mờ mờ sáng dần anh nhìn thấy cách anh vài chục mét có bóng người cũng thực hiện các động tác giống anh. Anh tiến lại gần họ mới vỡ lẽ hai lưỡi câu của hai người bị móc vào nhau. Vừa buồn cười vừa tức hai người câu cá trộm nhận ra nhau rồi ôm chầm lấy nhau. Vừa lúc đó, công an coi cá đi tuần, hai người quên cả tức cả mệt, cắm cổ chạy thục mạng vượt qua đê ra phía bờ sông, bỏ cả cần câu ở mép nước, tới nơi an toàn rồi lại ôm nhau cười ra nước mắt.

4.

Chị Trâm — vợ anh Phùng Quán, sắp tới ngày sinh con đầu lòng. Phùng Quán đang lo: Không biết lấy tiền đâu để mua tã lót cho con, bạn bè tới nhà bàn giúp đỡ

bằng cách rủ nhau ra Hồ Tây câu trộm cá. Năm sáu người lập thành một nhóm câu đêm. Tới 3 giờ sáng Phùng Quán tóm được con trắm hơn 2 kg. Mấy người xúm lại mừng chiến công, yên trí đủ tiền mua vài mét vải sô làm tã. Vừa lúc đó đội tuần tra bảo vệ cá tới. Mọi người mạnh ai nấy chạy. Riêng Phùng Quán, với tài đã luyện được từ những năm làm trinh sát thời kháng chiến chống Pháp, anh nhảy xuống hồ bơi về phía có nhiều bèo Tây tìm nơi ẩn nấp. Đội tuần tra soi đèn tìm hơn tiếng đồng hồ mà vẫn không tóm được đành bỏ đi. Khi yên ắng rồi anh mới ngoi lên tìm lại chiến lợi phẩm. Lần theo vết cỏ bị rạp ở mép hồ, anh tới một bụi cây. Tại đó 4, 5 con mèo đang gầm gừ xâu xé con cá. Anh lấy đất ném xua đuổi lũ mèo. Sau vài phút mới giành giật lại được con cá. Than ôi! Thân thể con cá đã bị dập nát cả rồi, mắt cá bị lũ mèo moi lòi cả ra. Xách con cá trên tay mà nước mắt anh cứ ròng ròng chảy. Về tới nhà, bạn bè đã trở về đầy đủ, anh mừng quá nói: Cá bị tàn phế thế này, mang chợ bán chẳng ai mua. Thôi ta rửa sạch luộc lên uống rượu mừng các chiến hữu thoát nạn. Chuyện tã lót của cháu ta phải tính cách khác.

5.

Hai nhà thơ Phùng Quán và Trần Dần mạn đàm với nhau về thơ. Phùng Quán nói:

— Theo tôi, thơ của nhân loại đã đạt tới đỉnh cao tư duy của con người. Mọi cảnh đẹp của thiên nhiên, con người, vũ trụ v.v... đều được các nhà thơ từ cổ chí kim miêu tả, xưng tụng hết cả. Bây giờ, ai có làm được 1 câu thơ hay để góp vào kho tàng thơ của nhân loại thì cũng là một kỳ công, vắt trí tuệ tìm được ý thơ mới thực là quá khó.

Trần Dần trả lời:

— Sao ông tham thế! Theo tôi, bây giờ muốn thêm một dấu phẩy vào kho tàng thơ nhân loại cũng là quá khó rồi, chứ đừng nói tới một câu!

6.

Năm cuối đời của nhà thơ Phùng Quán, bạn hữu gần xa trong và ngoài nước tới thăm, biếu nhiều rượu quí. Anh không bao giờ uống một mình, có khách tới chơi anh mới mở ra đãi. Còn vài ba chai rượu quí anh vẫn để dành Tết đến. Gần 2 tháng trời trước lúc ra đi, anh không uống rượu nữa. Tuy vậy, có khách đến, anh rót rượu mời. Nếu là rượu màu, anh rót cho mình cốc nước chè hay nước vối, nếu là rượu trắng anh rót cho mình cốc nước đun sôi để nguội và cũng cụng ly với khách như thường lệ. Mấy chai rượu quí anh rót mời khách và nói vui: Tôi không uống rượu nữa, nhưng mời ông uống cho tôi xem.

• Buổi hội luận của tám văn hào đoạt giải Nobel

Trong khuôn khổ các chương trình văn hoá đi kèm theo các sinh hoạt thể thao Thế vận mùa hè 1996 tổ chức tại Atlanta, Georgia, một buổi hội luận giữa tám nhà văn nhà thơ đoạt giải Nobel do tạp chí *The Georgia Review* phối hợp cùng Ủy ban tổ chức Thế Vận 1996, diễn ra trong hai ngày tại Trung Tâm Carter, thành phố Atlanta, Georgia.

Đây là dịp quy tụ đầy đủ nhất những nhà văn nhà thơ được giải trong suốt 94 năm của giải Nobel. Có hơn 1000 người đến tham dự hai ngày hội luận, đề tài tự do. Điều hợp viên Ted Koppel phát biểu việc tổ chức buổi hội luận quá chi li, đến đâu làm đó, nên đã không có một chủ đề nhất quán. Nếu cố tìm cho được một chủ đề, thì chủ đề đó lại xoay quanh "những bất trắc, những ngỗ ngàng" mà các nhà văn nhà thơ tham dự đã từng đề cao trong tác phẩm của họ, cùng với quyền lực của "huyền thoại" trong đời sống và trong văn học nghệ thuật.

"Khi tìm cách diễn đạt mạch lạc, người ta nhắm đến sự chính xác trong lời nói, nhưng khi nói năng một cách chính xác như thế, người ta lại thấy chẳng có gì chắc chắn," nhà thơ gốc Nga Joseph Brodsky, giải Nobel 1987, thi sĩ công huân Mỹ 1991, phát biểu như thế. Trong khi đó, Wole Soyinka, nhà văn Nigeria bị lưu đày, giải Nobel 1986, tuyên bố "Văn chương chuộng sự tuyệt đối và vì thế đã đưa tâm trí con người vào chỗ có thể lầm lẫn." Nhưng nhà văn Nhật Kenzaburo Oe, giải Nobel 1994 đã tóm tắt một cách khéo léo hơn hết: "Nhiệm vụ thứ hai của văn chương là sáng tạo nên một huyền thoại; trong khi nhiệm vụ đầu tiên của văn chương là đánh đổ huyền thoại đó."

Buổi hội luận còn có sự hiện diện của Toni Morrison, giải Nobel 1993; nhà thơ Czeslaw Milosz, 85 tuổi, người Ba lan nhưng đã sống ở Mỹ trên 35 năm nay, giải Nobel 1980; tiểu thuyết gia người Pháp Claude Simon, 81 tuổi, giải Nobel 1985; nhà thơ-nhà phê bình-nhà ngoại giao Mễ tây cơ Octavio Paz, 81 tuổi, giải Nobel 1990 và nhà thơ Derek Walcott, 65 tuổi, người Trinidad, giải Nobel 1992.

Buổi gặp gỡ giữa những nhà văn nhà thơ này không hẳn là hoàn toàn chỉ để thảo luận. Tối thứ Bảy, 22/4, tất cả cùng dự xem buổi đấu võ giữa George Foreman và Alex Schulz trên truyền hình. Hôm thứ hai kế tiếp, tất cả đều đã ngồi nán lại sau buổi ăn trưa trong một cuộc "nổi dậy "giả vờ để tranh đấu cho nhà thơ Joseph Brodsky, một tay ghiền thuốc lá nặng, được phép hút thuốc trong phòng ăn ở Trung Tâm Carter.

Việc quy tụ một số đông đảo các nhà văn nhà thơ được giải thuộc nhiều quốc tịch khác nhau,

nhiều hoàn cảnh khác nhau như thế không phải là chuyện dễ. Stanley W. Lindberg, tổng biên tập *The Georgia Review*, người có trách nhiệm đạt thư mời, cho biết việc khó khăn nhất là "đạt được sự chú ý của họ." Derek ít khi trả lời thư từ, Toni Morrison thì lại có quá nhiều thư mời. Chúng tôi hứa với Derek là ông có thể sẽ là người mang đuốc lửa thiêng khai mạc Thế Vận hội mới kéo ông đến được, trong khi Rita Dove [đương kim thi sĩ công huân (poet laureate) của Mỹ] giúp chúng tôi lôi kéo được Morrison." Nguyên thủy, ông nói, chúng tôi muốn quy tụ hết tất cả 16 nhà văn nhà thơ đoạt giải Nobel văn chương hiện còn tại thế, từ vị cao niên nhất là Halldoor Laxness, 94 tuổi, hiện đang sống trong viện dưỡng lão ở Reykjavik, Iceland, đến vị trẻ nhất là nhà thơ Joseph Brodsky, 54 tuổi. Nhưng đó lại là một việc không thể làm nổi.

Trong hai ngày thảo luận, các nhà văn nhà thơ đã bàn thảo nhiều đề tài, từ vai trò của nhà văn trong xã hội đến ảnh hưởng của giải thưởng Nobel trên đời sống của họ. Họ bàn thảo về bài học thế giới cần phải rút tỉa qua vụ nổ bom ở Oklahoma City, những vụ thảm sát ở Rwanda và chiến tranh ở Bosnia. Họ bàn luận vấn đề đa văn hoá, về những gì đúng sai về mặt chính trị, những lực đối kháng giữa cái chung và cái riêng, vốn là cốt lõi của nhiều sự xung đột.

Octavio Paz cho rằng việc được giải chỉ là một thứ tai nạn. Đa văn hoá, đúng sai về chính trị cũng chỉ là những từ chung chung, không rõ ràng mà nhiều người muốn gạt bỏ ra khỏi ngôn ngữ, bất cứ một ngôn ngữ nào. Ted Koppel cho rằng vụ nổ bom ở Oklahoma City phát xuất một phần từ một xã hội đã mất dần tính mạch lạc trong cách phát biểu, không còn khả năng diễn đạt bằng ngôn từ. Báo chí và truyền hình tường thật vụ nổ bom lại như "thêm dầu vào lửa." Oe gọi đó là một thứ "truyền thông nửa vời," giả tạo.

Nhưng có lẽ tiểu thuyết gia người Pháp Claude Simon lại là người bi quan hơn cả. Ông bác bỏ mọi phân tích, mọi lý giải về những biến cố đương thời. Trả lời một câu hỏi "văn chương đóng vai trò nào bên cạnh kinh tế, khoa học kỹ thuật, trong việc cải thiện xã hội," ông trả lời ậm ờ qua lời thông dịch của nhà thơ Richard Howard, rằng "văn chương hoàn toàn vô dụng, chẳng khác gì Mozart."

• Tim O'Brien đoạt giải James Fennimore Cooper 1993-1994

Là một nhà văn từng tham dự vào chiến tranh Việt Nam, Tim O'Brien lấy kinh nghiệm chiến trường của mình làm chất liệu sáng tác cho nhiều tác phẩm, trong đó đáng kể là *Going After Cacciato*, giải National Book Award năm 1979; tuyển tập truyện ngắn *The Things They Carried*; và mới đây, truyện

đài *Lake of the Woods* viết về ảnh hưởng của chiến tranh Việt Nam trên nhân vật có nhiều tham vọng chính trị, đoạt giải James Fennimore Cooper, trao hai năm một lần cho tiểu thuyết xuất sắc nhất viết về Lịch sử Hoa kỳ.

• Nhà thơ A. R. Ammons được giải Lily 95

Joseph Parisi, chủ biên tạp chí *Poetry* và cũng là chủ tịch ủy ban chấm giải Thi Ca Lily công bố quyết định trao giải thưởng trị giá 75,000 Mỹ kim cho A. R. Ammons, giáo sư tại Đại học Cornell. Thi tập *Garbage* của ông đoạt giải National Book Award năm 1993, và *A Coast of Trees* đoạt giải National Book Critics Award năm 1981. Ngoài ra, ông còn xuất bản các thi phẩm *Lake Effect Country*, *Sumerian Vistas* và *The Really Short Poems*. Nhà thơ sẽ nhận giải thưởng tại Chicago vào ngày 2 tháng 6 tới đây.

• Tân thi sĩ công huân

Nhà thơ Robert Hass vừa được tuyển chọn làm thi sĩ công huân (poet laureate) của Hoa Kỳ, theo sự tuyên bố của Quản thủ thư viện Quốc Hội James H. Billington. Robert Hass, tác giả các tuyển tập thi ca *Field Guide*, *Praise* và *Huma Wishes*, sẽ thay thế nhà thơ Rita Dove mãn hạn nhiệm kỳ (một năm) lần thứ hai của ông vào cuối tháng 5.

"Thật là một vinh dự lớn lao," Robert Hass trả lời trong một cuộc điện đàm với William Grimes, ký giả báo *The New York Times*, từ Đại học Iowa nơi ông đang giảng dạy trong chương trình Writers Workshop khoá mùa xuân. "Một mặt tôi cảm thấy mãn nguyện, mặt khác tôi lo sợ phải phân trí. Tôi nghĩ chính Joseph Brosdky đã nói: đây là một việc làm lương thấp, bổn phận mù mờ, nhưng lại không cưỡng được." Brodsky đã là thi sĩ cung đình năm 1991.

Tước vị Thi sĩ công huân được thiết lập từ năm 1937, nguyên thủy để cố vấn Quản thủ thư viện Quốc Hội trong việc sưu tập các tác phẩm thi ca cho thư viện, nhưng dần dần có mục tiêu nhằm nâng cao mối quan tâm đến thi ca, trên bình diện quốc gia, cũng như tầm quan trọng của thi ca đối với chữ viết. Nhiệm kỳ là một năm với số lương 35,000 Mỹ kim. Nhiệm vụ không được xác định rõ rệt, nhưng thi sĩ được chọn phải đọc một sáng tác của mình lúc nhậm chức, đọc một bài diễn văn lúc mãn nhiệm, và tổ chức các chương trình văn học cho thư viện. Thi sĩ Hass sẽ khởi đầu các chương trình văn học của ông vào ngày 12 tháng 10 tới đây.

Robert Hass năm nay 54 tuổi, sinh tại San Francisco, tốt nghiệp cử nhân ở Đại học St. Mary's College ở Moraga, California, sau đó đỗ Cao học và Tiến sĩ tại Đại Học Standford. Từ 1967 đến 1971, ông

dạy Đại học Tiểu bang Nữu Ước (SUNY) ở Buffalo, từ 1971 đến 1989 tại Đại học St. Mary's College, và từ 1989 cho đến nay tại Đại học Berkeley.

Tác phẩm đã xuất bản gồm có *Field Guide*, gồm nhiều bài thơ viết về phong cảnh California. Tập này được xuất bản một năm sau khi ông nhận giải thưởng của Đại Học Yale dành cho Thi sĩ Trẻ. Hai tuyển tập thơ khác là *Praise* và *Human Wishes* được nhiều người ca ngợi. Tập tiểu luận *Twentieth Century Pleasure: Prose on Poetry* xuất bản 1985 được giải thưởng National Book Critics Award về phê bình văn học. Trong mười năm nay ông dành nhiều thì giờ phiên dịch thơ của Czeslaw Milosz, làm việc rất thân cận với tác giả. Mới đây ông cũng đã xuất bản thêm một tác phẩm có nhan *The Essential Haiku: Version of Basho, Buson and Issa.*

• Chuyến tàu hồi hương của Solzhenitsyn: Một năm sau

Hạ tuần tháng tư đài truyền hình PBS trình chiếu một cuốn phim tài liệu dài một tiếng đồng hồ về chuyến hồi hương của Solzhenytsin tháng 5 năm ngoái. Đây là một công trình tổng hợp của đài truyền hình Anh BBC, đài CBC và chương trình Frontline của PBS.

Chuyến hồi hương chấm dứt 20 năm lưu vong tại Mỹ đưa nhà văn chống đối chế độ Sôviết và cộng sản trở về đất mẹ bằng một chuyến bay từ Alaska đến Magadan, sau đó là một chuyến du hành bằng xe lửa kéo dài ba tháng xuyên qua vùng "quần đảo ngục tù," nhà tù khổng lồ của Stalin mà ông đã phơi bày ra trong tác phẩm của mình xuất bản 22 năm về trước.

Trong những năm sống tại Vermont, Solzhenytsin đã tránh né được ống kính truyền hình nhờ vợ là Natalya cương quyết bao che. Trên chuyến tàu "quy cố hương," bà không nén được bực bội trước ống kính của ký giả bao quanh, đến nỗi phải buột miệng gọi nghề làm báo là "thứ nghề lâu đời thứ nhì" trên thế giới. Một người trong gia đình đã cho phép một ký giả của đài BBC đi theo trong chuyến hồi hương nên mới thực hiện được cuốn phim này.

Qua hành trình dài ba tháng từ Magadan về đến Moscow bằng xe lửa, Solzhenytsin và gia đình giới hạn mọi tiếp xúc. Qua ống kính cuả đài BBC, khán giả nhận ra được nỗi ưu tư của một người xa xứ, bàng hoàng, bỡ ngỡ khi trở lại quê hương sau nhiều năm xa cách. Con tàu đưa ông băng ngang Siberia, vùng đất mà trước đây ông chỉ nhìn thấy được một lần từ đàng sau những chấn song sắt của xe chở tù, nhét 36 người trong một khoang xe chỉ đủ rộng cho 8. Dọc lộ trình, ông ngừng lại và tham dự các buổi họp của thị dân, nghe những lời than oán của dân chúng đối với những cán bộ đảng vẫn còn quyền bính, những kẻ mánh mung lường gạt, làm giàu trên sự nghèo đói của

dân nghèo. Một thị dân tỏ vẻ giận dữ, dường như trách cứ ông góp phần tạo nên cảnh khổ cực, nghèo đói ở Nga ngày nay, và khuyên ông hãy trở lại "với nước Mỹ đầy ân sủng của ông đi." Solzhenysin đáp lời là ông không dính dáng gì đến những người chủ trương cải cách theo Gorbachev: "Lương tâm tôi hoàn toàn thanh thản!" Nói thế song ông vẫn không bày tỏ một lập trường chính trị nào rõ rệt.

Cảnh gây được nhiều chú ý nhất là khi ông được một viên chức, có thể trước đây là nhân viên KGB, tiếp đón, trong lúc một người tên là Vladimir Shatkov la lớn là ông ta đã bị giam vào nhà tù dành cho người điên hơn ba năm và hãnh diện là người "không ai cải tạo nổi." Solzhenytsin ngăn chận một viên chức không cho bắt Shatkov, nhưng vẫn ký tặng sách cho viên chức kia.

Khán giả cố tìm con người thật ở đằng sau bộ râu thế kỷ 19 và chiếc trán rộng vẫn còn tìm thấy được ở nơi ông một thái độ chống cộng kịch liệt. Trong một buổi họp, ông lên tiếng là chính cộng sản đã "hủy diệt, chà đạp mọi ý tưởng độc lập," và tệ hại hơn nữa, là đã bứt rễ "người dân ra khỏi truyền thống của nước Nga." Ông không bày tỏ lòng ưu ái đối với các cấp lãnh đạo hiện thời, cũng như cho rằng văn minh tây phương là một thứ "phân lỏng" đã len lỏi vào Nga từ ngay phía dưới bức màn sắt.

Ông lại không có một dự kiến nào về việc sửa đổi những sai trái ở nước Nga hiện nay. Ông kêu gọi dân chúng khi họ đến chào đón ông nên giữ gìn "nhân cách, tinh thần, lý trí, " mà vẫn không đưa ra được một đường hướng rõ rệt cho việc cứu vãn tình thế. Dường như ông vẫn còn bối rối tháo gỡ những khúc mắc cảm xúc nhân chuyến hồi hương, trong khung cảnh tiêu điều, nghèo nàn của các vùng đất trước đây là lãnh thổ của Liên Bang Sô Viết.

• Thế giới nhà văn

Đài Tiếng nói Hoa Kỳ (VOA) loan báo một chương trình mới phát thanh hàng tháng: phỏng vấn các nhà văn do Rose Styron, một nhà thơ, nhà báo, vợ của nhà văn William Styron, thực hiện

Chương trình này sẽ được phát đi trên các làn sóng ngắn, và được tiếp vận qua các làn sóng trung bình của các đài phụ ở ngoại quốc.

Chương trình sẽ bao gồm các buổi phỏng vấn nhiều nhà thơ, trong đó có Galway Kinnel và Derek Walcott, nhiều nhà văn như Gabriel Garcia Marquez.

Cuối năm nay, Đài VOA còn dự định thực hiện thêm một chương trình khác có tên "Nhà Văn Hoa Kỳ," do Georger Plimpton thực hiện, sẽ phỏng vấn Norman Mailer và E. L. Doctorow.

• Nhà xuất bản nhỏ, tác giả lớn

Kenzaburo Oe, nhà văn Nhật giải Nobel 1994, trong các chuyến thăm viếng các hiệu sách gần đây tại New York và Boston để ký tên lên tác phẩm mới tái bản bằng Anh ngữ *Nip the Buds, Shoot the Kids* (Ngắt chồi, bắn trẻ), người đi kèm theo ông không phải là đại diện những nhà xuất bản lớn của Anh hay của Mỹ. Trái lại, đó là một người đàn bà cao niên, nhỏ người, đôi chân mày đen rậm, tóc nâu cắt ngắn, giọng nói nhiều âm hưởng giọng Anh, tên là Marion Boyars. Nhà xuất bản Marion Boyars mỗi năm chỉ in chừng 25 đề sách, nhưng lại có đến 4 tác giả đoạt giải Nobel. Trong trường hợp của Oe, trong thập niên 60 và 70, có nhiều nhà xuất bản trong đó có Grove Press, M. E. Sharpe và Kodansha xuất bản sách của ông dịch ra tiếng Anh, nhưng số sách bán được rất khiêm nhượng. Cuốn *Teach Us to Outgrow Our Madness* chỉ bán được hơn 300 cuốn.

Vì thế không có gì ngạc nhiên khi chỉ có Marion Boyars Publishers chịu xuất bản hồi đầu năm 1994 hai cuốn *Nip the Buds, Shoot the Kids*, viết về đời sống các trẻ em trai trong các trại cải tạo sau khi thế chiến chấm dứt, và *Hiroshima Notes*, chứa đựng quan điểm của Oe về hậu quả của bom nguyên tử thả xuống Hiroshima.

Mười tháng sau, Oe đoạt giải Nobel văn chương. Nhà xuất bản Grove Press lại cuống cuồng điều đình mua bản quyền để ấn hành hai cuốn sách nói trên theo loại sách bìa mỏng (paper back) cùng với năm cuốn khác chưa hề được dịch ra Anh ngữ. Marion Boyars nói "lúc đó chẳng ai nghĩ đến chuyện xuất bản sách của Oe. Sách bán không được. Mọi chuyện chỉ là cơ may. Hoàn toàn cơ may. Không ai nghĩ đến chuyện ông được giải Nobel. Chúng tôi mua bản quyền chỉ vì chúng tôi thích. Phần lớn tôi xuất bản sách chỉ do lòng yêu thích sách mà thôi."

Khi nhắc đến tên bà, ít ai trong ngành xuất bản nhận ra. Nhưng khác với những nhà xuất bản khác thường hay từ chối các sách dịch, Boyars lại cho rằng sách dịch đối với bà là những "viên ngọc quý." Sách bà xuất bản thường là những cuốn chỉ có các nhà xuất bản đại học hay các nhà xuất bản nặng về văn chương như Farrar, Strauss & Giroux hay Alfred Knoft mới quan tâm thôi.

Sinh quán tại Nữu Ước, Boyars theo chồng qua Anh, theo học đại học Keele ở Staffordshire, tốt nghiệp cử nhân về chính trị, triết học và kinh tế. Năm 1960, lúc bà 31 tuổi, mới ly dị lại phải nuôi hai con nhỏ, bà đã mạnh dạn mua một nửa chủ quyền của nhà xuất bản John Calder Publishers, trở thành người phụ nữ đầu tiên ở Anh quốc trở thành nhà xuất bản mà không do thừa kế hay hôn nhân.

Nhà xuất bản đổi tên Boyars & Calder, dần dà trở thành một nhà xuất bản khá táo bạo chuyên xuất bản tiểu thuyết. Họ đã in sách của Heinrich Böll, Eugenio Montale, William S. Burroughs và Samuel Beckett, cũng như tác phẩm của nhiều tiểu thuyết gia hiện đại của Pháp. Roger Strauss, một nhà xuất bản lớn của Mỹ, bảo là trong lúc không ai dám làm thì họ đã xuất bản các đề sách của tác giả thuộc trường phái cách tân (avant-garde). Năm 1966, nhà xuất bản bị thua kiện về tội vi phạm thuần phong mỹ tục vì đã xuất bản tác phẩm *Last Exit to Brooklyn* của Hubert Selby, Jr. nhưng đã thắng kiện, để lại một án lệ quan trọng liên quan đến ngành xuất bản. Ngoài ra, họ còn xuất bản các tác phẩm cuả Henry Miller ở Anh như *Tropic of Cancer, Tropic of Capricorn*, và *Black Spring*, nhưng rất may là không bị đưa ra tòa.

Năm 1975, bà rút ra khỏi nhà xuất bản Calder & Boyars và lập nhà xuất bản riêng cho mình, lấy tên Marion Boyars Publishers. Cuốn sách mang lại nhiều lợi nhuận cho bà là cuốn *Once Flew Over the Cuckoo Nest* của Ken Keysey.

Kể từ đó, Marion Boyars cùng năm nhân viên phải vất vả lắm mới giữ được nhà xuất bản khỏi lâm vào tình trạng khủng hoảng tài chánh

• Bạo tàn của chiến tranh dưới mắt hai nhà văn Việt Nam

Thêm hai cuốn tiểu thuyết của Việt Nam được dịch sang Anh ngữ và xuất bản tại Hoa Kỳ hồi tháng 3 năm nay.

Cả hai cuốn được chọn xuất bản có nhiều điểm tương đồng: tác giả đều là những cựu chiến binh trong hàng ngũ quân đội Bắc Việt, nhiều lần vào sinh ra tử nơi rừng sâu núi thẳm, tham dự những trận đánh thừa sống bán chết với quân đội Việt Nam Cộng hòa và Hoa Kỳ, và sau khi thôi lính, cả hai đều là nhà văn được đào tạo từ trường viết văn Nguyễn Du; hai tiểu thuyết cùng khai thác khía cạnh tàn bạo của chiến tranh Việt Nam, nỗi ngán ngao, thất vọng, bẽ bàng của những người đem mạng sống của mình đối đầu với cái chết từng giờ từng khắc, mặc cảm bị bỏ rơi sau khi quân đội phe họ đã "chiến thắng" trong một trận chiến tranh tàn khốc. Cả hai cuốn sách gây nhiều phản ứng từ nhiều phía khác nhau: phản ứng của nhà nước (trường hợp của Dương thu Hương với tác phẩm *Tiểu thuyết vô đề*); từ những người lính đã tham chiến ở cả hai miền Nam Bắc (trường hợp của Bảo Ninh với *Nỗi buồn chiến tranh*), và phản ứng của độc giả sống ngoài nước.

Tác phẩm của Dương thu Hương, tựa *Novel Without a Name* (Tiểu thuyết vô đề) do Phan Huy

Đường và Nina McPherson dịch ra Anh ngữ, nhà Morrow xuất bản, dày 292 trang, đề giá 23 Mỹ kim. Trong lời giới thiệu ghi ở mặt trong tấm bìa bọc, nhà xuất bản so sánh tác phẩm của Dương Thu Hương với tác phẩm nổi tiếng của Remarque, *Mặt Trận Miền Tây Vẫn Yên Tĩnh*, nhưng qua các bài phê bình đăng trên các nhật báo lớn như *The New York Times*, độc giả Mỹ được giới thiệu đây là "bức chân dung" của một đạo quân vô hình, ma quái, mà lính Mỹ phải đương đầu trong nhiều năm tại Việt Nam.

Bản dịch *Novel Without a Name* lược bỏ nhiều đoạn, nhiều câu, tương tự như bản dịch *Paradise of the Blind (Những thiên đường mù)* của cùng dịch giả xuất bản năm ngoái. Toàn bộ cuốn sách được xếp đặt lại, phân đoạn rõ ràng hơn nguyên bản tiếng Việt (so với bản *Tiểu thuyết vô đề* do nhà Văn nghệ, California, xuất bản).

The Sorrow of War (Nỗi buồn chiến tranh) của Bảo Ninh được xuất bản lần đầu tiên ở Anh, do Phan Thanh Hao dịch, Frank Palmos nhuận sắc. Ấn bản Anh ngữ ở Hoa kỳ do Pantheon Books xuất bản, dày 233 trang, đề giá 21 Mỹ kim. Bản dịch lưu loát, giữ được khá nhiều văn phong và bút pháp của tác giả.

Dưới con mắt của nhiều nhà điểm sách Hoa Kỳ, *The Sorrow of War* lại được xếp ngang hàng với *Mặt Trận Miền Tây Vẫn Yên Tĩnh* của Remarque, và được giải thưởng Tiểu thuyết ngoại quốc của báo *The Independent* năm 1994.

Nếu độc giả Mỹ nhìn thấy được hình dạng người lính Bắc Việt trong chiến tranh qua tác phẩm của Dương Thu Hương, thì với *The Sorrow of War*, tâm trạng của những người cựu chiến binh sau chiến tranh là đối ảnh của hàng trăm ngàn người lính Mỹ kể từ khi họ rút ra khỏi Việt Nam hai mươi năm về trước. Cũng những cuộc sống đầy bất mãn, những hoang phí của cả một thời thanh xuân để rồi một khi chiến tranh chấm dứt, họ lại là những người hầu như bị gạt ra ngoài xã hội, tật nguyền,nghèo đói, thất nghiệp. Huân chương tưởng lục họ không thiếu, nhưng những thứ đó chẳng thể nào giúp họ sống cho ra người. Trong một bài báo đăng trên *The New York Times* ngày May 15, 1995, Tim Larimer nói rõ hơn về tình cảnh của Bảo Ninh, những người cùng trang lứa hay nhiều tuổi hơn anh, nói chung những người cựu chiến binh Việt Nam như sau:

"Anh ta [Bảo Ninh] là một trong những người lính Bắc Việt đã chiếm được Saigon cho lực lượng Cộng sản 20 năm về trước.

Giờ đây, trong một cuốn tiểu thuyết, Bảo Ninh cho thấy một cái nhìn hiếm hoi về những người lính dịch vô hình vô dạng này.

"Nỗi buồn chiến tranh," do nhà Pantheon xuất bản bằng tiếng Anh vào đầu năm nay ở Hoa Kỳ, cho người

đọc thấy được cái thô bạo, sự sa đọa tinh thần trong cuộc chiến tranh du kích trong rừng sâu, cùng với những chua chát khi trở lại đời sống xã hội của một trong những người chiến binh đó. Cuốn sách này còn lấp đầy khoảng trống trong lịch sử cuộc chiến tranh vốn được ghi lại cẩn thận khi cho chúng ta thấy những người cựu chiến binh Việt Nam đã đau khổ không khác gì những người lính Mỹ họ đã đương cự.

Cuốn sách này gây sôi nổi khá nhiều ở Việt Nam khi được xuất bản năm 1991, chẳng khác gì cuốn sách của McNamara đã gây sôi nổi ở Hoa Kỳ mới đây. Cuốn sách buộc người Việt trực diện với một khía cạnh của chiến tranh mà họ ít khi muốn bàn luận, và mặc dầu cuốn sách đã được giải thưởng văn học, cựu chiến binh Việt Nam vẫn chỉ trích nặng nề. Và tác giả đã không xuất bản được thêm cuốn nào nữa kể từ ngày đó.

"Sau chiến tranh, không có được mấy tiểu thuyết hay truyện ngắn hay viết về chiến tranh," Nguyễn Ngọc Hùng nói. Ông ta tình nguyện vào lính chỉ 18 ngày sau khi Hồ chí Minh chết vào năm 1969, và hiện là giám đốc trung tâm ngoại ngữ của Hà Nội. "Các nhà văn ra chiến trường và sống bên cạnh du kích. Tôi cho là do lệnh trên: chỉ viết về những hành động can trường và giới hạn tối đa hậu quả tàn bạo của chiến tranh. Hay chỉ viết về kẻ địch hung bạo."

"Phải đợi cho đến khi tác phẩm của Bảo Ninh ra đời người ta mới biết đến những tàn bạo của chiến tranh," Hùng phát biểu trong lúc đang hướng dẫn một một nhóm cựu chiến binh Mỹ xây dựng một công viên ở phía Bắc Hà Nội. "Tác giả cho thấy một hình ảnh chính xác về những gì đã xảy ra ở trong rừng sâu. Tôi có thể đọc từng dòng từng chữ mà nhận ra những khuôn mặt của đồng đội."

Tuy thế, nhiều người cựu chiến binh thấy hình bóng mình trong Nỗi buồn chiến tranh *lại có phản ứng tiêu cực về cuốn sách. Mới đọc qua lần đầu, ngay cả Hùng cũng phản ứng: "Tôi rất giận Bảo Ninh," Hùng nói. "Tại sao Bảo Ninh lại viết như thế để cho mọi người thấy rõ bộ mặt trần truồng của chiến tranh?"*

Tác giả, lúc được phỏng vấn gần đây với sự trợ giúp của một người thông dịch, trong căn nhà nhỏ ẩm mốc ở ngoại ô Hà Nội, phát biểu là không muốn khuấy chuyện lên. "Tôi muốn viết một cuốn tiểu thuyết về thời chiến, về thế hệ tham chiến, thế hệ của tôi," Bảo Ninh nói. "Đó là thời trai trẻ của tôi." Bảo Ninh chỉ là bút hiệu, và đó là tên làng quê cha ở Quảng Trị.

Trong cuốn truyện, nhân vật chính cảm thấy bị thúc bách sáng tác khi nhìn thấy Việt Nam đang cuống cuồng chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh khác, đó là cuộc xâm lăng Kampuchia chống lại Pol Pot.

"Đến bao giờ lòng tôi mới thoát khỏi được sự kiềm toả của chiến tranh?" Bảo Ninh viết. "Những kỷ niệm dù vui hay buồn, chúng vẫn còn đó, 10, 20 năm, hay muôn đời." "Nhưng lòng tôi vẫn còn ngổn ngang trăm mối," ông nói tiếp. "Những năm

qua sống trong rừng đã giam hãm tôi."

Viết văn, như ông đã nói trong tác phẩm , "là bổn phận cuối cùng của một người chiến sĩ."

Bảo Ninh đăng lính năm 17 tuổi, vào Trung đoàn Thanh Niên Xung phong 27, nổi tiếng vì trong số 500 người ra đi chỉ còn 10 người sống sót khi chiến tranh chấm dứt vào năm 1975. Anh là một trong những người lính đã chiếm giữ căn cứ Tân sơn nhất ở Saigon khi thành phố này thất thủ.

Khoảng gần 2000 ấn bản in ra ở Việt Nam, nhưng còn có nhiều bản chụp lại và bán lẻ tẻ bên các lề đường. Khoảng hơn 70,000 cuốn bán ở Anh. Nhưng Bảo Ninh, năm nay 43 tuổi, xem ra chẳng giàu có gì. Anh sống với vợ và con trai 13 tuổi, vẫn trong căn nhà anh đã sống từ ngày thôi lính. Một khoảng tường trong căn chúng cư kê một dãy kệ sách tiếng Việt, tiếng Anh, mặc dù tác giả không nói được Anh ngữ. Căn phòng trống trốc, tường ẩm mốc. Anh nói trong mấy năm nay sống nhờ vợ là một cô giáo.

Cuốn tiểu thuyết của anh chỉ được xuất bản ở Việt Nam sau khi đồng ý đổi nhan thành Thân phận Tình Yêu, *kể chuyện một người lính trẻ tên Kiên, có nhiều dáng dấp của tác giả. "Chúng tôi giống nhau, vì tôi cũng là một người lính, và đã kinh qua những kinh nghiệm chiến tranh như Kiên," Bảo Ninh nói. Câu chuyện được thuật lại qua một loạt những hồi tưởng khi Kiên tìm cách ghi lên giấy những hải hùng của chiến tranh.*

"Chỉ có mấy ông tướng mới muốn nói chuyện thắng bại," Bảo Ninh nói. "Những người lính bình thường lại không thích những chuyện đó. Tôi chẳng thấy có gì vui sướng hay hãnh diện về cuộc chiến; cá nhân tôi, tôi chẳng có chút cảm nhận nào về chiến thắng. Tôi nghĩ là tôi đã đánh mất một thời trai trẻ."

Chính cái ý nghĩ mất mát và thất vọng với đời sống sau chiến tranh đã khiến tác phẩm này gây nhiều tranh cải ở Việt Nam, nơi mà nhà văn chỉ viết về những hành động can trường trong chiến tranh, về những nỗ lực tập thể lớn lao của nông dân đánh bại được một quân đội khổng lồ với kỹ thuật tân tiến. Nhưng chiến tranh dưới mắt Bảo Ninh lại rõ nét hơn, thực tế hơn, và buồn thảm hơn.

"Những ai sống sót thì vẫn tiếp tục sống," anh viết trong sách như thế. "Nhưng ý chí thì đã mất, thứ ý chí cháy bùng mà có thời đã cứu được nước nay không còn. Đâu là cái phần thưởng khai sáng chúng tôi sau khi đã đạt được những mục tiêu thần thánh của chiến tranh? Những nỗ lực đi làm lịch sử cho những thế hệ vĩ đại đó đã hoàn toàn vô ích. Có gì khác biệt giữa đời sống này, bây giờ, và những tàn bạo và tục tằn của cuộc đời chúng tôi đã sống qua trong chiến tranh đâu?"

Những câu hỏi đại loại như thế được rất nhiều cựu chiến binh bất mãn đặt ra, những người không chỉ tham dự chiến tranh trong một hay hai năm, mà đúng như lời Bảo Ninh, "cả một đời trai trẻ."

Con số những người như thế quả

không ít. Theo thống kê vừa công bố ở Việt Nam tháng trước, có khoảng 1.1 triệu lính chiến dấu trong hàng ngũ chính quy Bắc Việt hay du kích đã chết trong khoảng từ 1954 đến 1975, chống Pháp, chống Mỹ, chống Nam Việt Nam; hai triệu thường dân chết trong cùng thời kỳ đó, trong khi 600,000 chiến sĩ bị thương tích và 300,000 được ghi là mất tích. Chính phủ ghi nhận ít ra một nửa số người mất tích đó đã tìm được xác.

Ấn tượng thường có về Việt Nam ngày nay là một quốc gia đang trên đà thịnh vượng về kinh tế. Dầu vậy, đối với những cựu chiến binh, họ vẫn cảm thấy những năm tháng hy sinh không được đền bù. Nếu thật sự có một cuộc tái sinh về kinh tế mang lại sự giàu sang cho người Việt Nam thì những cựu chiến binh này cảm thấy họ đã bị bỏ rơi. Hội cựu chiến binh thành lập cách đây năm năm báo cáo rằng chỉ có khoảng 20% cựu chiến binh được cấp dưỡng.

Nguyên Dao Thanh, 84 tuổi, từng tham dự cuộc chiến chống Pháp, ngồi co ro trong một căn nhà nhỏ lạnh lẽo một ngày mùa đông trong cơn gió bấc thổi ào qua khung cửa sổ trống trải. "Tinh thần của thế hệ tôi lên rất cao khi quốc gia chống ngoại xâm để dành độc lập," ông nói. "Những gì chúng tôi hy sinh có xứng đáng không? Tôi không muốn phát biểu." Ông ngừng nói, ngón tay vuốt ngang qua bức ảnh của một người con trai, vẫn còn được xem là mất tích. Hai người con còn lại đều là cựu chiến binh, hiện đang thất nghiệp.

Bảo Ninh nói là anh không muốn nói thay cho một thế hệ của những người lính đã mất, nhưng nhìn một cách nào đó thì anh đã nói thay họ. Những cựu chiến binh như Nguyễn Ngọc Hùng, giám đốc trung tâm ngoại ngữ, nói rằng khi gặp lại những đồng đội cũ, ít khi họ nói chuyện chiến tranh. "Chúng tôi phải biết tránh né," Hùng nói.

Mặc dù Nỗi buồn chiến tranh *được bộ phận kiểm duyệt của nhà nước cho phép xuất bản, tác phẩm này cũng đã không mở đường được cho một loạt tác phẩm văn chương viết về chiến tranh. Bảo Ninh nói là anh đã không in được tác phẩm thứ hai viết về một nhà truyền đạo người Mỹ bị thất lạc trong chiến tranh bởi vì anh nói họ bảo là "chưa đến lúc."*

"Nếu xuất bản cuốn sách này ở đây chắc chắn sẽ bị rắc rối," anh nói thêm. ❑

bạn đọc ủng hộ
Văn Học

- bằng cách mua dài hạn,
- làm quà tặng trang nhã cho thân nhân, bạn hữu
- phổ biến, khuyến khích thân hữu mua dài hạn

giữa người đọc và người viết

Cảm nghĩ về bài: "Vài cảm nghĩ về Văn học hải ngoại" của Mai Kim Ngọc
Trần Bình Nam, Van Nuys, CA

Mới đây đọc bài **Vài cảm nghĩ về Văn Học Hải Ngoại** của Mai Kim Ngọc trên Văn Học số 109, tháng 5-1995 đánh dấu 20 năm ngày thành hình cộng đồng người Việt tại hải ngoại tôi không khỏi muốn thốt ra: *"Tôi mong ước được như vậy!"*

Bức tranh Văn Học Hải Ngoại của Mai Kim Ngọc vẽ ra lạc quan quá, đẹp quá và tôi ước gì dòng Văn Học Hải Ngoại sẽ chảy theo hướng đó.

Trước hết là một bài viết hấp dẫn. Bàn về văn học, nhất là Văn Học Hải Ngoại là đề tài dễ làm độc giả chán, nhất là những độc giả không sành văn chương như tôi, thế mà Mai Kim Ngọc đã làm tôi đọc bài văn một cách say mê không muốn bỏ dở nữa chừng.

Câu chuyện văn học được bắt đầu từ trại tị nạn Pendleton ở Nam California. Tại đó Mai Kim Ngọc đã phát hiện ra tác phẩm văn học đầu tiên, cũng có thể là chuyện cực ngắn hay nhất của người Việt hải ngoại: **"Mai em theo xe sponsor về Pennsylvania, tới được trại anh liên lạc ngay...K.L."** Chuyện ngắn đó trở thành ngay một chuyện dài hấp dẫn với đầy đủ tình tiết éo le trộn lẫn ái tình, mong đợi, lòng thương người và sự lường gạt, một bức tranh sinh động của cuộc sống.

Rồi Mai Kim Ngọc đưa chúng ta vào tư liệu của những ấn phẩm không thuộc lĩnh vực văn học nhưng cũng có thể kể là văn học nếu người viết biết dùng tài năng đưa tâm hồn mình nhìn vào cái cùng tận xinh đẹp của sự thật dù đó là khoa học tìm hiểu những hạt li ti kết thành vật chất hay cái bao la của vũ trụ co hay giản, cho đến cách trồng bông hay nghệ thuật kiếm giống hoa hiếm.

Sau đó Mai Kim Ngọc giới thiệu với chúng ta kho tư liệu

phong phú của hồi ký. Hồi ký là đề tài tủ của người Việt tị nạn. Chúng ta thấy hồi ký chiến tranh, hồi ký chính trị, hồi ký cải tạo... Mai Kim Ngọc không đánh giá cao các tư liệu hồi ký vì các hồi ký của chúng ta vẫn có khuynh hướng *"phải thuyết phục chính mình là số phận mình cuộc sống mình có đầu có đuôi, có truyền thống có cung cách"* nên không chứa được bao nhiêu sự thật. Nhưng Mai Kim Ngọc cho rằng chính ở chỗ *"khi loay hoay như vậy, họ vô tình ghi lại cho hậu thế những diện thâm sâu của nhân tâm khi đối phó với những bất an của quá khứ"* và vô tình đóng góp cho nền Văn Học Hải Ngoại.

Phần chính của cảm nghĩ Mai Kim Ngọc dành cho lĩnh vực có tính cách văn học thật sự. Và ở đây Mai Kim Ngọc nhìn khu vườn Văn Học Hải Ngoại một cách thật là dễ dãi. Theo Mai Kim Ngọc khu vườn Văn Học Hải Ngoại muôn màu muôn sắc nhờ kỹ thuật ấn loát dễ dàng, nhờ không khí tự do ngôn luận, và không có áp lực thị trường đối với người Việt viết văn. Anh kết luận, người cầm bút Việt Nam tự do hơn bất cứ người cầm bút tự do nào trên thế giới này.

Mai Kim Ngọc không hề nghĩ phải có khả năng tài chánh mới có thể xử dụng kỹ thuật in ấn tân tiến, và nếu không bị áp lực thị trường vì thị trường quá nhỏ thì thường người viết phải bỏ tiền túi để in "con đẻ của mình" ra cho ai đọc thì đọc. Người cầm bút hải ngoại quả có tự do như *"chưa bao giờ có người cầm bút tự do hơn..."* nhưng phải trả giá mới hưởng được sự tự do này.

Mai Kim Ngọc rất tin tưởng vào tương lai của nền Văn Học Hải Ngoại. Anh cho rằng 3 yếu tố âm làm cho sau 20 năm hải ngoại chưa đẻ được tác phẩm nào có tầm vóc quốc tế chỉ là hiện tượng nhất thời.

Yếu tố âm đầu tiên là thiếu vắng một sự phê bình văn học đứng đắn đối với nền Văn Học Hải Ngoại. Người trong nước phê bình Văn Học Hải Ngoại qua lăng kính chính trị nên thiếu vô tư. Người ngoài nước thì thường *"khen chê văn học theo những tiêu chuẩn không văn học."* Mai Kim Ngọc nêu ra những cụm từ phê bình chữ nhiều nói ít như *"đôn hậu, trong sáng, thân thương, dầy ắp tình người,"* khi người ta muốn tặng cho nhau những lời khen vô tội vạ, hoặc *"Nam tào, Bắc dẩu, Tolstoi hiện đại"* khi muốn người được bình văn bay bổng lên chín từng mây, hay *"thân phận con người, yêu thương đời sống không biết mệt mỏi..."* một mớ từ đã cũ trong phê bình văn học của tây phương.

Mai Kim Ngọc nghĩ hải ngoại không thiếu những cây bút có khả năng phê bình nghiêm chỉnh nhưng vì những lý do rất con người họ không thể thi hành chức năng phê bình. Tập thể văn nghệ sĩ ít quá, quen nhau quá nào ai xa lạ mà phê bình với chả phê bình. Ở đây Mai Kim Ngọc dễ dãi đến độ

anh đồng ý với thái độ này: Anh viết: *"Thật là rồ dại nếu chúng ta đánh đổi cái giao hảo vô cùng quý hóa ấy để tạo một truyền thống phê bình văn học dủ tiêu chuẩn của quy ước trường thi."*

Tôi không tin đó là lý do của sự thiếu vắng sự phê bình văn học tại hải ngoại hiện nay. Vì nếu thế thì lương tâm hay cao hơn là sự lương thiện của người cầm bút phải được đặt ra. Tôi nghĩ là do những lý do khác, thí dụ khiêm nhượng, nhưng không muốn lý do đó là chẳng có tác phẩm văn học nào đáng phê bình như một số người bi quan có thể nghĩ.

Nhưng Mai Kim Ngọc đã tìm ra phương thuốc chữa bệnh *"thiếu phê bình văn học"*. Anh viết: *"Không vướng lụy những thước tấc nhân tạo của lý thuyết phê bình văn học người đọc bình thường xem ra bắt được cái đẹp của một tác phẩm văn học và tâm đắc với tác giả dễ dàng hơn là một học giả uyên thâm."* Và Mai Kim Ngọc trấn an chúng ta: *"Độc giả ít khi lầm lẫn"*.

Mai Kim Ngọc coi đây là một may mắn. Nhưng có phải đó là một may mắn đặc thù của tình hình văn học hải ngoại hay chỉ là một hiện tượng phổ biến? Có thời đại văn học nào trong lịch sử nhân loại mà độc giả không là kẻ trọng tài cuối cùng?

Nhược điểm khác—do chính anh đưa ra—làm cho đến nay hải ngoại chưa có tác phẩm văn học lớn là *"ngôn ngữ của chúng ta là ngôn ngữ thiểu số"* thì Mai Kim Ngọc nghĩ chúng ta sẽ nhanh chóng vượt qua. Với sự tiến bộ của truyền thông hiện đại, cộng thêm tiến trình cởi mở chính trị trong nước theo quy luật, tác phẩm hải ngoại cũng sẽ là của chung của 70 triệu độc giả trong nước thì việc sản sinh một hay nhiều tác phẩm lớn tại hải ngoại sẽ là việc đương nhiên.

Để biện minh Mai Kim Ngọc dẫn chứng sự khác biệt của trường hợp tiếng Pháp tại Quebec, Gia Nã Đại và tiếng Việt của chúng ta ở hải ngoại. Mai Kim Ngọc cho rằng người Pháp tại Quebec đã không viết được tác phẩm lớn nào bằng tiếng Pháp vì họ sống xa quê hương từ nhiều thế kỷ trước nên tiếng Pháp của người Pháp Quebec chỉ còn là một thứ tiếng Pháp **"đông lạnh"**, còn Việt ngữ của chúng ta ngày nay có nhiều thuận lợi hơn.

Nhưng ở đây nếu chúng ta đồng ý rằng mấy thế kỷ trước tiếng Pháp Quebec bị địa lý và phương tiện giao thông khó khăn làm cho thui chột thì ngày nay không còn những trở lực đó nữa. Giao lưu văn hóa và ngôn ngữ giữa Quebec và Pháp quốc hiện nay dồi dào hơn giao lưu văn hóa và ngôn ngữ giữa người Việt trong và ngoài nước của chúng ta vì người Pháp ở Quebec cố tình nghiêng về cố quốc lấy sức mạnh văn hóa và yểm trợ chính trị cho cuộc tranh đấu đòi quyền tự trị trong khi người Việt ở hải ngoại vẫn còn một chút e dè nào đó khi nói đến chuyện giao lưu văn hóa.

Ngoài ra tiếng Pháp là ngôn ngữ của văn chương nên dù chúng ta có tự hào về ngôn ngữ đầy màu sắc của chúng ta bao nhiêu chúng ta cũng phải nhường bước cho Pháp ngữ trong lĩnh vực chuyên chở lời hay ý đẹp. Nói đến địa vị của Pháp ngữ trong nền văn học thế giới Việt ngữ không có chỗ để so sánh.

Thành ra nếu lấy thí dụ của Mai Kim Ngọc để so sánh thì để mà lo chứ không phải để lạc quan. Với những thuận lợi hiển nhiên như vậy mà văn sĩ dùng tiếng Pháp ở Quebec chưa cống hiến được một tác phẩm nào có tầm vóc quốc tế thì ước vọng các văn sĩ Việt Nam hải ngoại rồi ra sẽ vượt qua trở ngại **"ngôn ngữ thiểu số"** nhất thời để viết những tác phẩm lớn bằng Việt ngữ thì có lạc quan quá chăng? Trở ngại thứ ba là đề tài. Ở đây Mai Kim Ngọc tin rằng cái vòng phấn văn sĩ hải ngoại lẩn quẩn chạy trong đó trong hai thập niên qua nay sắp được phá vỡ.

Đề tài từng dùng để sáng tác là gì? Cơ nghiệp xưa, hoài bảo cũ, con đường mòn cuối phố, tô phở nóng, tách trà thơm là những đề tài phải khai thác ngay khi tâm hồn người cầm bút tị nạn còn đầy ắp những hình ảnh thân thương đó. Rồi những đề tài liên hệ đến đời sống dưới chế độ cộng sản, cảnh tan dàn lỡ nghé do sự lưu đày cải tạo trong xã hội cũng là những đề tài nóng hổi. Và còn nữa, các đề tài cười ra nước mắt của các anh tư bản đỏ thời đại đổi mới, chuyện Việt Kiều về nước vinh quy bái tổ... Nhưng cuối đường 20 năm, câu chuyện cũ nói mãi cũng nhàm tai, văn nghệ sĩ chợt cảm thấy một sự trống rỗng trước mắt. Cạn đề tài rồi. Sáng tác gì bây giờ để độc giả khỏi kêu lên **"biết rồi khổ lắm nói mãi"**?

Theo Mai Kim Ngọc nếu đề tài sáng tác là cuộc sống của con người thì không bao giờ cạn. Nếu có tài thì một vật vô tri cũng có thể là hứng khởi cho một bản văn đầy màu sắc hấp dẫn nói chi đến cuộc sống và nhân tâm muôn màu muôn vẻ. Mai Kim Ngọc dẫn chứng rằng nhiều thập niên trước đây tại quê nhà chúng ta đã có thể mê say với đời sống đồng quê của người da đen trong các tác phẩm của Mark Twain, với đời sống của những người da trắng nghèo ở vùng Salinas của John Steinbeck, với những mẩu đời sống quý tộc điểm dây đó trong truyện của Tolstoi thì tại sao chúng ta không thể rung động trước cảnh sống và con người ở những vùng đất chúng ta có 20 năm chung đụng.

Mai Kim Ngọc nghĩ rằng chúng ta chưa khai thác đề tài mới chỉ vì chúng ta còn mãi bận với cuộc sống nội tâm. Nếu vậy hết đề tài có thể là một hiện tượng tích cực vì nó sẽ đẩy cái nhìn của người nghệ sĩ vào những hướng mới gần con người và đời sống của con người với hằng trăm hằng nghìn đề tài hấp dẫn khác.

Và khi đã đi vào thế giới của cỏi nhân sinh thì con người đâu cũng là *"đầu đen máu đỏ"* mà phản ứng đối với ngoại cảnh trong đó có chính quyền, có chủ thuyết, có những sự ràng buộc rất tầm thường của cuộc sống cũng chỉ như nhau. Mai Kim Ngọc hy vọng rằng trong khung cảnh đó người văn sĩ hải ngoại sẽ thấy nhẹ nhỏm ít bị ràng buộc bởi nhị nguyên, đa nguyên hay quốc nội hải ngoại, chỉ còn con người là đối tượng để sáng tác.

Nhưng có thể dễ dàng như vậy không? Đề tài quả không thiếu nhưng chúng ta có đủ nhân tài để viết không? Hình như tôi thấy nhân tài hải ngoại càng ngày càng co lại. Cứ nhìn một số khuôn mặt lớn trên văn đàn quốc nội miền Nam trước năm 1975 đang sống tại hải ngoại chúng ta thấy vốn liếng văn học và trí tuệ của quý vị ấy dường như dần mai một như một cây đèn hết dầu vì tuổi tác và vì nghịch cảnh. Sức sống và suy tư ở đâu để khai thác những đề tài của cuộc sống?

Các văn sĩ bắt đầu nghiệp viết văn tại hải ngoại tuy có nhiều người có tài nhưng chưa đủ để vượt ra ngoài khuôn khổ bình thường.

Có hy vọng gì vào văn sĩ (người Mỹ, người Anh, người Pháp...) gốc Việt thế hệ tới không? Hình như khả năng Việt Ngữ của đa số con em chúng ta ở hải ngoại, nhất là lớp khi ra đến nước ngoài còn quá nhỏ hoặc sinh ra lớn lên tại nước ngoài càng lúc càng mai một. Đọc và nói tiếng Việt tạm nghe hiểu được là đã quá mừng và là một nỗ lực lớn của các vị phụ huynh nói chi đến viết đại tác phẩm bằng Việt Ngữ. Tôi tin vào dòng giống Việt cho nên cái ngày một văn sĩ gốc Việt nào đó sống ở nước ngoài sáng tác một tác phẩm lớn là chuyện sẽ xảy ra. Nhưng nếu **"diễn đạt tư tưởng bằng ngôn ngữ như theo một dòng nước chảy xuôi"** thì các văn sĩ gốc Việt sẽ dùng ngôn ngữ nơi quê hương sinh sống vì nó giúp cho tư tưởng của người văn sĩ được chảy xuôi dòng thay vì dùng Việt Ngữ để vừa viết vừa **"dấu tranh"** tìm chữ tìm lời.

Tôi thích bài viết của Mai Kim Ngọc ở chỗ lạc quan. Nhưng vấn đề đối với tôi về bài "Vài cảm nghĩ về Văn Học Hải Ngoại" của Mai Kim Ngọc cũng ở chỗ nó quá lạc quan.

Mai Kim Ngọc trả lời
Trần Bình Nam

*Cảm tạ ông Trần Bình Nam đã đọc kỹ tờ Văn Học nói chung và những cảm nghĩ của tôi về văn học hải ngoại nói riêng. Rõ ràng là chúng ta đồng ý với nhau về tình trạng ly nước nửa vơi nửa đầy. Khác nhau chăng là ở cái nhìn, **đầy hay vơi**, bi quan hay lạc quan.*

Nhưng tôi nghĩ dù bi quan hay lạc quan, chúng ta không thể ngã lòng. Tôi chắc Trần Bình Nam cũng đồng ý là chúng ta phải cố gắng đóng góp cho

nền văn học ấy được đầy hơn (hay ít với đi, nếu đối thế nhìn mà nói). Việc ông tham dự cuộc thảo luận này, mặc dầu những bận rộn quan trọng và không liên hệ đến văn học hàng ngày của ông, đã minh chứng điều đó.

Chỉ có điều không công bình, là tôi được ưu đãi hơn ông trong sự việc này: Làm chuyện gì với niềm lạc quan đã vừa vui vừa nhẹ, lại thích thú nữa. Còn nếu bi quan với việc mình làm mà vẫn phải làm, thì can trường và cô đơn quá... Mọi chuyện nghe khắc khổ như cuộc sống của người tử vì đạo...

Một điểm nhỏ tôi muốn nhấn mạnh với Trần Bình Nam, là tôi không nghĩ tất cả hồi ký đều xa sự thật. Tôi tin chắc là có nhiều pho hồi ký chính xác và chân thực như một pho sử, điều tôi đã viết ra giấy trắng mực đen.

Một điểm lớn hơn, tôi muốn nói thêm đôi lời, là Ngày mai và Hy Vọng. Ngày mai chưa đến, dù ngày mai xa hay ngày mai gần, và ta còn thì giờ để thay đổi nó. Và ta không có quyền tước đoạt đi cái hy vọng bản thể của tương lai.

Còn chuyện Hy Vọng, tôi muốn chia sẻ với Trần Bình Nam đoạn kết truyện "Quê Cũ" của Lỗ Tấn mà tôi còn nhớ đại ý. Tôi nghĩ đoạn kết ấy rất gần với câu chuyện chúng ta hôm nay: "Hy vọng không hẳn là có mà cũng không hẳn là không. Nó tựa như đường sá trên mặt đất. Khởi thủy làm gì có đường. Chỉ vì nhiều người tâm đắc cùng nhau đi qua, dẫm mãi rồi thành ra đường..."

Tất nhiên tâm đắc mà vẫn có thể bất đồng ý kiến. Chuyện vơi đầy của hai thế nhìn không hẳn đối nghịch chuyện cùng nhau nỗ lực và hy vọng một ngày mai tốt lành cho văn học...❐

ĐÍNH CHÍNH

Văn Học thành thật xin lỗi bạn đọc và tác giả Nguyễn Phùng đã có sơ sót đả tự trong "Điện đàm," Văn Học 109, trang 114, dòng cuối cùng, in là: *nguy*, xin đọc là: *nguyên văn*; trang 115, dòng đầu, in là *Ba*, đọc là *Ủa*.

CÙNG QUÝ VĂN HỮU GỞI BÀI CHO VĂN HỌC

Để giúp Văn Học tránh những sai sót về kỹ thuật, mong quý văn hữu gởi bài cho Văn Học theo các cách sau đây:

1. Nếu viết tay, xin viết thật rõ ràng

2. Nếu đánh máy, xin đánh dấu cẩn thận. Chữ nào in *nghiêng*, gạch dít một dòng, chữ nào in **đậm**, gạch dít hai dòng. (=)

3. Nếu dùng máy vi tính, xin gởi bài dưới dạng **ASCII (Text only)** cho DOS; và dạng **RTF (Rich Text Format)** nếu dùng Windows. Kèm theo bản in với cách trình bày theo ý tác giả.

Chân thành cảm ơn quý văn hữu.

TOÀ SOẠN VỚI BẠN ĐỌC

• Thư từ nhận được liên quan tới việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ:

Huỳnh thị Hạnh (Westminster CA, tặng báo cho Bích Đào); Hoàng Xuân Thanh (SF, CA); Tracy Le (El Monte, CA); Khoi N. Nguyen (Apple Valley, CA); Dao Tam (London, England); Nguyễn Thị Ngọc Chi (Tustin, CA), David Bùi (Garden Grove, CA, do N.T.N.C giới thiệu), Dặng Thị Loan Trang (Ventura, CA), Nguyễn Công Thuần (Vestal , NY); Minh N. Nguyen (Fairfax, VA), Westminster Branch Library (Westmisnter, CA) Fung The Ngo (Oakland, CA), Vo Van Dan (Vancouver, Canada); Dawson Subscription Service (Oregon, IL); Do xuan Truc (Tulsa, OK); Anh Ngoc Kim Nguye (Garden Grove, CA).

• *Nhắn tin chung*

Quí bạn gia hạn hoặc mua báo có yêu cầu tặng sách, tính đến ngày 20.5.95, tòa soạn đã gửi sách biếu. Trong trường hợp đến nay có bạn vẫn chưa nhận được sách biếu, xin tin cho Văn Học biết để chúng tôi gửi bù cuốn khác. Những sách mua, nhà xuất bản Văn Nghệ phụ trách gửi thẳng đến quí bạn.

• Thư từ liên quan đến bài vở nhận được trong tháng:

Khát nước gửi từ San Jose CA; Cố hương gửi từ Gennevilliers France; Trao nhau nụ hôn đầu gửi từ San Francisco CA; Cầu tre lắc lẻo gửi từ Canada; Tuyệt đỉnh hồng hoang, Khi mùa xa gởi từ Springfield, Virginia; Năm năm gửi từ Đức.

Văn Học cũng đã nhận được các câu trả lời phỏng vấn và thơ văn của các văn hữu sau đây: Trương Anh Thụy, Thế Uyên, Đỗ Tiến Đức

Tùy theo thứ tự thời gian nhận được hoặc tùy theo chủ đề, Văn Học sẽ lần lượt đăng tải ý kiến và văn thơ tiêu biểu của quí vị, từ nay đến cuối năm. Trong thời gian đó, Văn Học **tiếp tục phỏng vấn và nhận** những ý kiến của các văn hữu khác. Hy vọng sau cuộc phỏng vấn rộng rãi này, nhà xuất bản Văn Học sẽ tổng kết và xuất bản được một bộ sách đồ sộ về toàn cảnh của Văn học Việt Nam Hải ngoại.

Văn Học trân trọng cảm tạ sự đóng góp của quí văn hữu. Mong nhận được sự cộng tác thường xuyên của quí bạn.

Ba nhà xuất bản Văn Nghệ, An Tiêm và Thanh Văn có thiện ý biếu không hoặc bán với giá rẻ cho các độc giả Văn Học mới mua báo dài hạn hay gia hạn trong thời gian từ ***đầu tháng 2 cho đến cuối tháng 6 , 1995***. Sau đây là danh sách những cuốn sách biếu (có dấu hoa thị *) hoặc bán giá hạ (trừ 30%). Độc giả chọn một cuốn sách biếu, và ghi tên những cuốn mua thêm vào phiếu mua báo dài hạn gửi về toà soạn Văn Học. Ngay khi nhận được, chúng tôi sẽ gửi ngay báo, sách biếu và sách mua giá hạ cho quý vị theo bưu phí book rate hay surface.

SÁCH VĂN NGHỆ

001 ĐỜI VIẾT VĂN CỦA TÔI (hết, sẽ tái bản)
Hồi ký Nguyễn Hiến Lê

002 TÙY BÚT (tái bản) 15MK
Võ Phiến

003 TÙY BÚT II (hết) 15MK
Võ Phiến

004 MÙA BIỂN ĐỘNG I (đã in lại lần 5) 8MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác

005 MÙA BIỂN ĐỘNG II (đã in lại lần 3) 10MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác

006 MÙA BIỂN ĐỘNG III (đã in lại lần 1) 13MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác

007 MÙA BIỂN ĐỘNG IV (Bèo Giạt) 15MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác

008 MÙA BIỂN ĐỘNG V (THA HƯƠNG) 21MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác

009 20 NĂM VĂN HỌC MIỀN NAM (đã in lại lần 1) 14MK
Biên khảo Võ Phiến

010 KÝ THÁC (tái bản) 7MK
Tập truyện Bình Nguyên Lộc

011 THƠ HIỀN 6MK
Thơ Như Chi

*012 MƯỜI CÂU CHUYỆN VĂN CHƯƠNG 7MK
Tiểu luận văn học Nguyễn Hiến Lê

*013 HÓA RA NÉT CHỮ LÊN ĐÀNG QUẨN QUANH 6MK
Thơ Ngu Yên
*014 TRẦM MẶC CÂY RỪNG 6MK
Tập truyện Võ Hồng
015 HỢP LƯU 7MK
Truyện dài Hồ Trường An
016 MÙA HÈ, MỘT NƠI KHÁC 10MK
Tập truyện Phan Thị Trọng Tuyến
017 MỘT CHÚT RIÊNG TƯ (hết) 10MK
Tập truyện đầu tay Mai Kim Ngọc
018 NGỰA NẢN CHÂN BON (đã in lại lần 2) (hết) 9MK
Tập truyện Nguyễn Mộng Giác
019 TRUYỆN NGẮN I (hết)
Tập truyện Võ Phiến
020 TRUYỆN NGẮN II 14MK
Võ Phiến
021 ĐÊM DÀI MỘT ĐỜI 7MK
Truyện dài Lê Tất Điều
022 THƠ CAO TẦN 6MK
Thi tập Cao Tần
023 TẠP LUẬN (hết) 14MK
Võ Phiến
024 CUỐNG RÚN CHƯA LÌA (tái bản) 8MK
Tập truyện Bình Nguyên Lộc
*025 CON ĐƯỜNG THIÊN LÝ 9MK
Tiểu thuyết Nguyễn Hiến Lê
*026 VÒNG ĐAI XANH 8MK
Tiểu thuyết Ngô Thế Vinh
*027 TỰA ĐỀ Ở BÊN TRONG 8MK
Thơ Ngu Yên
028 XỨ SẤM SÉT 8MK
Tuyển tập Võ Đình
029 NỤ CƯỜI TRE TRÚC 11MK
Tập truyện Kiệt Tấn
030 YÊU CON, DẠY CON NÊN NGƯỜI VIỆT (hết)
Đỗ Quý Toàn
*031 CON SUỐI MÙA XUÂN 7MK
Tập truyện Võ Hồng

032 TÌM PHẬT Ở ĐÂU? (tái bản) 7MK
Minh Tâm
033 HOA BƯƠM BƯỚM 9MK
Tiểu thuyết Võ Hồng
034 MUÔN KIẾP CÔ LIÊU 14MK
Tiểu thuyết Mai Kim Ngọc
035 TIỂU THUYẾT II 15MK
Võ Phiến
036 TÙ NGỤC VÀ TÂM THỨC LƯU ĐÀY 6MK
Thơ Nguyễn Ngọc Thuận
*037 NƠI TRẠI TRÙNG GIỚI 10MK
Tuyển tập dịch Vũ Huy Quang
*038 KIẾP NGƯỜI 13MK
Tiểu thuyết W.S. Maugham, Nguyễn Hiến Lê dịch
*039 NHƯ CÁNH CHIM BAY 13MK
Tiểu thuyết Võ Hồng
040 HỒI KÍ TẬP I 14MK
Nguyễn Hiến Lê
041 HỒI KÍ TẬP II 15MK
Nguyễn Hiến Lê
042 HỒI KÍ TẬP III 9MK
Nguyễn Hiến Lê
*043 TÔI TẬP VIẾT TIẾNG VIỆT 7MK
Nguyễn Hiến Lê
044 LONG LANH HẠT BỤI 10MK
Tập truyện Nguyễn Thị Hoàng Bắc
045 TUYỂN TẬP 23 NGƯỜI VIẾT SAU 1975 (HẾT)
046 DÒNG CHỮ TÂM TÌNH (hết) 8MK
Tập truyện Ngô Nguyên Dũng
*047 CHINH PHỤ NGÂM VÀ TÂM THỨC
LÃNG MẠN CỦA KẺ LƯU ĐÀY 10MK
Lê Tuyên
048 TIẾNG KÈN 8MK
Tập truyện của Nhật Tiến
*049 NGÀY N+... 11MK
Hồi ký về cuộc di tản quốc lộ 7, Hoàng Khởi Phong

050 TIỂU LUẬN 14MK
Võ Phiến
051 NGUYỆT THỰC 7MK
Tập truyện Hồ Đình Nghiêm
052 TỐI THÁNG NĂM TẠI QUÁN ĂN ĐƯỜNG FIFTH (hết)
Tập truyện Nguyễn Ý Thuần
053 CHIẾC CẦU TRÊN SÔNG DRINA 14MK
Tiểu thuyết Ivo Andritch, Nguyễn Hiến Lê dịch
*054 ĐƯỜNG MỘT CHIỀU 7MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác
*055 Ý CAO TÌNH ĐẸP 8MK
Nguyễn Hiến Lê tuyển dịch
*056 YOGA CĂN BẢN 8MK
Võ Đình Mai
057 THẦN, NGƯỜI VÀ ĐẤT VIỆT 16MK
Khảo luận Tạ Chí Đại Trường
*058 CĂN NHÀ NGÓI ĐỎ 8MK
Nguyễn Xuân Hoàng
059 CÒ VÀ TUYẾT 8MK
Thơ Đỗ Quý Toàn
*060 BÀI HỌC CỦA LỊCH SỬ 8MK
Will và Ariel Durant Nguyễn Hiến Lê và Trần Lương Ngọc
*061 QUÊ HƯƠNG 8MK
Thơ tình Định Nguyên
062 THỀM HOANG 8MK
Truyện dài Nhật Tiến
*063 MỘT THUỞ LÀM "TRÙM" 8MK
Nguyễn Tấn Hưng
064 LỚP LỚP PHÙ SA I 13MK
Truyện dài Kiệt Tấn
*065 MỘT QUẢ CƯỜI MÙA XUÂN 7MK
Kiều Phong
066 GIÓ ĐÊM 7MK
Tập truyện Trần Thị Kim Lan
067 TẠP BÚT 16MK
Võ Phiến
068 NGHĨ VỀ THƠ 9MK
Biên khảo Nguyễn Hưng Quốc

069 HOA SEN TRÊN TUYẾT (tái bản) 8MK
Nguyên Phong phóng tác
070 ĐÓA SEN VÀ NỤ CƯỜI 12MK
Võ Đình kể chuyện và vẽ tranh
071 ÁNH SÁNG VÀ BÓNG TỐI (sắp hết) 23MK
Hồi ký của Hoàng Liên
*072 KHI NHỮNG LƯU DÂN TRỞ LẠI 7MK
Khảo luận văn học Nguyễn Văn Xuân
073 NGOÀI GIẤC NGỦ 11MK
Thơ Thường Quán
074 THUYỀN NHÂN 19MK
Tiểu thuyết Mai Kim Ngọc
075 VÀI CHÚ GIẢI VỀ THIỀN ĐỐN NGỘ 8MK
Nguyên Giác Phan Tấn Hải
076 TIỂU THUYẾT VÔ ĐỀ 12MK
Tác phẩm trong nước gởi ra của Dương Thu Hương
077 VĂN HỌC VIỆT NAM DƯỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN 16MK
Nguyễn Hưng Quốc
078 TRUYỆN THẬT NGẮN (hết) 6MK
Võ Phiến
079 NGỤ NGÔN 11MK
Giáo sư Đoàn Nhật Tấn
080 THƠ MIỀN NAM TẬP I (Văn học miền Nam) 6MK
Võ Phiến
081 SAO CÓ TIẾNG SÓNG... 13MK
Võ Đình
082 KINH DỊCH (sách viết sau 75, tái bản) 20MK
Nguyễn Hiến Lê
*083 HỠI ƠI (thơ 6MK
Ngu Yên (tập thơ thứ 3)
*084 KHỔNG TỬ (sách viết sau 75, mới in ở Mỹ) 12MK
Nguyễn Hiến Lê
085 TRUYỆN MIỀN NAM TẬP I 6MK
(trong bộ Văn học miền Nam), Võ Phiến
*086 ĐẶC KHẢO HOÀNG SA TRƯỜNG SA 12MK
Nhiều học giả
087 QUÊ 6MK
Tập truyện Võ Phiến

088 HỒ CHÍ MINH, NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ
MẶT TRẬN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM (tái bản lần 1)22MK
Hồ Sĩ Khuê

089 TỰ DO TRONG LƯU ĐÀY (tái bản lần 2) 14MK
Hồi ký đức Đạt Lai Lạt Ma Chân Huyền dịch, Chân Văn nhuận sắc

090 MINH TRIẾT TRONG ĐỜI SỐNG 12MK
Nguyên Phong dịch

091 CHUYỆN CỦA MỘT NGƯỜI DI CƯ
NHỨC ĐẦU VỪA PHẢI 10MK
Nguyễn Bá Trạc

092 LỊCH SỬ VĂN MINH TRUNG QUỐC 14MK
Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch

093 NƯỚC TÔI VÀ DÂN TÔI 13MK
Hồi ký của đức Đạt Lai Lạt Ma, Hồng Hà dịch

*094 ĐỜI NGHỆ SĨ 9MK
Nguyễn Hiến Lê

095 VIỆT NAM MÁU LỬA QUÊ HƯƠNG TÔI 32MK
Đỗ Mậu, tái bản lần 9

096 MÂY BÃO 12MK
Tiểu thuyết Ngô Thế Vinh, tái bản

097 VIẾT (sách mới) 10MK
Võ Phiến

098 ĐỐI THOẠI (sách mới) 8MK
Võ Phiến

099 KÝ BÚT KỊCH I (trong bộ Văn học miền Nam) 10MK
Võ Phiến

100 TRUYỆN MIỀN NAM II (trong bộ Văn học miền Nam) 10MK
Võ Phiến

101 SÀIGÒN TẠP PÍN LÙ (túc SàiGòn năm xưa II, III) 15MK
Vương Hồng Sển

102 LUẬN NGỮ 13MK
Nguyễn Hiến Lê

103 XUÔI DÒNG 7MK
Truyện ngắn Nguyễn Mộng Giác

SÁCH AN TIÊM, THANH VĂN

*PH 001 MỒ HÔI CỦA ĐÁ 8MK
Truyện dài Nhật Tiến

PH 002 LỊCH SỬ VĂN MINH ẤN ĐỘ 13MK
Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch

PH 003 MƯA 11MK
8 tác giả, Nguyễn Hiến Lê dịch

PH 004 ĐỌC KINH 6MK
Vũ Khắc Khoan

PH 005 HOÀNG TỬ BÉ SAINT EXUPERY 6MK
Bùi Giáng dịch

PH 006 SỢI CHỈ TRONG HỒN 13MK
Truyện dài Nguyễn Ý Thuần

PH 007 MÙI HƯƠNG XUÂN SẮC 6MK
Gérald de Nerval, Bùi Giáng dịch

PH 008 TỪ CHỐN LƯU ĐÀY 13MK
Tạp bút Hoàng Nguyên Nhuận

PH 009 NHÀ KHỔ HẠNH VÀ GÃ LANG THANG 15MK
Hermann Hess, Trí Hải, Vĩnh Bách và Lan Nhã dịch

PH 010 SÔNG CÔN MÙA LŨ I 18MK

PH 011 SÔNG CÔN MÙA LŨ II 20MK

PH 012 SÔNG CÔN MÙA LŨ III 20MK

PH 013 SÔNG CÔN MÙA LŨ IV 20MK
Trường thiên tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Mộng Giác

PH 014 THƯ GỞI NGƯỜI THI SĨ TRẺ TUỔI 6MK
Phạm Công Thiện dịch

PH 015 QUÊ HƯƠNG BẠN HỮU TỪ ĐÀY 10MK
Trần Dạ Từ

PH 016 THƠ TAGORE 8MK
(Lời Dâng, Tâm Tình Hiến Dâng, Tặng Vật), Đỗ Khánh Hoan dịch

PH 017 LỊCH SỬ NỘI CHIẾN Ở VIỆT NAM 15MK
Tạ Chí Đại Trường

PH 018 BA TRỤ THIỀN 20MK
Philip Kapleau, thiền sư người Mỹ Đỗ Đình Đồng dịch

PH 019 MỘT TRANG ĐỜI (tập truyện) 11MK
Phan Thị Trọng Tuyến

PH 020 NỬA ĐÊM SỰC TỈNH 9MK
Hồi ký những cuộc tình Lưu Trọng Lư
PH 021 NGHỀ LÀM VUA 12MK
Tiểu thuyết mới của Lệ Hằng
PH 022 TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI 14MK
Tiệp bút Đỗ Quý Toàn
PH 023 BỤI VÀ RÁC 13MK
Truyện dài Nguyễn Xuân Hoàng
PH 024 PHẬT HỌC KHÁI LUẬN 20MK
Biên khảo, Thích Chơn Thiện
PH 025 CÁT BỤI CHÂN AI 12MK
Hồi ký Tô Hoài
PH 026 QUYỂN TRUYỆN KHÔNG TÊN 7MK
Hồi ký Hồ Dzếnh
PH 027 QUÊ NGOẠI II 7MK
Thơ Hồ Dzếnh
PH 028 MỘT KHOẢNH VNCH NỐI DÀI 16MK
Hồi ký Tạ Chí Đại Trường
PH 029 PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO 12MK
Tarthang Tulku, Phạm Công Thiện dịch
PH 030 CUỐI ĐÊM DÀI 10MK
Truyện Nguyễn Thị Thanh Bình
PH 031 NHỮNG BÍ ẨN SAU CỖI CHẾT 16MK
Đoàn Văn Thông
*PH 032 HƯƠNG RỪNG CÀ MAU 8MK
Truyện Sơn Nam
PH 033 TIỂU THUYẾT I (Tập chót trong Võ Phiến Toàn Tập) 15MK
Võ Phiến
PH 034 TRĂNG HOÀNG CUNG 8MK
Truyện Phùng Quán
PH0035 VIỆT NAM NHÌN TỪ BÊN TRONG VÀ BÊN NGOÀI 15MK
Tạ Chí Đại Trường và Nguyễn Xuân Nghĩa
PH0036 BÊN LỞ BÊN BỜI
Nguyễn Thị Hoàng Bắc
PH0037 THÀNH PHỐ TRONG HỒI TƯỞNG 8MK
Tùy bút Trần Hồng Châu
PH038 NỬA KHUYA GIẤY TRẮNG 10MK
Thơ Trần Hồng Châu

HALFTONE • PMT • CÁC VIỆC VĂN PHÒNG • SÁCH VỞ BÁO CHÍ • THIỆP CƯỚI • THIỆP MỜI • DANH THIẾP • CÁC LOẠI NHÃN HIỆU • THỰC ĐƠN • FLYERS • LETTERHEADS • ENVELOPES • LAY OUT • DESIGN • TYPESETTING • CATALOGS

kim ấn quán

1528 S. La Cienega
Los Angeles, CA 90035
Phone: (310) 559-0413

- NƠI TIN CẬY NHỨT
- TRONG MỌI DỊCH VỤ ẤN LOÁT
- ĐEN TRẮNG, HAY NHIỀU MÀU

ĐẶC BIỆT VỀ SÁCH

In Sách • Đóng Sách Bằng Keo •
Đóng Sách Khâu Chỉ • Đóng Sách Bìa Cứng Mạ Vàng

Với 10 năm kinh nghiệm sẽ làm hài lòng quý vị về:

– Kỹ thuật ấn loát tân tiến
– Bảo đảm phẩm chất
– Tiêu chuẩn quốc tế
– Đúng hẹn, nhanh chóng

HALFTONE • PMT • CÁC VIỆC VĂN PHÒNG • SÁCH VỞ BÁO CHÍ • CATALOGS • TYPESETTING • LAY OUT • DESIGN

THIỆP CƯỚI • THIỆP MỜI • DANH THIẾP • CÁC LOẠI NHÃN HIỆU • THỰC ĐƠN • FLYERS • LETTERHEADS • ENVELOPES •

• DANH THIẾP • CÁC LOẠI NHÃN HIỆU • THỰC ĐƠN • FLYERS • LETTERHEADS • ENVELOPES •

Ngôi làng thế giới ngày càng thu nhỏ... trong khi thời gian trôi nhanh...

Một người Việt Nam tự do, đang ưu tư về bản thân, gia đình, cộng đồng và đất nước, muốn nắm bắt những vấn đề, muốn đi tìm những giải pháp về chính trị, kinh tế, xã hội, khoa học, văn hóa, nghệ thuật...

Phải tìm đọc

Tạp chí ra hàng tháng, phát hành khắp thế giới. Giá mỗi số $4.00 — mua dài hạn $40.00 một năm, gửi bulk-rate. Giá hạng nhất: trong nước Mỹ $52; Canada $58; Âu châu $76; Á, Úc $86.

Thư từ, tiền bạc, bài vở gửi về THẾ KỶ 21, PO BOX 2054-H39
WESTMINSTER CA 92684 USA.
Tòa soạn: 11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove CA 92640 USA.
Tel (714) 638-9510. Fax (714) 638-1944.
E-mail 75504.3510@compuserve.com

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____
Địa chỉ _____ Apt.____
Thành phố _____ Tiểu Bang _____ Zip _____
Quốc gia _____
Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn _____năm,
từ số _____tháng _____,gởi hạng _____

Tôi chọn sách tặng số____, sách mua số _____, giá tiền _____
Tổng cọng : Văn Học US$_____, Sách mua US$_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, đề trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:
Họ và tên _____
Địa chỉ _____ Apt.____
Thành phố _____ Tiểu bang _____ Zip _____

Người giới thiệu _____
Địa chỉ _____ Apt.____
Thành phố _____ Tiểu bang _____ Zip _____

Sau khi thân hữu trở thành độc giả dài hạn, tôi muốn nhận được sách tặng số_____.

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ
Hạng tư (Fourth Class)
Một năm .....US$42.00
Hạng nhất (First Class)
Một năm.....US$50.00

CANADA
Đường bộ (Surface)
Một Năm.....US$46.00
Máy Bay (Air Mail)
Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU
Đường thủy (Surface)
Một năm .....US$56.00
Máy bay (Air Mail)
Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY
US/ First Class/1 yr.....US$50.00
Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ,xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu đề trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

THANH VĂN
P.O.Box 411723
Los Angeles, CA 90041

ĐÃ IN

TỪ CHỐN LƯU ĐÀY
Hoàng Nguyên Nhuận - $13.00
ĐƯỜNG TU KHÔNG HAI
Minh Tâm - $8.00
BA TRỤ THIỀN
Philip Kapleau - Đỗ Đình Đồng dịch - $20.00
TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI
Đỗ Quý Toàn - $14.00
NGHỀ LÀM VUA
Lệ Hằng - $12.00
BỤI VÀ RÁC
Nguyễn Xuân Hoàng - $13.00
PHẬT HỌC KHÁI LUẬN
Thích Chơn Thiện - $20.00
NỬA KHUYA GIẤY TRẮNG
Trần Hồng Châu - $10.00
CÁT BỤI CHÂN AI
Tô Hoài - $12.00
QUYỂN TRUYỆN KHÔNG TÊN
Hồ Dzếnh - $7.00
QUÊ NGOẠI II-TIẾNG HÁT THIÊN NGA
Hồ Dzếnh - $7.00
HOA TẠNG TRẦM TƯ
Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng - $6.00
PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO
Tarthang Tulku - Phạm Công Thiện dịch - $12.00
MỘT KHOẢNH VIỆT NAM CỘNG HÒA NỐI DÀI
Tạ Chí Đại Trường - $16.00
MÂY TRẮNG THONG DONG
Huyền Không - $10.00
TRĂNG HOÀNG CUNG
Phùng Quán - $8.00

Sách có bán tại các tiệm sách
hoặc liên lạc:

VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel: (714)527-5761

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301, Westminster, CA 92683
Phone: (714) 527-5761

• Khác với bản của một nhà xuất bản tại hải ngoại đã chụp lại bản in trong nước, từng bị kiểm duyệt nhiều đoạn quan trọng. Được ủy quyền của nhà văn **Vương Hồng Sển**, HƠN NỬA ĐỜI HƯ do nhà Văn Nghệ phát hành có đầy đủ những đoạn trên. Giá 20MK. Ngoài Hoa Kỳ 23MK

• Chào mừng nhà văn **Doãn Quốc Sỹ** vừa đến định cư tại Hoa Kỳ, độc giả hãy tìm đọc ba tác phẩm mới nhất của ông:

• NGƯỜI VÁI TỨ PHƯƠNG. Đem nhân ái hóa giải tham tàn, nhà văn **Doãn Quốc Sỹ** vẫn giữ nguyên tâm hồn than thản và đôn hậu qua tác phẩm này. Giá 10MK. Ngoài Hoa Kỳ 11MK

• DẤU CHÂN CÁT XÓA. Ngời ngời cái đẹp của thiên nhiên, của tình người, của kiến thiết, của nghệ thuật, của lý tưởng. Giá 9MK. Ngoài Hoa Kỳ 10MK

• MÌNH LẠI SOI MÌNH. Sau những năm tù tội, **Doãn Quốc Sỹ** "mình lại soi mình" qua bốn trăm trang sách. Trung thực, dạt dào tình cảm, bất ngát yêu thương. Giá 16MK. Ngoài Hoa Kỳ 18MK

Giá:$4.00